

Thư Quán

B ả n t h ả o

Chủ đề:
Tuyển tập thơ văn

Giới thiệu 3 người viết cũ với những
sáng tác hôm qua (trước 1975) và bây giờ

Trần Huyền Ân
Mang Viên Long
Cao Thoại Châu

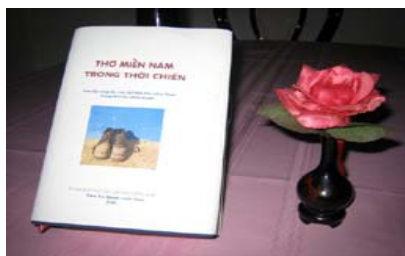
Nguyễn Tuyết Nhung : trò chuyện với một
nhà văn trong nước (trang 66)

Sưu tập
Con Đuông & Lục bát Cung Trầm Tưởng
Một số bài lục bát say của Hoàng Hương Trang



Truyện: Thảo Trường, Lê Tạ Bích Đào,
Nguyễn Đặng Mừng, Trang Luân, Nguyễn Lệ Uyên
Đọc sách: Mưa Trên sông Dakbla

Tập 30 năm thứ 7 tháng 1-2008



Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến Tập I
Từ một Blog Mạng trong nước

Tủ sách Di Sản văn chương miền Nam:

- **Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến tập I và II.** Tổng cộng 1600 trang với trên 400 tác giả. Giá mỗi tập \$35.
 - **Một Thời Lục Bát Miền Nam (1960-1975).** Những bài lục bát được sưu tầm từ các thư viện đại học Mỹ, từ thân hữu, và từ vỉa hè chợ sách cũ ở Saigon. Sẽ hoàn tất vào cuối tháng 2-2008.
- Bản bìa mềm (softcover): \$20. Bìa cứng (hardcover): \$30
(bao gồm luôn cước phí)

Quà Tết văn học do Thư Ấn Quán xuất bản và biếu tặng:

- *Thơ Vũ Hữu Định toàn tập, thêm nhiều bài mới sưu tập (khoảng 180 bài- so với tập thơ VHĐ xuất bản trong nước chỉ 40 bài)-*
- *Ô Cửa thơ Trần Hoài Thư*
- *Thơ Hoài Khanh (Hương sắc mong manh, thân phận, lục bát)*
- *Thơ Nguyễn Bắc Sơn (Chiến tranh VN và tôi)*
- *Nghề Thầy, tản văn của Cao Vị Khanh*
- *Hành trình của một cô trắng, truyện vừa của Trần Hoài Thư*
- *Trên đôi lá lô cốt – tập truyện của Lữ Kiều*
- *Đan Tâm – thơ Phạm Ngọc Lư*
- *Thơ Khê Kinh Kha*
- *Thư quan bản thảo (từ số 1 đến bây giờ)*

Sách chỉ dành biếu tặng. Nếu muốn ủng hộ, chỉ xin được ủng hộ tem thư hoặc bao thư đồ lì xì tiền phí tổn cước phí.

Đ/C: Thư Ấn Quán, PO Box 58 South Bound Brook, NJ 08880

Thư Quán Bản Thảo
Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật

Thư Quán Bản Thảo
TẬP BA MƯƠI, THÁNG GIÊNG, NĂM 2008

Trong số này:

Viết chung/5.

Giới thiệu những người viết cũ: Mang Viên Long/34 Trò chuyện với Mang Viên Long/64. Trần Huyền Ân/71. Cao Thoại Châu/ 87.

Thơ sáng tác:/93:

Hải Phương, Hoàng Ngọc Châu, ViệiTĩnh, Nguyễn Dương Quang, Tô Mặc Giang, Trần Thế Phong.

Truyện ngắn:

Gió bay xa (nguyễn lệ uyên)/103. Mưa Hoài Như Rứa (Nguyễn Đăng Mừng)/112. Cái Lông Nhím (Lê Tạ Bích Đào)/123. Bến Bờ Đợi Mong (Trang Luân)/135. Những cánh hoa trắng trên cây khô (Thảo Trường)/145.

Thơ sáng tác:/169

Trần yên Hòa, Uyên Hà, Ý Yên, Phương Tấn, Hạ Đình Thao, Võ Công Liêm, Nguyễn Đức Nhơn, Nguyễn Văn Ngọc, Trần Bang Thạch, Vương Thúy Tùng, Khê Kinh Kha, Cao Vị Khanh, Trần Hoài Thu

Bút ký:

Về xứ hoa đào (Đỗ Hồng Ngọc)/183

Đọc sách:

Mưa trên sông Dakbla (Lê văn Thiện)/193

Sưu Tập:

Con Đuông và lục bát Cung Trầm Tưởng /199

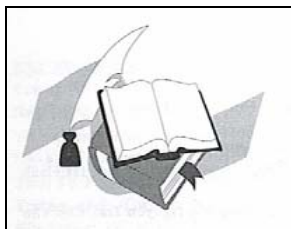
Thơ Cung Trầm Tưởng – Hoàng Hương Trang /205

Giữa TQBT và bạn đọc/209

TQBT 31 phát hành vào 4-2008. Qua địa chỉ:

Phamvannhan1942@yahoo.com

tranhoaithu@verizon.net



VIẾT CHUNG
TRẦN HOÀI THU* PHẠM VĂN NHÀN* NG~ *
TRẦN BANG THẠCH* CAO VỊ KHANH*

Tâm sự với NG~

Phạm Văn Nhân

1/ Ngược dòng

Chuyện làm chơi mà thật!

Mới đó mà đã 8 năm. Tháng Giêng 2008, tạp chí TQBT phát hành đến số 30.

29 số, đi hết đoạn đường dài 8 năm, đối với anh em chủ trương là một...cố gắng!

Cố gắng để duy trì và tiếp tục đóng góp để tạo nên một dòng văn học tự do, không những nối dài sau 1975 ở hải ngoại; mà còn duy trì để làm sống lại nguồn văn học trước 1975 qua những số chủ đề.

Phải nói TQBT làm được và vẫn sống được qua năm thứ 8 là nhờ bạn bè và độc giả ủng hộ trên tinh thần. Những cây viết cũ và mới đến càng ngày càng nhiều hơn, đông vui hơn, phong phú hơn. Không phải như một hai số đầu tiên chúng tôi bắt tay thực hiện.

Nhìn lại 29 số. Nhìn lại 8 năm đã đi qua. Những số chủ đề về những cây bút cũ dù gì cũng gây được nhiều cảm tình đến từ độc giả. Những điện thư gửi đến chúng tôi bằng những lời tốt đẹp, đã gây cho chúng tôi một niềm khích lệ lớn lao để TQBT tiếp tục cho nhiều số tới nữa.

Với số 30, và những số sau này, ngoài những số chủ đề ra, TQBT sẽ tìm kiếm và giới thiệu những cây viết cũ trước 1975, còn trong nước hay ngoài nước. Để cho chúng ta có cái nhìn về họ.

Theo như nhà văn Trần Hoài Thư đề nghị với tôi, mỗi số chúng ta nên giới thiệu từ 2 đến 3 người. Gồm một bài viết cũ (thơ hay văn) và một bài viết mới sau 1975(thơ hay văn). Kèm theo một tấm hình của tác giả (nếu có).

Đề nghị đó của anh THT thật ...khó!

Nhưng lại là một đề nghị rất hay.

Và TQBT bắt đầu thực hiện từ số 30 này.

Số 30 hôm nay, chúng tôi giới thiệu 3 người cầm bút cũ thành danh trước 1975.

Đó là: **nhà văn Mang Viên Long, nhà thơ Cao Thoại Châu, nhà thơ (văn) Trần Huyền Ân.**

Và, những số kế tiếp, chúng tôi cố gắng giới thiệu nhiều người viết cũ nữa...Nhưng không biết ..sẽ có đủ tư liệu (văn hay thơ cũ) mà chúng tôi tìm kiếm được không? Nhưng dù gì cũng phải cố gắng. Bởi, những người cầm bút cũ, tôi nghĩ, cần vinh danh họ. Dầu gì họ cũng đã đóng góp một phần tạo dựng nên một dòng văn học rất nhân bản ở miền nam trước 1975; mà hôm nay, phải nói khó mà tìm kiếm lại những sáng tác ấy. Nhất là những sáng tác của những người cầm bút lớn lên từ cuộc chiến!

Như trong dòng văn học cũ ấy (thơ, văn), tưởng rằng đã bị bỏ quên trong cuộc sống hôm nay. Nhiều người cứ nghĩ rằng những bài thơ ấy chẳng còn đâu để tìm đọc. Cũng như những tác giả của những bài thơ cũ nhiều độc giả cũng chẳng còn nhớ đến tên....Thế mà, những bài thơ cũ, những tác giả cũ vẫn còn đó. Trong tập: **Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến Tập II**, dày 740 trang, sưu tầm hơn 200 nhà thơ nữa. Phát hành vào tháng 10 năm 2007. Như vậy, tập I + tập II gồm gần 500 nhà thơ. Cả hai tập thơ đều làm bìa cứng, trang trọng.

Với tập II này, chúng tôi đã chuyển về cho các bạn trong nước. Một khách lệ rất lớn lao khi có điện thư của bạn bè phản hồi: *“một công trình đồ sộ về cả hai mặt hình thức và nội dung. Ở Việt nam nó là một hiện tượng văn học, nhất là trong giới viết lách kể cả hai thế hệ trước và sau 1975).* Trích lại từ bìa sau của tập II.

Và cũng vừa rồi, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc (nhà thơ Đỗ

Nghe) có về Phan Thiết, lên nhà chị tôi thấp nhang cho anh Từ Thế Mộng và thấy tập thơ: Miền Nam Trong Thời Chiến tập I để trên bàn thờ. Trong điện thư, anh viết: *Tập Thơ là cả một công trình*. Tôi vui và gọi điện cho anh THT để chia sẻ. Làm một việc gì đó, có sự phản hồi là vui lắm rồi. đồng thời cũng cảm ơn anh đã gởi ra cho chúng tôi một bài anh mới viết khi qua Nhật. TQBT đi trong sổ này.

Hơn 40 năm sau:

Một điều rất thú vị đối với tôi là hơn 40 năm mới có dịp nói chuyện lại với một người bạn cũ. Nhà thơ Hoàng Ngọc Châu (Hoàng Thị Thủy Tiên- Hoàng Gỗ Quý). Nói chuyện được với anh là nhờ anh NG~ cho số điện thoại, sau lần NG~ đi dự đám cưới con gái nhà văn Nguyễn Lê Uyên ở Sài Gòn. Tôi gọi thăm Hoàng Ngọc Châu vào lúc 7 giờ sáng giờ VN(7 giờ tối giờ Texas).

Trước hỏi thăm về tình hình gia đình, sức khỏe và lựt lội. Anh cười cho biết ở Lâm Đồng làm sao nước lên nổi mà lựt. Lo là lo cho lão Nguyễn Lê Uyên đang sống trong màn trời chiếu đất ở Tuy Hòa. Còn về gia đình anh đã có 8 con. Trời đất, chi mà nhiều dữ rứa.

Chuyện cũ nhắc lại thật vui, khi ấy còn ở Qui Nhơn. Độc than vui tính. Những ngày không bận việc quân, tới chỗ anh làm rủ nhau đến quán cà phê ở trên đường Lê Lợi (quán Dung), chuyện văn chương văn nghệ rom rã. Vẫn cái giọng Huế ngày nào, nhỏ nhẹ HNC hỏi thăm Trần Hoài Thư, Phạm cao Hoàng... Sau 1968, tôi ra khỏi Qui Nhơn và anh cũng bỏ Qui Nhơn vào Sài Gòn. Kể cả THT và PCH cũng vậy. Qui Nhơn không còn là nơi để cho chúng tôi gặp nhau cả kê “văn gừng, văn nghệ”.

Và, một thú vị nữa khi nghe anh nói là TQBT đang ở trước mặt anh. Anh nói: buổi sang đọc TQBT trong cái lạnh của núi rừng Lâm Đồng thật thú vị khi đọc lại những sáng tác của những bạn bè mà lâu anh không gặp. Chỉ tiếc

là không có mấy “cậu”. Bảo THT và cậu về đi. Tôi lo từ A đến Z. Sướng nhỉ? Nhưng trước hết, tôi rất vui là nhận thêm của HNC hơn chục bài thơ mà anh làm ở Lâm Đồng.

2/ **Đính chánh**

Trong TQBT số 29. Phần "Viết Chung". Chuyện Cà Kê...Phương Nam Hành của bạn tôi, anh NG~ viết ở phần 4 có một sự nhầm lẫn. Đoạn văn mà NG~ viết. Xin trích:

"...Cái số của ông Nguyễn Quốc Thái rất chi là không may, luôn chịu tai tiếng với đời. Đời thường lẫn đời văn. Năm xưa khi ông còn làm tờ Trình Bày đã bị nhiều anh chỉ chỏ. Rồi chuân chuyên qua một đoạn dài 30 năm lẫn lộn, cái chất nghệ sĩ bỗng nổi dậy, bèn đứng ra tái bản mấy tập truyện của Dương Nghiễm Mậu: Nhan Sắc, Đôi Mắt Trên Trời...Độc giả Bắc, độc giả Nam hoan nghênh. Riêng cái anh Lùn Cạnh Nhà Thờ Đức Bà lại mượn tên, núp bóng phan cho DNM một trận toi bời, rằng đó là đồ rác rưởi, là văn chương nô dịch, phản động, đòi truy, y như hồi ông cầm cây bút thúi viết về một tập dầy Những Tên Biệt Kích Văn Nghệ để mạt sát tất cả những người cầm bút miền Nam trước năm 1975.....

*Chả trách chi hồi đó, sau khi anh Lùn viết loạt bài phê phán tập thơ Vào Đời của Trần Thanh Hiệp, bị Viên Linh đấu lại bằng cái “tít” nghe thật đã đời trên **tuần báo Văn Nghệ** “Anh Lùn Cạnh Nhà Thờ Đức Bà”.*

Bạn NG~ ơi, bài viết của bạn, độc giả TQBT khoái lắm. Lỗi văn “tưng từng” ấy của bạn như ngày nào, hơn ba mươi năm rồi mà vẫn còn nhiều người hâm mộ. Có điều, có lẽ bạn quên, từ năm 1966 cho đến hôm nay (tháng 10-2007) đã là 41 năm làm sao nhớ hết bài viết của anh Viên Linh đi trên báo nào. Nhưng bạn vẫn còn nhớ tựa và nội dung bài viết ấy, tôi phục bạn lắm. Nhắc lại cho bạn nhớ, năm đó (1966) nhà thơ Viên Linh làm Tổng Thư Ký

Tuần Báo Nghệ Thuật có viết bài :”Anh Lùn Tại Nhà Thờ Đức Bà” viết về một “cán bộ ngành văn” Vũ Hạnh như bạn đã viết. Bài viết này anh VL đi trên **tuần báo Nghệ Thuật không phải trên tuần báo Văn Nghệ**. Và cô Nguyễn Tà Cúc có cho đi lại trong mục Người Và Việc trên tờ Khởi Hành số 129 tháng 7 năm 2007. Phát hành tại Hoa kỳ.

TQBT xin thay mặt bạn để Đính Chánh lại với anh Viên Linh. Và chúng tôi xin lỗi với anh và độc giả.

Lại cũng có một sự nhầm lẫn nữa khi đánh tên tác giả của bài thơ **Khúc Tình Cũ, Tháng ba** (trang 168- TQBT 29) của nhà thơ NGUYỄN VĂN NGỌC, chúng tôi lại đánh máy nhầm thành NGUYỄN LƯƠNG NGỌC. Xin thành thật xin lỗi nhà thơ.

Lại nữa, những bài đi trên TQBT là thường do các bạn gửi đến qua email. Chúng tôi ít khi đánh máy lại trên bản viết tay. Do đó, các bạn gửi sao chúng tôi đi như vậy- nếu thấy bài viết đo hay- chứ chúng tôi không sửa hay thay đổi chữ trong bài viết . Như bài thơ của người bạn thơ Uyên Hà (trong nước). Bài: **Thềm Về**, trang 208. Câu: *Về rồi phát cỏ cào gai / Áo em lót ổ đêm dài ôm mê.*

Sau khi TQBT phát hành và đến tay người bạn, nhà thơ Uyên Hà có gửi điện thư cho tôi và xin đính chánh trong câu hai, chỉ sai một chữ. **Áo em** lót ổ đêm dài ôm mê. Thành **Ấm em** lót ổ đêm dài ôm mê.

TQBT tôn trọng ý của các bạn và xin đính chánh lại với độc giả.

(viết thêm) Chúng tôi cũng đã xem lại bài thơ của Uyên Hà trong files lưu trữ của chúng tôi vẫn thấy chữ **ÁO** chứ không phải **ẤM** như bạn email cho tôi. Chúc bạn vui với công tác ở phía nam các quần đảo Thái Bình Dương.

3/ Nhận sách

Trong tháng 11 -2007, chúng tôi nhận được sách do bạn bè tặng.

* Tập truyện ngắn: **Quê** của nhà văn Lê Văn Thiện (trong nước). Do nhà xuất bản Văn Nghệ. Tp/HCM phát hành. Bìa do Lê Ký Thương trình bày. Quê gồm 16 truyện ngắn. Lối viết của Thiện chân chất, nhẹ nhàng. Những nhân vật trong truyện mà anh lấy bối cảnh chung quang cuộc sống nơi anh ở. Giản dị. Nhưng đọc kỹ từng truyện một ta thấy lối viết của Thiện làm người đọc thích thú, gây một ấn tượng lạ bởi những con người có đời sống rất giản dị...nhưng rất hay dưới ngòi bút của Thiện. Cũng như ngày xưa, trước 1975, Thiện xuất bản 2 tác phẩm:

- Một cách buồn phiền (1969)

- Không như ngày xưa(1971)

TQBT sẽ giới thiệu tập truyện này sau.

* Tập thơ: **Rừng Cao** của anh Trần Huyền Ân (trong nước). Tập thơ do nhà xuất bản Thanh Niên Hà Nội phát hành năm 2007. Gồm 41 bài.. Đây là tác phẩm thứ 14 của anh. Trước 1975 anh có xuất bản 2 tập:

- Thuyền Giấy- tập thơ- Bách Khoa (1967)

- Năm năm dòng thơ –tập thơ- tác giả xuất bản (1973)

Ngoài làm thơ , viết văn ra, anh còn viết biên khảo.

* Tạp chí **Chỗ Chúng ta**: tạp chí văn học số 1, do những nhà thơ, nhà văn ở vùng Tây Bắc Hoa Kỳ (Seattle) chủ trương. Phổ biến hạn chế. Không thấy ghi giá bán.

* Tập thơ: **Hương Áo** của nhà thơ Luân Tâm. Không thấy ghi giá bán. Dày 361 trang. Được biết nhà thơ Luân Tâm tên thật là Phan văn Tám. Tốt nghiệp Đại học văn Khoa, Học viện QGHC Sài Gòn. Cựu công chức chính phủ VNCH. Tháng 4-1975 đi cải tạo và năm 1994 định cư tại Hoa Kỳ.

Hương Áo là tập thơ đầu tay của anh phát hành năm 2007.

Cà Kê... Ba Mươi

NG~

Như vậy đến nay Ba Mươi số TQBT đã đến tay bạn đọc. Nhìn lại chặng đường đã qua, chưa thể nói là hoàn mỹ, nhưng dấu sao đó cũng là mảnh đất để chúng ta có thể viết những điều mình muốn viết, nói những điều mình muốn nói. Một sân chơi văn chương lành mạnh, không có rào cản, không có hoan hô đả đảo, không có lừa mị, dối trá. Văn chương thênh thang trăm ngả để người cầm bút tự tra vấn và tự trả lời trước cuộc sống. Ba Mươi số đang có trong tay các bạn chưa có bài thơ nào như những bài vè, chưa có truyện ngắn nào như bản báo cáo tổng kết năm. Các nhà văn nhà thơ đến với TQBT có sự sáng tạo trong thể giới riêng tư của chính mình chứ không bị cầm tay chỉ lối. Dòng văn học ấy cứ như “Con Suối Mùa Xuân” tự do băng qua những cánh rừng đại ngàn, vượt qua những đồi thác gập ghềnh, xuôi xuống đồng bằng mượt mà tươi tốt tạo nên điều mà cụ Phan Khôi gọi là “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Chưa thấy trên những con suối đó có những cọc nhọn đâm xuống, những mảnh lưới chắn ngang rào cản!

May mắn thay vẫn còn có một dòng văn học hải ngoại thênh thang như vậy.

Nói như vậy để thấy “tội nghiệp” cho số phận những người cầm bút trong nước, đặc biệt là những người trước năm 75 (báo chí đã nói nhiều về điều này, nhưng nay có nhắc lại cũng không thừa), vì mới đây, sau khi tạp chí Người Đương Thời (xb Sài Gòn) số 17 vừa phát hành thì có một quan chức ở tỉnh P. Tới tập gọi điện thoại vào tòa soạn than phiền về một đoạn viết ngắn của nhà văn ĐVH trong chuyên đề văn học có tựa đề *Chức năng của nghệ thuật là tra vấn và trả lời*. Xin được trích nguyên văn:

Nói đến văn chương là nói đến cái đẹp, và cái đẹp đã làm cho thế giới xích lại gần nhau hơn như cách nói của Dostoievsky: cái đẹp sẽ cứu chuộc lấy thế gian này. Để đến được với cái đẹp và mang cái đẹp ấy đến cho mọi người, trước hết nhà văn cần có những cảm thụ chân thật. Nhưng đôi khi thật với lòng, cười khóc với đời hết mình, nhìn thấu những điều người khác chưa thấy để phơi bày lên trang sách thì lại trở thành một thứ tội nợ. Giống như trước đây Vòng Trăng của Phạm Tiến Duật, rồi Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh ở Hà Nội; gần đây có Cảnh Đồng Bất Tận của Nguyễn Ngọc Tư ở Cà Mau hay Bài Hát Ngày Về, Ngọn Cỏ Tịch Điền của Trần Huyền Ân ở Phú Yên... đã từng bị chặt câu bẻ chữ và qui chụp một cách khá thô bạo.

Và cứ theo như ý của họ, thì chẳng mấy chốc văn chương sẽ trở thành những bài về, bài tấu hay bản báo cáo công tác năm.

Alein Robbe Grillet (nhà văn Pháp) cho rằng: chức năng của nghệ thuật là mang đến cho thế giới một số tra vấn và cũng có thể một số trả lời. Đó cũng là thiên chức của nhà văn. Nếu như cứ cố tình không để họ tra vấn và trả lời thì những tác phẩm của họ chẳng mấy chốc từ những bông hồng tươi đẹp sẽ trở thành những chùm bông bồ xít nở kín gò!

Ông quan chức cấp cao của tỉnh P. than phiền những gì? Rằng thì là chế độ đầu ngăn cấm điều này nọ, không để họ tự do sáng tạo; đánh giá và nhìn lệch lạc về một tác phẩm văn học; làm gì có chuyện qui chụp; rằng người viết mẫu ngắn trên cho rằng “chúng tôi” đã biến những bông hồng của họ thành loại bông bồ xít hôi hám... Trước đây cũng đã từng có bài viết biểu riếu “chúng tôi” là những người “đầu nhỏ mỏ to” trong bài “văn hóa đọc” của anh ta?

Cái tên nào viết mẫu ngắn trích dẫn trên đây, hẳn cũng có lý chứ sao không?

Xin được dài dòng: nội dung Cảnh Đồng Bất Tận có gì để

ông PGD sở VH TT Cà Mau (học vị thạc sĩ) lên tiếng “mạt sát” một cách thiếu học như vậy? Chẳng lẽ, một tác phẩm văn học không được quyền đề cập bất cứ điều gì ngoài gương NGƯỜI TỐT VIỆC TỐT? Những người làm công tác tư tưởng văn hóa ở xứ này luôn miệng nói tự do... nhưng mỗi khi người cầm bút viết những điều họ không vừa ý thì lập tức bị chụp mũ, bị lên án!

Hai bài thơ của Trần Huyền Ân (báo Thanh Niên và tạp chí Thơ của Hội NVVN đã đăng) khi xuất hiện trên tạp chí văn nghệ địa phương P. liền bị các quan chức, cán bộ lão thành cách mạng xúm vào đàn vạc, cho rằng đó là hai bài thơ cực kỳ phản động?

À há, mới hay ra người cầm bút trong nước, mà nhất là các địa phương khi viết thì chớ có dại mà “tra hỏi rồi tự trả lời”. Chức năng đó là của công tác văn hóa tư tưởng, người cầm bút chỉ biết viết làm sao suôn đuột như ông thôi lửa là HAY rồi, cao cấp hơn, cứ xung tưng, tô vẽ thì càng hay gấp trăm lần vì có nhiều tính... trong sáng tác!

Một đất nước có nền kinh tế phát triển nhất, tự do hằm bà lằng nhất như Mỹ không có những khu ổ chuột, không có trộm cướp, không có những điều xấu xa tệ hại sao? Henry Miller đã từng viết những gì nhỉ? V. Hugo vẽ vờ những gì trong tác phẩm của ông nhỉ? Không, vì hai ông này sống ở Pháp và Mỹ, chứ nếu ở VN chắc hẳn không tránh khỏi số phận của những Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... chứ nói chi đến văn hào?

Thêm rằng: trong một chuyến bay, ngồi gần một anh Tây bụi đời, hẳn nói: nước mày có một bề dày lịch sử bi hùng như vậy, tại sao không có một tác phẩm lớn? Tôi nổi khùng văng tục: mỗ dài, bụng to mà không có đầu! Hẳn hỏi: Con gì vậy? Trả lời: con Khế! Là con gì? Là cầm bút mà được trả lương, xừ tao gọi là công chức văn nghệ, còn đám ngồi trên đầu gọi là quan văn nghệ, hiểu chưa, đồ ngu? Bao nhiêu đó đủ lớn rồi!

Tình đồng Hương trên vai

Trần Bang Thạch

Bạn thân mến xa xôi,

Khi bạn đọc được những dòng chữ này trên TQBT thì quê mình chắc gần đến ngày đưa Ông Táo về trời. Không biết hơn sáu mươi cái Tết đi qua đời mình bạn có còn cái háo hức chờ Xuân đón Tết như những ngày thật xa xưa không. Tôi thì đã mất nó từ lâu khi chung quanh nơi mình ở thiếu hẳn cái không khí Tết. Ở đây thật sự người mình có đón Tết qua các hội chợ Tết, qua các tiệc tất niên, tiệc tân niên của đồng hương, đồng nghề, đồng trường, đồng quân binh chủng, và ...đồng điệu. Nhưng dự những cái gọi là Tết này chưa hẳn mang đầy đủ ý nghĩa “ăn Tết” của người mình.

Ngày trước mình “ăn Tết” với bánh tráng, bánh phồng, thịt kho, dưa giá...Nơi này cũng có đủ mấy thứ đó để “ăn” nhưng ăn không thấy ngon như trước vì thiếu. Thiếu cái gì bạn nhỉ? Tôi thì thấy mình thiếu cái gốc quê nhà của mình ngày xưa với anh Ba, chị Bảy, với thằng Tư, con Tám. Cho nên chính vì thế mà tôi thương ông bạn tôi hết sức.

Bạn thân mến xa xôi,

Ở những ngày năm cùn tháng tận này tôi xin kể bạn nghe chuyện của ông bạn này, để từ một chốn hẻo lánh nơi quê nhà, bạn biết thêm một tâm trạng của người ly xứ mỗi độ Xuân về.

Tôi biết anh từ lâu vì là người cùng làng. Nhưng tôi thật sự quen anh và chuyện trò thân mật với anh từ ngày đầu tiên tôi thi đậu vào trường trung học công lập lớn nhất của tỉnh, trường Phan Thanh Giản. Hôm đó là ngày công bố

kết quả thi tuyển vào lớp Đệ Thất. Tên của 300 thí sinh trúng tuyển và 60 đậu dự khuyết được đánh máy trên 7 tờ giấy dán trong 2 khung vuông có cửa bằng dây chỉ mắt cáo treo trên tường phía trong cổng trường. Hơn 3000 thí sinh dự thi cộng với thân nhân đến xem kết quả cùng một ngày trên một diện tích đất không đầy 300 thước vuông cho nên mạnh ai nấy chen, lấn từ sáng sớm. Người thì hí hửng ngẩng mặt, tay đưa cao lên trời, chạy ra khỏi đám đông. Kẻ thì tiu nghỉu cúi đầu vệt đám đông bước ra. Duy có một người đứng ngay phía ngoài cổng, tay cầm miếng giấy điểm danh. Anh trông không lộ vẻ buồn hay vui; cũng không có vẻ gì là gấp. Người ta chỉ thấy anh hơi mỉm cười khi nhận diện người vừa bước ra, rồi cầm cây viết chì đánh tréo ngay sau tên cô cậu học trò đó. Danh sách viết tay trên tờ giấy anh đang cầm gồm 18 người, có người may, có người rủi. Đậu hay rớt gì cũng được anh mời hết lên 2 chiếc xe Daihatsu loại đưa rước khách. Anh lái một chiếc, chiếc kia do 1 người tài xế khác. Tất cả được đưa tới nhà hàng Túy Quang Lầu ở đường Nguyễn An Ninh mà người ta thường gọi là đường Hàng Bã Đậu. Đối với gần hết 18 cô cậu học trò thì đó là bữa cơm đầu đời linh đình tại một nhà hàng sang trọng vào bậc nhất của Cần Thơ thời đó.

Trong suốt bữa ăn anh chỉ nói có mấy lời:

“Các em tự do ăn uống nhen. Những ngày khổ cực học thi đã qua rồi. Đừng nhớ tới nữa. Đậu hay rớt thì cũng chơi thoải mái cho hết mấy tháng hè này. Mọi chuyện tính sau nhen tụi bây.”

Đó là bữa tiệc anh đãi chúng tôi, những học trò lớp nhứt trường làng Đông Phước, vùng Cầu Trắng, cách thành phố Cần Thơ chừng 15 cây số đi về hướng Phụng Hiệp, Sóc Trăng. Thắng Thành, em anh, là bạn cùng lớp với chúng tôi. Năm đó trường Đông Phước có 18 thí sinh, đậu được 6, trong đó có thắng Thành. Không có đứa nào đậu cao, nhưng đậu là vui lắm rồi. Tội nghiệp 12 người kia, có

người ở nhà làm vườn làm ruộng rồi không lâu sau đó lấy vợ lấy chồng sanh con đẻ cái; có người ra tỉnh học trường tư; có người vào bung rồi mất tích hay chỉ trở lại làng sau ngày 30 tháng 4 năm 75.

Thời đó chúng tôi chưa nghĩ tới cái gọi là tình đồng hương mà chúng ta thường nghe ở hải ngoại sau này. Bữa tiệc hôm đó chỉ là bắt đầu cho một tình cảm làng nước hay là tình chòm xóm lân lý kéo dài mãi về sau. Anh là sợi chỉ cột nhóm học trò từ làng ra tỉnh trọ học và những người ở lại làng. Chúng tôi không ở chung nhà trọ nhưng những ngày nghỉ tất cả lên xe Daihatsu để anh đưa về quê Cầu Trắng thăm nhà. Rồi dừa, chuối, gạo, nếp, cá, mắm, than, củi...chất đầy trên xe đem về nhà trọ. Chúng tôi học nhóm với nhau; có khi nấu ăn chung. Có năm Cầu Trắng bị ngập lụt, không về nhà cả mấy tuần, chúng tôi tụ tập ở nhà anh đờn hát cho đỡ nhớ nhà. Anh không giàu tiền nhưng giàu lòng nhân ái. Trong nhóm có anh chị thi nhảy, học các lớp luyện thi ban đêm, thiếu tiền đóng học phí thì có anh giúp. Có chị đang học trường tư, sắp thi Trung Học Độ Nhất Cấp, gặp hoàn cảnh gia đình túng thiếu vì người cha mới mất, anh cho tiền học cho tới ngày đi thi. Nhóm chúng tôi hồi đó gọi anh là anh Mạnh Thường Quân. Chuyện anh giúp đỡ cả nhóm chúng tôi và các đàn em sau này thì nhiều đến nỗi chúng tôi đặt lại tên anh là Mạnh, và gọi anh là Mạnh Huynh. Riết rồi thành danh, nhiều khi quên phứt tên thiệt của anh nữa.

Dù những năm sau đó chúng tôi đi học, đi làm, đi lính tráng xa xôi, mỗi người mỗi ngả, nhưng những ngày cuối tháng Chạp ai nấy đều hẹn nhau về nhà Mạnh Huynh rồi cùng với anh ngồi xe Daihatsu về Cầu Trắng ăn tết. Tuổi trẻ chúng tôi sống lại mỗi năm. Khỏi nói ai cũng biết chúng tôi có những ngày tết đoàn tụ tung bùng. Anh, chị nông dân bám ruộng vườn Cầu Trắng cùng vợ chồng con cái dựng lều dựng rạp, nuôi sẵn heo quéo, vịt gà. Người thầy giáo từ Long Xuyên, Châu Đốc, Bạc Liêu, chị y tá từ

Chương Thiện, anh quân nhân từ Mỹ Cày, chị thương gia từ Bình Thủy, Sài Gòn, Chợ Lớn, anh phó quận từ Đức Thành Sa Đéc, anh y sĩ từ Đà Nẵng....cùng vợ chồng con cái lục tục kéo về Cầu Trắng. 18 người đầu tiên đi thi đệ thất năm ấy, bây giờ con số gần gấp ba. Chuyện ngắn, chuyện dài, chuyện buồn, chuyện vui... của một năm nói cho nhau nghe ba ngày tết cũng không hết. Có năm người lính trận không về được, chúng tôi cử người đại diện đến tận đơn vị hay đến tận tiền đồn trao quà tết và lời thăm hỏi của cả làng. Có năm chúng tôi không kiêng cử, mỗi người mặc áo trắng gắn miếng vải tang đen nhỏ lên tay áo, đứng thành hàng trước bàn thờ, đánh tiếng đồng hồ đầu năm tưởng nhớ và cầu nguyện cho người bạn chiến sĩ vừa mới hy sinh.

Những năm ăn tết đoàn tụ thâm tình và đậm ấm như thế này chấm dứt từ ngày miền Nam đổi chủ. Rã đàn tan ghé. Sau này có gặp nhau cũng là những dịp tình cờ. Tình cảm mặn nồng ngày nào hình như vẫn còn đó nhưng không có mấy ai nghĩ tới trở về Cầu Trắng để mà vui trong dịp tết nhứt. Có ai mà vui được trong một đất nước đầy ngập nỗi buồn và chan hòa nước mắt! Cây Cầu Trắng còn đó. Màu trắng của tay cầu vòng cung còn đó như một dây khăn xô quấn trên đầu làng Đông Phước. Người Đông Phước không thể bình tâm thấy hoài cái khăn tang nổi hai đầu quốc lộ nên cũng dần dần ra đi.

oOo

Tôi gặp lại Mạnh Huỳnh một cách rất tình cờ hồi 12 năm trước. Hôm đó là ngày Hội Tết của đồng hương Cần Thơ tại Houston. Sau đó cứ mỗi lần hội Tết như vậy là tôi rất có hy vọng lại gặp anh. Gặp lại nhau lần đầu sau hơn 20 năm, ai nấy đã già, nhìn nhau không phải dễ. Thấy nét mặt quen quen, nghe giọng nói quen quen, nhìn cái cười quen quen, hỏi tên nhau cho chắc. Ôi, vui biết bao nhiêu mà kể. Vui quá chừng. Trái đất tròn một cách vô cùng dễ thương. Anh nói anh rời nước từ năm 75, cư ngụ trong vùng

Aklavik thuộc Tây Bắc Canada. Ở đó lạnh lẽo, đất rộng người thưa. Không có một người Việt Nam nào ngoài vợ chồng anh. Cực khổ nhưng có đồng vào nhiều hơn đồng ra. Nhờ vậy mà anh chị có thể về hưu sớm. Lúc gặp lại anh chị lần đầu thì anh chị đã hưu từ 2 năm trước.

“Bây giờ anh chị làm gì?”

“Thì đi chơi”

Nghe thì như vậy nhưng khi nhớ lại những ngày tháng cũ ở Cần Thơ và hiểu ý nghĩa của việc đi chơi của anh mới thấy thâm thúy.

Tôi không biết tình đồng hương của anh bao lớn, nhưng chiều dài đoạn đường anh đi từ nhiều năm nay chắc bao bọc được mấy vòng trái đất. Anh nói anh đã đi như vậy liên tục 18 năm rồi. Thật sự thì anh đã bắt đầu đi từ cái ngày anh cầm cây viết chì đứng trước cổng trường điểm danh từng thí sinh làng Đông Phước. Thường là mỗi năm anh xuống dự Tết Niên đồng hương ở Vancouver, ở Seattle, rồi xuôi nam ăn Tết sớm với đồng hương ở California, rồi ghé qua Houston, Florida tham dự Họp mặt Tân Niên. Có năm anh đi Montreal rồi đảo xuống New York, Boston, Atlanta. Anh nói những nơi ấy có rất nhiều đồng hương Cần Thơ của anh. Cũng có năm anh sang Âu Châu, Úc Châu. Bất kể thân hay sơ, hề gặp đồng hương là anh thấy vui rồi. Anh nói anh ghé những Hội Tết để dễ dàng có cơ hội gặp một lúc nhiều đồng hương. Nhứt là những đồng hương của anh ở Cầu Trắng. Qua anh tôi biết đồng hương Cầu Trắng ở hải ngoại chưa đếm hết năm đầu ngón tay. Anh nói anh vẫn hy vọng còn gặp thêm, như gặp lại tôi ở đây. Những người bạn cũng biết tánh ý anh như vậy nên mỗi năm rũ nhau đến những hội Tết để cùng gặp nhau. Riết rồi thành cái lệ, không gặp thì thấy cái tết như thiếu một cái gì. Anh nói anh có hàng chục ngàn thước phim ghi những chuyến đi này. Được anh sang rồi gởi cho mấy cái DVD, tôi gặp lại những người Cần Thơ mà tôi biết mặt khi còn ở quê nhà. Tôi loáng thoáng thấy gương

mặt của người con gái hàng xóm mà năm nào mình thăm yêu trộm nhớ. Lần trong những hình ảnh, tôi thấy thầy T. dạy chúng tôi luyện thi Đề Nhứt Cấp tại chùa Phật Học góc đường Nguyễn Thái Học và Hòa Bình hồi năm 1962. Thầy T. đang ở Luân Đôn. Trong DVD tôi thấy thầy râu tóc bạc phơ như tiên ông, thầy chắc đã kề cái tuổi một trăm. Không có mấy thước phim của anh đồng hương này thì làm sao năm năm trước tôi liên lạc lại được với vị ân sư của mình. Thầy trò nhắc lại chuyện cũ trên đường giấy điện thoại mà nghe như những ngày tháng năm xưa đang trôi bồng bềnh trên dòng sông ký ức. Năm năm rồi, ít nhất năm bảy lần tôi có ý định sang Anh Quốc thăm thầy. Chỉ có mười tiếng đồng hồ là thầy trò tay bắt mặt mừng rồi. Vậy mà tôi chưa thực hiện được ý định có vẻ khẩn thiết này. Anh bạn đồng hương Cầu Trắng của tôi đâu có nhận một ân nghĩa nào của thầy T., vậy mà anh vẫn thường gắp thầy vào những lần Hội Tết, trao cho thầy gói quà và những lời thăm hỏi nồng nàn. Tôi nghĩ mà thấy tủi hổ cho mình vô cùng.

“Chỉ sợ khi mình đến được thì thầy đã ra đi!”

Mạnh Huynh đã có lần khuyến cáo tôi như vậy. Anh cũng không dấu được nỗi buồn khi nhắc tới những người đồng hương, những người bạn vừa gặp năm trước, năm nay trở lại thì họ đã đi về cõi khác. Có người bạn già mới năm ngoài còn mảy tao với anh, năm nay lú lẫn, nhìn anh mà không nhớ tên để gọi. Những đồng hương anh quen biết thân, sơ trên các vùng lục địa dần dần thiếu vắng.

Mạnh Huynh thân mến của tôi bây giờ cũng đã tròn trèm tám mươi. Tôi biết có một hội Tết đồng hương nào đó sau này tôi sẽ không gặp lại anh, tôi sẽ thiếu vắng anh vĩnh viễn. Và tôi sẽ nhớ suốt đời Người Cầu Trắng Tuyết Vời của chúng tôi đã hơn nửa thế kỷ không mỗi một công trên vai cái tình đồng hương đi khắp xứ.

Tết Đinh Hợi, ngày Hạ Nêu

El amor en los tiempos del cólera

Cao Vĩ Khanh

... Cho đến khi Florentino có dịp nhắc lại với Fermina về lời hứa thủy chung của mình thì giữa hai người đã có một khoảng cách thời gian dài đúng 51 năm 9 tháng 4 ngày ! Nếu kể một đời người là trăm-năm-hiu-quanh thì họ đã hiu quanh quá một nửa đời người, mà lại là nửa đời xuân sắc nhất ! Vậy thì còn lại gì để nói về cái khoảng trống không ở giữa hai đầu dây định mạng. Hai cuộc đời bình thường như mọi cuộc đời bình thường khác trên cái cõi nhân gian nhốn nháo rất lặng lẽ này. Một người con gái đẹp như chính cái vẻ đẹp nửa phố phường nửa rừng rú của quê hương, lớn lên với mỗi tình vừa mơ mộng lại vừa hùng hực như thứ máu La Tinh nóng sốt, mộng rồi tan, bỏ đi lấy một tấm chồng xứng hợp, theo chồng đi lập nghiệp ở một kinh thành hoa lệ, thói quen chung đụng rồi cũng tạo ra hạnh phúc, sinh con đẻ cái, rồi con cái lớn lên như tiên đồng ngọc nữ, ăn học đăng hoàng, dựng vợ gả chồng, nếp sống gia đình có đôi khi cũng sóng gió nhưng con thuyền ngược xuôi một trường giang thì làm gì chẳng có lúc bị gió trở chiều. Phía bên kia, người con trai bị tình phụ (?) rồi cũng đau khổ, cũng khóc lóc lang thang... nhưng rồi anh ta cũng phải sống cái đời của anh ta, lạ cái điều là sau khi mất mỗi tình đầu trong trắng một cách oan uổng anh ta trở thành một kẻ đùa giỡn với ái tình, với một sức quyến rũ kỳ lạ của một con đực tốt mã mà không một con cái nào cưỡng lại được. Tổng kết trong thời gian 51 năm 9 tháng 4 ngày đó, anh ta đã trải qua thân xác của sáu trăm hai mươi hai người đàn bà khác nhau, từ hoặc chỉ một đêm ăn nằm hoặc nhiều hơn một đêm ăn nằm... Vậy

thì có điều gì phải nói ?

Cái điều phải nói là... đầu vậy, không bao giờ, chưa bao giờ anh quên được người con gái đầu đời có « dáng đi kiêu hãnh của một loài hoẵng cái ».

Và nhất là cái lời thề hải minh sơn tướng đầu chi là lời hứa đầu môi ở cái tuổi xốc nổi như một con sóc nhỏ...

Trong suốt mấy chục năm làm kẻ thất tình chuyên nghiệp, anh ta bương chải bằng mọi cách để vươn lên như một loài cỏ dại dưới bóng râm của rừng nhiệt đới bạt ngàn. Từ một anh điện tín viên nghèo nàn, chạy việc lật vật đến một chân thư ký quèn trong một hãng tàu buôn, rồi leo lên đến chức vị chủ cả, anh ta sống, đi lại, làm ăn, yêu đương vớ vẩn và ngủ với bất cứ một nhân tình bất chợt nào mà như chỉ để chờ đợi.... chờ đợi một lần tái hợp với người xưa. Một năm. Hai năm. Ba năm... Mười năm... Năm chục năm. Rồi năm chục năm lẻ chín tháng với bốn ngày ! Suốt mấy chục năm chỉ lần quần trong cái góc phố quen thuộc chứa đầy kỷ niệm, từ chối hết mọi chuyến đi xa, như chỉ sợ đi xa một bước là làm phai lạc đi dấu vết của một người đã đi quá xa... Quả tình là kiểu chờ đợi rất ... khật khùng ! Mà nghĩ cũng tội, có người tình si nào mà không khật khùng !

...nhớ không em, người đàn bà với chiếc áo dài vải nội hóa tả tơi che cây dù cũng tả tơi không kém, sáng chiều hai buổi, đứng thờ thẩn trước cổng đại học xá Minh Mạng những năm 70, để đợi một người không trở lại nữa... Người qua kẻ lại, có khi thương hại, có khi chế giễu, trời có khi mưa có khi nắng, nhưng mặc, người đàn bà vẫn đứng đó, đợi chờ. Tia nhìn có thất lạc, nhưng biết đâu trong đáy cùng của con mắt trông không, đang có một trùng phùng ở ...một cõi nào khác !

Florentino mười mấy tuổi đầu yêu Fermina ngay trong lần chạm mắt thứ nhất. Y như một chủng tử bị tách rời ra làm đôi, hai mảnh ráp lại nhau tích tắc. Những lá thư tình vụn

dại viết ngày viết đêm, được lén lút trao tay, thề non hẹn biển. Tình yêu như bệnh thổ tả đang hoành hành ở cái vùng đất ẩm thấp, rừng rậm ba mặt vây quanh. Nó ụp đến, bất ngờ và vật người ta ngã quỵ xuống như con bệnh bị dịch hành. Tình yêu giáng xuống như cơn sốt nóng lạnh, làm lơ đờ con mắt, run rẩy tay chân và tê liệt thần kinh. Cả hai yêu như hai con bệnh thập tử nhất sinh tới hồi lên cơn... Yêu... Yêu... Yêu... không thuốc chữa.

Anh con trai thề thốt... Chị con gái hứa hẹn...

Vậy mà rồi thôi, cuộc tình đẹp như mơ đó chỉ là bước khởi đầu cho một sự chờ đợi lâu dài đến hoang tưởng. Có điều, nó có thật, có thật trong văn chương hiện-thực-huyền-ảo (réaliste magique) của Gabriel Garcia Marquez, Tình yêu trong thời thổ tả, đã được quay thành phim và trình chiếu trong tháng qua.

Phim không phải là siêu phẩm vì thật ra làm sao mà chuyển được cái khí hậu văn chương huyền hoặc trong tác phẩm của nhà văn Châu Mỹ La tinh, vốn đã viết rất mộng mị về những điều rất thực, cũng như đã viết rất thật về những điều quá ư mộng mị.

Sự chờ đợi là một điều rất thật. Mà cũng đầy mộng mị. Phải không em. Bởi vì sự chờ đợi nào cũng đặt tiền đề từ một giả định. Những hẹn hò chỉ là cố gắng trấn an của định mạng. Cho nên sống trong sự đợi chờ là sống trong một cơn mộng dài. Tự mình dắt tay mình đi mù lòa vào thế giới ảo. Nhưng đã bao nhiêu lần trong cõi đời trần trụi này, người ta đã không sống như mộng ? Mà rốt lại nếu không sống như mộng thì mặt đất này còn lại gì ngoài những nỗi quạnh hiu.

Cái người đàn ông rất người, nghĩa là có đủ thứ ham muốn lật vật rất thật đó, với “hồn mộng của một thi sĩ và tánh kiên nhẫn của một thánh nhân” đã chờ đợi cái phút giây trọng đại thứ hai của đời mình, sau lần gặp gỡ thứ nhất,

một cách bình tĩnh, từ tốn, thư thái của một kẻ biết chắc và tin chắc vào cái mục đích của đời mình. Mặc dầu vậy, anh ta đã sống như một người rất mực... bình thường, làm việc và thụ hưởng những tặng phẩm của trần gian không kém phần điệu nghệ. Những cuộc gặp gỡ với những người đàn bà khác cũng diễn ra không kém phần thơ mộng, cũng những lời trêu ghẹo huê tình, cũng những đưa đẩy đưa hoa nguyệt. Anh không từ chối một dăng hiến nào. Ngay cả đôi khi chính anh là kẻ hiến dâng. Anh ta rong chơi trên tình trường như một kẻ phóng đảng, không ngại ngần, không áy náy, rất sòng phẳng... Vì trong tận cùng, anh ta biết mình vẫn là một người chung thủy... và sẽ chung thủy tới cùng. Em có hiểu điều đó không. Không phải lòng chung thủy đó chỉ thể hiện trong những lần anh ta lần thân lục ra cái bím tóc của người xưa đã tặng rồi trân trọng kê lên môi hôn gợi mà lòng chung thủy đó còn nằm chính trong sự không oán giận, không tủi hờn, không kêu ca khi chính người yêu xưa một lần trở lại thành phố đó, đã không còn nhận ra anh ta nữa... Nhưng có sao em, người đàn ông biết yêu và biết điều, anh ta chấp nhận sự quên lãng như một hệ lụy của thời gian và là cái lẽ tất nhiên của đời sống. Hầu môn nhất nhập thâm như hải. Tùng thử Tiêu Lang thị lộ nhân. Anh ta tiếp tục sống cái đời của mình, dĩ nhiên là không thui thủi, vì bao giờ cũng có một bóng sắc nào đó bên cạnh mình. Làm như những bạn tình đó là những trạm nghỉ chân bên con đường thiên lý truy tầm hạnh phúc. Anh ta làm lũ trèo lên từng bậc thang xả hội, từng nấc một, kiên nhẫn như một con kiến, tha từng cọng rác xây cái ổ của mình. Không cay đắng. Không so bì. Biết đâu chính cái mức sống phong lưu của người tình cũ (?) không chừng cũng là cái động lực đã thúc anh ta trèo ngược lên những nấc thang xả hội. Em có nhớ chuyện người cung nữ thất sủng vò võ giữa lãnh cung. Phòng khi động đến cữ trùng. Giữ sao cho được má hồng như xưa...

Vậy đó em, nhiều nhiều năm qua, Florentino không còn trẻ nữa, và dĩ nhiên Fermina cũng già đi. Mười mười hai mươi năm sau. Ba bốn chục năm thêm. Cái bước đi của thời gian nặng trĩu trên đuôi con mắt trĩu nãi, trên lớp da ngực buông chùng, trên mấy ngón tay xương xẩu bồng cộm nắm run run...Chỉ có điều có một thứ vẫn không suy suyển chút nào. Đó là ngọn lửa tình vẫn âm ỉ cháy trong lòng người tình nhân lì lợm.

Cho đến cái buổi sáng của gần hết năm thứ 51 đó, trong khi ông già Florentino đang nằm hủ hỉ với người bạn tình trẻ măng xếp hàng thứ sáu trăm hai mươi hai của mình thì cái ngày trọng đại đó trời tới, hốt hải như tiếng chuông nhà thờ báo tử. Không chần chờ, cũng không hấp tấp, ông từ tốn giải thích để chia tay với cái trạm ghé cuối, rồi ăn mặc chỉnh tề, đầu đội nón nỉ đen, tay xách dù đen như một gentlemen chính cống, thông thả và nghiêm trang đến trước mặt người đàn bà tang phục đen, trịnh trọng ngả nón chào, rồi trịnh trọng nói không mấy may một chút khôì hải ... dù là khôì hải xám... “hôm nay là đúng 51 năm 9 tháng 4 ngày, tôi đã chờ em “

Em có nghe ra cái trầm trọng trong từng lời được phát ra một cách tỉnh bơ và gọn băng đó không. Chẳng những không kêu oán như Đinh Hùng ta-đợi-em-từ-ba-mươi-năm, uổng-hoa-phong-nhụy-hoài-trắng-rằm, ông già Florentino lại rất mực hào hoa, không đòi hỏi và cũng không ép uổng, không giải thích hay biện hộ gì hết về sự “thông báo” đột ngột của mình. Ông chỉ cho biết vậy thôi và... sẵn sàng chờ thêm nữa, chờ thêm nữa. Đã 51 năm trôi qua, bây giờ có trôi qua thêm vài ba năm nữa thì cũng chẳng làm sứt mẻ chút nào cái khung thời gian đã quá độ dần nở trong ông. Ông đã chờ, ông đang chờ và ông sẽ chờ.....

Lại tiếp tục những lá thư , những lá thư qua lại như 51

năm trước, những lá thư không còn sôi nổi như cái thuở núp dưới bóng giáo đường nhìn trộm nàng đi lễ, không còn háo hức như cái lúc leo rào vào nhà nàng ném đại một bông hoa mà là những lời lẽ trầm tĩnh, ân cần và phù du bằng chính sự chung thủy của loài kim cương bất hoại.

Những lá thư

...những lá thư...

...tiếp tục những lá thư thăm hỏi, an ủi một sự mất mát, vỗ về một nỗi đau hiu, xoa dịu một cơn trống vắng... hay chỉ để kể về một chuyện mưa nắng mưa nắng...

... Và như vậy, mưa nắng mưa nắng mãi đến cái năm thứ 53, lần đầu tiên Florentino mới làm được cái việc bình thường nhất của mọi cặp tình nhân là... đưa nhau rong chơi. Tội nghiệp không em. Cái chuyện bình thường vậy đó mà phải đợi đến 53 năm sau ông mới thực hiện được. Lần đó, ông đưa bà lên chiếc tàu khách chạy bằng guồng nước, chạy thong dong suốt dọc dài con sông lớn Magdalena đựng đầy bóng quê hương. Tàu chạy chậm xuyên qua làng mạc, phố xá và rừng rậm, chạy qua những bình minh và những hoàng hôn, chạy qua những quảng đời, chạy qua những kỷ niệm... Nước chảy xuôi, tàu chạy ngược, ngược xuôi xuôi ngược, hiện tại quá khứ, quá khứ hiện tại...có phải vậy không mà sau hết, hai người tình già trên chiếc tàu vắng khách, đã ngã vào vòng tay nhau lần đầu đầu hai vòng tay sau cùng đã mỏi. Thôi kệ, có siết chặt nỗi không cũng đâu có gì đáng nói. Vấn đề là còn có dịp mà lấy bấy siết nhau.

Đêm đó, trên sóng nước lao xao của dòng sông biếng chảy, họ ngủ với nhau đêm của vô cùng.

Đêm đó, rồi Florentino mới nói được rằng... 53 năm sau, trái tim tôi mới đập lại nhịp bình yên !

Gabriel Garcia Marquez đó em. Lạ em há. Chính vì lạ vậy mà tờ báo New York Times mới cho là truyện tình đẹp

nhất thế kỷ. Chuyện lạ và đẹp. Cái đẹp toát ra từ cái vẻ mộng mị của tình yêu. Mà thật ra có tình yêu nào mà không mộng mị. Và không chừng chính mộng mị đã cứu rỗi cho thế gian này đó em. Nếu không, làm sao người ta chịu nổi những trúc trắc oái ăm, những nghịch cảnh oan trái đầy rẫy trong đời này.

Thực tế chàng ràng quanh chúng ta, hăm dọa, ép uổng, thúc ép. Có phải không em, thực tế như chứng bệnh thổ tả quái ác đã đeo đuổi hoành hành trong cái thế giới của Florentino. Nó chực chờ như cái chết chực chờ quanh cái sống, bủa vây hiểm họa khắp cùng.

Từ đó, có thông điệp gì không trong câu văn của G.G.Marquéz.

Dans le malheur, l'amour devient plus grand et plus noble.

Viva los amantes !

Rong bút

Trần Hoài Thư

1, Ôi, hơi thở

Tuổi già, tôi vẫn hay có thói quen thức giấc vào hai, ba giờ sáng để sau đó ngồi lại trước bàn máy điện toán. Nhưng cả mấy tháng nay, tôi thường bị ám ảnh bởi tiếng còi tàu hú lên như thể tiếng gọi hồn trong đêm về sáng. Trong cõi đêm đen đặc, như một cỗ quan tài sống, tôi nằm lắng nghe con tim đập, nghĩ đến một ngày nó mệt và buông xuôi, sau một cuộc hành trình gọi là kiếp người

Tôi đã có lần yếu mềm muốn dẹp bỏ Thư Án Quán, ngưng Thư Quán Bán Thảo, để mà thênh thang cùng trời đất, cùng bạn bè, cùng những áng mây xa rồi chờ chuyến tàu hủ cùi tới đón về một nơi mà bất cứ ai không thể không đến.

Tôi bỗng nghĩ đến một người bạn mà tim ngừng đập cả ba tiếng đồng hồ và được cứu sống: Có nghĩa là anh đã chết 3 tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ tâm trạng chắc cũng giống như tâm trạng tôi lúc này.

Làm sao bây giờ hở ?

Bây giờ chỉ còn cách là vui đầu vào công việc, để quên, để tìm niềm vui.

Tìm vui qua niềm vui của người khác.

Lúc này, tôi không thể khép kín cõi lòng như nghĩa địa. Lúc này cỏ phải xanh. Xanh như tình người. Xanh như mỗi ngày chúng ta còn được thở.

Bằng chứng là, như bạn thấy đó, Thư Quán Bán Thảo vẫn tiếp tục qua năm thứ 8. Và Thư Án Quán cũng vậy. Tôi không thể để nó chết. Dù nói như nhà văn Thảo Trường, TQBT là **tạp chí** "*Nghèo nhất nhưng theo tôi là giàu nhất đấy*"

Bỏ nó thì quá buồn. Bỏ nó như phải bỏ một người mình yêu, một cái phao để nương tựa. Bỏ nó làm sao tôi dâng lời cảm tạ nơi những giòng chữ hôm nay khi một tạp chí văn học chưa bao giờ ghi giá bán, hay than thở vì vấn đề tài chánh, vậy mà vẫn có mặt suốt bảy năm, không hề trễ một ngày cùng với bao sách tặng quý hiếm ?

Vâng, chúng tôi đã hiểu tại sao.

Có nên đăng nhận xét của nhà thơ Viên Linh để giải thích tại sao:

"TQBT mỗi ngày một khá hơn, vì nó phải như thế một khi ta làm việc trong say mê."

2. Thư xin lỗi của họa sĩ Đinh Cường về bài thơ Hoa Gạo do Trịnh Công Sơn phổ nhạc

Cũng bởi vì niềm vui này, tôi và anh Phạm văn Nhân - người bạn của một thời đánh giặc ở Bình Định, Bồng Sơn Tam Quan, An Lão – đều nhất trí đồng ý đăng lại bản nhạc Hoa Gạo mà nhạc sĩ TCS đã phổ từ thơ Đinh Cường trên số 29 ở bìa trong. Đó là chuyện TQBT chưa bao giờ làm từ trước đến bây giờ vì chúng tôi chẳng biết một tí gì về nhạc lý. Nhưng chúng tôi nghĩ nó sẽ mang niềm vui đến một số bạn ở Mỹ như ĐC, LQ theo như lời gợi gắm của Lữ Kiều trên một tạp chí bản thảo bạn ở trong nước:

"Năm 1984, TCS phổ bài thơ Hoa Gạo của Đinh Cường. Có lần Sơn ôm đàn hát bài này, và sẵn máy ghi âm tôi ghi lại. Sau đó không thấy phổ biến. Cho đến lúc Sơn mất tôi chuyển bài Hoa Gạo sang CD, tôi tặng cho Đinh Cường dịp Cường trở về VN triển lãm. Cường vô cùng ngạc nhiên. Chúng tôi đến quán cà phê mở ra, cùng nghe. Những lời nói dạo đầu của Sơn, nhắc đến những người bạn đang ngồi quanh (như NQS, NTK, TC, LQ...) và giọng hát của Sơn còn được men rượu nồng.

Những người bạn rong chơi ngày ấy ai còn nhớ ?"

Đăng lại để mang niềm vui đến người khác. Đó không phải là niềm vui của mình hay sao ?

Nhưng thay vì là niềm vui cho bạn, mà là ngược lại. Họa sĩ Đinh Cường (ĐC) đã gửi thư cho chúng tôi yêu cầu đăng để làm sáng tỏ vấn đề cũng như xin lỗi với nhà thơ Viên Linh (VL) rằng anh đã "chơi đại".

Và mới đây, anh VL cũng đã điện thư cho chúng tôi biết là anh đã nhận thư xin lỗi của ĐC.

Theo anh, lá thư mới này mới thật sự "rõ ràng" so với hai lá thư trước. Có vẻ hình như anh đã bằng lòng với thư xin lỗi này.

Dù không chủ ý, nhưng nhờ qua anh em trong nước, và qua Thư Quán Bản Thảo, và nhất là may mắn nhờ hai người trong cuộc còn sống, nên văn học sử Việt Nam đã có thêm một sự thật được phơi bày. Nhưng đối với một người bạn văn chương chưa lấy sức sau cơn bạo bệnh nghiệt ngã, chúng tôi không thể nào không khổ tâm. Nhất là sau khi nghe họa sĩ Nguyễn Đình Thuần từ CA gọi cho hay là anh ĐC đã được chở vào bệnh viện cứu cấp. Tim anh đã ngừng đập mấy tiếng đồng hồ. Xem như anh đã một lần chết.

Nhưng chính anh ĐC đã thúc dục chúng tôi nói rõ vấn đề này như trong lá thư anh viết.

Sau đây là nguyên văn thư của ĐC:

"... Về bài "Hoa Gạo" mà TTMinh phổ biến, tôi có viết thư cho Minh nói rõ lại là tôi lấy 4 câu thơ của Viên Linh đọc cho tôi nghe ngày xưa... thời 57 ở Đình Phú Thạnh:

*Hoa gạo đầy trên lối mòn
Bàn tay anh đầy hoàng hôn*

.....
Thuyền ấy bây giờ theo giòng.

và nhân đưa sinh viên Mỹ Thuật Huế ra Thạch Hãn đi thực tế, về, tôi làm thêm bốn câu:

*Tháng hai anh về Thạch Hãn
Hố bom xưa là hồ nước xanh*

.....

Chim kêu lạnh ngắt cổ thành.

Năm 84, nhân đi chơi với nhau bên Nhà Bè, buổi trưa ngồi uống rượu với TCSơn và các bạn. Tôi chép 2 đoạn thơ đưa Sơn phổ nhạc hát chơi vì thấy 4 câu thơ Hoa Gạo của VLinhh đây nhạc tính...

Đó là 1 bản nháp làm khi vui chơi tưởng là thôi. Ai ngờ Minh ghi lại và sau hơn 20 năm nay phổ biến vì nhạc TCSơn.

Tôi đã phone và @ cho Viên Linh nói rõ và xin lỗi Bạn, tôi chơi...dại. Viên Linh đã thông cảm.

Tôi bày cùng Trần Hoài Thư, để như trong thư viết TTMinh... mà không kịp khi phổ biến trên TQBT.

Khi có dịp xin TQBT viết lại ít hàng cho rõ, Vì Boileau nói:

"Không có gì đẹp bằng Sự Thật"

Tôi nhận và xin lỗi vì đã không ngờ là bài này nay đã phổ biến ra...

Bạn hiểu lòng tôi.

3. Tình nghĩa văn chương

. Trong một lá thư gửi từ trong nước, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc (tức nhà thơ Đỗ Nghê) – một tên tuổi rất quen thuộc về những loại sách nói về tuổi già, đã cho hay anh đã về Phan Thiết và thấp nhang trước bàn thờ nhà thơ Từ Thế Mộng. Anh kể đại ý trên bàn thờ người nhà đã đặt Bộ Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến như lời ước ao của nhà thơ TTM lúc còn sanh tiền. Và bạn bè đến thấp nhang xong, mượn tập thơ, để đọc cùng anh, trước làn khói nhang nghi ngút. Sau đó họ trả tập thơ lại cho anh, trên bàn thờ.

Đối với tôi, đó là một hình ảnh thật cảm động và tình nghĩa. Cứ tưởng tượng bạn bè anh, đọc cùng anh những bài thơ của một thời, để hoài niệm dâng trào, để tóc bạc trở thành tóc xanh, về một thời dù khốn khó nhưng thật khó quên trong đời:

"...Vẫy tay vẫy tay chào nhau. Nhưng xa mặt mà gần lòng vì thỉnh thoảng vẫn gặp nhau trên cùng một tờ báo, và hẹn hò nhau một lần tao ngộ nào đó. Dặn dò nhau. Nhớ nhé, cứ tới thị trấn tôi ở sẽ được lo liệu chu đáo, và bao giờ cũng thế, ân cần đón nhau chiều bến xe này và rồi đưa nhau sáng bến xe kia. Những lần ngao du thuở chiến tranh mịt mù ấy tạo thành một thời thơ mộng lãng đãng, xây dựng tình thân, giúp nhau trong việc lớn lên và viết văn, gây thành một món nợ bằng hữu lẫn văn chương. Chắc bạn cũng đồng ý với tôi rằng đó là thời của nhân duyên mà nghiệp quả của nó cho tới nay, dù muốn trả bằng cả một đời vẫn thấy mình chưa tròn tình, chưa đủ tài và chưa hết sức. Bạn ạ, món nợ đó có lẽ suốt đời này tôi không trả nổi vì cuộc chơi văn chương ấy tới hết mùa xuân 1975 là bản bật lịm thiếp. Hai mươi năm sau, tới khi gượng cầm bút trở lại thì hỡi ơi, thanh xuân đã hết, tinh lực hao hụt. Năng khiếu văn chương chỉ là cái giúp lên đường còn muốn tiếp tục để thật sự có tác phẩm thì phải có hoàn cảnh thuận tiện cho một đời gian nan học hành, tu tập, sống tận cùng cảm giác, đào thật sâu tư duy và tích lũy dồi dào năng lượng. Đàn văn chương vỡ vụn và khách văn chương thương vong bởi những kẻ coi chính trị là thống soái!" (1)

(1) Theo Nguyễn Ước - *Còn nợ một thời*, Tạp chí Thư Quán Bản Thảo số 16 tháng 10-2004



GIỚI THIỆU
NHỮNG NGƯỜI VIẾT CŨ

MANG VIÊN LONG * TRẦN HUIỀN ÂN * CAO
THOẠI CHÂU *



MANG VIÊN LONG

(Ảnh chụp nơi góc phố ở huyện An Nhơn. Bình Định, nơi anh làm nghề sửa ổ khóa- Tư liệu của TQBT)

Mang Viên Long tên thật và cũng là bút hiệu của anh.

Sinh năm 1944 tại thành Đồ Bàn. Tỉnh Bình Định.

Trước 1975, anh dạy học tại Tuy Hòa, Phú yên.

Sau 1975, nhiệm sở cuối cùng của anh là trường tổng hợp Nguyễn Huệ. Chỉ dạy hết niên khóa 1975 là tập trung cải tạo một năm. Trở về xin dạy lại tại nhiệm sở cũ, không cho, anh trở về quê tại huyện An Nhơn, Bình Định.

Phương tiện sinh sống hiện tại của anh là : làm chìa sửa ổ khóa nơi góc phố ở huyện An Nhơn (xem hình).

Sau năm 1990 anh bắt đầu viết trở lại cho các tạp chí ở địa phương như Bình Định, Phú Yên, Nha Trang và GHPG như Vô Ưu, Giác Ngộ... Tuổi trẻ Chủ Nhật. Và TQBT.

Trước 1975 đã xuất bản:

Trên Đỉnh Sa Mù (1969)- Mùa Thu Trống Trãi (1970)-
Phố Người (1971)- Có Những Mùa Trăng (1971)- Đóa
Hồng Cho Người Yêu (tùy bút 1971)

Anh đã cộng tác cho nhiều tạp chí ở Sài Gòn trước 1975.
như: Văn, Bách Khoa, Khởi Hành, Trình Bày, Hiện Diện,
Phổ Thông.

Năm 2006 Thư Ấn Quán Hoa Kỳ in cho anh tập truyện:
Biển Của Hai Người.

* Xin đọc bài viết: **Trò Chuyện Với Nhà Văn Mang Viên Long** do cô học trò cũ của anh thực hiện qua điện đàm để hiểu rõ thêm về anh (đi trong số này)

Truyện trước 1975.

T r ê n Đ ì n h T h á p C h u ô n g

Khi ấy Tiên đẩy cánh cửa nơi cổng bước vào cô nhi viện thì một người lính Mỹ áo mở cúc để lộ khoảng ngực trần vạm vỡ với chòm lông đen mọc tua tủa chấp chới đi ra trên tay còn giữ chai rượu đã mở sẵn nắp. Gương mặt hần đỏ như, màu đỏ như đang trở màu tím thẫm, của những giọt rượu còn đọng trên những cọng râu cứng bên mép. Đặc biệt đôi mắt hần đã dại hần đi, trông bắt ớn. Đó là đôi mắt có chút màu xanh long lang nằm sâu hút trong một màu đỏ ửng chong hực lên như muốn dòn đuối, bắt hết mọi hình ảnh chung quanh. Tiên lui lại bên bờ tường, nhường lối cho hần, lòng ái ngại. Hần quơ tay lên cao, chụp xuống một cánh cổng, nhào người ra ngoài. Chai rượu đã tuột khỏi tay hần, bể vung vãi trên những tấm vỉ sắt lót đường. Hần cúi mặt ngẩn ngừ nhìn lên vũng bọt rượu, miếng chai vụn một lúc rồi gặt gù bỏ đi. Chân tay hần bắt đầu run rẩy, co giật như người vừa chui ở dưới nước lên vào mùa rét. Đi chập choạng ngã chúi tới trước được mấy bước hần ngoái cổ nhìn lại cô nhi viện. Tiên nhận ra vẻ già nua của hần trong dáng dấp gầy mòn, cằn cỗi; cùng với mái tóc đã bắt đầu điểm bạc...

Đi Lucia lấp ló sau khung cửa kính. Qua tấm kính còn mờ ẩm hơi sương đóng khung khuôn mặt. Tiên trông thấy di rợn rợn về hốt hoảng chưa được kìm giữ. Đôi mắt mở tròn cổ hữu trong cơn sợ hãi ngạc nhiên, và nước da di xanh mét không còn chút máu. Thấy Tiên, di vội vã rời

khung cửa. Ở đây nhà sau, chị Hà rút rè với những khuôn mặt thấp thoáng sau tường. Trong sân vắng bóng lũ trẻ, có lẽ chúng được dồn đuổi hết vào các lồng gỗ trong nhà ăn. Tiên bước lên mấy bậc thềm, tới chỗ dì Lucia đang đứng chờ dưới dàn hoa giấy, bên cái kệ đá dài.

Khuôn mặt dì đã trở lại nét bình yên đậm đà gần gũi. Dì hỏi Tiên ông lính say rượu lúc này đi đâu, Tiên nói hẳn đi xuống ngã quận hay chợ gì đó. Có lẽ hẳn đi không được xa đâu, bởi hẳn đã yếu lắm. Dì ngồi xuống kệ đá, vuốt bàn tay nhẹ nhàng lên ngực, giữ yên nơi đùi. Dì kể ông Mỹ già đó thường lui tới đây hoài, bạn nào cũng mang theo chai rượu, say mềm. Có hôm mặc đồ lính cũ rách, xộc xệch, dơ nhớp; có hôm mặc đồ thường, ướt sũng bọt rượu. Lão tới đây đòi xin cho được con Na. Con bé Na cậu biết chứ? Hể lão tới là như lúc nào cũng say khướt ở đâu rồi đó, làm cho con bé nó sợ lão. Lão sấn tới đưa cho nó hộp bánh, bông nó đi một vòng, rồi cười giỡn với nó một hồi; lão hết biết gì nữa. Lão làm con bé sau này cứ nhìn thấy đáng lão là nó bỏ chạy, khóc ròng. Lão bảo con Na cho lão nuôi, lão sẽ đem về Mỹ...

Tiên nhìn vào mặt dì, thoáng thấy dì bồi hồi.

- Dì nghĩ sao?

Dì Lucia chép miệng cười:

- Cậu nghĩ, chúng tôi nuôi con bé Na đã mấy năm nay, từ lúc nó chỉ được vài tháng. Nay nó bắt đầu lớn, làm cho cả viện ai cũng vui. Có nó đó, cũng như những trẻ em khác, nhưng mấy soeur đã dành cho nó nhiều tình thương hơn bởi nó nhỏ xíu, lạc lõng hơn. Vậy mà lão Mỹ già tới đòi xin, bạn nào cũng say mềm. À, hình như lão có bệnh kinh phong gì nữa đó cậu. Tôi nghĩ, ở đâu có thể lo cho nó đầy đủ, sung sướng là được. Chúng tôi không giữ nó lại làm gì, nhưng lúc này thì không thể được. Lão Mỹ già đó cũng sắp sửa được về Mỹ rồi, lão tới một ngày hai ba bận lận....Lão say sưa, bệnh hoạn, con Na sẽ khổ. Với có một chuyện nữa mà tôi dứt khoát không thể cho bé Na cho lão

biết...

Tiên bần khuôn hỏi:

- Thừa dì chuyện gì vậy?

Đôi mắt dì lơ đãng ra khoảng sân trống, buổi sáng hiu hắt giăng mờ những giọt nước mưa thưa. Chợt dì cúi xuống nhìn đôi bàn tay, mân mê một ché áo. Dì Lucia ngừng nhìn lên đứng vào mắt Tiên (cái nhìn cố hữu của dì khi dì sắp muốn nói chuyện gì quan trọng, ần ức). Dì thở dài giọng cứng:

- Hôm qua đây tôi có tiếp ông Macvill, cố vấn viện trợ trong quận. Ông ta tới bảo chúng tôi nên cho con Na cho lão Mỹ già hỏi đó. Tôi trình bày rõ ràng rằng chúng tôi không giữ bé lại làm gì, miễn khi rời viện chúng tôi biết được đời nó sau này sẽ vui sướng. Sẽ thanh thản trong tình yêu thương bao la của Chúa. Nhưng bây giờ thì chưa có thể, bởi con bé còn quá nhỏ, còn lão kia thì lúc nào cũng nồng nặc mùi rượu. Có thể nào lương tâm chúng tôi yên ổn được khi sự ra đi của một trong những người con trong viện có một ngày mai không sáng sủa? Hơn thế, các ông nghĩ tình yêu thương đã buộc chặt chúng tôi với hầu hết những đứa trẻ ở đây thấm thiết. Cắt đứt tình yêu thương đi, không phải dễ dàng như mấy ông tưởng. Nghe tôi nói, ông Macvill đã lên giọng hăm dọa, sùng sộ. Ông ta làm in như ông có toàn quyền trên đất nước này. Ông bảo nếu viện không cho con Na cho người Mỹ đó, thì tự hậu viện sẽ không nhận được sự giúp đỡ nào của người Mỹ, của các cơ quan từ thiện. Bà phải chọn một trong hai trường hợp đó đi? Tôi trả lời dứt khoát, không thể được. Không thể có sự đánh đổi, buôn bán, trong việc này. Chúng tôi không làm công việc nuôi trẻ mồ côi (dù Mỹ hay Việt) để bán đi mỗi tháng ít chục thùng dầu, bột bắp, gạo, hay vài thứ vật dụng đã phế thải khác....

Tiên ái ngại nhìn dì Lucia:

- Rồi thằng Macvill nói thế nào nữa, dì?

Dì lại nở nụ cười se sắc, buồn bã:

Ông ta giận dữ bỏ đi...Tôi chắc lão Mỹ già kia đã nhờ ông ta tới can thiệp.

Dừng một lát. Dì lại nhìn mơ hồ ra sân. Mưa loáng thoáng trong ánh nắng: Tiên đã nghe tiếng lao xao đọc kinh, ca hát của lũ trẻ trong viện phía sau nhà chơi. Tiếng dì lại vang lên như nói với khoảng không:

- Tôi cũng vừa nhận được một giấy can thiệp của ông quận. Ông quận cũng khuyên chúng tôi nên cho con bé cho lão Mỹ nợ, nhưng phần quyết định tùy thuộc vào quý viện. Người đưa thư là gã thông dịch viên của ông Macvill. Gã lại quyết dụ chúng tôi còn hơn ông quận và hăm dọa chúng tôi còn hơn ông Macvill. Tại sao gã có thể nghĩ rằng, chúng tôi sẽ ưng thuận với sự dối trá bản thiêu này với những quà tặng, thực phẩm, vật dụng?

Chợt Dì Lucia quay mặt lại nhìn đứng vào mắt Tiên:

- Cậu nghĩ như thế nào?

- Thưa Dì, những gì Dì nói rất giống với ý nghĩ tôi....

Dì lại mỉm cười:

- Tôi chỉ biết làm theo sự dẫn dắt của Chúa. Lạy Chúa hãy giúp con....

Nắng làm tan hết những sợi mưa ngoài trời, nắng rực rỡ hồng ảm trong sân. Những khóm hoa vàng dưới chân tượng Đức Mẹ bùng dậy tươi tỉnh khác thường. Ngoài cổng, hàng bạc hà rũ bóng lấp lánh nước trong vũng sáng chói chang. Cổ xe ngựa rập rình chạy qua cổng viện mở hờ, những người đi lễ muộn vội vã xuống phố....

Dì Lucia trở vào phòng riêng, cúi đầu trên bàn máy đánh chữ. Tiên bỏ đi ra nhà sau, nơi lũ trẻ đang tụ nhau đùa giỡn. Tiên dừng lại bên bé Na. Con nhỏ lai Mỹ có mái tóc vàng hoe, đôi mắt lớn nhiều màu xanh, nước da trắng hồng. Nó xấu hơn những đứa con lai khác ở lỗ mũi hơi lớn, thô kệch. Nhìn chung, nó vẫn có vẻ quyến rũ của một đứa trẻ hai giòong máu. Thấy Tiên, nó chạy tới đưa hai tay đòi bồng. Nụ cười nó mở rộng, tự nhiên. Thằng nhỏ có bốn phận coi sóc cho cả lũ nhỏ lắc lắc kéo nó lui lại. Nó

vùng vắng nhào tới, thằng nhỏ bảo nó nằm xuống, chống mông lên cho nó đánh, nó làm theo lời cũng tự nhiên. Thằng nhỏ đập vào mông nó một cái, nó ngừng đầu lên nhìn Tiên, anh cười. Chị Hà ở đây nhà nấu ăn đi ngược lên, nói với Tiên xin con bé đó không? Tiên đùa bảo nó là giống Mỹ, đâu có ở lâu với người Việt Nam mà nuôi cho mất công. Chị Hà kể lại trường hợp của bé Na được viện nhận nuôi như sau: Buổi chiều nọ có cô gái bỗng bé Na tới, bé Na mới có mấy tháng. Cùng đi với cô gái, có người đàn ông, hình như chồng của cô gái sao đó. Nghe lời thuật, cô gái trước khi lấy người đàn ông kia đã đi làm trong sở Mỹ. Cưới nhau chưa được nửa năm, cô gái đã sinh bé Na ra. Người đàn ông hết mực thương bé Na, cứ ngỡ vợ mình sinh thiếu tháng. Lâu dần bé Na phảng phất dáng một đứa nhỏ lai, cả xóm đều bàn tán, xầm xì. Người đàn ông cũng nhận biết đứa nhỏ không phải con của mình, bàn tính với vợ đem cho, cho xong. Cô gái ngần ngừ, rồi cũng chịu. Tới viện, cô gái ngồi mãi không chịu về. Người đàn ông bỏ đi, cô gái lèo đèo theo sau. Từ chiều đó, không còn thấy tăm dạng của cặp vợ chồng đó nữa....

Tiên nói:

- Đã hư thân, còn lưu luyến với tội lỗi của mình, thứ con gái đó có đem chém đi cũng không ai thương mà.

Chị Hà cười:

- Anh nóng dữ. Thời này, thiếu gì con gái hư....

Tiên định nán lại chơi với lũ nhỏ một hồi, xưng mình là ba gọi chúng là con; để được làm cha con già một lúc cho vui nhưng chợt nhớ tới Sa, Tiên hỏi chị Hà:

- Mai giờ có cô Sa lên đây chứ chị?

Chị Hà cài lại những cúc áo hở của mấy đứa ngồi ngoài bờ gỗ miêng đang la hét những bài hát gì đó Tiên không nghe được câu nào ra câu nào trong những âm thanh ồn ào, lộn xộn, ngong nghệu của chúng. Ở mỗi vẻ mặt đó, Tiên vẫn nhận thấy nỗi ngơ ngác, lạc lõng, âm thầm, cho dù chúng có ngồi cùng nhau mà hò hét như bây giờ. Một thế giới

đau khổ, bơ vơ, lạnh lùng có thể tìm thấy ở trong viện này. Nhìn chúng, người ta có thể nhìn thấy được nỗi chua cay, khốn đốn, bất thiu của đời sống. Cô nhi viện là nơi thu góp những bất hạnh đó. Chị Hà gần gũi chúng, chăm sóc chúng, buồn vui bên chúng đã lâu, nên trông chị cũng có vẻ gì lơ ngơ, lặng lẽ, tội nghiệp của một đời con gái goá bụa, mất hết niềm tin yêu; quay về với những an ủi vỗ về trong sự đau xót của kẻ khác.

Chị Hà quay lại nhìn Tiên cười. Nụ cười khác lạ có nơi chị khi nghe Tiên hỏi tới Sa. Chị hỏi:

- Anh tìm cô Sa chi mà tìm hoài vậy?

- Có chút việc ở trường mà....

Chị Hà đứng thẳng dậy, quay mặt sát bên Tiên:

- Cô Sa tập múa, tập hát bên phòng Dì Thérèse....

Tiên nói, tôi đi, chị; rồi quay trở ra sân, tới phòng Dì Thérèse. Căn phòng ẩn dấu trong tàn bóng cây dày, hơi tối, vắng vẻ như cuộc đời Dì. Hơi mát quần quít gót chân khi Tiên rẽ từ lối sỏi đi xâm xâm vào bãi cỏ tìm nơi cánh cửa sổ mở.

Dì Thérèse nhìn thấy Tiên lộ đầu lên khung cửa niềm nở cười gọi:

- Cậu Tiên, Sa này....

Sa đang mãi mê dẫn dắt một bầy con gái nhỏ trạc mười, mười hai tuổi uốn éo theo điệu múa lễ nghe gọi đứng khựng lại nhì Dì Thérèse.

Dì chỉ tay ra khung cửa sổ. Sa nhận ra Tiên đang đứng sững sau khung cửa kính. Rất nhanh, Sa tới mở cửa lớn cho Tiên vào.

- Chào Dì....

- Cậu đi tìm cô Sa?

- Dạ.

Sa để Tiên ngồi nói chuyện với Dì Thérèse, tiếp tục điệu múa bỏ dở. Bầy con gái sốt sắng bắt chước từng dáng điệu của Sa rất dễ dàng. Hình như những điệu múa, bài ca, đã làm chúng yên vui hơn bao giờ.

Dì Thérèse nhìn lũ nhỏ đang tập múa cười :

- Chúng thích tập ca, tập múa lắm. Vắng cô Sa lâu, chúng cứ hỏi sao cô giáo không thấy tới Dì....

Tiên cười theo Dì:

- Cô giáo Sa làm biếng lắm mà, Dì. À, Dì định chuẩn bị cho ngày lễ chắc?

- Vâng, cũng định tổ chức trong buổi chiều....Nếu rảnh, mời cậu ghé lên chơi với mấy em cho vui? Ở đây tổ chức sơ sài thôi. Tiên cười do dự bởi nghĩ tới cái hẹn của Sa trong suốt ngày lễ, nhưng Dì như đọc được ý Tiên, Dì nói:

- Chiều đó cô Sa cũng đã nhận lời tới giúp viện rồi đó....

Tiên dạ nho nhỏ, hơi ngượng với Dì. Có lẽ nào Dì cũng đã có thời yêu thương như Sa, như mình? Dì có biết tình yêu là gì không nhỉ? Tiên nhìn lướt qua khuôn mặt Dì che lấp bởi mảnh vải đen âm u, buồn bã. Dì không có gì khác những người con gái mà Tiên đã gặp, Dì rất đôi giống Sa kia, nếu Dì cởi bỏ lớp áo chùng đen dài thướt. Trong ánh mắt, nụ cười, tiếng nói của Dì, Tiên không tìm thấy điều chi khác lạ; chỉ có một vẻ sâu kín ẩn ức nào đó quyến rũ thôi. Thì ra, tấm áo choàng đen đã che chở cho Dì được nhìn ngắm với vẻ xa lạ; nhưng Dì không có gì xa lạ hết. Dì có nhận ra thế không? Chợt Dì Thérèse quay lại nhìn Tiên hỏi:

- Ở trường cậu có tổ chức gì không?

- Nhân tiện cũng có bữa tiệc nho nhỏ....

Sau câu hỏi của Dì Thérèse hơi cúi mặt, như cố tránh đôi mắt thoáng gặp của Tiên đắm đuối nhìn Dì. Tại sao Dì lại lảng tránh những ánh mắt đó của Tiên? Dì chạy trốn những ánh mắt cùng nỗi xao xuyến tìm tới với Dì được à? Lại một nỗi dằng vặt khó nguôi đến trong đầu Tiên về một bận gặp mặt Dì nữa. Rất thoáng qua, rất mơ hồ, nhưng Tiên đã có lúc nghĩ tới Dì Thérèse như nghĩ tới một cõi nào xa xôi, êm ái....

Ra tới sân Sa ngược nhìn trời, bầu trời sà xuống thấp khép kín mây mù. Gió từ mặt đồng trước cổng viện thổi dạt vào

thật lạnh. Cái lạnh ngậy ngát âm u của mùa Đông với nỗi hoang vắng đã dưng của khu nhà mà cô nhi viện tối sụp bóng cây. Nghe bước chân của Sa, Di Lucia vội vã mở cửa chạy ra.

Sa cúi đầu chào:

- Thưa Di, con về....

- Cho Di gọi cái này....

Di trao cho Tiên tấm giấy mời vừa được đánh máy, Tiên đọc lướt qua, nói cảm ơn Di đã nghĩ tới. Di khoát tay cho Sa ra cổng, vội vã trở vào phòng. Sa đi cạnh Tiên nhỏ bé như một con chim. Nói cuộc sống của mấy Di thật đẹp. Tiên nhìn nàng bảo em thích được như vậy không? Sa lại nhìn vào mặt Tiên, một thoáng im lặng, nàng bảo thích, thích lắm, nhưng đâu phải dễ dàng mà được sống yên ổn trong tình yêu thương của Chúa. Kẻ nào có phước lắm mới có thể ở lại bên Chúa chứ anh. Tiên nghe rõ ràng trong giọng Sa một vẻ gì ghen ngào, buồn bã. Có lẽ nàng lại nhớ tới chuyện của Hinh. Hinh đuổi bắt nàng như người bủa lưới, giăng câu; còn nàng thì lẩn tránh với nỗi sợ hãi. Càng ngày nàng càng cô lẽ trong nỗi buồn, chơi vui trong niềm hốt hoảng ám ảnh. Nàng đã kể hết cho Tiên nghe từ đầu chí cuối cuộc tình ngang trái của nàng và Hinh: Em không ngờ trên đời lại có kẻ ngu muội đến nỗi bỏ phí cuộc đời để đi giăng bắt một cái bóng. Trong gia đình, em bắt đầu thấy hết nơi để nương tựa, an ủi. Mọi người như cùng rủ nhau cảm trọng, bắt em nằm lại với lời cười hỏi của Hinh. Anh nghĩ có nỗi buồn chán nào hơn cho một người con gái phải ung chịu một cuộc gấn bó ngoài ước mơ của họ không?

Tiên nhìn xa đến ngôi nhà thờ bên kia cánh đồng, đã có bóng người đi nguyện trở về. Con đường đất ngoằn ngoèo ẩn khuất trong bờ ruộng, lùm cây mù mờ êm êm dịu lạ. Khi cả hai qua hết bờ tường của dãy nhà cô nhi, trời bắt đầu mưa. Tiên mặc áo mưa cầm sẵn, giữ lấy tay Sa cùng nàng xuống phố....

Tiên và Sa tới trường thì sự việc đã được xảy ra xong xuôi, nhưng vũng máu và ngôi nhà cạnh trường dùng làm trụ sở ấp cháy sập còn đó. Lũ học trò đứng bu quanh vũng máu, và ngóng cổ nhìn trụ sở ấp bị đốt phá còn vương vất khói. Đêm rồi những người trên núi đã mò xuống đây....

Lũ học trò thấy mặt Tiên, ồn ào:

- Thưa thầy, ông Cai bị mìn thầy....

Nhìn xuống vũng máu đã đen, rỉ từng dòng theo mạch nước chảy loang trên cát, Tiên biết việc gì đã xảy ra. Mọi người nhón nhào ủa ra khỏi sân trường tản mác vào ngõ hẻm theo sự dàn xếp trật tự của mấy người lính dân vệ, xây dựng nông thôn. Lũ học trò được Tiên nhốt vào các phòng học bằng một hồi kiếng. Sân trường còn lại cái không khí im vắng, hiu hắt của một đám tang còn nồng hương khói đằng nhà ông phu trưởng bốc lại. Sa e dè theo Tiên từng bước, trên nét mặt của các bạn đồng nghiệp luống tuổi, Tiên bắt gặp nhiều nỗi hoang mang, khó xử. Họ thần thờ ở hiên lớp, nhìn mong lung lên dãy núi trước mặt trường. Cánh đồng trống trải lặng lẽ phía sau như còn lay động bàn chân, hơi thở của đám người lúc đêm lên vào đốt ấp.

Tiên bước tới xác người phu trưởng già được bỏ nằm trên mảnh chiếu cũ, mặt phủ giấy trắng. Bà vợ lão phu trưởng ngồi khóc sụt sịt dưới chân. Bà kể lể than khóc gì đó, Tiên không nghe rõ. Bà oán trách réo gọi gì đó, Tiên không để ý. Chỉ có xác lão phu trưởng nằm lạnh lũng đây đã làm Tiên nghe đau thắt trong lòng. Như vậy từ nay, cả xóm, sẽ không còn kêu ca lão về thói uống rượu như nước lã nữa. Vợ con lão cũng chẳng phản nản lão lèm nhèm tối ngày. Lũ học trò hét chộc ghẹo lão múa võ, rượt đuổi mỗi bận xin. Tiên được tiên mò ra quán uống đã bao tử mới chập choạng trở về. Cuối cùng, quý thầy quý cô sẽ không còn đề nghị trong biên bản cuối tháng rằng yêu cầu ông Bảy đóng ngay các cánh cửa lớp để khỏi mất sổ sách, hình ảnh trang

hoàng; mỗi khi nghe tiếng kiếng báo mần giờ. Bây giờ ông chẳng cần gì nữa ngay cả rượu.

Ngày Tiên tới thế việc thay cho người hiệu trưởng cũ bị Ty ráp tâm trình tấu với bộ, bị bãi chức vĩnh viễn; ông Bảy đã rủ Tiên đi uống rượu. Đang buồn, Tiên cầm tay lão ra quán. Từ đó, lão cứ kè nè bên Tiên mỗi lúc thêm rượu mà không còn một đồng. Câu chuyện về lão làm Tiên tức giận, nhưng cười mãi sau đó vẫn là buổi đại hội phụ huynh học sinh, ông phân hội trưởng vừa bước lên bàn, đọc:

- Kính thưa quý vị, hằng năm đến độ nhà trường khai giảng; trên toàn quốc nói chung, ở xã nhà nói riêng, chúng ta hội họp lại để tổ chức ngày đại hội....

Ông phân hội trưởng đang ngon trớn trình trọng đọc bài diễn văn khai mạc đại hội thì lão phu trưởng lừ đừ bước vào mặt mày đỏ lửng, áo quần bê bết đất bùn; sấn tới dành lấy tấm giấy trên tay ông phân hội trưởng, đọc lấp bấp mấy câu không có viết trong tấm giấy rồi ngã quỵ xuống đất ọi mửa. Vợ con lão phải lằng xằng khiêng lão vào nhà, lục trong túi quần lão tìm xâu chìa khóa để đóng cửa các lớp học giúp lão.

Sau lần có Tiên quyết định không cho tiền lão uống rượu nữa. Món tiền giúp lão được góp lại, giao cho bà vợ. Đờ say sưa được đôi ba ngày, một hôm lão lại bắt đầu rượt đuổi, múa võ với bọn học trò trở lại. Hỏi ra, mới biết Sa đã nghịch cho tiền lão đi uống. Sa bảo lão cứ lui tới xin hoài, thật tội.

Lão nói thà để lão chịu đói, nhưng rượu phải cho lão uống. Không có rượu tôi đau, cô giáo à. Thế là Sa hỏi lão cần bao nhiêu, lão cười hớn hở, xin cô giáo ít chục. Sa trao cho lão năm chục đồng, lão mừng quỳnh, cảm ơn cô giáo; rồi vụt biến ra ngõ. Trong đôi mắt lão, Sa thấy lão hực hỡ niềm vui, và thoáng chút áy náy khi liếc nhìn qua lớp học của Tiên. Lão còn kể cho Sa nghe câu chuyện mấy người quanh xóm thách lão bỏ rượu được nội trong

ba ngày Tết cho xóm làng yên tĩnh, lão sẽ được thưởng vài trăm, nhưng lão chỉ chịu được trong buổi sáng, buổi trưa đã thấy lão nhảy chui vào bờ ruộng, lùm cây gai, mà la lối om xòm. Uống rượu tới mức đó, chỉ có trời mới cảm nổi. Tiên lại cho tiền lão mỗi lúc lão sợ sệt tới gần, và đôi lúc buồn, cũng cặp kè với lão ra quán lai rai.. ..

Tiên cúi xuống nhìn sát lên người lão phu trường nơi có nhiều vết máu đọng. Tiên hỏi:

- Thưa bác, chắc nặng lắm....

Bà vợ lão phu trường ngừng mắt lên, đưa ống quần lau nước mắt. Bà mếu máo kể rằng ông bị trái lựu đạn chôn dưới đất nổ, bắn tung ra ngoài. Ông nằm rũ dưới đất một hồi, giấy giụa thê thảm một lúc, rồi im lặng luôn. Trái lựu đạn chôn dưới đất cạnh chiếc bàn bày lá cờ lạ hoắc. Ông ấp trứng bảo ông dọn đi, để chướng mắt quá; ông vừa lấy lá cờ, khiêng một chân bàn lên thì lựu đạn bật nổ dữ dội. Chỉ có mình ông lãnh hết trơn. Bà kể xong, tiếp tục gục đầu xuống đất mà khóc.

Do dự một hồi, Tiên nói:

- Nay, bác có than thở gì thì ông cũng đã chết. Lúc này có biết bao là cái chết oan ức kiêu này, bác lo mà tần liệm....

Tiên định nói tiếp, nhưng thấy bức dọc với chính những lời lẽ khuyên giải của mình, nên thôi. Mọi lời lẽ lúc này đều là vô ích hết. Tiên móc túi tìm một điều thuốc gắn lên môi.

Đứa con trai lão lại cầm bó nhang từ nhà sau ra cắm trên đầu lão, vai lạy. Trông dáng thô kệch, và nghĩ tới cái tính khùng của nó, Tiên thấy nó thật tội nghiệp, thật bơ vơ. Có lẽ từ nay nó phải giữ lấy xương chìa khóa, thế cha nó. Nhìn thấy Tiên đứng nơi trụ cờ chỗ cha nó ngã lăn ra chết, nó tiến tới. Nó lấy chân vẽ dưới đất ghi dấu nơi cha nó nằm với vũng máu trào. Nó cà lăm, lấp bắp kể lại đầu đuôi sự việc. Nó bảo chính mắt nó thấy ba ông ở trần, bẻ khóa cổng trường mà vào. Một tốp khác vào nhà bắt mẹ nó đi mở các cửa lớp coi thử dân vệ, xây dựng nông thôn có

chui vào đó nằm hay không. Mở được vài phòng mẹ nó lo ngại bị bắn nếu rui ro có người nào ở trong phòng học. Đang lui cui mở phòng cho vài tên có súng xét thì có tiếng nói, thôi đi tụi nó điên sao mà nằm trong đó chứ. Bà được trở vào nhà, khóa cửa nằm im. Nó nói lúc mẹ nó đi mở cửa, nó với cha nó núp ở sau bụi chuối ngoài vườn. Đốt phá xong trụ sở, chúng rút đi êm ru không một tiếng súng....

Những tiếng súng nổ dồn phía sau lưng làm Tiên chột giựt mình, quay phắt lại. Mấy ông nhân dân tự vệ đang ngồi tụ nhau dưới gốc cây cò kè bắn súng. Cạnh đó ngôi nhà làm trụ sở ấp cháy rụi, hoang tàn. Tiên trở vào lớp của Sa, chắc nằng đang đợi. Ngó lui ngó tới sân trường vắng ngắt. Tiên nghĩ bụng: vắng bóng lão phu trưởng thật buồn.

Tiên nói với Sa ý định dành số tiền đã góp để làm tiệc ngày mai, cho gia đình lão phu trưởng. Đồng thời kêu gọi tất cả kẻ ít người nhiều giúp đỡ cho vợ lão trong việc lo cho lão có được cái hòm. Tiên nhìn Sa nói:

- Lẽ nào cô giáo đã góp tiền cho lão uống rượu mà không góp tiền cho lão cái hòm....

Sa lườm Tiên, gắt:

- Thôi anh đừng nhắc tới chuyện đó nữa, em ghê quá. Mới hôm kia còn đưa tiền cho lão, hôm nay đã mất rồi....

Coi chừng lão lại về đòi tiền uống rượu đó.

Nói xong không muốn biết Sa giận dữ thế nào, Tiên hối hả bước xuống hiên, đi tới từng lớp học. Sa vẫn đứng yên đó, thờ thẩn nhìn lơ lửng ra sân. Mùi nhang thơm phức quện nồng trong gió. Trong mùi nhang thơm, Sa còn nghe như có mùi rượu phảng phất. Nét mặt tối tăm lem nhem của lão phu trưởng lại trở về nở to lên bám sát trong trí. Nàng chột rùng mình, nghe ớn lạnh sau gáy. Nàng quay trở vào lớp trong lúc bọn học trò xôn xao như bầy vịt.

Một tiếng la lớn từ cuối lớp vọng lên:

- Thừa cô, trò Nghiêm đánh con, cô....

Sa đứng giữa lớp, tiếng ồn chìm xuống dần. Nàng quất mắt hỏi:

- Nghiêm, sao trò đánh lộn trong lớp?

Nghiêm đứng dậy, nét mặt sợ hãi, hai tay nắm vào nhau. Hình như đôi mắt nó đỏ, muốn khóc. Nghiêm nói giọng thật nhỏ:

- Thừa cô hôm qua cha trò Tư đi đồn củi bị lạc đạn chết, em cảm trống đi đưa đám giúp, mấy trò thấy cứ ghẹo em hoài....

Sa lòi cả bọn nổi tiếng chọc ghẹo, hoang nghịch nhất lớp quý một hàng dài. Sau câu nói, thằng Nghiêm bật lên khóc thật tinh. Đã có lần nó đã khóc vì thằng Độ khi nghe tiếng cha nó bắt hai tay làm ống loa, a lô đồng bào tụ họp để nghe xã nói chuyện gì đó rồi cứ nhắc đi nhắc lại hoài ngay trong giờ học. Mỗi ngày tới trường nàng đều có chuyện để phân xử, ngay cả những chuyện vu vơ như chúng tranh nhau để bắt cá, mót lúa, hái củi ở nhà.

Thi nhau bắn súng xem chùng đã mồi, toán nhân dân tự vệ lần lượt bỏ về. Khi trong sân trường không còn bóng dáng ai, Tiên trở lại lớp Sa. Kiêng báo giờ mần học được ông Tường đích thân ra đánh. Thường ngày ông Tường vẫn làm thế công việc này cho lão phu trưởng, cho học sinh trực, để được về sớm sớm một chút cho kịp chân mấy người dân vệ canh gác. Ông bảo mấy ông áp với lính tráng về hết trơn, mình ở lại bị rượt đuổi như đàn vịt như mấy bận trước à?

Khi xe chạy hết quãng đồng trống quẹo vào con đường đất xuống xóm Tiên quay lại với Sa thể là từ nay anh không còn say sưa nữa, dù có buồn cách mấy. Tìm được một người để ngồi uống rượu như lão Bầy thiệt là khó có. Lúc này, nghe tin lão chết, anh đã muốn ra quán chỗ lão với anh thường ngồi, mà uống cho tới say. Tự dưng anh đang thèm những ngụm rượu đắng nồng, như người nghiện rượu nặng. Có lẽ chỉ có lần đó, anh thấy rượu đã quyền rũ

anh thật nhiều. Nghĩ lại, có thấy được sự quyến rũ của những giọt rượu mới thấy rượu cần thiết. Hèn gì lão Bảy không thể bỏ rượu trong cuộc đời lão là phải. Có lần lão đã tâm sự, hình như chỉ có những cơn say vui dập lão khật khù, lão mới quên được những khổ đau trong đời lão. Quên được quê kiểng, bảy bò, căn nhà, miếng vườn, và đứa con trai cuối cùng đi lính bên kia bị bắn chết bỏ ở quận mấy ngày lão mới nghe tin xin xác về chôn cất.

Sa cúi mặt sát vào lưng Tiên, tránh gió. Hơi ẩm truyền ra từ hơi thở êm đềm Sa làm Tiên ngáy ngất. Nỗi rét mướt của mùa Đông không làm tan được những hơi thở nồng nàn kia. Gió tiếp tục thổi dạt vào người Tiên. Bầu trời xám hắt mây. Màu trời ẩm đục hơi sương sụp thấp xuống gọi Tiên nhớ nụ hôn Sa đầu tiên trong văn phòng, trong cái lạnh rần rật của áo quần bị đắm ướt nước mưa vào những ngày đông năm trước lúc còn cùng nàng chờ xe ngựa bên này cầu. Một năm qua, một năm gần gũi trong nỗi hoang mang này Tiên đã nhận ra Sa thật cần thiết trong cuộc sống. Nhưng rồi sự cần thiết của hai người cũng chẳng vượt qua được bờ rào của gia đình, hồ sâu của nghi thức tôn giáo. Tại sao những người không cùng một tín ngưỡng, không thể yêu thương, gần gũi nhau? Chúa hay Phật có bao giờ phân chia như vậy trong suốt cuộc đời? Trong nỗi cách ngăn này, nhiều lúc Tiên bỗng thấy bàng hoàng bởi như thấy Sa cũng xa lạ, chơi vui như những đám mây như cõi nào xa lơ của Chúa. Sa bảo rằng Tiên đã bị những ám ảnh không đâu làm mờ trí óc. Sao lại không, trong cuộc sống đã có quá nhiều điều làm mờ trí óc con người, Sa à. Sa bị cả nhà ép buộc làm đám cưới với Hình, người đồng đạo mà nàng chẳng mấy may yêu thương. Nghe tin đó Tiên thấy người già thật tàn nhẫn. Họ có bao giờ yêu thương để nghe thấy nỗi đau xót của một tình yêu thương đã vỡ? Dù được gần Sa hằng ngày ở ngôi trường cách biệt này, Tiên vẫn có nhiều hôm cặp kẻ lão phu trường ra ngồi ở quán uống rượu....

Sa hỏi:

- Chiều nay anh ghé lên Dì Thérèse chứ?
- Em có đi không?
- Sao lại không. Bỏ mấy điệu múa cho tụi nó à?
- Còn anh thì ngại Dì Lucia tránh....

Tiếng Sa cười trong vắt phía sau:

- Dự lễ xong, mình đi lên nhà thờ luôn thể nghe anh?

Tiên cho xe chạy chậm chậm qua cầu. Qua khỏi quốc lộ rẽ vào phố, Tiên bắt đầu thấy những đợt nắng vàng hiem hoi, âm áp trong lòng phố vắng. Tự nhiên Tiên nghe trong lòng rộn rã một nỗi vui nào vỗ cánh....

Qua khỏi chiếc cầu tre vắt ngang con mương nhỏ đục nước nguồn, Sa đã thấy bóng người rộn rịp trên con đường đất dẫn vào sân nhà thờ. Những tà áo dài chập chờn phất phới trong ánh nắng dịu giữa một màu xanh tươi của cánh đồng khởi sắc thúc dục sa rảo bước. Ngôi nhà thờ đỏ với nàng không có gì xa lạ ngay khi nàng còn đi học ở trường tiểu học, nhưng nó vẫn có vẻ mời gọi âm thầm hồi thúc mỗi khi nàng qua hết chiếc cầu bắt đầu trông thấy đỉnh tháp chuông cao chót vót. Bây giờ, trên đỉnh tháp chuông cũ kỹ khăng khiu kia lại có thêm những dây đèn màu, những chiếc lồng đèn ngũ sắc, những lá cờ giấy lậ phật trong gió; Sa cảm thấy nó mới mẻ, thân thuộc làm sao. Dưới chân nhà thờ, rải rác các bực thềm, bóng người đã đông đảo, tấp nập. Cùng đường với nàng, những cô gái loắt choắt trong chiếc áo dài rộng thùng thình tung tăng như những cánh chim. Tiên lặng lẽ đi bên nàng, hút thuốc. Sa nói mùa Giáng Sinh năm nay không mưa như năm kia anh hỉ. Tiên trả lời, nếu có cơn mưa như năm kia mới vui. Phải có cái lạnh lẽo thấm thiết mới biết Chúa đã sinh ra đời thế nào. Dường như những mùa Giáng Sinh trong trí nhớ anh lúc nào cũng trắng xóa vây phủ những giọt nước mưa. Và gió lạnh. Tiên kể lại những mùa Giáng sinh hồi còn Việt mình ở làng anh. Những ngôi nhà thờ hoang

lạnh, âm u như những nhà tù không gót chân người. Những vị cha sở, thầy dòng, các Dì, như những bóng ma chấp chùng đơn lẻ. Đêm Giáng sinh thật ít con chiên, thu hẹp trong mảnh sân nhà thờ tối mù bởi ánh đèn dầu, ánh đuốt bập bùng ẩn hiện trong những cơn mưa và gió. Kẻ hiếu kỳ đi xem thì đông, nhưng người đến với Chúa thực lòng thì ít quá. Anh cũng đã lặn lội đến đó chỉ để ước ao được xem đôi cánh của những thiên thần. Những thiên thần múa lượn trong màu áo sắc sỡ đã quyến rũ anh hoài từ đó. Tiếng hát cất cao, bay bổng rạo rờ lao xao như hồi chuông trên đỉnh tháp. Lễ nửa đêm mãi, đèn đuốc tắt ngấm, tối om. Những lời kinh cũng lạnh lẽo tan mát trong những cơn mưa như xối nước lên đầu. Ngôi nhà thờ trở lại cái im vắng ghê rợn cũ. Những bóng đen bắt đầu thấp thoáng ngập ngừng ở các dãy hành lang nhà thờ. Anh lầm lũi đội mưa trở về, hồi chuông ngân dài nào nuốt như vô tận trên không. Về tới nhà, người ướt mềm như chuột lội nước, anh phải đốt lửa lên ngồi sưởi và mang củ lan ra nướng ăn. Cái lạnh ray rứt anh suốt đêm dù anh đã chui vào bồ lúa mà nằm co như con mèo.

Nghe tới đoạn đó Sa chợt quay lại nhìn vào mặt Tiên cười nói hồi đó khổ quá hả anh? Tiên nói khổ thì khỏi phải nói, nhưng sao những hình ảnh lúc đó khó quên trong trí anh quá. Anh cũng không biết tại sao đến giờ anh vẫn còn bị những cánh thiên thần đêm Giáng sinh năm đó ám ảnh. Những đứa con gái lạ có khuôn mặt thật giống Đức Mẹ, bây giờ không rõ lưu lạc nơi đâu. Họ có còn mang trên vai đôi cánh màu, hay đôi cánh đã gãy nát với cuộc đời khốn đốn trong những năm khói lửa sau này? Đôi lúc anh cứ ngỡ rằng họ chắc đã cất cánh bay về Trời sau đêm cùng nhau hát múa ở ngôi nhà thờ cổ đó. Anh lại đâm nhớ thương họ trong sự mù mịt của cõi trời và cõi trần....

Tiên dừng lại, chị Hà từ cổng cô nhi viện bước ra. Thấy Tiên đến với Sa, chị cười ngượng ngùng. Tiên tự dưng áy náy vì nụ cười của chị. Có phải đây là lần đầu chị trông

thấy Tiên tới đây với Sa đâu? Sa vẫn ưa thích công việc ở cô nhi trong những lúc nàng rỗi, hay có chuyện buồn ở nhà. Tim tới bên những đứa trẻ ngơ ngác đang đón đợi từng nụ cười, từng chút nâng niu ở người khác Sa bảo thấy nguôi đi cơn phiền muộn rất nhiều. Với nỗi ngầy thơ tội nghiệp này nàng cũng nhận ra nỗi khổ đau của mình rất ít. Không đến nỗi mệt mỏi vô định. Tiên cũng mong muốn có mặt ở đó, bên Sa, để cùng hưởng chút yên ổn trong những an ủi đã vỗ về nàng.

Sa nắm lấy tay chị Hà, hỏi:

- Chị đi đâu giờ này, chị Hà?

- Dì Lucia sai xuống phố mua thêm ít đồ....

Tiên cười:

- Chị tính giao bày con đó cho lũ tôi chắc?

Chị Hà cười rụt rè, ngượng nghịu bỏ đi thẳng. Tiên mở cổng cho Sa vào. Những giọt nắng chiều xuyên lá cành rớt đều trên mặt sân, trong lối sỏi. Màu vàng của những đóa hoa dưới tượng Đức Mẹ sáng rực lên trong màu nắng. Nắng ấm trong các dãy hành lang, và phơi phới trong lòng mọi người.

Dì Lucia xúng xính trong bộ áo chùng rộng, dáng vội vã từ dãy nhà sau tiến ra sân. Dì Thérèse đứng trên bậc hiên cao nhìn xuống Sa, cười. Lũ trẻ xúng xính trong bộ đồ mới chạy lui chạy tới trong các lồng gỗ, vỗ tay ca hát ào ào. Tiên cùng hai người giúp việc sắp ghế trên sân. Những chiếc băng dài để theo hình bán nguyệt cho lũ nhỏ, vài chiếc ghế dựa cho quan khách. Theo ý Dì Lucia, Tiên phải dàn xếp sao cho khoảng sân thật rộng để lũ nhỏ có thể ca múa, làm trò chơi cũng được. Thêm vào đó, phải để một lối nhỏ cho khách vào giữa. Tiên rộn ràng theo sự nhộn nhịp, hồi thúc của tất cả. Cả bầu không khí im lìm bóng cây như trời dậy xôn xao. Trong lúc Tiên lo trình bày ở sân, Sa tìm xuống nhà chơi chuẩn bị cho lũ trẻ, thế chị Hà. Ngoài cổng, Tiên đã thấy từng nhóm lũ lượt đi về hướng nhà thờ, nói cười vang dậy....

Ở hàng ghế khách, Tiên thấy có hai người lính Mỹ và một người lính Đại Hàn. Cả ba đều có đeo nơi cổ một tấm thánh giá. Ông quận trưởng vắng mặt, nhưng hàng ghế dành cho khách đã đầy. Sau những lời nói đầu tiên của Di Lucia, Di Thérèse điều khiển cho một toán cả nam lẫn nữ trong bộ đồng phục hát bài thánh ca. Tiếp đó, Sa hướng dẫn bọn con gái trình diễn mấy điệu múa của những thiên thần. Những thiên thần mồ côi, lạc lõng trong đôi cánh thật lớn trông chậm chạp, tội nghiệp.

Di Thérèse ghé vào tai Tiên nói nhỏ:

- Cậu có thấy những điệu vũ có giống nhau không?

Tiên chỉ cười phụ họa vì chẳng biết tí gì về nhảy múa. Anh đang tưởng nghĩ tới những đôi cánh thiên thần bay lượn trước mặt. Những cánh thiên thần này rồi cũng mịt mù sương khói chẳng. Có đôi cánh nào cứu vớt được chúng trở về với cõi yên ổn hạnh phúc nghìn đời được không. Còn đôi cánh nào cho chính Sa ôm ấp, tin tưởng hơn đôi tay gầy, yếu đuối đó?

Di Lucia ra dấu cho Tiên, Di Thérèse, chị Hà đem quà ra phân phát. Khách đã rời khỏi chiếc ghế quan trọng dành sẵn, đi thăm hỏi từng đứa nhỏ. Lũ trẻ thấy được phát quà nhón nháo hẳn lên. Di Lucia phải quắc mắt hăm dọa chúng để giữ trật tự. Một người lính Mỹ dừng lại bên bé Na, bỗng nó ra giữa sân. Một người khác lùi máy ảnh ra chụp.

Di Thérèse vỗ tay:

- Đêm đông lạnh lẽo....một, hai, ba....

Khi lũ nhỏ dừng ăn, dừng nói cười ngóng cổ lên hát theo lời xướng của Di Thérèse. Những âm thanh như dồn đuổi nhau, chen lấn, loạn xạ, nhưng bài hát vẫn được tiếp tục:

Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời nằm trong hang đá nơi máng lừa. Trong hang Bê-Lem ánh sáng tỏ ra tung bùng, nghe trên không trung....

Sa đưa cho Tiên gói kẹo bảo rằng của Di Lucia gởi. Di cho mỗi người một gói kẹo, một phần của lũ trẻ. Tiên

nhận gói ở tay Sa, mở ra ăn ngon lành . Trời đã chập choạng tối. Bóng người vẫn lữ lượt di động về hướng nhà thờ. Trên đỉnh tháp chuông, đèn điện đã sáng choang. Những sợi dây đèn lồng cũng đã rực rỡ màu sắc. Sa đi nép bên Tiên, dường như nàng cảm thấy lạnh bởi những cơn gió từ quần đồng trống lùa vào. Tối gần, Tiên mới biết bên sân trường trung học cạnh nhà thờ cũng đang tổ chức đêm văn nghệ. Tiếng máy phóng thanh kêu rè rè không nghe rõ gì bên đó trong tiếng gió lộng. Tiếng ồn nổi lên như sóng cuộn. Tiên giữ tay Sa đi sâu vào sân nhà thờ đông nghịt người.

Đứng lại bên một gốc cây dương mắc nhiều bóng đèn màu, Tiên hỏi:

- Đợi tới khuya em đói bụng không?

Sa cười, hỏi lại:

- Anh đói không đã?

Tiên cúi sát xuống vai Sa:

- Nhờ gói kẹo cũng đỡ rồi....

Dù nói vậy Tiên nghe đói sôi nổi trong ruột. Tiên lại nghĩ đến những thức ăn dự trữ cho buổi tối trở về, cùng Sa nhấm nháp, mà nói chuyện, căn phòng trọ cũng được Tiên dọn dẹp có thứ tự một chút từ sáng hôm qua. Tự tay Tiên đã làm một cái hang đá bằng giấy màu, máng ỏ xanh, hình ảnh Chúa hài đồng, những bóng đèn là những ngôi sao lấp lánh. Tiên đã từ chối lời mời của vài người bạn đồng nghiệp trong trường, như ông Tường, bà Hạnh, thầy Minh; để được có giờ phút ngồi bên Sa mà ngắm cái hang đá. Được thấy đói cồn cào cùng Sa lẽ mề mang thức ăn nguội ra hiên mà ăn uống. Được ngồi bên Sa trong đêm lạnh lẽo của mưa gió đầy trời mà nghe từng hồi chuông vọng xuống từ đỉnh tháp.

Sa thu ngắn tia nhìn từ những dây đèn màu giăng ngang koảng sân nhà thờ xuống đôi mắt Tiên. Lòng nàng bỗng bồn chồn. Tiếng nói Sa thật nhỏ, hao hụt trong nỗi áy náy gần gũi:

- Anh Tiên, anh vào làm lễ với em không?

Đôi mắt Tiên mở to, cứng nhắc. Đôi mắt như đã đóng đầy muôn nỗi chua xót, buồn phiền. Sa lại nhìn sâu vào mắt Tiên.

- Anh vào dự lễ không?

Hồi chuông trên đỉnh tháp bỗng nổi lên, ngân nga, réo gọi. Làn sóng người di chuyển chộn rộn trước mặt. Tiên cúi xuống hôn lên mái tóc Sa:

- Anh chờ em ở đây....

Sa cười, chờ Tiên hôn lên tóc mình một lần nữa mới chịu rời. Nàng như con mèo con tham lam âu yếm. Nàng rẽ đám đông, len lỏi vào bên trong nhà thờ. Ánh sáng của những bóng đèn neon, của những cây đèn sáp lớn, chiếu rực rỡ ra ngoài khung cửa. Tiên cố nhìn vào trong, nhưng vùng ánh sáng chói chang làm mờ đôi mắt. Sa đã có mặt trong vùng ánh sáng đó như một nỗi cách biệt mù tăm. Sa đã có một thứ ánh sáng riêng rẽ cho đời nàng chăng? Con đường triền miên lời kinh cầu kia đã ôm ấp, kéo giữ nàng lần hồi ra khỏi đôi này mòn mỏi này rồi sao?

Vẫn không thấy bóng Sa nơi khung cửa. Lời kinh nổi lên rào rào như cơn mưa. Nổi im vắng biệt trên đỉnh tháp chuông khăng khiu, lạnh giá.

Tiên đưa mắt nhìn thoáng qua khoảng sân. Sân vắng bóng người. Hình như người đã dồn nhau vào nhà thờ vào cõi âu yếm quỵên rũ nào đó. Đêm sâu thăm ngoài cánh đồng. Đêm mênh mông trong mắt Tiên. Tiên nói thầm:

- Không có lẽ....

Hồi chuông thứ hai lại nổi lên dồn dập, rộn rã. Lời kinh trầm, buồn, héo hắt vọng ra nghe rõ như trong cơn gió. Tiên ngẩng nhìn lên đỉnh tháp chuông. Thật lâu. Tự dưng Tiên cảm thấy lòng mình thật yếu đuối, thật trống vắng hoang mang: *Tiên không thể nào giữ Sa ở lại.* Tiên thấy như sầu mình treo lơ lửng trên đỉnh tháp chuông cao: *Sa ơi, anh trả em lại cho những lời cầu kinh đó: bởi anh không có một quyền phép nào để giữ em lại bên cuộc đời*

ngoại đạo lẻ loi của anh.....

Mưa lất phất, thật lạnh. Tiên rời cây dương có mắc nhiều bóng đèn được nhận là nơi chờ đợi, bỏ đi ra phía cổng nhà thờ. Bóng Tiên thấp thoáng trên con đường đất mù mờ ánh sáng. Tiên quyết định trở về để ngồi nhìn hang đá một mình....

(Trích trong tập Mùa Thu Trống Trái- 1970. Nhị Hồng xuất bản).

Truyện viết sau 1975

C h u y ệ n X ó m C ù i

Tuy mới dọn về ở đầu con giốc dẫn vào xóm Cui không lâu, nhưng tôi được biết khá nhiều tin tức của gia đình ông Bui- nhất là về đứa con trai út của ông. Bắt đầu từ Thân-tên cậu con trai, gia đình ông Bui ngày càng rối ren, phiền muộn . Dầu chưa kịp hỏi han, các bà trong xóm luôn sốt sắn kể cho tôi biết thêm nhiều tin tức mới... Đàn bà thì bao giờ cũng vậy, rất nhạy bén với mọi điều xảy ra quanh mình. Dường như họ có cái say mê thích nghe chuyện người khác, để có cái mà bàn chuyện lúc rỗi rảnh !

Lúc đầu, mỗi lần có dịp ghé lại chơi nhà tôi, ông Bui có ý không cho tôi biết nỗi khổ của mình. Có lẽ ông không cố tình tránh né, nhưng có thể nghĩ, nếu có tâm sự với tôi, thì mọi chuyện cũng không thể thay đổi được gì. Có thể làm cho cuộc gặp gỡ mất vui ; mà ông lại muốn đến với tôi như là để lãng quên, thư giãn đôi chút.

Một hôm ông ghé vào, áo quần xốc xếch, vẻ mặt còn đỏ gay. Tôi không muốn chạm tới nỗi khổ tâm của ông, chỉ rót trà mời- hỏi qua loa : “Hôm nay ông không đi làm à ?”.

-Làm chi cho mệt xác, ông ? – Giọng ông Bùi nặng nề- Con cái nó hư hỏng tới như vậy rồi, còn làm ăn gì được nữa ?

Trông ông buồn khổ một cách tuyệt vọng- Tôi hỏi thăm :

-Lại có chuyện gì bên nhà sao ? – Tôi nhìn vào mắt ông ; nghe nói cháu đã chịu đi học nghề rồi kia mà ?

-Học được mấy hôm rồi lại quay về lấy chiếc đồng hồ của em nó. Chị nó biết được rầy la- nó gây sự, rượt đánh chị nó chạy khắp xóm !

-Có thật như vậy sao ? – Tôi ngạc nhiên.

-Sao lại không thật- ông Bùi cười gằn, mẹ nó chạy theo can ngăn ; nó cũng quật mẹ nó ngã nhào, phải chở vào viện.

-Lúc ấy ông ở đâu ? – Tôi lo lắng.

-Ở trong buồng chớ còn ở đâu ? – Ông Bùi lại cười nhạt, lại rít thêm hơi thuốc- Tôi nghe biết mọi chuyện nhưng tôi có thể làm gì được với một đứa con không có trái tim người ?

Chúng tôi cùng uống trà.

Im lặng.

Ông Bùi thờ dài :

-Thử hỏi ông, nuôi nấng nó đến ngần ấy tuổi, trải qua bao nỗi khổ- có khi nào nhìn thấy mình làm việc vất vả mà rót mời mình một ly nước đâu ? – Ông cười cười, thậm chí không có lấy một lời nói dịu dàng nữa, chứ đừng nói chuyện nước nôi...

Tôi đỡ lời ông :

-Có lẽ chúng bận việc, hay chưa nghĩ tới được?

-Bận việc à ?- Ông cười gằn, nó nằm dài ra xem ti vi chứ bận việc gì ?- Ông nhìn chăm chăm vào mắt tôi- Chúng chỉ luôn đòi hỏi cái nọ, cái kia- chê trách cha mẹ... chớ đểch có đứa nào tự hỏi lại mình, là đã làm được gì cho gia đình, cho cha mẹ...

-Ở đời, nước mắt chảy xuôi mà ông- Tôi cười lớn,

để ý làm gì cho thêm khổ ?

-Không phải là mình để ý- Ông cãi lại, nhưng vẫn minh, đạo đức gì như thế cơ chứ ? Ngày trước, mình đối với cha mẹ, anh chị... chẳng dám hó hé nửa lời, vậy mà êm thấm, nên người cả !

Thân thường đi ngang qua ngõ nhà tôi để lên giốc, xuống phố. Tôi thường trông thấy dáng nó qua khung cửa sổ. Có lần vừa ra ngõ, gặp Thân- tôi cười, hỏi : “Cháu đi làm phải không” – nó đáp nhỏ “dạ” rồi lăm lăm bước. Tôi nhìn theo nó cho tới lúc ra tới đầu giốc ; cảm thấy rất thương nó. Một tình thương yêu mơ hồ, nhẹ nhàng, len lỏi vào trong tôi ; có lúc khiến tôi bàng hoàng, xót xa giây lâu. Có tuổi trẻ. Có sức khỏe. Có tương lai. Nhưng nó đã sớm đi vào con đường tăm tối, và khổ đau ! Giá như nó không bỏ học ngay năm lớp 10 để theo bè bạn lêu lổng, quán xá, đua đòi – thì nay đã là sinh viên... Tương lai sáng sủa, chắc chắn ở trong tầm tay nó. Tuổi trẻ mà ham những cuộc vui nhỏ tạm bợ trước mắt thì sẽ không có niềm vui lớn lâu dài. Tuổi trẻ mà không “*biết đủ*” ở hiện tại, thì sẽ chẳng bao giờ “*có đủ*” ở ngày mai cả. Tôi thường băn khoăn : “Liệu có cách gì giúp đỡ để nó trở về con đường sáng sủa, yên vui chẳng ?” – Tôi suy nghĩ mãi mà chưa tìm được câu trả lời khiến mình yên tâm.

Một buổi sáng chủ nhật, tôi có dịp đến thăm gia đình ông Bùi. Ông vừa có việc phải đi đâu đó. Bà Bùi tiếp tôi với vẻ gắng gượng tươi cười : “Mời bác vào nhà xơi nước ạ!”.

Buổi sáng hôm ấy, tôi có góp với bà Bùi vài ý nghĩ của tôi về Thân. Tình yêu thương của bà Bùi dành cho con, làm cho tôi rất đỗi ngạc nhiên và khâm phục : Bà không hề oán giận con, không trách móc, thất vọng- mà

luôn tìm mọi cách cứu giúp nó. Sức chịu đựng của những người Mẹ như bà thật bền bỉ.

Khi nghe tôi đề nghị sẽ giới thiệu Thân cho đứa cháu gọi tôi bằng chú đang làm Giám đốc một xí nghiệp sản xuất gạch men lớn ở Saigon ; bà Bùi không dấu được nỗi vui mừng, và xúc động. Tôi thấy trong đôi mắt bà ánh lên niềm hy vọng long lanh. Niềm hy vọng lớn lao đến nỗi khiến tôi cảm thấy lo lắng : Liệu mình có thể đáp lại được phần nào tấm lòng kỳ vọng tha thiết ấy chăng ?

Tôi nói :

-Tôi tin rằng vào trong ấy, có việc làm, có lương đủ sống rồi, cháu sẽ trưởng thành tốt hơn...

-Tôi cũng nghĩ vậy, bác à ! – Giọng bà phần khời- cho nó xa bè bạn xấu đi, có công việc làm ăn ổn định – cháu sẽ đỡ hơn ngoài này... Lúc bé, cháu hiền lành, ngoan ngoãn lắm !

Tôi cười :

-Tôi hy vọng cháu sẽ không là nỗi buồn lo của gia đình nữa . Chị gắng kiên nhẫn thêm một thời gian...

-Cám ơn lòng tốt của bác- bà Bùi vui vẻ tiễn tôi ra ngõ- gương mặt hân hoan, linh hoạt khác thường.

Khoảng một tuần lễ sau, ông Bùi đến thăm tôi vào buổi tối. Sau chén trà, ông nhìn tôi- có vẻ do dự :

-Ông Thành, tôi có nghe vợ tôi nói ông có ý giúp cho thằng con của tôi...

-Ồ, có gì đâu – Tôi cười, chuyện bình thường thôi mà ! – Tôi hớp một ngụm trà, và lại đưa cháu của tôi cũng đang cần có người thân tín để giao công việc...

Tôi nhìn ông giây lâu :

-Nó làm ăn giàu có lắm, không có gì mà ông phải ngại cả !

-Đấy- ông Bùi bỗng kêu lên, đây chính là điều

làm tôi bận khoản suốt mấy hôm nay !

-Ông có gì lo nghĩ nào ? – Tôi vui vẻ hỏi. Có việc làm ăn ràng buộc, nó đỡ la cà...

-Ông thương tôi, có lòng với gia đình tôi- tôi xin cảm ơn ; nhưng tôi không muốn để cho ông chịu bao phiền hà, trách nhiệm về sau này ! – Ông hợp một ngụm nước trà- Nó sẽ làm khổ đến ông nữa đấy ; tôi nói không sai đâu !

-Ông nói phiền hà là phiền hà cái gì ? – Tôi thắc mắc, tôi chỉ tốn một cái thư giới thiệu . Và gọi điện cho cháu tôi đón Thân khi vào đến Saigon là yên rồi...

-Không đơn giản như vậy đâu – Giọng ông Bùi buồn buồn- Có ai dám bảo đảm là vào tới Saigon, nó sẽ tốt hơn ở đây ? Tôi nghĩ khi tâm nó còn tối tăm, lòng chưa quyết thay đổi ; ở Saigon đôi lúc còn dễ hư hỏng, gây nhiều lỗi lầm lớn hơn ở đây nữa !

Yên lặng một phút- ông tiếp :

-Ở đất Saigon có đủ mọi thứ cám dỗ cho mọi người. Ông thấy đấy, lớn còn hư hỏng hồ là trẻ nhỏ! Nó là thằng đã ăn chơi, sa ngã, đua đòi như vậy; thì ở Saigon nó có thể tốt hơn được không ? Ai là người quản lý, theo dõi, răn dạy nó đây ? Giao cho nó việc quan trọng, có cơ hội, điều kiện trong tay- nó lại dễ phạm tội hơn nữa là khác.

Lời ông Bùi thật sự làm tôi cảm thấy khó xử. Nếu được tin tưởng vì lời giới thiệu, gởi gắm của tôi; nó sẽ được giao cho việc tin cẩn, quan trọng, ngay trong buổi đầu ; liệu nó có làm tròn được không, hay là quen đường cũ ; chạy theo cám dỗ giăng mắc đầy rẫy quanh nó ở đất Saigon ?

Nhìn thấy tôi im lặng, ông Bùi lơ đãng, phân vân, trông theo khói thuốc là bay trước mắt- giọng thân tình, chậm rãi :

-Thôi, tôi xin ông hoãn việc này lại- lúc nào cần, chúng tôi sẽ tới nhờ ông vậy ! Tôi thực tình không muốn

lợi dụng ông...

Ông chào tôi. Đứng dậy. Ra tới hiên, bỗng quay lại, ghé vào tai tôi, nói nhỏ : “Ông đừng cho vợ tôi biết việc này nhé ! Bà ấy rất thương con, nhưng nông nổi lắm ông à”. Ông chồm bước đi, rồi dừng lại nhìn tôi : “Ai mà không thương con? Nắm ruột cắt ra, máu thịt chia xẻ nhưng biết làm sao bây giờ ?”.

Một tháng sau ngày ông Bùi đến thăm tôi vào buổi tối, thì Thân bị bắt, vì có dính líu tới vụ cướp xe gắn máy ở chân đèo Góc Mít. Thân bị giữ để điều tra một thời gian, ra tòa- Và được tập trung cải tạo ở K₁₀ trong thời gian hai năm.

Vợ chồng ông Bùi thay phiên nhau đi thăm con. Thỉnh thoảng, ông ghé lại tôi hỏi mượn ít tiền để mua thêm quà cho Thân. Tôi vui vẻ bắt tay tiền ông ra ngõ : “Ông cứ nghĩ rằng đây là chút quà của tôi gửi cho cháu... ông đừng bận tâm làm gì !”.

Ông phân trần :

-Tôi vẫn biết đây chỉ là chút đỉnh quà an ủi cho con ; nhưng nó không hiểu biết hết được tấm lòng của cha mẹ nghèo- dầu chỉ một đồng lo cho chúng, cũng là mồ hôi, có khi cả nước mắt nữa...

-Đúng như vậy- Tôi tiếp lời ông, đâu phải cho chúng nhiều tiền, nhiều thứ- mới gọi là có tình thương yêu đâu ?

-Nhưng ngặt nỗi tuổi trẻ bây giờ có số suy nghĩ như vậy ! – Ông lắc đầu, ở chỗ nào tiền bạc cũng đi hàng đầu cả, ông ạ !

Tôi cười lớn : “chuyện của ngàn năm mà !”

Trái với sự cởi mở thân tình, gần gũi của ông Bùi ; bà Bùi tránh nhìn mặt tôi. Hay nếu có lỡ gặp ; bà nhìn tôi với đôi mắt lạnh lùng ; gương mặt khô cứng như đá. Mỗi lần nhìn chạm phải gương mặt ấy, tôi cảm thấy rất ân hận,

có lần niềm đau xót ray rức âm thầm. Nhiều đêm tôi tự trách mình : “giả như tôi không nghe theo lời đề nghị của ông Bùi, vẫn giới thiệu cho Thân vào Saigon- có lẽ nó đã không phải ngồi tù?”.

Rồi thời gian cũng trôi qua, như bao dòng sông đổ xuôi về biển : Thân mãn hạn tù, được ra trại, trở về với gia đình. Tôi đã đến chia vui cùng gia đình ông Bùi ; hỏi thăm Thân về tình trạng sức khỏe, sinh hoạt trong trại ; góp ý động viên nó gắng tìm việc làm... Lạ thay, lần này bà Bùi không còn nhìn tôi với đôi mắt lạnh lùng, cứng sắc như trước. Tôi cảm thấy yên tâm.

Tôi nói :

-Tôi định xin lỗi chị về việc không giữ được lời hứa với cháu...

-Thôi, bác đừng nhắc lại chuyện cũ nữa- Bà vội cắt lời tôi, người có lỗi là tôi, chứ không phải bác... Nhà tôi đã nói với tôi hết cả rồi ! Tôi xin bác nghĩ tình bỏ qua cho.

-Được chị hiểu là tôi vui rồi- thật tình là lâu nay tôi rất buồn vì chẳng làm được gì...

Ông Bùi vỗ vai tôi- giọng chắc nịch :

-Ông là ân nhân của tôi. Xóm giềng mà có được người như ông thì quý quá !

-Ông đừng nói vậy- Tôi cười, chúng ta đều là người “*nghèo khổ*” cả ; có điều , mỗi người “*nghèo khổ*” một cách... Ở đời, có ai là được hoàn toàn đâu ?

Thời gian ở trong trại, Thân kết bạn với một người “*anh nuôi*” lớn hơn nó năm tuổi, quê ở Long An, nhưng sống với bác ruột ở quận Bình Thạnh. Được người bác cưu mang, dạy cho nghề làm giày. Anh ta có thời gian dài làm việc cho Công ty Giày xuất khẩu Bithaco. Thân đã xin cha mẹ cho vào Saigon gặp lại người “*anh nuôi*”, để nhờ giới thiệu vào làm việc cho công ty giày. Theo lời Thân kể, thì người bạn đã hứa sẽ hết lòng giúp, nếu chưa vào được Bithaco, sẽ làm việc cho hiệu giày của người

bác. Anh ta còn hứa thêm, là sẽ gả em gái đang học Trung cấp kế toán cho Thân nữa...

Thời gian lặng lẽ đi qua. Xóm Cùi cũng ít có chuyện gì mới, hấp dẫn mấy bà hàng xóm. Tuy vậy, gặp nhau- họ thường to nhỏ về các phòng hát Karaoke ở dưới phố... Tôi có công việc phải đi xa nhà mấy tháng, lại ăn Tết với con cháu ở Nhatrang hết một tháng nữa. Về nhà, chưa nghỉ được trọn buổi, thì bà Bùi đến.

-Bác à, nói cho bác mừng, thằng Thân nhà tôi dạo này chăm chỉ làm ăn lắm .- Bà nhiệt tình nói, hôm Tết cháu nó còn gửi quà về cho bố, cho chị, cho em nó nữa...

-Cháu không có quà gì cho chị à ? - Tôi cười .

-Có chứ, bác ! Nó biếu tôi đôi giẻp da ngoại, tự tay cháu nó làm- nó bảo mang ba năm không đứt quai !

-Thế thì tôi xin chia vui với anh chị...

-Cho tôi cục vàng cũng không bằng cháu nó được nên người, bác ạ !- Dừng lại giây lâu, bà nhìn tôi dò xét ; tôi có việc muốn nhờ bác không biết bác có vui lòng giúp cho không ?

-Chị cứ nói, - Tôi cười, vừa khả năng thì tôi làm ngay- còn nếu không đủ khả năng, thì dầu lòng có muốn, cũng không thể làm gì được...

Bà Bùi móc trong túi ra một phong thư, trao cho tôi : “Bác xem giúp, rồi cho chúng tôi biết là phải làm thế nào ? Nhà tôi phải nhập viện từ hôm rằm, ông ấy nghe xong, bảo tôi phải đến nhờ bác...”.

Tôi mở thư ra xem : Thư của Thân gửi cho ông bà Bùi. Tôi cảm thấy rất khó để góp ý với bà ; bởi vì, đây là chuyện hệ trọng cả đời của Thân. Sự tin tưởng của vợ chồng bà dành cho tôi, càng khiến cho tôi khó xử. Tôi lại thoáng nghĩ, đây là việc của nhân duyên mầu nhiệm, trí phàm mắt thịt của tôi làm sao có thể tường tận để nói với bà cho chính xác đây ? Có cuộc tình nào được mãi mãi hạnh phúc, êm ấm mà không gặp khó khăn ?

Suy nghĩ hồi lâu- Tôi nói :

-Chị nên thu xếp việc nhà, vào thăm cháu. Mẹ con trò chuyện, hỏi han nó cho kỹ. Nếu nó một lòng yêu thương con bé ấy- thì mọi việc sẽ dễ dàng : Chúng ta là cha mẹ, chỉ khuyên răn, góp ý với con thôi, nếu chúng đã thực lòng yêu thương nhau rồi, thì hãy làm theo ý nguyện của chúng. Có tình yêu chân chính, khó khăn chúng sẽ vượt qua được...

-Vậy là bác cũng đồng ý ? – Bà vui mừng hỏi .

-Tôi và cả anh chị, cũng không thể “*đồng ý*” hay “*không đồng ý*” được. Chị phải gặp cháu, đừng tiếc việc nhà mà bỏ qua... Chúng nó sẽ trực tiếp trả lời cho chị rõ ràng. Chị hiểu ý tôi nói không ?

-Tôi hiểu – bà cười, xin cảm ơn bác !

Mặc dầu đang trở bệnh nặng, ông Bùi vẫn hối thúc vợ cùng đưa con gái đầu, đón xe ca vào Saigon gặp Thân cho sớm. Ông còn nói, bệnh của ông không sống được lâu ; ở nhà có ba đứa con thay phiên ghé thăm, là được rồi. Ông muốn sớm có được tin tức, kết quả, về cuộc hôn nhân của Thân. Ông đã chờ đợi quá lâu rồi...

Khoảng vài hôm sau khi vào đến Bình Thạnh, bà Bùi gọi điện về cho tôi, nhờ tôi gặp ông Bùi để hỏi ý ông, nếu bà xúc tiến làm lễ “*viếng gia và lễ hỏi*” ngay lúc này được không ? Bà và đứa con gái đầu- chị cả của Thân đã có chồng con ; sẽ đại diện cho “*họ nhà trai*” có được không, hay cần nhờ thêm ai nữa ?

Nhận được tin điện của bà Bùi xong, tôi thu xếp đến bệnh viện thăm ông Bùi. Nhận ra tôi, ông nhếch miệng cười- đôi mắt cổ mờ to hơn, nhưng vẫn như khấp hờ. Người gầy rạc, như chiếc lá. Da mầu tái xám. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đặt cạnh giường ông, nói lớn : “*Chị vừa gọi điện về, nhờ tôi đến hỏi ý kiến của anh ?*”

-Hỏi gì ? – Ông nhếch miệng.

-Cho phép chị ấy làm lễ hỏi ngay bây giờ được không ? Tôi chờ đợi.

-Hỏi vợ cho thẳng Thân ? Ông khề hỏi.

-Đúng rồi...

-Tốt quá-Ông nhắm nghiền hai mắt, lẩm bẩm :
“Tốt quá, tốt quá...”.

Tháng 8-1995

Trò chuyện với nhà văn MANG VIÊN LONG

thực hiện

Nguyễn Tuyết Nhung

Lời Tòa soạn: Nguyễn Tuyết Nhung, học trò cũ của nhà giáo (nhà văn) Mang Viên Long khi anh dạy học ở Tuy Hòa. Hiện cô định cư ở santa Ana, California. Hoa Kỳ.

Sau gần 30 năm, Nguyễn Tuyết Nhung tìm kiếm tin tức và địa chỉ của người thầy cũ ở Việt Nam. Và qua nhiều lần điện đàm, cô ghi lại cuộc nói chuyện rất thú vị giữa cô với người thầy cũ.

Bài: Trò chuyện với nhà văn Mang Viên Long mà cô ghi lại dưới dạng “hỏi đáp” , để chúng ta biết thêm cuộc sống của nhà văn Mang Viên Long nói riêng, và nhiều nhà văn cầm bút cũ trước 1975 hiện tại còn ở quê nhà, nói chung.

Thay mặt nhóm chủ trương , chúng tôi cảm ơn cô Nguyễn Tuyết Nhung đã gửi bài đến chúng tôi kịp để đi vào số này.(nhận vào ngày 23-11-2007)

Nguyễn Tuyết Nhung (NTN)

- Xin chào Thầy, giờ này Thầy đã đi ngủ chưa- thưa

Thầy?

Mang Viên Long (MVL)

- Chưa (cười) cũng đang chuẩn bị thôi! Bây giờ là 10g30 đêm- ở đây, trong cái thị trấn nhỏ này, 10 giờ là đã vắng. Sau một ngày “*tranh thủ*” kiếm sống. Tôi cũng muốn có một giấc ngủ sớm để gọi là “*bồi dưỡng*” cho sức khỏe, để ngày mai còn...tiếp tục công việc mưu sinh!

NTN:

- Thầy làm việc gì để sống, thưa thầy?

MVL:

- Nhiều việc lắm! Mỗi việc tìm một ít tiền, góp lại mới đủ - chứ không thể “*chuyên khoa*” được.

NTN:

Cụ thể là gì?

MVL:

- Lại bắt tôi khai “*lý lịch*” nữa phải không? (cười). Thế này nhé, sau 75, được tiếp tục dạy cho hết niên khóa. Sau đó, được tập trung cải tạo gần một năm- trở về quê xin tiếp tục giảng dạy bị từ chối. Có lẽ là tôi giảng dạy môn Văn và tiếng Anh, mà thời điểm ấy- học sinh chỉ học một sinh ngữ là Nga Văn –(1978-1985); còn dạy môn Văn thì cũng có thể chưa được tin tưởng, cho dầu sau giải phóng, tôi được bầu làm trưởng bộ môn KHXXH trường Trung Học Nguyễn Huệ, có bằng khen, giấy khen hân hoan!(cười). Bị “*mất dạy*” ; tôi là một “*lao động không chuyên*” – nghĩa là ai thuê muốn làm gì, cũng làm cả. Từ tiểu công, thợ điện, dọn vườn, cuốc đất, cho đến sửa Honda, xe đạp, bơm quẹt ga...tôi đã làm tất cả với lòng yên tĩnh và tự hào.

NTN:

- Sau cùng, Thầy đang sống với “*nghề*” gì vậy, thưa Thầy?

MVL (lại cười):

- Chuyện nghề nghiệp kiếm sống này có hơi dài dòng...tôi sợ tốn tiền điện thoại của em – nhưng thôi, xin kể vắn tắt:

cách đây 10 năm, tôi làm “*ba nghề*” (cười) “*một nghề làm bằng ba*” kia mà!: Thợ sửa gương đeo mắt, sửa khóa-làm chìa, và bơm quét ga. Có cần “*món*” gì, thì làm món ấy...Nay, vì lý do sức khỏe – tôi chỉ làm “*một nghề*” duy nhất – (cười lớn) “*nhất nghệ tinh nhất thân vinh*” mà. Đó là việc “*sửa khóa – làm chìa*” ...nghề thì đã “*tinh*” mà thân thì vẫn còn khổ!

NTN (cười):

- Thầy học nghề ấy lúc nào, ở đâu vậy?

MVL:

- Trong lúc thất nghiệp, đi lang thang, gặp một cậu trạc 18 đang “*hành nghề*” ở vỉa hè phố Qui Nhơn. Tôi thấy cũng hay hay. Dừng lại xem. Sau đó, biết hoàn cảnh của tôi, cậu ta đã hoan hỉ “*dạy*” tôi trong một buổi chiều. Thế là về nhà, kiếm một cái tủ nhỏ (mua lại của một gia đình quen - đến nay, sau hơn 20 năm vẫn còn) sắm vài món đồ nghề, mua một số mẫu chìa...và từ đó, “*vừa học, vừa làm*”. Bây giờ đã là bậc 7/7 rồi! Quá tuổi “*về hưu*” rồi mà cái bụng không cho phép.

NTN:

- Thu nhập có khá không, thưa Thầy?

MVL (cười):

- Cũng khá khá so với “*vốn tự có*” ít ỏi của mình. Cũng đủ nuôi sống bản thân (hạn chế hết mức - đến ly café buổi sớm cũng bỏ, chỉ hút thuốc loại 77, tách trà lá ở cửa hàng...)- Còn lại, phụ giúp vợ nuôi con - đến năm 1981 là 4 đứa – đó là cậu con trai út. Nếu tính sang “*ngoại tệ*” USA thì mỗi ngày tôi kiếm được từ 2 đến 3 USA.

NTN:

- Chỉ có bấy nhiêu sao, thưa Thầy?

MVL:

- Đó là thu nhập ở mức cao! Từ 30.000đ -45.000đVN/ mỗi ngày – không phải ai ai cũng kiếm được đâu. (cho đến thời điểm hôm nay - 2007). Tuy vậy, vẫn có người trở nên giàu...Họ mua nhiều nhà, xe cộ - sống còn hơn Việt Kiều.

(cười).

NTN:

- Em xin phép không “*chạm tới*” cuộc sống riêng của Thầy nữa – Xin được hỏi Thầy đôi điều về...văn học, như vậy sẽ vui hơn...

MVL:

- Được trò chuyện với em là một niềm vui, em cứ hỏi (cười)...Tôi nói chuyện “*không tốn tiền*” cơ mà!

NTN:

- Thưa Thầy, sau năm 1975 Thầy còn viết văn nữa không, thưa Thầy?

MVL:

- Từ 1975 đến 1990 – nghĩa là khoảng thời gian dài 15 năm, vì hoàn cảnh khó khăn, có nhiều “*chướng duyên*” đặc biệt, tôi không “*đụng tới*” cây bút nhiều...Chỉ lo kiếm ăn và ổn định gia đình, là đã...hết hơi rồi, còn đầu óc đâu mà nghĩ tới...nàng thơ?. Sau 1990, tôi có viết lai rai cho tờ báo G.N (của TH.PG Tp HCM) vì lúc ấy tôi đang sống trong chùa, có duyên đọc G.N và kinh sách Phật Giáo. Viết như một sự giải tỏa, một niềm an ủi, và sau cùng là để tu học! Tôi viết cho G.N như tâm tình của một hành giả, chứ không phải học giả! Phải nói rằng, triết lý sống của đạo Phật – qua kinh sách, đã “*cứu sống*” tôi trong lúc tôi vô cùng thất vọng...Tôi luôn nhớ câu “*Thức liễm thân tâm, tam thời bất tức*” để tiếp tục sống!

NTN:

- Và sau đó...

MVL:

- Sau đó, tôi có viết bài tham gia ở vài tờ báo VN địa phương (như VNPY, VNBD, KH, CĐ...) để gọi là “*có đôi lời bày tỏ*” qua truyện ngắn, hay các tiểu luận thuộc lãnh vực văn học, giáo dục...Hiện tôi viết thường xuyên cho tờ Vô Ưu (THPG Đắk Lắk), tờ Tuổi Ngọc (ở Tp HCM), Thời Văn (của NĐT chủ biên- TpHCM). Đó là những tờ báo “*tự lập*” của những người có lòng với Phật

pháp, với văn học... Vì lẽ đó, tất cả đều... nghèo, tiền nhuận bút lúc có, lúc không! (nếu có cũng chỉ đủ một...chậu café) (cười thoải mái).

NTN:

- Tại sao Thầy không viết ở vài tờ báo khác- em nghe nói là khoản nhuận bút rất cao?

MVL (cười lớn):

- Làm sao mình "*chen chân*" vào các tờ báo ấy được? Tất cả đều phải có "*điều kiện*" chứ? họ đều có chủ trương, tôn chỉ riêng - hơn nữa - đầu sao mình vẫn được hiểu là "*người viết cũ*"; mà có thể họ cần "*người viết mới*" hơn. Thực ra, đầu trước 75 hay sau 75 ngồi bút tôi vẫn vậy. Nghĩa là vẫn nhiệt tình, chân thành là người chứng, là người có ý thức góp phần nhỏ cho văn học, cho đất nước...Viết là để xây dựng. Nhưng sự "*xây dựng*" có nhiều cách thể hiện, không chỉ là những tác phẩm "*tô hồng*", mà còn là những tác phẩm sâu sắc về việc phản kháng những tệ nạn, thiếu sót, chưa tốt trong xã hội nữa...Những sách loại I, nhìn lại, cũng chẳng giúp ích được gì cho đất nước, cho văn học trong mấy chục năm qua. Mà loại này thì được in nhiều, tiền nhuận bút lại rất cao!

NTN:

- Như vậy Thầy viết như thế nào?

MVL (cười):

- Như thế nào ư? Tôi không theo bất cứ một điều kiện gì – ngoài tấm lòng chơn thật của chính mình. Cảm thấy thích, cần là viết. Viết đúng theo cảm nhận, đúng thực tế, và cũng đúng với ý nguyện "*cầu mong tất cả sẽ tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn...*" . Có lẽ, tôi chịu sự chỉ dẫn của Trái Tim! Trái Tim tôi mách bảo ít khi sai lầm! Tôi vẫn xem "*chuyện viết lách*" như một sự thư giãn...

NTN:

- Có khi nào Thầy nghĩ là "*sẽ sống*" được với ngồi bút của mình không?

MVL:

- Ý em muốn hỏi “*sống được*” là như thế nào? (Tác giả hay tác phẩm? Vật chất hay tinh thần?)

NTN:

- Cả hai...

MVL:

- Trước tiên xin nói về “*tác giả*” vậy: Tôi chưa hề nghĩ rằng mình sẽ sống với tiền nhuận bút (trước 75 và sau 75)- bởi vì viết tùy hứng, tùy thích...có vẻ amateur quá, ai chịu bỏ tiền ra? Họ phải đặt điều kiện. Và mình phải thực hiện đúng. Tôi rất buồn vì có nhiều “*tác giả*” nghĩ một đường, viết một nẻo. Tác phẩm nhạt nhẽo, gượng ép - thấy rõ. Người xưa có quan niệm “*văn tức là người*” bây giờ cũng phải vậy. tác phẩm phải được bắt nguồn từ đời sống, từ tấm lòng trong sáng, từ ước mơ khát vọng chung của con người...

Về sự “*sống còn*” của tác phẩm - điều đó, xin dành lại cho độc giả, cho thời gian...có nhà văn, nhà thơ nào không mong ước “*đưa con*” của mình sống lâu- sống lâu trăm tuổi đâu? (cười dài). Việc “*khai tử*” hay “*khai sinh*” ở đây vẫn luôn thay đổi!

NTN:

- Hiện tại, Thầy đã viết được bao nhiêu tác phẩm chưa xuất bản? Và tương lai?

MVL:

- Ít thôi. Phải nói là rất ít so với quãng thời gian dài hơn 30 năm...Ngoài tập “*Biển Của hai Người*” và “*Hỏi Lại Chính Mình*” do bạn bè in giúp cho – còn 3 tập truyện ngắn, một tập tiểu luận - Tản văn (dày hơn 500 trang) đang chờ “*mạnh thường quân*” trợ giúp hay một “*phép lạ*” nào.

Phải nói thật một chuyện: Viết mà không đăng được, không có điều kiện xuất bản - giới thiệu bạn đọc, sẽ làm “*giảm*” rất nhiều hứng thú, đam mê. Đã không có tiền nhuận bút café, thuốc lá, lại xếp xó hoài, cũng buồn chứ?

Sống đã cô đơn, viết cũng lại...cô độc!

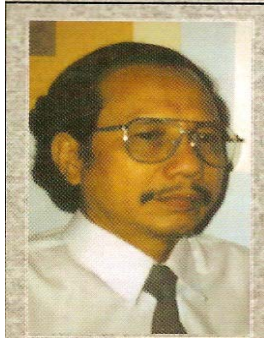
Tôi hy vọng là người bạn vẫn ở TN hay TQBT sẽ có dịp “*khai sinh*” nó. Lúc đó, tôi sẽ rất hạnh phúc gửi tặng em đọc cho vui nhé! Chỉ mong có vậy thôi. Còn chuyện ngày mai ư? Tương lai thì chưa đến, làm sao mà biết trước được? (em nên nhớ, cuộc đời chỉ dài bằng một hơi thở thôi - Phật đã dạy thế). Xin chờ...

NTN:

- Có lẽ giờ này đã quá 12 giờ đêm (giờ VN)?- Thầy còn phải có giấc ngủ để “*bồi dưỡng*” cho sớm mai...Em thành thật xin lỗi, và cảm ơn Thầy...Hẹn sẽ được tiếp tục “*chuyện trò*” thêm với Thầy đôi điều còn lại...

Santa Ana

Tháng 10-2007



TRẦN HUIỀN ÂN
(*Tư liệu của TQBT*)

Tên thật: **Trần Sĩ Huệ .**

dùng trong một số tác phẩm sưu tầm, nghiên cứu anh ghi tên thật.

Sinh ngày 15/7/1937 (8/6 Đinh Sửu)

Quê quán: làng Vân Hòa, tổng Sơn Xuân, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

Dạy học – Sáng tác – Sưu tầm - Nghiên cứu.

Trước 1975 đã xuất bản:

-*Thuyền giấy* – tập thơ – Bách Khoa, 1967

-*Năm năm dòng sông thơ* – tập thơ – tác giả xb, 1973

Sau 1975, anh vẫn tiếp tục viết và xuất bản.

*Về sang tác: Tiếng Hát Nhân Ngư (tập truyện-1997)-
Một Nửa Chân Trời (Truyện- 1997)- Mùa Hè Quê Ngoại
(truyện -2002)- Khói Cửa Ngày Xưa (tập truyện -2003)-
Huyền Thoại Mở Đất (truyện- 2003)- Ngọn Cờ Quân Thứ
(truyện -2006).

*Về Thơ: Lời Trên Lá (1997)- Rừng Cao (2007)

* Về biên khảo: Phú yên, dọc đường ca dao(1995)- Phú
yên, miền đất ước vọng (2004)-Phú yên, thời khăn hoang,
lập làng(2007)-

Anh tâm sự qua điện thư:

Trước tháng 4/1975 tôi có truyện ngắn đăng ở các tuần báo Văn Nghệ tiền phong (nhiều nhất), Khởi Hành, Tuổi Ngọc, các tạp chí Bách Khoa, Trình Bầy, Đông Phương, Quần Chúng, Hiện Diện, nhật báo Ngôn Luận, truyện thiếu nhi đăng ở tuần báo Tuổi Xanh... Và một số báo khác.

Tôi yêu thích nhất là truyện đầu tay (Dáng Dấp) và mấy truyện trong số đăng trên VNTP khoảng 1960 đến 1967, tuổi đời tác giả dưới 30, có cái nhìn trong sáng và tin yêu vào cuộc sống.

Nay đã bị thất lạc gần hết. Chỉ còn lại mấy truyện ở Bách Khoa, 2 truyện ở Trình Bầy, 1 truyện ở Đông Phương, 1 truyện ở Quần Chúng, 1 truyện ở Hiện Diện. Đọc lại cảm thấy rõ hơn những điều mà từ ngày ấy đã chưa vừa ý. Truyện này cũng vậy.

Truyện viết trước 1975

Đ ứ a C o n

Tất cả thân thể bà già như được kết hợp bởi những vết nhăn nheo. Vàng trán thấp bé nhăn nheo. Hai gò má nhăn nheo. Đôi bàn tay với những ngón gầy, đôi bàn chân với những đường gân xương xẩu cũng nhăn nheo. Cả đến chiếc khăn bịt trên đầu, tấm áo bà bà bạc màu, cái quần mờ bụi đất rộng thùng thình, cũng đầy đầy không biết bao nhiêu vết nhăn nheo.

Qua một khoảng sân rộng, loang lổ những ổ gà đọng nước trận mưa đêm để lại, bà già ngấp ngừng dừng chân nơi ngưỡng cửa. Cái nón lá gãy vành, méo xệch cầm

hững hờ nơi tay trái. bằng ngón cái và ngón trỏ của bàn tay phải, bà già đưa lên vuốt dài hai bên mép chùi vệt nước trầu. Vài phút trôi qua. Bà già buông chiếc nón xuống đất rồi bước vào phòng.

Viên đại úy ngồi quay lưng về một góc phòng. Bàn ông kê chéo. Trên mặt bàn một ngọn cờ nhỏ, bằng tên ông có đính ba nụ mai vàng, vài cặp hồ sơ mỏng, một cái gạt tàn thuốc lá làm bằng vỏ đạn. Nhìn thấy bà già, viên đại úy khẽ cau mày, nói nhỏ, như để riêng mình nghe, cũng như để phân trần với tất cả nhân viên:

-Ôi chao! Lại bà cụ. Bà cụ muốn gì nữa đây không biết?

Bà già bước từng bước, chậm chạp, thiều não vào lối đi giữa phòng. Tất cả mọi người ngồi ở hai dãy bàn hai bên ngừng hẳn công việc lại, ngẩng lên. Trong phòng im lặng kỳ lạ, hoàn toàn. Những trang giấy lật lên được giữ lại ở vị thế lưng chừng. Những ngón tay trên bàn máy đánh chữ ngưng mỗ, co vào, chờ đợi. Bà già tiến đến bàn viên đại úy, ngồi bệt xuống đất:

-Trình với quý ông, trình với chánh phủ. Tôi chỉ có nó. Nó chết cho chánh phủ. Tôi già cả, nghèo khổ, chánh phủ không thương xót cho phần tôi...

Viên đại úy vội vã rời ghế ngồi, đến chỗ bà già, hai tay đỡ bà già dậy:

-Vâng, vâng... Cháu hiểu rồi. Cháu hiểu hoàn cảnh của cụ lắm. Mời cụ ngồi lên đây. Cụ có việc gì cần nữa?

Bà già đã ngồi lên chiếc ghế trước bàn viên đại úy. Người nữ trợ tá ngồi nơi bàn đầu, dãy bên trái viên đại úy, bỗng đứng dậy. Mặt nàng nhợt nhạt. Đôi mắt nàng long lanh bức tức. Bà già một tay vịn lên bàn, một tay trở người nữ trợ tá:

-Trời ơi! Con đi, con đi! Nó cướp con tôi, nó hại con tôi. Chánh phủ không thương xót phần tôi già cả, đói khổ...

Người nữ trợ tá toan nói gì nhưng viên đại úy đưa mắt ra hiệu bảo im. Nàng dần mạnh tập hồ sơ xuống bàn rồi bước ra. Đôi chân nàng luống cuống. Tất cả những cặp mắt trong phòng nhìn theo nàng rồi cúi xuống.

*

Cha cưới mẹ một ngày tháng năm. Nhà cha giàu nhất huyện. Ba tòa lá mái, tranh sơn lợp diệp dày hơn năm tấc. Cửa bàn khoa suốt năm đóng kín căn nhà thờ, chỉ mở ra những ngày giỗ tết. Nhà khách ngày nào cũng vang động tiếng nói tiếng cười của ông với bạn bè. Trầu têm đầy ô, đầy hộp thau, mỗi phần một khay. Rượu từng hũ lớn. Nhà hầm lúc nào cũng đầy lúa. Bắp cột từng quýt treo kín trên trần. Khoai chứa trong bồ sau hè. Trong sân những cây bưởi đứng khoe trái chín vàng. Giang sơn của ông là nhà khách. Cha chăm chút những tam sơn, ngũ sự, những hoành phi, liễn đối trong nhà thờ. Bà cai quản nhà hầm. Còn mẹ, gà gáy đầu đã thức dậy nấu cơm cho người làm. Mẹ ra đồng với người làm. Buổi trưa, buổi chiều lo cơm nước. Buổi tối xắt rau giã chuối cho heo. Giường mẹ nằm trong nhà bếp. Bà luôn luôn ở sát bên mẹ. Bà canh chừng, ngăn cản mẹ, không cho mẹ gần cha. Thoắt thấy vắng mẹ là bà réo, bà gọi. Mẹ không phải là người nhà vì mẹ không một chút quyền hành, không một chút tự do - kể cả chút tự do được gần gũi cha. Nhưng mẹ cũng không được là đầy tớ vì mẹ không có quyền vô trách nhiệm, không có chuyện bỏ bê công việc.

Rồi cha mất một ngày tháng bảy. Ba tháng vợ chồng, cha không có dịp chuyện trò với mẹ bằng hồi chưa cưới gặp nhau ngoài đồng những buổi trưa cuốc bờ, cấy mạ. Mẹ ở nhà ông bà thêm một tháng nữa thì bà biết mẹ có mang được ba tháng. Con được ba tháng. Bà quyết rằng con không phải là con của cha. Bà chắc rằng cha mẹ không thể nào gần nhau với sự canh chừng, ngăn cản của bà. Bà hạch tội mẹ và đuổi mẹ ra đi. Mẹ đã khóc lóc hết nước mắt. Khóc nhiều hơn ngày cha mất. Ngày cha mất

mẹ khóc vì đau đớn, xót thương. Bây giờ, nổi đau đớn, xót thương ấy vẫn còn, cộng thêm bao nhiêu tủi hổ, nhục nhằn. Mẹ là một đứa mồ côi. Mẹ không còn gì cả. Mẹ không thể trở về nhà bà thím họ đã đứng ra gả mẹ cho cha. Không ai dám chấp chứa mẹ. Ai cũng sợ oai bà. Hơn nữa, ai dám chấp chứa mẹ đến ngày khai hoa nở nhụy. Mẹ nài nỉ hết điều để che được một túp chòi nhỏ, trong góc vườn, sau hè bà thím họ. Mẹ đi làm thuê làm mướn sống qua ngày. Mẹ không thiết sống nữa, nhưng còn con, mằm sống của mẹ. Con lớn dần trong bụng mẹ. Mẹ nặng nề, mệt mỏi hơn. Qua tết, mẹ không còn đủ sức khỏe, đủ nhanh nhẹn để làm việc. Một buổi chiều đầu tháng ba, mẹ trở về chòi đi qua cánh đồng lúa chín thơm phức. Mẹ thêm một chén cơm gạo lúa mới. Quê mình có giống lúa trũng kiến, trắng ngần trong lòng cối những đêm giã ngoài sân trăng. Hột gạo trọng suôn, vóc lên cho nó chảy theo kẻ những ngón tay nghe mát rượi. Xoa hai bàn tay vào nhau, cảm cũng mịn màng lẫn vào do thịt. Đêm ấy mẹ sinh con. Một mình mẹ với con. Không có bà mụ đỡ đẻ. Không một người chăm sóc. Trưa hôm sau bà thím họ mới hay, gạt cho mẹ một âu lửa, múc cho mẹ một chén cháo. Ngày thứ ba mẹ lần ra suối giặt giũ áo quần. Mẹ mất sức quá nhiều trong những ngày mang nặng, sầu khổ, đau ốm. Con đầy tháng mẹ vẫn còn yếu quá, mẹ chưa đi làm được. Mẹ bị mất sữa. Có hôm mẹ phải đi xin từng bát cơm nguội. Mẹ nhai cơm nguội sù cho con. Con lớn lên với từng búng cơm nguội đó, với canh bông giờ, lá dít, mồng toi. Mẹ đã đi làm trở lại được. Mẹ không đai con trên mình như người Thượng nhưng mẹ đâu là con đó. Mẹ ru con bên bờ ruộng, bờ nương. Con bú mẹ bên mùi bùn hôi, mùi nếp tro. Con ngủ trên cỏ xanh, dưới bóng mát Chiếc võng trần cũ sờn. Mảnh chiếu con đen màu nước tiểu. Có những chiều mẹ ra sông xúc cá. Một chiếc cọc nhọn cắm trên bãi cát. Mẹ cột chân con vào đó. Con bò theo mẹ đến khi sợi dây căng thì trì kéo, khóc gào. Dần dần con quen đi, dừng lại mà không

gào khóc. Mẹ đưa bàn tay, con đưa bàn tay. Mẹ cười sung sướng.

Khi con vừa biết đi chập chững thì mẹ gặp một chị bạn người làng đi làm ăn xa trở về thăm. Mẹ bỗng con theo người bạn ấy. Mẹ thề ra đi gọi xác xứ người. Mẹ thề ra đi không trở về quê cha đất tổ. Mẹ có gì đâu? Chỉ có đau đớn ê chề. Xứ người không ai biết mẹ, không ai biết con. Mẹ vui với những người bạn mới. Con lớn lên với những người bạn mới. Mẹ thề sẽ ở vậy nuôi con. Chỉ có con mới hiểu rõ lòng mẹ. Càng lớn, con càng giống cha. Dù vậy, mẹ không bao giờ tính chuyện trở về. Mưa nắng cơ hàn từ lúc sơ sinh không làm con thành một đứa trẻ đen đầu xấu xí. Con không bao giờ đau ốm. Có lẽ vì con thương mẹ. Và có lẽ vì thương mẹ con đã là một đứa trẻ vạm vỡ, vui tươi. Rồi đến ngày con đi học. Mẹ mua cho con quyển vở mới và dẫn con đến thầy. Những hôm đầu mẹ ở lại trường với con, sợ giờ chơi một mình con buồn tẻ. Năm tháng trôi qua... Con về khoe mẹ những hàng chữ chì chít xanh um, chữ thầy phê đỏ chói. Con bảo mẹ chỗ này 10, chỗ kia 8. Mẹ nào có biết gì. Mẹ thương con và thương cả những viên phấn tròn trịa khô xốp của con. Con học lên mỗi năm mỗi lớp. Con khoe mẹ đậu bằng Tiểu học. Mẹ phải sắm thêm bao nhiêu quần áo sách vở. Con khoe mẹ đậu bằng Trung học. Đêm đêm mẹ ngồi tựa cửa nghe con học. Con đọc những câu tiếng Tây tiếng Tàu xa lạ. Dù trời đã khuya, dù mưa hay gió, mẹ vẫn chờ con đi ngủ trước. Mẹ không dám lớn tiếng, không dám thở mạnh, sợ kinh động tâm trí con. Mẹ kính nể những quyển sách dày cộm con để trên bàn. Con khoe mẹ đã đậu bằng Tú tài. Con đã là người lớn. Không. Không. Đối với mẹ con không là người lớn. Con vẫn còn trẻ nhỏ. Như ngày nào ở quê nhà mẹ cột con trên bãi cát bờ sông, mẹ ru con dưới bóng cây đầu ruộng. Con vẫn cần có mẹ ở bên. Mẹ thương mến, yêu chiều con, hầu hạ con và mẹ cũng trách mắng

con.

Rồi đến hôm nào con nói chánh phủ gọi con đi lính. Con là con của chánh phủ. Sao con lại là con chánh phủ? Chánh phủ nào sinh ra con, nuôi nấng con? Mẹ. Một mình mẹ. Mẹ cả. Mẹ nghĩ rằng từ đây mẹ sẽ mất con. Mẹ bán hết những gì còn lại để theo con, ở bên con. Mẹ không bao giờ xa con. Mẹ không thể nào xa con được...

*

Sự hoạt động trong phòng đã bắt đầu trở lại. Những trang giấy ở vị thế lưng chừng đã được lật qua cho trang khác tiếp theo. Tiếng máy đánh chữ kêu giòn tanh tách. Tiếng nói chuyện đã nổi lên. Nơi bàn viên đại úy bà già vẫn còn rên rỉ:

-Chánh phủ không thương phần tôi già cả, đôi khổ. Tôi có đưa con, bây giờ nó chết tiền tử chánh phủ cũng không cho tôi lãnh, để phát cho con đi đó. Tôi lấy gì lo mồ mả cho nó, cây nhang bát nước cho nó, nhà cửa cũng không...

Viên đại úy phân trần:

-Cháu đã thừa cù nhiều lần. Vấn đề tiền tử tuất vì anh ấy có vợ. Vợ có hôn thú đảng hoàng, chỉ lấy cái tình giữa cù và chị ấy thương lượng với nhau. Còn về nhà cửa thì...

Bà già ngắt lời viên đại úy, lắc đầu:

-Vợ con gì thứ đó. Đồ dĩ. Nó hợp hôn con tôi. Nó bỏ bùa con tôi. Con tôi bỏ mẹ...

Viên đại úy lay vai bà già:

-Cháu xin thưa vấn đề nhà ở. Dạ, cấp trên thông cảm hoàn cảnh của cù. Sẽ giúp cù xi măng, tôn. Anh em sẽ bỏ công làm giúp cù một mái nhà trong khu gia binh. Ngày mai sẽ có vật liệu và sẽ bắt đầu. Xin cù yên tâm. Bây giờ mời cù về nghỉ. Cháu có xe đưa cù về. Cù khỏi đến đây mất công. Mọi việc đã có cháu lo hết. Dạ, xin cù...

Viên đại úy đỡ bà già dậy, dìu bà già ra khỏi

phòng đến chỗ chiếc xe jeep của ông ta đậu. Ông ta dẫn dò tài xế rồi quay vào...

*

Vâng. Em hiểu. Em hiểu. Em hiểu anh. Em hiểu nỗi lòng của mẹ. Mẹ đã khổ vì anh quá nhiều. Mẹ đã nhắc cho em không biết bao nhiêu lần chuyện mẹ cột anh trên bãi cát bờ sông thuở nhỏ. Anh đã kể cho em... Ngày anh vào trại nhập ngũ, mẹ đến trọ xóm nhà cạnh trại. Hôm nào mẹ cũng vô thăm anh. Anh vào Thủ Đức, mẹ đến ở ngay Thủ Đức. Những giờ tiếp tân, bạn anh có vợ, có bạn, có người yêu. Anh thì chỉ có mẹ. Anh bằng lòng, anh sung sướng. Anh gạt bỏ tất cả hình ảnh người nữ ra ngoài. Ngày nghỉ phép, anh tìm đến mái nhà mẹ dừng chân trọ. Ở đó mẹ buôn thúng bán bưng để nuôi thân và gần anh. Đến ngày anh ra đơn vị, mẹ theo anh. Bây giờ anh mới có thể đền đáp chút công ơn của mẹ. Anh phụng dưỡng mẹ trong bốn vòng dây kẽm của trại gia binh. Anh ân hận đã cố gắng học hành mong thành đạt cho mẹ nhờ, mẹ sướng, nhưng nửa chừng lỡ dở vì chuyện nợ trai. Mẹ trôi nổi theo bước chân thuyền chèo của anh. Cao nguyên rồi hạ bạn. Anh gỡ lần những cấp hiệu cũ xuống để thay vào những cấp hiệu mới. Anh đã chỉ huy một đơn vị. Nhưng đối với mẹ anh vẫn còn là con trẻ. Em nghe có lần mẹ trách mắng anh trước hàng quân. Có lần mẹ giận hờn vì anh chợt nói đến người con gái nào đó. Đối với mẹ, trước sau anh vẫn chỉ là đứa con nuôi dưỡng trong xiềng. Dù không còn chiếc xiềng bằng dây vải êm đềm trên bãi cát, nhưng chiếc xiềng thân yêu với hai cánh tay gầy yếu của mẹ còn cứng rắn hơn nhiều. Mẹ đã nhất quyết trói buộc anh lại, nhất quyết không để mất anh về tay kẻ khác. Vì vậy mà mẹ không chấp nhận cuộc hôn nhân giữa anh với em. Mẹ viện rằng chánh phủ có bắt buộc đàn bà đi lính đâu, em là *gái lính* thì chỉ là một *con đĩ*. Nghĩ cho cùng, dù em làm bất cứ nghề gì, dưới mắt mẹ vẫn là một con đĩ. Sao mẹ không nhớ lại ngày xưa. Mẹ về làm dâu tháng năm thì tháng bảy

cha mất. Ba tháng vợ chồng mẹ không có một ngày hạnh phúc. Sao mẹ không nhớ lại ngày xưa mẹ đã khô tâm thể nào khi bà canh chừng ngăn cản mẹ, không cho mẹ gần gũi cha. Nếu mẹ đã yêu cha để cản rằng cam chịu thân phận không phải là chủ nhà cũng không phải là đầy tớ, thì em cũng yêu anh cản rằng chấp nhận tất cả. Chúng ta cùng nhau quyết định kết hôn chờ ngày mẹ nghĩ lại. Nhưng mẹ không chịu nghĩ lại. Mẹ trách mắng anh và nhất định không thừa nhận em. Em hiểu anh. Tình mẹ quá nặng, nhưng đến tuổi nào đó thì tình mẹ không đủ. Anh cố phân thân để sống cho mẹ, cho em, nhưng mẹ nào có chịu. Mỗi lần anh trở về là mẹ trách mắng, giận hờn. Giữa thời buổi loạn li chết chóc này người con trai nào không cần những vỗ về, an ủi? Người con trai nào có gan chịu đựng toàn trách mắng, giận hờn! Vì vậy mà nghĩa mẹ dần non cao biển rộng, anh không thể dành thì giờ sống cho mẹ nhiều hơn với em. Do đó, mẹ càng cho là em mê hoặc, dụ dỗ anh. Mẹ càng căm hờn, càng oán ghét em hơn.

Buổi sáng hôm đó, lẽ ra anh không có mặt trong cuộc hành quân. Anh mới về khi tối. Anh ghé thăm mẹ, bị trách mắng quá nhiều, anh buồn, không dám ở lại với em lâu hơn. Anh đi tiếp để không bao giờ trở về nữa. Bây giờ, ai chịu trách nhiệm về cái chết của anh? Em hay mẹ? Mẹ thì nhất định là vì em. Có em mới có chuyện mẹ và anh xích mích. Có xích mích anh mới buồn, đi trận và chết. Nỗi oán hờn em trong lòng mẹ càng ngày càng cao hơn. Còn em, em có thể nghĩ ngược lại không? Nếu không vì mẹ trách mắng, anh sẽ còn ở lại nhà, còn đến hôm nay để cười đùa bên em. Và biết đâu, chiều nay, sáng mai, cuộc chiến kết thúc! Nhưng bây giờ thì anh đã không còn. Ngồi đó mà đổ thừa cho nhau sao! Đành an ủi bằng số mệnh. Và đành đổ lỗi cho chiến tranh. Vì chiến tranh hết. Nếu không có chiến tranh, thì dẫu mẹ, dẫu em, có muốn đẩy anh ra mặt trận cũng chẳng tìm đâu ra mặt trận. Cái đau xót, chua chát sau khi anh nằm xuống là vấn đề trợ cấp từ

tuất. Mẹ cho rằng mẹ có quyền nhận lãnh, vì mẹ đã mang nặng, đẻ đau, nuôi dưỡng anh nên hình vóc. Còn em thì không. Bởi, với mẹ em chỉ là một con đi. Nhưng nguyên tắc không chiều ý mẹ. Em thừa sau khi lãnh sẽ gửi cho mẹ ít nhất là một nửa, mẹ không bằng lòng. Em ngó ý thêm rằng em chỉ là người đứng nhận, sau đó tất cả số tiền sẽ tùy mẹ định đoạt, như xây mộ chí cho anh chẳng hạn. Mẹ lại khước từ. Mẹ bảo anh là con của mẹ, thì số trợ cấp ấy chánh phủ phải trả cho mẹ. Không cho mẹ lãnh thì thôi, mẹ không bao giờ thêm nhờ cậy, cầu xin ở một con đi.

Ngày cha mất, anh còn nằm trong bụng mẹ. Bây giờ, anh từ bỏ cõi đời để lại trong cơ thể em một mầm sống. Con chúng ta sẽ ra đời. Nó là con trai hay con gái? Em không sống chung với mẹ nên không bị đuổi ra khỏi nhà, Tuy vậy, em biết, đoạn đường còn lại của em cam go bội phần của mẹ. Thời em sống khác thời mẹ sống. Mẹ đã thành công trong việc nuôi anh khôn lớn. Còn em, liệu có được một phần như mẹ? Em có quá nhiều bất lợi. Trước hết, em có học chút ít, sau nữa em không có được tấm lòng sắt đá như mẹ. Em tự hứa sẽ cố gắng nhưng vẫn thấy đây lo sợ ở tương lai.

*

Người nữ trợ tá đã trở về phòng. Nàng không lại bàn mình mà đến ngồi trước bàn viên đại úy, nơi chiếc ghế bà già vừa ra đi. Nàng ngước lên. Đôi mắt nàng đen thẳm, quầng thâm. Đôi tay nàng trắng có những sợi lông nhỏ li ti. Đôi chân nàng cũng trắng, thon, đều đặn. Viên đại úy cất lời trước:

-Tôi rất thông cảm hoàn cảnh của chị...

Viên đại úy ngập ngừng. Rồi như không tìm ra câu gì để nói tiếp, ông ta im lặng luôn. Người nữ trợ tá giọng trầm buồn và thông thả:

-Xin cảm ơn đại úy, chuyện của tôi, tôi đã quyết định rồi, đại úy. Tôi nhận ra rằng, với riêng tôi chọn binh nghiệp là một lầm lẫn chẳng? Chỗ đứng của tôi đúng ra

không phải là ở đây. Ở bếp núc, nhà trường, cô nhi viện chẳng hạn. Tôi xin giải ngũ, không phải vì tránh cái thiên kiến của bà già và nhiều người nữa đâu. Tôi sẽ đi nơi khác, tìm việc làm, sinh con, nuôi con. Có thể tôi sẽ xin đi dạy. Tôi dạy trẻ, dạy con. Yêu thương nhưng đừng ích kỉ. Tôi không thể sống ở đây, trong khu này, để với bà già nhìn nhau như thù hận. Tôi không thể cứ lần tránh bà già. Xin đại úy vui lòng phê thuận cho hồ sơ của tôi. Và trong khi chờ đợi, xin đại úy cho tôi được tạm rời văn phòng...

(7-9-1970)

(*Tạp chí TRÌNH BẢY số 5 ngày 1 tháng 10 năm 1970*)

Truyện viết sau 1975

Gi ó T r ê n C á n h B u ò m

Mười lần về ngoại là có đến chín lần tôi ngủ trên đường đi. Cha tôi ngồi phía trước, mẹ tôi ngồi sau bé tôi. Tiếng động cơ xe gắn máy nổ êm êm, đều đều. Cánh đồng mênh mông. Đúng như mọi người vẫn bảo đây là vựa lúa miền Trung. Dòng sông rộng, ngoại trừ khi mùa lũ nước phả tận hai bờ, còn thường khi thì nước chảy từng luồng, từng dòng, thành ra nhiều con sông trong một con sông. Hai chiếc cầu dài song song, cầu xe lửa hai mươi một nhịp, cầu xe hơi 1.101m, dài nhất miền Nam *, giá nó ngắn bớt đi một trăm mét, có lẽ nghe hay hơn. Cửa sông lúc nào cũng sáng ngời mây trắng, tiếp với biển rộng nhấp nhô từng đợt sóng chào mừng. Bãi cát đầy hoa mướp vàng, những quả mướp dài non thắm, những quả dưa tròn, lẫn lóc, rải rác. Mấy chiếc đò lững lờ bên cạnh những bè tre, bè củi, sát bờ là những chiếc sồng câu trông bé tí, văn thơ thường miêu tả là những lá thuyền. Gió thật nhẹ, thật mát, tràn đầy, gió trên cao, dưới thấp, gió là là mặt sông, mặt

cát, gió xuyên len vào hàng lan can thành cầu.....Không ai có thể cưỡng lại cơn buồn ngủ. Mà tôi gì cưỡng lại giấc ngủ ngon lành như thế. Tôi ngã đầu trên vai mẹ, mắt từ từ nhắm...

Đôi khi tôi thức giấc giữa lúc mẹ tôi chuyển sang tay ông ngoại. Nhiều lần hơn, khi mở mắt tôi thấy mình nằm trên giường ông ngoại. Ông ngoại cười: Con-bé-Ô-Mai thức dậy rồi bay. Tôi cũng cười. Hình như không bao giờ tôi tự hỏi tại sao tôi nằm bên ông ngoại, bởi thường quên mất là mình đã ngủ trên đường đi. Có lẽ từ trong sâu xa tôi đã định kiến rằng, dù bắt đầu ngủ ở đâu, việc thức dậy trên giường ông ngoại là việc đương nhiên.

Như phần đông trẻ con so,tôi được ra đời ở nhà ngoại. Tên khai sinh của tôi do ông nội tôi đặt, còn cái tên thân mật gọi hàng ngày trong gia đình là do ông ngoại. Nhà ngoại có một cây ô- mai lớn, đến mùa suốt ngày hoa ô-mai rụng đầy sân. Tôi chào đời vào một ngày những quả ô-mai bằng quả trứng gà, nhỏ nhắn, tròn trĩnh, chín vàng chi chít trên cành. Thế là tôi được mang tên con- bé-Ô-Mai. Con- bé Ô-Mai chứ không phải là Ô-Mai hay Mai.

Tất cả mọi việc gì đầu tiên của tôi đều do ông ngoại nhận lãnh. Ông ngoại cũng thích như thế. Ông ngoại đã nhờ cho tôi giọt thuốc đầu tiên, cho tôi uống thìa sữa đầu tiên, miếng cháo vỡ lòng, miếng cơm khi bắt đầu biết ăn cũng đều do ông ngoại. Ông ngoại là người đầu tiên bị tôi làm xấu lên áo quần, là người đầu tiên chụp ảnh với tôi. Trong cuốn album, tấm ảnh ấy với ghi chú “Ông và cháu” dán bên cạnh tấm ảnh hăm mấy năm trước với ghi chú “Cha và con”. Ông ngoại ở trong ảnh có khác, một còn trẻ, một đã già, nhưng hai cô bé ông bế trên tay, mẹ tôi và tôi, thì hao hao như nhau.

Ngoài ba tháng tuổi, cha mẹ tôi đưa tôi về căn phòng trong dãy nhà tập thể nơi cha mẹ tôi làm việc, cách nhà ngoại chừng sáu bảy cây số. Cả cha mẹ tôi đều là công chức, làm việc tại huyện trọng điểm lúa, một huyện khá

rộng, phía bắc và phía tây là sông lớn, phía đông liền với biển cả, phía nam chạy dài một dãy núi cao. Một con sông khác chảy giữa huyện, Hai con sông với bao nhiêu nguồn nước, bao nhiêu phù sa. Cha tôi là kỹ sư thủy lợi, đem nước sông dẫn vào ruộng đồng. Mẹ tôi là kỹ sư nông nghiệp, bảo vệ hoa màu. Công việc của hai người có chỗ giống nhau, bổ sung cho nhau. Từ đó, tôi phải thường xuyên về ngoại. Khi đi qua những con đường thị trấn trải nhựa phẳng phiu tôi còn nhìn rõ các bảng hiệu đầy màu sắc lòe loẹt, sau đó cứ nhạt dần, và phong cảnh hai bên đường mỗi lúc thêm dịu mát. Đồng lúa tháng trước mướt xanh, tháng này chín vàng, lúc nào cũng đùa thành gợn dài theo làn gió như cô văn đã tả “ *Lúa thành thoi thóp bên cồn...*”. Và trong gió như văng vẳng tiếng sáo, tiếng tiêu cho phù hợp mạch thơ “ *Nghe thổi ngọc địch véo von bên lầu*”. Mấy chiếc đò dọc trưng cánh buồm trắng lấp lánh trên mặt sông chói ngời như thủy ngân và những đụn mây loáng bạc. Thường vào giờ này đoàn tàu lửa Nam - Bắc lộ ra khỏi rặng tre chậm lại để qua cầu. Tiếng còi tàu ngân nga thông thả trong nắng chiều, bánh sắt lăn vang lên những tiếng chát chát, xình xình, nhịp nhàng. Xen trong đó , tôi nghe thật rõ ràng tiếng gió trời vỗ trên cánh buồm, tiếng nước sông đánh vào mạn thuyền, không phải bằng đôi tai mà bằng đôi mắt . Và cũng nghe văng vẳng bằng bạc đầu đây tiếng ời hời ời hời của câu hát ru từ xóm nhỏ ven sông, nơi những mái ngói ẩn hiện trong hàng tre, khóm chuối ,chung quanh là vườn rau và rải rác những ngọn cau nhô lên . Có lúc trời mưa bụi nhỏ, thân cau bị màn mưa xóa nhòa, những ngọn cau thành treo lơ lửng giữa tầng không, như Khái Hưng đã tả. Tôi vừa kịp nhìn những lan can hai bên cầu như dính liền nhau thì mẹ tôi thấy cánh tay nặng nặng. Giấc ngủ đến với tôi, đột ngột, tức khắc, say sưa...

Ông ngoại thường vác tôi lên vai, ru tôi ngủ bằng những câu lục bát, mấy bài ca dao, bài thơ “Sóng hồ ba bề” của

Đinh Hùng:

Hữu tình áp má bông lau

Chợt nghe con sóc trên đầu mưa hoa.

Bài “ Mùa phượng cũ” của Bùi Giáng:

Sim ngàn đổ lá buông rơi

Cành nam ước hẹn sai lời tử sinh...

Và ông ngoại tùy hứng ứng khẩu ra “ Trường ca con chó - Trường ca con mèo” gồm những câu có nghĩa và những câu vô nghĩa:

Con chó là con chó cò

Mày đi chân đất mày bò lên cây

.....

Con mèo nó có cái cung

Lại thêm cái cẳng với cùng cái cân

.....

Cứ như thế kéo dài ra , mỗi lần mỗi thay đổi khác lời khác ý. Tôi không biết được bản trường ca dài đến đâu vì bao giờ tôi cũng ngủ trước khi bài hát chấm dứt. Thành quen từ đó, mỗi lần muốn ngủ tôi đòi cho bằng được : “Ông ngoại ẵm hát con mèo.”

Dù bận đến mấy , cả khi đang tra một sự tích , đang để cho mạch văn chảy theo ngòi bút, ông ngoại cũng xếp lại . Các cậu tôi thì thích bày tôi nói những điều khác khác cho vui. Mỗi lần có đám trẻ đồng trang lứa đến chơi, lũ chúng tôi tranh nhau ngọng nghịu nói, ngọng nghịu hát. Khi các bà mẹ hỏi, chúng thường trả lời bằng những câu đã được cô dạy học thuộc ở nhà trẻ :

- Mắt để nhìn thấy đất nước quê hương tươi đẹp....

- Tai để nghe lời cô dạy bảo...

- Tay để làm nghìn việc tốt...

- Luôn luôn mong ước là một bé ngoan...

Tôi thì nói theo sự chỉ vẽ của cậu Ut:

- Mắt để nhắm lại ngủ.

- Miệng để uống sữa và ăn da-ua.

Bài hát cũng do cậu Ut dạy :

*Con mèò trèo lên cây cau
Hỏi thăm chủ chuột đi đâu vắng nhà
Chủ chuột đi chợ xóm Ga
Mua mắm mua muối mua cá mua thịt mua tiêu ớt bột ngọt
vân vân mời cha chủ mèò...*

Mỗi bà mẹ có cái thích thú, hãnh diện riêng. Tôi cứ nói, cứ hát cái kiểu ngô nghê ấy, không bài bản không điệu nghệ, không rập khuôn, vẫn nhận được cái cười âu yếm của mẹ.

Có lần một người bạn của mẹ tôi hỏi ông ngoại:

-Theo bác thì thương cháu nội hơn hay cháu ngoại hơn?

Ông ngoại nói:

-Về lý thì thương cháu nội hơn, về tình thì thương cháu ngoại hơn, hóa ra bằng nhau.

Dì ấy cười:

-Đã thương mà còn phân ra lý và tình nữa sao bác?

Ông ngoại nói:

- Cái lý của tình và cái tình của lý.

Dì ấy hỏi thêm:

- Xét riêng cháu ngoại thì thương cháu trai hơn hay cháu gái hơn?

Ông ngoại đáp:

- Tất nhiên như nhau, nhưng cháu gái đáng thương hơn.

- Tại sao vậy bác?

- Lại là một điểm tế nhị của tình.

Chiều hôm nay tôi lại về quê ngoại. Đã lần thứ bao nhiêu, tôi không nhớ, không biết. Vẫn con đường quen thuộc, dòng sông, nhịp cầu và tiếng hát ời hời vắng vắng như tiếng gió trên cánh buồm :

Ơi hời...

Trồng trâu tưới nước cho vồng

Mấy đời cháu ngoại giỗ ông bao giờ...

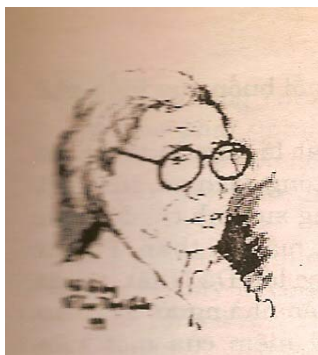
Tiếng hát kéo dài, thật dài, uể oải, có lẽ là theo nhịp vồng đưa chậm chạp, nghe buồn buồn. Sao người xưa ví tình thương ông ngoại dành cho cháu như những gàu nước tưới vào gốc vồng trồng làm nọc trâu? mấy đời

cháu ngoại giỗ ông, quả đúng như vậy. Nhưng những đứa con gái cũng chẳng bao giờ giỗ ông nội, mà sẽ giỗ một ông nào đó, tới một ngày nào đó nó mới biết và gọi là ông nội. Phải chăng đó là điểm tế nhị mà ông ngoại tôi muốn nói đến ? Tôi nghĩ, theo phong tục dân mình, những đứa cháu không bao giờ giỗ ông ngoại, nhưng ông bà ngoại bao giờ cũng ghi lại một dấu ấn đậm nét vào tuổi thơ của ta. Mỗi lần nhìn lại tuổi thơ, nếu ai không có được hình ảnh thân yêu ấy, không có những kỷ niệm êm đềm với ông bà ngoại là một thiệt thòi rất lớn.

Các nhà văn, nhà thơ thường dùng lối nhân cách hóa để cho các loài động vật, thực vật, cả đồ đạc ta dùng nữa, có một cuộc sống. Con dế mèn đi phiêu lưu đây đó, từng chặng hành trình được ghi lại thành bút ký. Con vẹt con thuật lại đầy đủ những gian lao vất vả từ lúc mới sinh đến khi thành cô thiên nga diễm lệ soi bóng xuống mặt hồ yên tĩnh rồi vỗ cánh bay cao. Cây sồi, cây đa, tờ lịch, quản bút, thậm chí một giọt mực cũng có linh hồn... có thể biết suy nghĩ, nói năng, hành động như con người, hơn cả con người nữa.

Vậy thì tôi, Con-bé-Ô-Mai, cũng có thể biết suy nghĩ, nói năng, hành động như một cô gái đã được học hành, khôn lớn. Tôi đã bắt chước các nhà văn, nhà thơ, với phương pháp “trưởng thành hóa” tự cho mình lớn lên, tự viết lại tuổi ấu thơ hiện tại của mình. . .

(1990)



CAO THOẠI CHÂU

(Ảnh được trích từ *Thơ Của Bạn Tôi*, cảm nhận do Bùi Nghi Trang viết.
NXB thanh Niên, 2000)

Nhà thơ Cao Thoại Châu tên thật Cao Đình Vưu, sinh năm 1939, tại Nam Định
Dạy học và làm thơ từ năm 1963, hiện sống ở VN.

Trước 1975, thơ anh xuất hiện rất nhiều trên các tạp chí thời danh bấy giờ. Sau 1975, không biết anh làm nhiều không, thỉnh thoảng bắt gặp vài bài thơ của anh trên Net.

Vì trước 1975, thơ anh nhiều, lại hay, nên khó chọn một bài tiêu biểu. Chỉ chọn một bài có hơi hướm giống như bài thơ anh mới sáng tác. Để bạn đọc chia sẻ niềm vui là thơ anh, dù trong một hoàn cảnh nào đi nữa, nhưng vẫn là thơ CTC của đạo nào, không thay đổi từ lời đến ý. Bài thơ mới làm sau này được trích từ tập thơ *chung khảo cuộc thi thơ Đồng Bằng Sông Cửu Long 2006*. Đây là một trong hai bài của CTC được chiếm giải nhất. Điểm đặc biệt ở đây lại là hai bài thơ tình. Trong khi một số bài của các tác giả khác được sáng tác theo kiểu "chống Mỹ cứu nước" hay kiểu "vàng trắng cô Tấm" thì lại lọt xuống giải an ủi !

Xin trích lại nhận định của nhà thơ Nguyễn Trọng Tín, một thành viên trong ban chung khảo:

"Thật đáng mừng là sau khi đọc sáu mươi bốn bài thơ của hai mươi lăm tác giả vào chung khảo cuộc thi thơ đồng bằng sông Cửu Long năm 2006; cả ba thành viên Ban chung khảo đều bị thuyết phục trước hai bài thơ "Lỡ có xa đồng bằng" và "Quán của người tên V" của tác giả mang mã số K8. Dù việc chấm được thực hiện một cách độc lập, nhưng số điểm mỗi thành viên dành cho hai bài thơ này đều gần đạt đến điểm tuyệt đối. Và thật thú vị, đây lại là hai bài thơ tình..." (THT)

Một bài thơ vào năm 1968

M ờ i E m U ố n g R ự o u

có những đêm trường gọi tiếc thương
có ta lấy tóc đếm ưu phiền
có ta nâng trái sầu chín rã
có lệ ta hòa chung hơi men

có mắt ta là ly rượu nhỏ
có đời ta là quán cô hồn
và có ta đang ngồi trong quán
uống cho tàn cho mạt kiếp nhân sinh

cũng có đau thương làm vui bạn nhỏ
có hoang đàng tìm thấy giữa cơn say
có tuyệt vọng trên vành ly rực sáng
và có em buồn ta cồng trên vai

có nắng chiều đang rơi ngoài bãi
bãi vắng chiều xa không bóng người
chứng kiến giờ ta lên cơn hấp hối

ta đội nón đi mời em uống rượu
cuộc tình sầu thôi hãy gác qua bên
ta đâu có giận hờn chi cuộc sống
dù thật tình buồn lắm phải không em

ta là ly vậy mà em biết không
ta là rượu vậy mà em biết không
uống đi em bởi ly đã kể
bởi ta buồn như một câu chuyện kể

câu chuyện buồn kể giữa cơn say
bởi lát đây mặt trời sẽ chết
mùa đông về không chỗ dung thân

ta sẽ đứng run trong giá lạnh
đáng bơ vơ như một kẻ thất tình

để thấy ta mang đầy kỷ niệm
như người mang thương tích trên thân
và thấy em như bờ dốc đứng
ta chiếc xe đồ nỏ bánh bơ vơ

ta đã nài xin, em hãy uống
chất men đời làm cháy mắt ta xanh
rượu cay đắng hay chén vàng tê tái
em chối từ không biết nói sao hơn

em không uống nên có ta lẻ bạn
vòng tay ôm hồ rượu thấy mệnh mỏng
rượu đã hết hay mắt ta vừa cạn
hay hồn ta rung chuyển đến tang thương

thôi giã tiệc và xin chào bạn nhỏ
ta túi hờn bóp nát chiếc ly không

và ta tưởng như chính mình đang vỡ
quán cô hồn ngủ trọ khách cô đơn

có ta trong một toa tàu trắng
tĩnh rượi nằm nê rồn một mình
có em còn đứng sau khung kính
có nỗi buồn gửi một toa riêng.
(26-12-68)

Một bài thơ vào năm 2006

*(giải nhất trong cuộc thi thơ Đồng Bằng Sông Cửu Long
2006)*

Q u á n C ù a N g ư ờ i T ê n V .

Đường sinh tử một vòng chưa khép
Tạt vào đây quán trọ đời em
Rớt cho tôi chai nào cay đắng nhất
Hồn tôi là một chiếc ly không

Mái quán em tường xiêu giấy lợp
Hào phóng đòi cho mượn ánh đèn
Tôi sẽ thấp giùm em thêm chút nữa
Dẫu chỉ là đom đóm trong đêm

Bàn ghế nhựa làm sao rơi loảng xoảng
Rừng ở đâu cho phá đá cửa cây
Em chỉ đưa mượn tạm chiếc ly này
Không cho đập lấy gì phóng đảng

Chủ quán ơi, hôm nay ngày tháng mấy
Nhân loại trừ tôi còn lại được bao người
Mái quán em thành trời cao vời vợi
Để cái nền làm vỡ chiếc ly rơi

Trăm con sầu đang đòi con say
Tôi đốt quán, em đứng buồn tôi nhé
Mở giùm tôi chai nào cay đắng nữa
Ly vỡ rồi cứ đổ xuống thân tôi.

*(trích từ tác phẩm chung khảo cuộc thi thơ đồng bằng sông Cửu
Long 2006, Nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản)*



TRANG THƠ VĂN

HẢI PHƯƠNG * HOÀNG NGỌC CHÂU * VIÊM TỊNH
* NGUYỄN DƯƠNG QUANG * TÔ MẶC GIANG *
TRẦN THỂ PHONG * NGUYỄN LỆ UYÊN * NGUYỄN
ĐẶNG MỪNG * LÊ TẠ BÍCH ĐÀO * TRANG LUÂN *
THẢO TRƯỜNG * TRẦN YÊN HÒA * UYÊN HÀ * Ý
YÊN * PHƯƠNG TẤN * HẠ ĐÌNH THAO * VÕ CÔNG
LIÊM * NGUYỄN ĐỨC NHƠN * NGUYỄN VĂN
NGỌC * TRẦN BANG THẠCH * VƯƠNG THỦY
TÙNG * KHÊ KINH KGA * CAO VỊ KHANH * ĐỖ
HỒNG NGỌC.

HẢI PHƯƠNG

T h á n h T h u T h á n g G i ê n g

9. Bài Lê Thị Quế Hương

Em ơi
khỏa thân sớm mai
ta sơ sinh gió
thổi dài mái lưng.

Em tươi rói biển
lùng lùng
ta linh hiển sợt
dây thừng bán khai.

Thánh thư
cổ mộc lai rai
tháng giêng xanh liễu
tháng hai xuân vừa.

10. Bài Ngô Vũ Bích Diễm

Hôm nay
ngày vừa diễm xưa
hôm qua
xuân lại chín
thừa chiêm bao.

Hôm nay
xuân hát đồng dao
lá xanh phiên khúc
hoa chào nguyệt hương.

11. Bài Cao Bá Minh

Thánh thư

chép lại mấy chương
phải chỉ trong chốn
đời thường có em.

Sắc màu
trộn phần nhụy riêng
thánh thư biếc liễu
trộn tiền thân tôi.

Sớm hôm
nhật nguyệt bồi hồi
thánh thư trộn lẫn
đoạn tôi yêu người.

12. Bài Hà Cẩm Tâm

Đất trời
em bước chân ra
càn khôn hí lộ
ngựa Hà Cẩm Tâm.

Em nằm
phú lục ra xuân
hồng non híp vó
hồng ân dập dìu.

Thánh thư
động vỡ
tình yêu
nửa khuya lục lạc
ngựa hiu quạnh về.

13. Bài Phan Bá Thụy Dương

Rừng xưa
tu núi tà dôn
nhìn qua khe biển

thấy còn
bãi em.

Rừng khuya
sương ướt lá đêm
địa cầu em động
trụy thêm thạch hoa.

Thánh thư
đành gọi lại chùa
cõi nhân gian
em thả bùa tử sinh.

Rằng xưa
quan ở triều đình
mê cung nữ
khỏa thân mình
dưới trăng.

Rằng xưa
nay cũng nghe rằng
áo com đời bụi
chàng không bụi đời.

Rằng nay
hành giả rong chơi
thánh thư mở đoạn không lời
hát khan.

14. *Bài Trần Tuấn Kiệt*
Em nằm
tích sự ngân nga
hoàng hôn rộng cánh
chiều tà rộng rình.

Em nằm
khai một lời kinh
thánh thư khép
mở
có mình ở trong.

15. *Bài Phạm Quốc Bảo*

Này em
rừng nồn tơ khi
trái tim khát vỡ
trầm thi ngân dài.

Này em
hồng phấn chương đài
thánh thư nhan sắc
hồng mai xuân thì.

Thôi về
lỡ chuyến xe đi
nhớ trắng bến đợi
nhớ hè phố em.

16. *Bài Viên Linh*

Thánh thư
năm mươi năm liền
vòng em mở rộng
bình nguyên trang bìa.

Trái tim nhín lại
mai kia
tồn lưu biên biếc
lửa khuya
em cời.

Khi ở San Jose

Tháng giêng

2008

haiphuong68@hotmail.com

HOÀNG NGỌC CHÂU

Một Ngày Đưa Em Đi Dạo Thác

Ngủ Bên Dòng Thác

Gối đầu lên một nhánh cây

Thoáng nghe hồn nhẹ lướt bay trên trời

Cái ta phiền lụy tan rồi

Còn đây thác vọng điệu cười dân gian

Tặng Đàn Bướm Bên Dòng Thác

Nhịp nhàng đôi cánh khoan thai

Trăm con bướm lượn bay ngoài vườn không

Ngàn xanh trải mộng vô cùng

Xưa sau rộng mở suối nguồn thiên nhiên

Tặng Đàn Cá Bên Dòng Thác

Cá ơi hãy tránh xa ra

Lội theo dòng nước hiền hòa mà vui

Tham ăn chỉ một chút mồi

Mất câu là hết mộng đời vô vi

Hôn Em Bên Dòng Thác

Chiều nay em mặc áo hoa

Đẽ thương như thể nắng tà mênh mông

Nắng ơi hãy xuống đây cùng

Với ta say cạn môi nồng liên hoan

Cũng Hôn Em Bên Dòng Thác

Cảm ơn em của chiều nay
Cho anh sống lại phút giây tuyệt vời
Mai kia tàn rũ kiếp người
Hồn lơ lửng giữa đất trời và em

Và Cũng Hôn Em Bên Dòng Thác
Cúi hôn vào cội thiêng liêng
Tạ ơn trời đất bình yên phút này
Cùng ta thở với chiều nay
Mùi hương hoan lạc thoảng bay ngát rừng.

VIÊM TỊNH

N g à y M a i

Ngày mai
Có bao nhiêu ngày mai
Hoa. Mặt trời. Mây. Bão tố.
Quay chung quanh niềm ước vọng
Nhìn thấy cuộc viễn hành
Trên chuyến tàu đêm
Tiếng còi réo gọi
Hồi sinh những oan hồn nơi nghĩa trang
Và dẫn đường cho một người đến sân ga
Đón chuyến tàu sắp tới

Ngôi sao trắng vừa lặn ở phương Tây
Tiếng hát ai vang dậy
Đón chào một ngày mặt trời
Mọc từ biển Đông thâm lặng
Mở cửa viện bảo tàng

Chung bày nỗi lo sợ
Bước vào xem như chưa bao giờ
Thấy cõi lòng già cõi.

Lời hẹn hò mơ ước
Cầm trên tay và cảm ơn
Em đã mang đến cho tôi
Trái tim hồng
Gói trong giấy hạnh phúc xanh
Một tuổi già vừa chấm hết
Trên lớp da nhuan nheo sạm nắng
Những hai mươi
Mùa đông dù còn luẩn quẩn bên hiên
Đã thấy mùa xuân thấp thoáng ngoài khung cửa
Em hãy đến với tôi
Yêu dấu.

NGUYỄN DƯƠNG QUANG

Chiều Trên Rừng Trong Mật Khu Lê Hồng Phong

Chiều đã đầy trên rừng cây đã thấp
nắng trải dài xa những đỉnh xa
ta ngồi lác bít vừa cạn nước
nhấp môi khô mà nghĩ một quê nhà

Kì lóp dất bám trên da mặt cháy
vết môi hôn nhuộm đỏ mặt trời chiều
Tà Dôn xa mướt như cồn ngực nhỏ
thở hoàng hôn Phan Thiết nhập giờ yêu

Cây khẩu cầm mang theo ngày cầm súng
mì sol .. sol mì dò fa ..
ôi khúc O' Cangaceiro đồn dập
nửa đời ta một thuở không nhà

ngồi trên cát nhai thịt dong nường
vẫn ngon hơn Đồng Khánh với gà quay
ngu quá đổi quên mang theo xì để
thấp cho đêm còn có chút mặt trời

dăm tiếng nổ mon men bên triền dốc
vài ba anh du kích, mấy AK
ta quơ súng, bỏ dong cho đàn kiến
mì sol .. sol mì dò fa ..

đêm đã đầy trên rừng cây thấp
nặng ngủ đen xa những đỉnh xa
ta ngồi thở như chưa từng biết mệt
gai ô rô ơi, em thật mặn mà

đêm đã im trên rừng cây thấp
bầy te te xa đã nhỏ giọng hò
như chàng cao bồi ngủ bên chân ngựa
Ohé ! O' Cangaceiro ...
1970

TÔ MẶC GIANG

M u a S ơ n – l a

*để tưởng nhớ Tạ Tỵ, người bạn già
nơi trại tù SơnLa, 1976.
tmg*

mưa Sơn-La, mưa trong lòng anh xót xa

mưa Sơn-La, mưa buồn trên môi xưa
bên suối trắng tà.

mưa Sơn-La, mưa buồn trên môi khô
mưa đêm dài yêu dấu
trên thân tù đau đớn
theo hồn em xa vắng
mưa!

một lần mưa thương anh trên vùng lưu đày
một lần em leo đèo tìm anh nơi đây.
suối nước trong soi lòng em chung thủy
nước suối trong gội rửa nỗi nhọc buồn.
những oan hồn ly tán!

lá rừng xanh kẻ lẻ nổi oan khiên
đất nước mình sao tắm tối triền miên
không phải một ngày, một tháng, một năm,
mà nghìn năm khổ nhục
nghìn năm với qui dữ hung tàn
bản làng xưa còn lại những đôi trắng
ngơ ngác hồn cô phụ!

đất nước mình như nguồn cơn giận dữ
lại một lần thương nhớ một giòng sông
anh lưu đày ôm hận chốn rừng thiêng
em cuối bãi thân cò trong cô quạnh.

một lần em hỏi:
đất nước mình như thế sao anh?
đồng lúa, vườn dâu, niềm vui giả trá
người với người xa lạ nỗi niềm riêng
người với người tan nát những lòng tin
như tàn thu rả cánh
như hồ khô, đồng cạn giọt nước ân tình.

mưa Sơn-La,
những đêm ngày rét mướt
vẫn những khuya tàn “ bắt-cô-trời-cột”
tiếng chim nào mang thống hận trời đêm
tiếng chim nào khô nước mắt điêu linh.
những lớp tù đã ngã.
biết bao giờ thấy lại bóng trắng xưa!
biết bao giờ đứng dậy dưới cơn mưa !

mưa Sơn-La
mưa trong lòng anh xót xa
mưa buồn trên môi khô
trên thân tù đau đớn
theo hồn em xa vắng .
mưa!

ngày giỗ đầu Tạ-Tý 24-8-2005

TRẦN THẾ PHONG

Chiều rơi!

Chiều nay hồn động quê nhà
Khói mùa khô chờ tà tà hoàng hôn
Lâu chừng nào nữa mà mong
Lòng ơi! sao vẫn nghe lòng quạnh hiu
Rụng buồn đôi quả khô kêu
Nao nao, lòng trải với chiều nao nao...

NGUYỄN LỆ UYÊN

Gió Bay Xa

1*

Ban đầu tôi nghĩ khu nhà trọ như một trại binh, sau nhớ lại thì nó giống một trại chăn nuôi gia súc. Bốn mươi căn phòng, mỗi căn rộng chưa tới hai chục mét vuông đôi mắt vào nhau. Ở giữa là dãy hành lang dài hun hút. Khu nhà trọ tấp nham này chứa đủ các thành phần từ thợ thuyền đến công chức, và chẳng mấy khi họ đứng lâu, ngó mặt nhau nói chuyện thân thiện. Mới tờ mờ sáng mọi người đã vội vàng vàng vắt xe máy, xe đạp hoặc học tốc chạy ra bến xe buýt. Chiều tối mịt họ mới lác đác kéo nhau về, kẻ trước người sau, với sự mệt mỏi bám lũng lảng trên mí mắt, trên những đôi chân bước chậm. Chính xác hơn, khu nhà trọ này giống cái tổ ong thu nhỏ. Một tổ ong trong mùa gió rét, mưa bão!

Tôi thuê được căn phòng thứ hai bên dãy số lẻ gần sát đầu hẻm, nhưng cũng không thể quan sát được gì chung quanh do cấu trúc của khu phố và khu nhà trọ. Tôi cũng như mọi người, sáng bánh mắt đã xách cặp phóng xe tới công ty; chiều tối về mở khoá nằm sải tay chân trên tấm nệm lật xuống nền xi măng, đầu óc như muốn bã ra; thân thể mỏi nhừ. Đó là chưa kể những đêm khuya về sáng bị đánh thức dậy bởi những tiếng động khê hừng hực, tiếng ư ừ rên bên căn phòng đầu liền vách. Cuộc sống “gạo chợ nước sông” cứ lênh đênh hết ngày này qua tháng nọ, kẻ ra cũng không đến nỗi nào. Nhưng những lúc buồn, chẳng có người hàng xóm nào thân thiết để giải bày, trò chuyện. Ít ỏi qua điện thoại chẳng hứng thú gì.

Chủ nhật, ngày nghỉ nếu bạn bè không đến chờ đi đâu đó thì tôi thường khoá cửa nằm nghe nhạc, tấu hài, cải lương, bài chòi, chèo... miễn sao quanh mình có tiếng

động cho bớt vẻ quạnh hiu.

Nhưng sáng nay thì không như mọi ngày. Một sự bất tiện. Một sự quấy rối. Một sự bất ngờ. Lẫn lộn những cảm xúc bức bối và thích thú. Đó là tiếng gõ cửa. Những tiếng động nhẹ đã làm chao đảo, không, chính xác là làm đảo lộn trật tự vốn được giữ gìn cẩn thận theo thói quen sẵn có và lười biếng bấy lâu nay. Hơn ba tháng ở khu này, lần đầu tiên tôi đón nhận tiếng gõ cửa thông thả, không ngập ngừng, không vội vàng. Thoạt nghe hơi khó chịu nhưng hình như những tiếng lóc cóc phát ra từ sự đụng chạm giữa các ngón tay và cánh cửa gỗ đã đè ép sự bức dọc xuống ở mức độ thấp hơn nhiều lần. Tôi khoát thêm chiếc áo ngoài để che đậy sự hổ hang khi chỉ một mình trong phòng, nhón gót hé cánh cửa.

Một chiếc đầu lướt qua kẻ hở. Một khuôn mặt dài ngoẵng khi mới thoạt nhìn qua khe hẹp. Chiếc đầu lùi lại. Khe hở của cánh cửa mở rộng và khoảng tối biến mất. Chiếc đầu lên tiếng:

-Chào chị. Tôi tới trọ gần tuần nay. Nếu không phiền thì chị cho tôi mượn kim chỉ khâu lại hột nút bị sút. Định ra đầu hẻm mua, nhưng nghĩ các vị phụ nữ thế nào cũng chín chu hơn trong chuyện may vá...

Chiếc đầu nói thêm những gì nữa nhưng tôi không để ý. Sự nói dài của Chiếc đầu khiến cánh cửa dưới tay tôi cũng chỉ hé thêm vài phân một cách dè chừng. Chiếc đầu ngưng đột ngột và thở dài đánh sượt nghe thật rõ khiến tôi bối rối, bàn tay tự động hé rộng cánh cửa thêm vài phân:

-Có thể đây – tôi trả lời – nhưng anh phải nói chỉ màu gì?

-Dạ màu xanh nhạt hay trắng cũng được.

Tôi kéo cánh cửa hẹp thêm một chút như thể phòng ngừa Chiếc đầu có thể bất ngờ chui tọt vào bên trong, trong khi tôi quay vào tìm kim chỉ. Mở chiếc va li tìm chiếc hộp chứa linh kinh các thứ vật vãnh nhưng cần thiết của phụ nữ, và lòi ra đúng loại chỉ khâu Chiếc đầu

yêu cầu, tôi đưa cho hắn qua khe cửa hẹp:

-Anh có thể giữ lấy mà không cần trả lại.

Bàn tay chiếc đầu chạm vào bàn tay tôi. Và thay vì nói lời cảm ơn, Chiếc đầu lại xuýt xoa:

-Ồi bàn tay chi đẹp quá.

Tôi đóng sập cửa lại nghe thành tiếng. Lần đầu tiên có người khen bàn tay tôi đẹp. Tôi lật qua lật lại hai bàn tay; xoè mười ngón rồi cong lại nhìn ngắm. Trời đất có đẹp thiệt dưới con mắt hắn hay chỉ là sự nhầm lẫn, tăng nịnh lấy lòng? Tôi nằm ườn trên ghế, lật tiếp tạp chí Thời Trang Phụ Nữ để không nghĩ về bàn tay, lời khen nịnh và thái độ của Chiếc đầu bên kia cánh cửa đóng.

Những chiếc váy dài, váy ngắn, áo pulls, soutiens, slips ...màu sắc sặc sỡ, đủ loại như một rừng cờ tổ quốc của nhiều chủng tộc đang quảng vai bá cổ diễu hành trên đường lớn.

Đây rồi, để mai chỉ cho nhỏ Thư ra Corp Mart mua chiếc váy này đi ăn cưới con Lan. Đẹp, hợp với cái dáng mỏng manh của nó. Còn mình thì mặc gì nhỉ. Ôi dào, hơi đầu. Già rồi. Gì cũng được. Lướt chưa đến trang cuối lại nghe tiếng lóc cóc. Tôi đoán đây là Chiếc đầu. Chưa kịp ngồi thẳng lưng, cánh cửa khép hờ đã bật ra. Lại một chiếc đầu thò vào, bím tóc buông thõng trước ngực:

-Em ở sát phòng chị đây mà. Em tên Mai. Chiếc bàn ủi của em bị sao đó không ăn điện. Chị làm ơn cho em mượn. Trời ơi, thiệt là phiền chị quá trời - Giọng nói miền Nam nhào nhào nghe dễ chịu đến lạ.

Tôi cúi xuống gập bàn ủi chiếc bàn ủi đưa cho cô gái. Không thể đoán được tuổi tác, không đẹp, nhưng khuôn mặt phúc hậu. Cô ta vội vã rút đầu và biến mất sau cánh cửa, quên cả kéo sát lại. Thôi kệ. Tôi nghĩ, bữa nay chủ nhật ta cũng nên “connect” với thế giới nhà trọ một chút, một chút thôi với hành lang dài hun hút này để gọi là cũng có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa. Ta không ngắm được gì, không sờ soạn nắm được tay ai, ngồi hàn huyên

to nhỏ với ai trong khu tổ ong thì dễ chút không khí chủ nhật luông vào tận phòng tắm cũng chẳng mất mát gì, tôi tự nhủ như vậy, cảm bằng như không khí cũng được xếp loại sinh linh trên trái đất này.

Em ơi...nếu như đôi ta... Em ơi... nếu như đôi ta... câu vọng cổ cứ lặp đi lặp lại một cách sộn sục trên mặt đĩa bị trầy xước phát eo éo qua hai chiếc loa nhỏ, đập vào tai khiến tôi tưởng tượng đến Chiếc đầu đang ngồi dạng chân xỏ chỉ qua lỗ kim bị trật hoai. Chuyện này rất có thể sẽ xảy ra. Chuyện kim chỉ không phải dành cho đám đàn ông con trai. Tệ thật, tinh thần cộng đồng của bầy ong nơi tổ này không được phát huy một cách triệt để. Giá như có một thủ lĩnh – tôi nghĩ vẫn vợ – mà lấy đầu ra thủ lĩnh kia chứ? Ai rồi công đầu mà đứng ra gánh vác chuyện hàng tổng? Nhảm nhí. Thiệt nhảm nhí. Tôi đứng dậy, với tay tắt chiếc loa vi tính. Những câu *em ơi...* sậm sục tắt ngấm.

Bỗng dưng Chiếc đầu lọt hẳn vào bên trong, kéo theo cả tấm thân đồ sộ đo chạt khung cửa. Chiếc đầu chìa gó kim chỉ về phía tôi:

-Trả lại chị. Cảm ơn rất nhiều. Ủa mà chủ nhật chị không đi đâu sao? Xin lỗi, tôi hơi tò mò thái quá.

-Không có chi.

Câu trả lời khiến Chiếc đầu chung hứng. Hắn đưa tay lên gãi đầu theo thói quen của những gã con trai có thói tán tỉnh vu vơ, mắt nhìn quanh như thể che lấp sự hổ thẹn bắt đầu tăng lên. Chiếc đầu lúng túng thật sự, mắt dán chặt vào bức tranh khoả thân, buông câu nói không dành cho ai.

-Đẹp thật, tuyệt.

Tôi nói:

-Xin lỗi, tôi hơi nhức đầu – và đỏ mặt.

Chiếc đầu quay lui:

-Chào chị.

Bây giờ thì tôi mới kịp hoàn hồn, nhìn lại khoảng

cách Chiếc đầu đứng bên trong khung cửa và bức tranh. Hắn nhìn thấy gì nhỉ? Tôi hoảng hốt bỏ tờ tạp chí xuống nền đất, chạy lại đứng chỗ lúc này Chiếc đầu đứng, và đứng đúng với tư thế của hắn, cũng ngoái đầu nhìn về phía bức tranh, ước lượng khoảng cách và độ sáng: cũng đến chục bước chân, độ sáng thì nhoe ở một nửa khung tranh. Như vậy Chiếc đầu chỉ có thể nhìn thấy một cách lơ mơ, không rõ ràng. Tôi tạm an lòng và thầm nhủ, sẽ không để bất kỳ gã đàn ông con trai nào ngắm bức tranh này lần thứ hai dù là trong tư thế đứng nhìn ngắm không rõ ràng như Chiếc đầu lúc này.

Thật ra bức tranh ấy không có gì là ghê gớm. Chỉ tội một điều: nó chính là chân dung tôi. Người vẽ nó không phải là gã họa sĩ cuồng tình mà chính là Lan, con bạn thân sắp đi lấy chồng nay mai của tôi, theo trí tưởng tượng của nó. Tôi không hiểu mấy về hội họa, nhưng khi nó chìa bức tranh ra, tôi không khỏi ngạc nhiên. Có điều gì đó khó diễn tả đang phát ra từ thân thể tôi bằng thứ màu nước trơn tuột. Nó lạnh lẽo một cách nồng nàn; héo buồn đến ngây dại trên một tấm thân hùng hực những đôi trứng nhấp nhô, xa vắng, mời gọi, xô đẩy... với thân thể loã lồ từ gót chân đến hai cánh tay giơ thẳng vượt khỏi đầu, chân chéo vào nhau chỉ thấy một miền cỏ mượt xanh hình tam giác nối liền từ háng lên phía dưới khoang bụng...

Chiếc đầu là kẻ lạ duy nhất nhìn thấy sự ẩn hiện thấp thoáng, hư ảo, nhạt nhoà những đường nét không thật rõ ràng.

Chiếc tổ ong bị xé toạt trong buổi sáng chủ nhật tình cờ này rồi.

2*

Chui khỏi tổ ong nhỏ, ra bên ngoài là tổ kiến khổng lồ. Tất cả mọi loại kiến chen chúc nhau trên đường, ngược xuôi; nối đuôi nhau, hối hả suốt cả ngày đêm.

Con kiến con trong đàn khổng lồ là tôi rệu rã dẫn chiếc xe xếp lốp lê lét đã bốn trăm mét nhưng chẳng tìm ra chỗ vá. Đôi chân giống chiếc chân giả vận gai ốc; tay như môi, thân thể nhóp nhép qua lớp mồ hôi rịn vẩy áp vào quần áo đến nhột nhột khó chịu. Đến đôi giày gót cao mới thật khôn nạn: nó nghiêng sít, thắt chặt đôi chân như bàn tay thô ráp, nham nhở của gã cà bông bóp thít lại, nhoi nhói. Ôi trời, một con bé cầm đầu dắt xe giữa dòng người xuôi ngược như một kẻ lạ. Tôi chẳng biết phải làm thế nào nữa? Công ty thì sáng nay có cuộc họp sớm, nghe nói quan trọng. Đành phải gọi về thôi. Tôi cố đẩy chiếc xe đáng nguyên rùa lên vỉa hè. Phía sau lưng, tiếng nói hơi quen quen gọi giật.

-Nè chị, sao vậy? Bể lốp à? Khô thật!

Chiếc đầu trời tới, cho xe leo lên lề, sát gần chỗ tôi đang loay hoay tìm cách gạt chân chống choãi ra. Chiếc đầu nhanh hơn, đỡ lấy tay nắm, dựng chân rồi khum người quay vòng vòng bánh xe trước, một tay áp lên vành bánh xe đang quay. Tôi không hiểu hắn đang làm cái trò gì; cứ như là hắn đang tìm kiếm lỗ thủng trên chiếc lốp đen thui hay một vật gì cấu xé vào đầu đó khiến chiếc xe bị xếp. Cuối cùng Chiếc đầu đứng lên, chia trước mắt tôi chiếc đỉnh nhọn, kêu lên:

-Xong rồi!

-Là sao?

-Là chiếc ruột bị nát như người ta bằm ruột vịt xiêm xào sả ớt - Chiếc đầu nói thản nhiên.

-Can có chi tới vịt xiêm?

Chiếc đầu như không nghe tôi nói gì, lên tiếng:

-Nếu như chị không ngại tôi là kẻ gian, cầm mất chiếc xe đáng giá năm mươi triệu này thì chị có thể lấy chiếc cà tàng của tôi chạy tạm tới công sở, chiều về đổi lại. Còn nếu quá tám giờ tối mà không thấy tôi mò về, tức thì tôi đã bán chiếc xe nó và đã đi xa thật xa? Lúc đó chị nên báo cho chính quyền sở tại để họ phát lệnh truy nã -

Hắn nói một thôi dài - Chị mà tìm ra chỗ vá xe thì cũng mất đến nửa tiếng nữa. Thôi lấy xe tôi đi đi kéo trễ giờ làm việc!

Chiếc đầu nói giọng kẻ cả, như ra lệnh. Tôi ngó bộ dạng hắn, nhìn ngược từ đầu xuống chân. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ hắn là kẻ dối trá. Đến nước này thì tôi phải nghe theo, không còn cách nào khác. Đỡ lấy chùm chìa khoá trên tay hắn, tôi nói cảm ơn và bỏ mặc hắn với chiếc xe xẹp lốp giữa phố đông. Đầu óc trống trơn. Không nghĩ mình sẽ phản ứng ra sao nếu như hắn làm thật?. Không nghĩ mình tới công ty có còn bị trực trực gì nữa không?

Chiếc xe cà tàng của hắn không giờ chứng giữa đường. Nó ì ạch cõng tôi đến sở đúng giờ. Ngồi vào phòng họp. Mọi việc diễn ra chính xác và nhanh gọn. Kết thúc, mọi người kéo dịch ghế đứng dậy, ai lo việc nấy. Phòng họp trống trơn, còn lại những chai nước và ly cốc lỏng lỏng trên bàn. Hai giỏ hoa ở hai đầu bàn phòng họp không làm ấm hơn chút nào sự trống trải đang phôi dầy trong căn phòng rộng. Tôi bước về phòng mình, ôm theo chồng báo cáo của các phòng ban dày cộp. Suốt ngày nay tôi phải đọc xong chồng giấy này để tổng hợp trình giám đốc. Trời đất, cứ như một quyển từ điển nhỏ. Con số và chữ nghĩa dày đặc. Mắt căng lên những trang giấy, hai tay ấn bàn phím liên tục đến nỗi không còn nhớ gì đến sự bất đầu của buổi sáng. Cả thân thể và đầu óc cứ chạy đuổi theo những trang kín chữ nằm ngổn ngang trên chiếc bàn rộng.

Trưa ăn vội khúc bánh mì kẹp thịt và chai nước lọc.

Nhắm mắt ba mươi phút. Lại tiếp tục ngồi vào bàn phím cho đến khi chuông đổ.

3*

Tôi không nhớ mình đã đi chiếc xe nào, chỉ mang

máng đó là chiếc xe màu xanh rêu đã tróc sơn. Nhưng trong nhà để xe có hàng chục chiếc màu rêu biết làm thế nào? Chính xác là tại vị trí này, nhưng cũng có hai ba chiếc giống nhau, chiếc nào là của Chiếc đầu? Lôi chùm chìa khoá ra tra vào các ổ khoá, xe nào cũng mở được? Vậy là thế nào? Chỉ còn nước đứng đợi cho mọi người lấy hết xe ra, chiếc còn lại là của mình đi khi sáng? Mình đâu có số điện thoại của hắn để có thể hỏi rõ. Đành lòng vậy. Đứng chờ. Khởi đầu và kết thúc một ngày đều xui xẻo như nhau. Nó không có hình dạng, nhưng sự bực bội, căng thẳng thì có thừa?

Lúc về tới tổ ong nhỏ, tôi dựng xe trước cửa và liếc nhìn các ô cửa khép mở không đều. Không thấy dấu hiệu nào là có bóng dáng Chiếc đầu trong khu tổ ong. Cứ tưởng tượng rằng Chiếc đầu biến mất thì sự thế sẽ như thế nào nhỉ? Trên TV thỉnh thoảng vẫn thấy mấy khuôn mặt rất dễ thương bị còng tay chỉ vì chiếc di động và vài trăm ngàn như những thứ cần thiết cho đời sống tạm bợ cần phải đổi lấy thật nhanh chóng? Thời buổi tấp nham này đến không thể phân biệt Phật Chúa với những tên mặt hạng thì nói chi đến... Ôi hơi quá đà, đi xa rồi. Tôi thốt nho nhỏ trong miệng, cố đẩy những ý nghĩ u ám trong đầu ra ngoài. Lòng trống không như cái bụng đang đói.

Đúng lúc tôi đang cởi soutien, quần lót thì tiếng Chiếc đầu vang lên:

-Chào chị, xe chạy tốt chứ?

Tôi vọng ra từ trong buồng:

-Không có chị, tốt.

Lúc tôi thay áo quần xong thì Chiếc đầu mở rộng cửa, đẩy xe vào góc:

-Má tôi gửi vào mấy căn sò. Tôi muốn mời chị món quê nhà. Nhưng ngồi đây chắc không tiện mà sang bên tôi lại càng bất tiện hơn. Nếu chị đồng ý, tôi mời chị qua bên kia cầu Rạch Chiếc. Chị có thể nhìn ngọn dừa nước còn tôi thì nhìn mấy cây cau thẳng đuột để ai cũng

thấy quê nhà sát bên mình.

Tôi bật cười về lỗi ví von và cách mời chào khá đặc biệt, nghĩ hẳn là người có thể tin cậy được nhưng vẫn cứ trù trù. Chiếc đầu cười cười về chế nhạo:

-Tôi làm mất xe chị thì nguy to, nhưng làm mất chị thì có thể là điều may mắn.

-Anh có dám làm vậy không?

-Nếu chị cho phép?

-Không đời nào!

-Là nói vui, chứ tôi không bao giờ có ý nghĩ sàm sỡ đó.

-Vậy thì tôi đồng ý ngồi nhìn cau, nhìn dừ với anh nhưng phải về trước 8 giờ. Bởi tôi có hẹn với người bạn.

-Cảm ơn.

-Tôi cảm ơn mới đúng chứ sao lại anh? Anh kêu dài tôi món ngao sò gì kia mà?

-Đúng thế

(...)

Chiếc xe cà tàng của Chiếc đầu chờ tôi ngồi sau, giữ một khoảng cách vừa phải. Tôi để ý qua mấy chỗ đèn đỏ, hẳn chậm rãi dặm thẳng. Té ra hẳn cũng là con người khá lịch sự trong đời sống khi hẳn xách bọc sò đưa cho chủ quán, kéo ghế cho tôi, lau chén đĩa, lật ly... Tôi ngồi quan sát, thấy hẳn không đến nỗi nào, cũng có thể gần gũi, bạn bè được. Và ăn uống với Chiếc đầu chỉ là cái cớ để hẳn dốc bầu tâm sự về hoàn cảnh gia đình, về những công việc hẳn đang làm, những trắc trở, khó khăn thời mới ra trường. Tóm lại hẳn là người có ý chí, cứng rắn nhưng không thiếu tình cảm.

Những cốc rượu vui đi là thêm một thông tin, những vỏ sò mở banh ra trông trơn là thêm một chi tiết bất ngờ về cuộc đời hẳn. Hoá ra Chiếc đầu là con nhà danh giá, bị sơ sẩy trên đường làm ăn khiến gia đình lâm vào ngõ cụt. Giờ thì chính Chiếc đầu là người gượng dậy và

đang đến gần đích, theo như lời hấn giải bày.

-Chị biết không? - Chiếc đầu gối ra phía đường – Gia đình tôi xuống dốc lúc tôi học năm thứ ba, vừa kèm trẻ vừa hoàn tất học trình vừa đau vừa giận cô bạn. Cô ta quay lui như lính nghe khẩu lệnh “đằng sau quay”. Vậy đấy, rồi mọi chuyện cũng ổn. Giờ tôi phải khôi phục lại công ty của ba mẹ tôi bằng bất kỳ giá nào.

-Chúc anh thành công – Tôi nâng cốc rượu vang trắng lên - những con sò của anh ngọt lắm. Cảm ơn – Nói và tôi liếc nhìn đồng hồ.

Lúc đi qua chiếc cầu gỗ nối liền quán với khu đất trống bên ngoài, Chiếc đầu bắt ngờ cầm tay tôi;

-Cảm ơn chị đã dành cho tôi một buổi tối thật đẹp.

Tôi không rút tay lại, với ý nghĩ là lúc này không nên để Chiếc đầu mất đi niềm hứng khởi. Bàn tay tôi nằm gọn trong tay hấn hình như cũng ấm ấm đôi chút, nhưng khi ngồi sau yên xe tôi vẫn giữ một khoảng cách khá an toàn, thật an toàn cho đến khi về tới khu tổ ong.

(Đa Lộc 10.2007)

NGUYỄN ĐẶNG MỪNG

Mưa Hoài Như Rửa

(kính tặng chị TKL)

Tôi trở về làng cũ sau ba năm đi lính và ba năm *cải tạo*. Làng xóm xác xơ trong cái rét tháng giêng. Mùa giáp hạt cả làng đều đói. Một ngày gánh phân đi trồng khoai sau rú về, tắm rửa xong, cầm cây đàn ghita ra vườn sau, hát khe khẽ một mình. Đang lắng lơ với *dur âm*, *tiếng đàn tôi...* thì

nghe em gái tôi lên tiếng: “*không được hát nhạc vàng, có cán bộ tới kiểm tra nè*”. Tôi gật đầu chào cô gái đứng bên. Thanh (em gái tôi) giới thiệu: “*đây là Nghi Đông học lớp sư phạm với em mới ra trường, cùng về dạy trường làng mình, một giọng ca nhạc vàng, chuyên gia hát chui của lớp đó. Còn đây là anh Bình, anh trai của Thanh mới cải tạo về, một tay ghita có hạng, hai người hát với nhau. Thanh đi ngược cho mạ một khúc, hôm nay mạ đi bút cỏ trâu (1)*”. Thanh đi rồi hai đứa ngồi im, cây đàn trên tay rạc ròi từng nốt. Tôi ngừng lại một chút, hỏi:

– Đông ở mô trong Huế

– Dạ An Cựu

– Ra dạy đây có buồn không

– Hồi đầu thì buồn, nhưng bây giờ quen rồi, lại thương.

Làng quê nghèo khổ của tôi toàn cát với cát, mưa gió lụt lội, một cây đu đủ cũng không sống nổi, chỉ còn cây tre khẳng khiu chịu đựng, có gì đâu mà em “*lại thương*”. Tôi bối rối hỏi một câu, mà sau này nghĩ lại thiệt là vô duyên, quê mùa:

– Có thương ai chưa.

– Dạ thương học trò, đứa mô cũng siêng học và lễ phép. Chỉ tiếc là nhà trường không cho mặc áo dài, một lần lên lớp *dị ốm*.

– Răng mà không cho mặc, áo dài là quốc hồn quốc túy mà.

– Họ *noái* mặc áo dài có vẻ tiểu tư sản, yếu điệu quá. *Quan điểm* giáo dục của xã hội mới là gần gũi nhân dân, giáo viên nhân dân mà. Đông chỉ chừa lại hai cái làm kỷ niệm, còn chừng mô là cắt làm áo ngắn hết. “*Một áo dài thành hai áo ngắn, tình yêu mình là sẵn là khoai*”.

Cả hai cùng cười. Tôi dạo một khúc nhạc “*Anh đến thăm em một chiều mưa (2)*”. Đông bắt giọng nhịp nhàng. Tay tôi run lên, lòng tôi xôn xang theo giai điệu một thời không được hát. Giọng ca ngọt lịm, dịu dàng rồi vút lên cao vời mơ ước “*Ta ước mơ một chiều thêu nắng, em đến*

*chơi quên niềm cay đắng và quên đường về ”. “Niềm cay đắng” của thể hệ tôi và em, dệt bao nhiêu là mộng, đến nay một chiếc áo dài chị may cũng cắt ra thành áo ngắn. Chiếc áo dài e ấp mà trang nghiêm, ước mơ của bao giáo sinh sư phạm đã bị bức hiếp phũ phàng. Đông ngược nhìn lên, giọng em vời vọi, lá tre rung rinh dưới ánh trăng xao động. Tôi mừng tượng một *khuôn trăng non* nào ai hoài xa tít. Buổi chiều chàng vạng trong vườn đầy tiếng ve, bứt rứt dậy thì. Lời ca và mắt Đông nói hộ em, và cả tôi nữa, biết bao điều sống sánh, ngạt ngào.*

Chiều nào Đông cũng ra nhà tôi, phụ với mẹ và Thanh những việc nhà nông. Có khi cùng ăn khoai lang với gia đình. Rồi cùng hát với tôi, hát cũng là một cách “chống đói”, đến giờ ngủ mới trở về trường. Mẹ tôi hay đùa: “*con gái Huế danh gia vọng tộc, có chịu nổi cực khổ ngoài nì không. Cũng nên chịu cực cho quen, không thôi mai mốt lỡ ung (yêu) thằng mô rồi khổ... Nói rứa chớ làm du (dâu) nhà nì cũng không đến nổi...*”. Đông cũng đùa: “*Mẹ dạy cho con sàng sảy lúa gạo cho quen, mai mốt làm dâu không lẽ để bà gia (bà nhạc) làm hết việc...*”. Nhìn Đông tập sàng gạo cả nhà cười vang, “*Đông sàng gạo như bánh xe đạp bị cong niềng, cứ lão đảo như sắp té đến nơi, cứ sàng đi, té thì anh đỡ.*” Đông “ứ” một tiếng, nhìn tôi đỏ mặt.

Mùa hè đến. Đông sắp vào Huế nghỉ hè. Ve bắt đầu hát trên những rặng tre sau vườn nhà. Một tối sáng trăng, chỉ có hai đứa, tôi hỏi Đông:

– Ba mẹ Đông hiện làm chi.

Mắt Đông gọn buồn rồi kể:

– Mẹ em mất hơn mười năm rồi. Ba đi theo cách mạng về có bà vợ khác. Hai chị em không thích ở chung nên từ năm 75 về ở bên ngoại. Chị Đông đang dạy ở trường Quốc học. Còn một anh trai nữa đi cải tạo ngoài Bắc chưa về.

– Anh cấp bậc chi, ở đơn vị mô.

- Đông cũng không biết, chỉ có lần nghe anh nhắc tên làng này.
- Phải tên Hy không.
- Sao anh biết.
- Còn Đông là Bo phải không, chị là Xuân phải không.
- Còn anh là...
- Là *anh* chi đó.
- Là *bạn* anh Hy.

Hai đứa cười ngớ ngàng xa xót. Rồi Đông khóc, nước mắt lăn trên má, đẹp hơn cả chị Xuân ngày đó. “*người ơi còn nhớ mãi trưa nào chiều nào vàng bướm bên ao...(3)*”. Tôi hát lớn, không cần giữ ý tứ gì nữa: “*Ôi những đêm dài hôn có mơ hoài một giấc ai mơ, buồn sớm đưa chân cuộc đời...*”. Bài hát dứt. Đông lúng túng đứng lên, em sợ. “*thôi Đông về, khuya rồi*”. Em bước lùi, tôi bước tới, bóng lá tre theo ánh trăng lao xao trên khuôn mặt đẹp đến nỗi nùng. Tôi hôn em, lần đầu trong đời, vụng về run rẩy: “*lần đầu ta ghé môi hôn, những con ve nhỏ hết hồn kêu la*”(4). Tiếng ve theo em, theo tôi khản giọng suốt đêm hè.

*

Năm đó tôi học đệ ngũ ở một trường quận cách Huế năm mươi cây số. Đạp xe từ làng đến trường cũng non mười cây nữa. Đi qua những làng xóm ruộng đồng heo hắt, đoạn thì gặp du kích, đoạn lại gặp lính Cộng hòa. Mấy anh cứ dặn là không được báo với đối phương của họ. “Đi cúi mặt xuống đất, về cất mặt lên trời”, mẹ tôi dặn thế. Có lúc lại gặp những xác chết của cả hai bên, chúng tôi cúi đầu đạp xe không dám nhìn.

Có một đại đội địa phương quân đóng đồn gần nhà. Gia đình tôi có hai chị gái khá xinh đẹp, các ông sĩ quan thường tới lui tán tỉnh. Tôi được các ông cưng chiều lắm, vì thường làm *chim xanh* chuyển thư cho họ đến các chị. Có lần bị chị đánh vì cái tội *thầy lay*. Anh trung úy Hy không bao giờ nhờ chuyển thư, cũng chẳng tán tỉnh ai. Anh chỉ

“chơi” với tôi, khi thả diều, khi đi bắt chim, tát cá. Anh có chiếc Honda 67 mới toanh, một lần anh cho cưỡi chạy một vòng là sướng mê ly. Tôi hay mượn sách anh để đọc, thường là những cuốn sách dịch khó hiểu. Anh bảo khi nào cùng anh đi Huế chơi một bữa, mấy cô em của anh ấy có tú sách Tự Lực Văn Đoàn đầy đủ lắm. Tôi mừng rơn. Từ nhỏ tôi chưa bao giờ cầm được cuốn sách của Khái Hưng, Nhất Linh mà trong chương trình học có trích dẫn. Chiều chủ nhật anh Hy xin với chị tôi cho thằng Bình đi Huế. Chị đồng ý với điều kiện sáng mai phải có mặt ở nhà, để chiều còn đi học. Ngồi sau lưng anh Hy, những cánh đồng, xóm làng khuất nhanh. Thành phố Huế trong mơ mồn một trước mắt. Con gái con trai ai cũng đẹp, cũng thanh thoát, chẳng bù vào những người quê tôi, lam lũ, luộm thuộm. Tưởng tượng mình làm thi sĩ lạc bước vào chốn thiên thai mà sướng ngất.

Anh Hy chở về nhà. Nhà anh Hy buổi chiều không có ai, anh dặn: “*Bình ngồi chơi, anh đi đến bạn anh một chút, anh về liền*”. Tôi ngồi đợi. Anh Hy không về. Đèn điện đường đã sáng, anh cũng không về. Ngồi trong phòng tối mờ mờ, toàn là sách với sách, tôi lấy vài cuốn ra coi, phần nhiều là sách tiếng Pháp, tôi lại chẳng biết chữ nào. Hoang mang. Im ắng quá, tôi đi ra vườn. Sắp đến mùa hè, ve kêu ran. Tiếng ve nhà vườn ở Huế khác tiếng ve trên những rặng tre ở quê tôi, giọng nó khàn hơn, như giọng con trai bẻ tiếng, còn giọng ve ở làng tôi như giọng con gái dạy thì, nó the the, rất con gái.

– Ế, ai cho vô đây.

– Anh Hy chở tui vô đây rồi đi mô mất. Chị chỉ đường cho tui về nhà, chứ còn xe ra Quảng Trị không chị.

– Cậu là chị của anh Hy.

– Dạ thưa chị, anh Hy đóng quân ở làng em, chủ nhật nên anh cho em đi Huế chơi. Biết ri thì em không đi mô.

– Cái ông Hy ni *đoảng* thiệt. Thôi cứ ở đây ăn cơm với chị, tối chị dẫn đi chơi. Đoạn chị nói lớn: “Bo ơi, có bạn

đây nì, ra chơi với *anh* để chị đi nấu cơm ”.

Có tiếng dạ rất ngọt, thanh như tiếng ve ngoài làng:

– Ai rứa chị

– Bạn của anh Hy.

Cô bé tóc đuôi gà nhìn tôi thất vọng, đôi mắt đen láy chớp chớp, ngậm ngừ:

– Bạn anh Hy chi mà nhỏ rứa.

– Nhỏ cũng bạn anh mình.

Rồi chị quày quả đi vào bếp, nói với lại:

– Nấu cơm ăn xong, Bo dẫn *anh chi đó* ra phố chơi nghe.

Í da, tôi sợ phát run lên, rằng chị không cùng đi, bé Bo mà trở chứng thì tôi biết cây ải đây, hỡi trời!

– Chị Xuân ơi, cơm chín chưa, đói quá rồi nì.

– Người chi mà xấu máu đói. Mới ăn chè khi chiều mà la đói rồi. Mời *anh chi đó* vô ăn cơm luôn.

Bo *dạ*, rồi lí nhí: “ Vô ăn cơm hè ”.

Mâm cơm có đĩa rau khoai luộc, một chén nước ruốc và một đĩa cá bống kho khô. Đặc biệt nồi cơm nhỏ xíu, tôi nghĩ xới vài chén là hết, đang đói cồn cào, nồi cơm này ngoài nhà tôi ăn một mình cũng chưa no. Nhưng là khách, nhớ câu mẹ dặn “ miếng ăn là miếng xấu ” nên tôi từ chối chén thứ hai. Thế mà khi ăn xong trong nồi vẫn còn cơm. Hai chị em ăn như mèo. Chắc họ ăn vặt cả ngày, tôi nghĩ thế.

Chị Xuân vừa dọn bàn vừa nói.

– Em thông cảm, thứ hai bài vở nhiều quá, chị phải ở nhà làm bài. Bo nhớ đưa anh đi ra *coai* sông Hương nghe, ban đêm đẹp lắm.

Bo dắt chiếc xe đạp mini ra, giọng rành rọt:

– Anh chờ tui nghe, có biết đi xe đạp không đó.

Gì chứ đi xe đạp là nghề của tui mà. Bo ngồi lên phía sau, hai chân một bên, ý tứ như người lớn. Chúng tôi đèo nhau đi qua cầu Trường Tiền, rẽ về thương Bạc, lên cầu mới rồi quay về nhà chưa đầy nửa tiếng. Dọc đường không ai nói với ai tiếng nào. Chị Xuân hỏi:

- Đi chi mau rứa.
- Thì anh ưa đi mô thì đi chớ Bo có ý kiến chi mô.
- Bo hướng dẫn viên kiêu chi lạ rứa, phải chỉ cho anh chỗ ni chỗ tê để anh biết chớ.

Chi Xuân hướng dẫn cho tôi ngủ ở phòng khách, trên chiếc sập cỏ. Tôi nằm nghe ve kêu, mơ màng như lạc vào khu vườn nào đó trong truyện cổ. Tôi nghe loáng thoáng tiếng hai chị em nói gì đó lẫn trong tiếng ve, thỉnh thoảng lại cười rúc rích. Chị Xuân nói vọng vào:

- Lấy sách mà đọc đi em.
- Sách tiếng Pháp em không đọc được.
- Em thích đọc sách chi.
- Chi có cuốn mô của Khái Hưng hay Nhất Linh cũng được.

Chị đem cuốn sách vào rồi bật đèn sáng lên, Bo bụng chén chè hạt sen theo sau, đặt lên bàn và “mời anh ăn chè”. Tôi nhìn chén chè bé tẹo, nghĩ đến cơn đói nếu đêm nay đọc hết cuốn sách kia. Mà tôi phải đọc hết, vì nó là Hồn Bướm Mơ Tiên, cuốn sách mà tôi hay nghe thầy tôi ... kể. Tôi đọc một mạch đến hết cuốn sách, đồng hồ điểm năm giờ sáng. Ve giờ này im hẳn. Tiếng hai chị em nói chuyện nghe rõ hơn:

- Bo mặc áo ni vô trong cho đẹp, chị mới may cho Bo đó.
- Em không mặc mô, nóng lắm.
- Con gái lớn rồi, người ta dòm dị chết. Mạ bắt chị mặc áo lót từ lớp đệ thất, năm nay đệ lục rồi, Bo không sợ mạ buồn rãng.

Im lặng. Có tiếng khóc thút thít: “Dạ, Bo mặc”.

Tiếng ve kêu. Bắt đầu chỉ vài con cất tiếng rồi dần lan ra, râm rân cả vườn cây. Có tiếng gõ cửa, Bo bước vào với chiếc áo dài trắng trông lớn hẳn lên, lí nhí: “mời anh ra ăn sáng”.

Chị Xuân mới rạng rỡ làm sao. Ngoài quê tôi chưa thấy ai đẹp như thế, tròn lẳn trong chiếc áo dài trắng, đôi guốc cao gót cũng màu trắng, làm chị cao hơn. Tóc chị dài đến

mông, đen mượt. Chị ngồi vào bàn sau khi duyên dáng hất mái tóc về phía sau. Bo thì không thể vì tóc cột đuôi gà. Bữa ăn sáng là ba chén cháo đậu đỏ, đĩa cá bống thệ kho khô như hồi hôm. Ăn cháo xong thì anh Hy về, dựng xe rồi nói lớn.

– Xin lỗi nghe, hôm qua gặp mấy đứa bạn ở xa về nói chuyện và uống bia vui quá nên quên mất.

Chị Xuân *háy* anh trai: “ Chưa có ai *đoảng hậu* như anh, mời người ta đi Huế chơi mà bỏ đi chừ mới về. Anh ở chơi với *anh chi đó*, chị em tui đi học đây ”.

Tôi nhìn theo hai tà áo dài khuất sau bình phong màu rêu.

Anh Hy vào thấp nhang trên bàn thờ quay ra, đèo tôi chạy một vòng loanh quanh phố rồi thẳng ra Quảng Trị. Tôi hỏi:

– Ba mạ anh ở mô.

– Ba anh đi theo bên tê từ năm sinh bé Bo. Mạ anh mất năm ngoái.

– Bên tê là Việt Cộng phải không anh. Răng anh lại đi lính bên ni, lở hai cha con gặp nhau...

– ...

Từ đó về làng tôi không dám hỏi thêm câu nào, chắc anh đang buồn lắm.

*

Giáo viên quê tôi từ hai nguồn, một số từ phía Bắc vào, gọi là *khung*, còn lại là tốt nghiệp ở trường sư phạm Huế. Giáo viên ở tập thể trong trường. Hiệu trưởng tên Lung, dáng người thấp đậm. Em tôi kể là “ *tay Lung này ghê lắm, giáo viên nữ mệt với hấn. Đêm nào cũng bị gõ cửa phòng, chỉ có nhóm tụi em là hấn không dám đụng* ”. Có lần thấy hấn đứng lắc theo sau mông một cô giáo đang sảy lúa, học sinh vỗ tay cổ vũ theo nhịp sảy, hấn hứng chí lắc mạnh hơn. Làng tôi nổi tiếng làm quan, “ Đắt Cu Hoan, quan Cỗ Lũy ” (6), nghe nói các đời trước có nhiều người vô làm quan trong dinh (Huế). Lớn lên tôi chẳng thấy ai làm quan là mấy, đến đời tôi trong làng chỉ còn ba đứa,

cao nhất là thiếu úy. “ Di sản ” của “ làng quan ” là giọng nói gần như giọng Huế và sáu họ đều là họ Nguyễn, chỉ khác chữ lót. Dù vậy dân làng vẫn còn giữ nét phong hóa làng quê tốt đẹp. Thấy cảnh “ biểu diễn ” của “ ông thầy ”, các phụ huynh đi gặt dừng lại xem, lắc đầu ngao ngán.

Nhà tôi ở sát cạnh trường. Những đêm họp nghe rõ mồn một. Họ hay cãi nhau, thường là chuyện phân phối lương thực, thực phẩm. Họ cũng làm ruộng, gọi là *cải thiện*.

Một tối tôi nghe giọng nói trịnh trọng của hiệu trưởng Lung “ *Hôm nay chúng ta họp kiểm điểm tư tưởng của cô Đông. Theo báo cáo của quần chúng là hằng đêm cô Đông thường ra nhà của cô Thanh để hát nhạc vàng với anh trai cô ấy, một sĩ quan cải tạo về chưa có quyền công dân. Là một giáo viên nhân dân, cô phải phải tường trình và làm kiểm điểm trước hội đồng giáo viên* ”. Tôi lạnh toát cả người, thương em đứt ruột. Một giọng Huế nghe không rõ, chắc là của Đông...chỉ nghe câu cuối, “ *thưa thầy em nhận lỗi* ”.

Từ đó Đông không ra nhà tôi nữa.

Tôi cũng bị đưa ra trước hội thanh niên, cũng tường trình, cũng viết kiểm điểm. Cả ngày làm việc cật lực, tối về nhớ em quặn lòng. Cây đàn cũng bị tịch thu rồi.

Tôi trốn làng đi lúc nửa đêm, nhìn lại ngôi trường buồn tênh, có em chắc cũng đang nằm khóc trong đó.

Tôi đi nhiều nơi, từ miền Đông đến miền Tây, từ cao nguyên đến đồng bằng, làm đủ nghề để sống. Mỗi lần mùa hè đến nghe tiếng ve, lòng rạo rực như thời mới lớn, cháy bỏng nụ hôn đầu đời. Năm năm sau tôi lấy vợ, sinh con. Cuộc sống lao đao cùng cực, chẳng còn hơi sức đâu nghĩ đến đàn địch hát hò.

Ở vùng kinh tế mới miền Đông Nam bộ, vợ tôi bị sốt rét nằm liệt giường cả tháng. Chúng tôi đã bán đến thùng lúa cuối cùng để chỉ mua thuốc ký ninh. Con tôi vừa dứt sữa, vì còn sữa đầu mà bú. Cháu khóc ngằn ngặt đòi bú. Tôi bón cháo loãng cho cháu, tay run lên nghĩ đến ngày mai.

Ngày mai là tương lai, là đẹp, nhưng với vợ chồng tôi thì ... Ngồi ru con bằng những bài hát ru ngày xưa mà hát “ *chim xa rừng còn thương cây nhớ cội, hướng chi người xa người tội lắm người ơi. Chẳng tha không biết thì thôi, biết rồi mỗi đứa ...ơ ơ... biết rồi mỗi đứa mỗi nơi... sao đành.* ” Thấy tôi khóc, vợ hỏi “ *Anh có mối tình nào trước khi gặp em không* ”, tôi nói có. “ *Sao không nghe anh kể* ”. Tôi kể lại thật lòng không thêm bớt. Đến đoạn tiếng ve và ánh trăng xuyên cành lá tre... tôi hát náo nê “ *Ôi những đêm dài hồn có mơ hoài...* ” Vợ tôi khóc nức nở. “ *Rằng anh hát bài “ Hương xưa ” hay rứa mà chưa khi mô nghe anh hát.* ” Tôi ngậm ngùi, “ *Cái chi qua rồi thì thôi, nhắc lại làm chi, cho buồn em, tội anh...* ” Nàng cầm tay tôi run run, đôi mắt chân thành “ *Em không buồn, em hạnh phúc...* ”. Tôi ôm nàng vào lòng, cơn sốt làm nàng run lên bần bật, mặt tái đi, “ *Em chết thì anh đi tìm chị Bo đi nghe, em biết chị ấy nhân hậu vì em cũng là con gái Huế, em cũng có một mối tình...Chị ấy mà chết sớm chắc cũng thương con mình như con chị ấy* ”. Vài ngày sau thì vợ tôi qua đời, trước khi trút hơi thở cuối cùng môi nàng mấp máy, thì thảo “ ..Bo....Bo...”.

*

Tôi công con đi học qua hai ngọn đồi. Cha con tôi ngược lại thuở bốn mươi năm trước, cha tôi cũng công tôi đi học thể này trên đường quê Quảng Trị. Dọc đường nghe con kể chuyện học hành, bạn bè và khoe cô giáo mới. “ *Cô hát hay lắm ba ơi, có nhiều bài lạ cô giáo năm ngoài không tập* ”. “ *bài chi vậy con* ” con tôi nỉ non hát “ *trường làng tôi cây xanh lá vậy quanh, muôn chim hót vang lên êm đêm...* ” (5) Tôi hát theo, song ca hai bè, con tôi cười vang:

- Ba tập khi mô mà thuộc rứa.
- Ba được tập từ hồi lớp hai như con bây chừ.
- Cô giáo ba có hát hay không, bằng cô giáo con không.
- Chắc không hay bằng, vì cô giáo của con còn trẻ.
- Cô lớn tuổi rồi, tên rất lạ: Tôn Nữ Nghi Đông... chủ

nhiệm lớp con.

Tôi để con xuống, ngồi bệt bên đường. Con tôi hỏi “*ba mệt để con chạy ù là đến trường ngay thôi, ba về đi*”. “*Không ba không mệt, con cho ba xin tờ giấy cây viết*”. Con ngạc nhiên đưa giấy viết cho tôi. Tôi viết nhanh.: “*Nghi Đông ơi, phải em không. Nếu phải thì mời em trưa nay ghé nhà anh ăn trưa. Anh đợi. Anh: Nguyễn Đăng Bình*”, rồi xếp lại đưa cho con, dặn: “*con đưa cho cô giáo, nếu cô hỏi thêm gì thì nói mời cô về nhà hỏi ba con, nghe chưa.*” Nó dạ rồi ù chạy.

Tôi thần thờ. Tôi chờ đợi. Tôi đau đớn. Tôi hạnh phúc. Thấp nhang lên bàn thờ, vợ tôi nhìn tôi cười như măn nguyện.

Cuộc đời biết bao dan díu, đau đớn ghen ngào quỵện vào nhau, muốn rút ra cũng không được... Nghi Đông nhìn tôi không chớp mắt, “*phải anh Bình đây không*”. Giọng Huế không lẫn đâu được của bé Bo, của cô giáo Nghi Đông làng tôi ngày đó. “*Có phải Nghi Đông đó không*”, “*chờ ai nữa, rằng trời cho Nghi Đông gặp lại anh...*”.

Bàn tay nông dân sần sùi nhiều vết sẹo áp lên bàn tay trắng xanh của cô giáo trường làng:

- Ổ đây có ve không anh.
- Có nhưng hết mùa hè rồi
- Tiếng ve kêu giống *con gái dậy thì* hay *con trai bẻ tiếng*.
- Giống tiếng trung niên và thiếu phụ
- Em chưa là thiếu phụ, em chưa yêu ai ngoài anh.
- Thì giống *anh chi đó* và *bé Bo*
- Giống tiếng ve đêm trắng vườn nhà anh, mãi hoài như rứa.

Sài Gòn. 22 giờ đêm 10.11.2007

(1) bút cổ trâu: cắt cỏ cho trâu.

(2) Tựa đề bản nhạc của Tô Vũ.

(3) Lời trong bài “Hương Xưa” của ns Cung Tiến.

(4) Thơ Trần Dạ Từ.

(5) Lời trong bản nhạc “trường làng tôi “ của ns Phạm Trọng Cầu.

(6) Cu Hoan, Cổ Lũy: Hai làng ở huyện Hải Lăng Quảng Trị.

LÊ TẠ BÍCH ĐÀO

C á i L ô n g N h í m.

T
rên báo chiều hôm nay đọc thấy mẩu tin vụn: “*con chó giữ nhà chăm lo nhiệm vụ, suýt chết vì bị hơn trăm cái lông nhím cắm vào, phải giải phẫu mấy tiếng đồng hồ, may mắn qua khỏi, đang hồi phục, tỉnh dưỡng...*” kèm theo tấm hình con chó, chẳng thấy mặt mũi ở đâu, vì bị lông nhím ghim vào, lồm chồm nom như trái chôm chôm. Thì ra, ở một trang trại gần bìa rừng, một con nhím không hiểu đi kiếm ăn vì sao lạc vào sân sau nhà nọ, bị chó tấn công, nó cố chạy để thoát, mà con chó kiên trì không chịu thôi, nhím cố gắng chạy đến được một bụi cây dày ken thì ép xuôi lông, chui lọt vào, vậy mà con chó len vào cho bằng được, không chịu buông tha, chó ngoạm được đuôi, rồi chân sau của nhím, ngoạm đến đâu thì lông lại ghim thêm đến đó, chó nhịn đau không bỏ, những cái lông nhím cứng, cái thì gãy lìa, cái thì ghim sâu vào hàm dưới, bốn năm cái chọc bên mép tai, mấy chiếc đâm xuyên qua mũi, sát tận mí mắt, vậy mà may không bị mù. Nhím ta thường chỉ nhờ bộ lông, xù ra thành như *trái cầu gai* cứng tua tủa, mà tự vệ thụ động, (*chờ con kia chán, bỏ đi*) chẳng có cách nào khác, mà nếu khi quyết định bỏ chạy, thì cũng không chạy được nhanh, không thể cản lại, cũng không hề có khả năng “*bắn*” lông ra như người ta bắn tên (*phải chi*

bắn được như thế!).

Thường thường khi nhím xù lông cứng ra, nhiều con thú khác đã bỏ qua, đi tìm mồi khác dễ tấn công hơn. Ai dè đâu hôm nay, kỳ phùng địch thủ, con chó nhât định chịu đau để bắt cho được nhím, cho nên nhím ta bị không biết bao nhiêu là vết răng chó cắn, đau đớn tận cùng, mớ lông cứng thì gãy hết, kẹt ở đầu, và mồm con chó.

Thấy thương con chó, và cả con nhím. Phần con chó, tuy đau đớn, nhưng đã được săn sóc tận tình, và chắc rồi sẽ được chủ cưng chiều hết mực. Tôi tự hỏi ông Trời sao các cơ tạo chỉ ra con nhím chậm chạp và lại bắt nó phải hi sinh nhiều đến thế. Như con mực hay con chồn hôi có phải tiện hơn không, chỉ mất một chút nước đen, hay hơi thối, chắc cơ thể bào chế lại mau chóng, cũng thoát được thân.

Lại tự hỏi không biết con nhím đã bị mất hết mớ lông cứng, bị chó cắn thương tích khắp mình, chắc đau đớn lắm, có thể sống sót chăng, nếu có, chừng nào mới phục hồi, mọc lại được một mớ lông khác, cứng đủ để tự vệ cho lần sau? Nghe nói nhím có nhiều giống khác nhau, ở châu Phi có loại lông dài cả ba tấc, nhưng lông cứng thì chỉ dài vài phân thôi, giống nhím ở Mỹ châu đuôi ngắn, còn giống ở Á châu đuôi dài hơn, *(nhìn hình nhím Mỹ, nhím Phi châu, Á châu cũng đều thấy chẳng đẹp để gì mấy, cái đuôi cũng thô tháp cục mịch. Nhớ năm xưa trong giờ học vạn vật, phải vẽ hình con nhím, mình vẽ một con xù lông từ phía tròn xoe như một trái cầu, mà không vẽ cái đuôi, hỏi đồ đâu biết nó có đuôi, nay mới biết nhím cũng loài gặm nhấm, có bà con với họ nhà chuột)*. Và, không phải nhím chỉ có tua tua một thứ lông cứng như ta thường nghĩ, nhím cũng có lông thường như những con thú khác, ngoài ra có thêm một số lông đặc biệt cứng, thường cũng xếp xuôi về phía sau, *khi bị tấn công hoặc cần tự vệ thì xù ra tua tua, là cách thụ động hữu hiệu duy nhất*. Có nhím ở rừng, làm hang, lại có nhím ở cả trên cây.

Nhím ăn gì nhỉ, chỉ rẽ cây, có khi vỏ cây, trái cây... ơ ... *chỉ ăn chay* thôi, tằm bổ thể nào cho mau mọc lại được ngàn ấy lông, tức thị là cần chất đạm?

Lại lan man nghĩ, không biết ở chỗ thú y, họ rút hết lông nhím ra, chắc đem bỏ thùng rác hết rồi. Nhớ năm xưa, mình thèm có được một cái lông nhím, mà đến nay, năm mươi năm sau, vẫn chưa có được.

Tưởng nay già rồi mới lằm cằm, chứ ai ngờ năm xưa, mà cũng đã lằm cằm, đứa con gái mới mười hai tuổi, muốn cái lông nhím để làm việc gì?

Ồ, một cái lông nhím, dùng được vào việc gì?. Tại sao sách nói lông cứng đó chỉ dài chừng ba phân Anh (*bảy tám phân tây*) thôi? Mình nhớ cái lông nhím đặc biệt (dùng để cài búi tóc) của cô dài thật dài, hơn cả gang tay mình hồi đó... .

Năm xưa ấy...

Mẹ nói, nghỉ hè không lo đi học thêm môn gì đi, ở nhà cả ngày chỉ ôm mấy cuốn tiểu thuyết.. đọc cho nhiều rồi sẽ bị cận thị...

May mắn thay, lớp hè ngay cạnh nhà cô tôi.

Là chị chồng, nhưng cô đối với mẹ tôi chẳng khác với em gái ruột, nên hai nhà thân thiết với nhau lắm. Cô nổi tiếng khéo đủ thứ nữ công nữ nghệ, cho nên mẹ tôi rất vui lòng thấy sáng sáng tôi cắp sách đi học chữ, ghé ăn trưa ở nhà cô, rồi buổi chiều được ở lại phụ giúp cô, may ra học lóm được món bánh mứt nào chẳng.

Riêng tôi, đi thi đi, nhưng không thấy hào hứng, vì cô trước nay vẫn có tiếng là rất khó tính. Tôi lầu nhầu, chắc mẹ mượn tay cô để ‘trị’ mình chẳng?

Tới trước cửa ngoài, nhìn vào thấy cô, chào cô xong là tôi nhảy ngay qua ngạch cửa, để vào nhà.

Cô ngồi ở sập, bảo tôi đi trở ra, làm lại.

“Cháu làm như mới vừa tới, giở nón ra trước (cho người ta thấy mặt là ai), chào lần nữa, rồi hãy cầm nón cùng với tay ôm cặp sách, tay kia vịn hờ vào khung cửa, thong thả bước qua ngạch cửa, mà vào nhà, không nhảy.”

Tôi *“dạ!”*, nghĩ bụng, khóa hờ, lớp *“công dung ngôn hạnh”*, bài thứ nhất, bắt đầu !

Dù cho cô bắt ne bắt nạt tới đâu tôi cũng không thể giận cô được, vì cô luôn để dành bao nhiêu của ngon vật lạ cho tôi ăn thử, mà, món nào cũng thế, nếm thử xong, thì sẽ có bài học thực tập sau đó.

Nhưng chưa đâu, chẳng khác nhập môn Thiếu Lâm, trước khi học võ, phải quét sân chùa, hay bước chân vào làm nhà hàng ăn, trước tiên phải học rửa chén đĩa, học nghề ở nhà cô, bước đầu tiên phải học, là rửa tay. Tôi vừa rửa theo cách cô chỉ, thầm nghĩ sao cô khinh nhà mình vậy, bộ nhà ai mà không rửa tay?

A, có khác, trước khi rửa tay phải rửa cái thau đã, lại phải rửa vành thau, trong và ngoài. Vì sao? Sau khi rửa, tay đã sạch, bung thau đi cất, mà bên ngoài vành thau dơ.... ờ, ra thế. Nghĩ bụng, tại thau nhà cô dơ mới phải rửa, chứ ở nhà mình bao giờ nó cũng tự nhiên sạch rồi, cần gì rửa. Mà quên! Cái chậu thau nó có tự nhiên sạch được đâu, ở nhà mình có người rửa thau trước, cho nước vào rồi mới đem lên cho mình rửa, hèn nào. Thôi kệ, *“giả dại qua ả”*, học làm mút bánh về ăn cũng sướng.

Cô dạy rửa chén, rửa ly tách, kỳ cộ bộ bình trà... Ở nhà là tôi không bao giờ được phép đụng tới những chén hay đồ trà quý, rất có khả năng đập bể hay làm sứt mẻ, vì tính lạnh chanh (*“như dưa hành không muối”*, lời cô. Hề này tôi học được bao nhiêu là văn thơ, ca dao tục ngữ từ cô. Cô là cả kho văn chương bình dân cũng như bác học, chưa thấy ai *“xuất khẩu thành chương”* như cô).

Cô nói: *‘cầm lấy cái bàn chải, thế này... không cho luôn cả bàn tay vào, lỗ kẹt dính luôn ở trong, phải*

đập bình trà lấy tay ra...’.

Miệng lại “*Đạ!*”, nhưng cái thằm trong bụng, nếu miệng bình quá nhỏ thì tay có lọt vào được đâu mà kẹt... mà nếu đã lỡ kẹt thì đập để lấy tay ra, chứ bộ tay kẹt trong bình thì cái tay không dùng được, cái bình cũng đâu dùng được... rồi, cô sẽ đau lòng...tiếc cái bình... nhưng, hơi đâu lo tào lao, nếu đủ lớn để tay lọt vào, thì tự nhiên cũng sẽ lấy tay ra được...

Rồi, qua môn làm bánh. Trước tiên, phải, dùng kéo, dao, cắt rọc giấy bóng kiếng, cho vào ngăn, hộp sạch sẽ. Sau đó tập gói những bánh cô đã làm sẵn. Cô nói: “*Không gấp gấp đi đâu cả, “dục tốc bất đạt”... không ai thúc hối, gói cho nhanh cho nhiều, bẻ góc không đều...”*. Tôi ngắm những bánh cô gói, đều tăm tắp, như chạy trong máy ra... Bánh in, bánh bó... gói, gói nữa. “*Bẻ góc, ngón tay út đẩy thế này, là giấy gấp ngay lại..*” Lấy cây tăm dựng sẵn trong cốc nhỏ có nước, chấm lên góc mép giấy, là ‘*dán*’ lại. Xong!

Cô hỏi: “*Cháu gấp đi đâu?”*

“*Thưa Cô, cháu không gấp đi đâu cả.”*

“*Sao ngồi không yên?”*

Thì ra hai chân chán, ngo ngoay dưới gầm bàn, tưởng cô không nhìn thấy.

Hôm nay được chính thức thò tay vào bột bánh! Cũng đồng nghĩa với ‘*đã qua được đợt nhập môn*’. Dĩ nhiên, trước hết phải rửa tay đã!

“*Tóc cháu bìn lại, tốt. Nhớ, không khi nào làm bết, mà xỏa tóc.”*

“*Thưa Cô, cháu không có chí (chấy).*” Bụng nghĩ, chí rớt vào, ai vô phước ăn lỡ cái bánh đó... ghê! Bật cười.

“*Không phải, con gái tóc xỏa đẹp lắm, không sao, nhưng khi làm việc, thì tốt hơn phải gọn ghẽ, không phải bận tâm tới việc sợi tóc vướng ở lá rau, tưởng tượng, tô*

canh rau muống nhìn xanh mướt đẹp dễ mà gấp lên có thêm sợi tóc thì còn gì ngon miệng nữa? Những trường hợp nghiêm trọng hơn, như thổi lửa, tóc bén lửa thì sao?”

Tôi nhìn cô, bộ tóc cô thật đen, mướt, lúc nào cũng vuốt ra sau, búi gọn, cài một que ngang, màu đen và trắng. Tôi hỏi, cô nói đó là *cái lông nhím*. Chiều hôm đó, xong bài tập, cô tháo búi tóc, tôi mới được tận mắt nhìn thấy cái lông nhím. Mướt, bóng. “*Lông con nhím thật sao thua Cô?*”. Chắc chẳng ai tới gần con nhím để vặt được của nó một chiếc lông. Vậy cũng có một lúc nào đó, ai tấn công nó, túm nó, hay chụp lưới bắt được nó, rồi nhổ được cái lông này đây, hay vài chiếc, hay cả chùm? Nó có thoát thân chẳng? Người, hay con thú nào, tấn công con nhím? Người có bắt nhím không, có ăn thịt nhím không? Chưa được nghe ai nói thịt nhím ngon hay không...

Đẹp quá. Nó nhỏ thanh hơn chiếc đũa, dài chừng hai tấc, một đầu nhọn hoắt, a cái đầu để ghim vào đối thủ đây. Một đoạn đen, một đoạn trắng. Thích quá. Bóng ngời, sờ mát tay như những đồ sừng hay ngà. Hình như không ai ăn thịt chồn (*chắc thịt nó không ngon*), nhưng người ta giết nó để lấy bộ lông, làm áo lông. Bên Nga người ta còn dựng những trại nuôi kỹ nghệ để sản xuất chồn lấy lông nữa. Nhím thì không. Thú hoang, năm thì mười họa ai đó mới gặp một con. Mình chẳng bước chân vào đến rừng, đừng hòng hi vọng trông thấy một con nhím, đừng mơ tới chuyện bắt được nó, để ‘xin’ nhổ một cái lông. Mà e khi gặp rồi, nó đứng lại đó xù lông ra tứ phía thì .. có lẽ hai bên cũng chỉ biết đứng nhìn nhau thôi, mình cũng chẳng làm gì được. Thôi, khỏe nhất, dễ nhất, là xin cô.

- Nhưng cô cần giữ nó để cài búi tóc.
- Cô chuốt chiếc đũa cũng cài búi tóc được mà.
- Cháu cần lông nhím để làm gì?

Tôi chịu, không có lý do để nêu ra, cái ‘cần thiết’ của mình nặng hơn, quan trọng hơn việc giữ cho búi tóc

rất lớn rất nặng của cô khỏi xõa xuống.

- Thôi được rồi, mai một cô gặp người cho cô cái lông nhím này, hỏi họ có nữa sẽ xin cho cháu một cái.

Tôi tạm yên lòng chờ tới phiên mình cũng sẽ được một cái lông nhím đen trắng trơn bóng sờ mát tay như cái này. Ở nhưng rồi khi có nó mình đâu có thể cài lên đầu được, mình có búi tóc đâu.

Trong khi chờ đợi, lại vẫn ngày ngày thực tập.

Hôm nay học bẻ khuôn bánh su sê (*phu the*). Đầu cái tấm của cháu đâu? Lại cái tấm, cô phát cho một cái tấm, bảo đánh dấu ở một chỗ, rồi dùng đó làm ‘*ni*’, cứ đo đến đó thì bẻ lá dừa, bẻ bốn lần khoảng cách bằng nhau, thì thành khuôn, còn gọi là ‘*học*’ đựng bánh... Tôi cãi, bẻ ba lần thì đã có bốn phía rồi, cần chi bẻ bốn lần. Cô nói, đâu cháu thử mà coi? Nhấn mặt nhấn mũi, nhúu mắt nhúu mày, bẻ, bẻ... À, ra bẻ ba lần có bốn phía thật, chỉ giáp mí nhưng không kín, phải bẻ bốn lần, ra năm mặt, rồi mới ép hai mặt vào một, cái cái que nhỏ xiu giữ lại, mới thành khuôn được. Mà cái tấm mình tưởng không cần, vứt đi đâu, cứ nhắm chừng bẻ đại, làm xong... ra cạnh ngắn cạnh dài, đóng lại thành cái khuôn hình chữ nhật, làm cô cũng không nhìn được cười, nói, đây là lần đầu tiên cô thấy cái bánh su sê hình lạ mắt, biết đâu rồi đây cháu sẽ khởi phát kiểu mới, làm khuôn bánh su sê hình tam giác, lục giác, bát giác không chừng....

Cô giải thích tên bánh, gọi thế nào, su sê, xu xê, cũng đều được, nhưng phải biết nguyên gốc, và nghĩa, là ‘*phu the*’ mới đúng. Nhân chuyện phu thê, thấy cô thờ dài nhẹ nhẹ, tôi tò mò hỏi, cô nói, thân làm đàn bà thật khổ có chồng cũng khổ, không có cũng khổ cách khác. Tôi nói chắc không khổ đâu vì nếu khổ sao hầu hết ai cũng lấy chồng, ít nhất một lần, cô cũng có dựng đó? Bên tây phương một người lần lượt lấy người này đến người khác,

chắc hẳn có ‘vui’, hay ‘lợi’, mới lấy chứ?

Cô hỏi, cháu có biết thơ TTKh. hay Nguyễn Bính không? Dạ cháu có biết lôm bôm, những bài nổi tiếng như Hai sắc hoa Tigôn, (*một mùa thu trước mỗi hoàng hôn...*). Lỡ Bước Sang Ngang, (*em ơi em ở lại nhà...*) thì thuộc lâu... vì nghe mẹ cháu hay đọc... khi ru em....

Cô hỏi, vậy cháu có thấy thương cảm khi đọc thơ không, hay thuộc như cháo, đọc như vẹt, rồi thôi? Cháu có thấy, như chuyện tình hoa ti gôn đó, ai khổ nhất?

- Dạ, cô gái. Cái anh kia thì đi mất, không chừng đã có nhiều mối tình khác nữa.

- Đúng, thương cô gái, đã đành, nhưng cháu có thấy thương cho người chồng không?

- Dạ không. Ai bảo ông ta lấy cô gái, ông ta là người gây ra những buồn sầu cho cô ấy.

- Cũng chưa chắc. Ông ta là người thiệt thòi nhất. Những tưởng sẽ có một bạn đời, nhưng rồi lại ông ta chỉ có một hình bóng, người vợ suốt đời mong nhớ một bóng hình khác, chắc trong nhà không mấy khi có được tiếng cười. Nếu cô là ông ấy, chắc chịu không nổi.

- Cháu là ông ấy, thì hỏi cho ra chuyện, rồi cho cô ta đi tìm anh chàng nọ.

Nghĩ bụng, mình không thích làm ông chồng trong tình huống này, nhưng làm đàn ông thì khỏi phải học làm bánh...

Cô lẩm nhẩm: “*Thân này vì đổi làm trai được...*”

Tôi la lên: A, trời, cô có chí lớn, muốn làm đàn ông để ‘*xuống Đông Đông tỉnh, lên Đoài Đoài an*’, hay sao? (*Dạo này tôi bất chước theo Cô, nói câu nào có tích có tuồng, cũng chêm vào, nhiều khi không đúng chỗ*)

- Sao cháu nói thế?

Dạ vì câu kể là :“*Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu?*”

- “*Sự nghiệp anh hùng*” theo người ta thường nghĩ, phải là ‘*an bang định quốc*’, rồi mới ‘*kinh bang tế*

thế, cô cháu mình không làm được đâu. Còn nhỏ, lo việc nhỏ trước, việc lớn, để sau... Đang học làm bánh, thì cứ lo bánh đã, coi cái khuôn cho vuông vức, cũng còn chưa xong kia kia... Việc nhỏ mình làm, mà làm hoàn hảo, thì vẫn hơn việc lớn, làm không xong, hay làm lạo thảo cho qua.

Bụng thầm nghĩ: Cháu thì chắc chắn không tính tới “*việc lớn*”, vừa nhát gan lại vừa mít ướt, không thể làm việc lớn nổi. Việc nhỏ, như làm bánh, cũng còn không muốn.

Đóng bánh đậu xanh ướt vào khuôn (*quá khó, bột bánh mịn, hơi dẻo*), lơ đãng một chút là bánh không vuông góc, khi thì nghiêng nghiêng, khi thì các góc cạnh không được ‘*sắc sảo*’. Lại cãi cô, nhưng gói giấy bóng kiếng rồi, thì ai thấy? hơi nghiêng một chút, cũng cùng thứ bột ăn cũng sẽ ngon như nhau... Cô không nói nữa, đến khi xong tất cả, sắp lên khay, mới thấy, cái bánh ép vụng không chịu sắp đều hàng như các bạn nó, mà ‘*đứng*’ riêng rẽ, nghiêng thành một góc độ lệch hẳn những chiếc bên cạnh, lấy nó ra, cả khay bánh mới đồng đều. Nghiệm ra, có khi độc đáo hay, nhưng khi cần vào khuôn phép, phải giống nhau lại mới hay. Tôi giải quyết vấn đề mau chóng, thanh toán cái bánh lỗi lầm, nhai nuốt, phi tang nó ngay.

Làm bánh mĂNG, phải thái sợi mĂNG nhỏ như sợi tóc... thôi thì cố gắng, cũng tạm qua.

Tới bánh phục linh, (*bẻ một chút, cho vào miệng, nó tan ra như một giấc mơ, ... mát thơm... nhắm mắt lại, a, hạnh phúc tuổi thơ đâu xa, đây, được ngồi gần cô, nhắm nháp bánh phục linh... rồi thêm ngụm trà nóng, nghe cô nói chuyện xưa, nay*) trước đây vẫn là món tráng miệng ưa thích, thì tôi đầu hàng, vì nhiều công đoạn lười thôi quá, lại phải cân đo chi li, là chuyện tôi rất ghét. (*Thêm một chút, ngọt hơn, hay bớt chút đường, ăn nhạt*

bớt, có sao? tôi lý sự. Nhưng, theo lời cô, không được, phải chính xác) Tôi làm bộ giờ tập vở ra ghi chép, nhưng ý thì chờ cô làm xong, chực ăn, khỏe hơn nhiều.

Cô nói, thôi, muốn làm biếng thì làm bánh sen cháy. Đây dễ ợt à, hạt sen, bóc ra hấp chín, tán nhỏ, thêm đường, phết lên khuôn nướng sơ, chưa khô hẳn lấy chiếc đũa cuộn lại thành hình ống, cỡ bằng điều xì gà, là xong.

(Lại thêm một món “tủ” khác.)

- Món này cháu biết rồi, ở nhà vẫn hay làm luôn. Mẹ cháu nói cũng do cô truyền cho.

- Ồ, cháu cố gắng học cho kỹ về làm coi có ngon hơn mẹ cháu làm không.

Hạt sen tươi, vừa bóc, vừa nhai, ăn hạt sen sống ngon, ngọt, mát thơm, lại ăn bớt cho nên còn ít đỡ phải làm, lợi cả đôi đường: nhiều bánh thì phải nướng nhiều, cuộn nhiều.

Cô nói, may không phải có khách đặt món này chứ cháu ăn từ trưa tới giờ cô đã lỗ hết vốn rồi.

Hơn hai tháng hè qua mau chóng.

Tôi vui vẻ chào cô, ‘*bãi khoá công dung ngôn hạnh*’, lớp hè, để trở lại tựu trường.

Những gì cô dạy, đến nay tôi đã quên gần hết.

Thỉnh thoảng, vui vui, mang bột, đường ra làm một thứ bánh cô đã dạy, như hôm nay, nhớ cô, nhớ bánh sen cháy.. đã lâu tôi không làm tới món bánh này, bây giờ muốn làm, thì tìm không ra cái khuôn, thôi khỏi làm bánh, đem hạt sen ra nấu chè, coi bộ mau hơn, cũng ngon vậy.

Một câu nói năm xưa của cô, nay tự nhiên trở lại trong trí, tôi lầm nhẫm:

‘Thân này ví đổi làm trai được/ Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu?’

Không hiểu cô định làm gì? Cô mình, người đàn

bà gương mẫu, khéo nữ công có tiếng, chẳng lẽ lại mang mệnh trong lòng hoài bão nam nhi lập bề vớ trời to lớn nào? Hôm đó, bất chợt một chút riêng tư của cô, một chút ngớ ngàng của mình, phút giây hiếm hoi đó chưa bao giờ trở lại. Riêng tôi, thấy hai tay cô đã từng tạo ra bao nhiêu thứ bánh, kiêu, loại bánh (và làm thật thành công, cô gây dựng cơ đồ, tạo dựng một gia cảnh sung túc, cũng là tay phụ nữ xuất sắc, đâu cần hay muốn phải đổi làm đàn ông, để làm gì? Ví đổi được, có thể hơn hay không?)

Lại nhớ cái lông nhím cô hứa, nhưng chắc cô không gặp người đã tặng cô chiếc lông nhím lần đầu, cho nên tôi chưa bao giờ có được. Và, đến bây giờ vẫn không có búi tóc, nếu có cái lông nhím thì cũng không biết cài ở đâu.

Tôi nhớ lời cô hỏi: *cháu cần cái lông nhím để làm gì?*

Về đẹp của cái lông nhím, trong mắt đứa nhỏ mười hai tuổi, vẫn ghi lại dấu ấn mượt mà, cùng hồi ức những giây phút gần gũi người cô thân yêu.

Mới đây, tôi đi gặp thăm một người chị họ, nhắc tới cô, kể lại những kỷ niệm với cô, chị tỏ vẻ ngạc nhiên, gần như không tin hẳn:

“Cô dữ, khó tính, cả họ đều biết. Bầy cháu sợ cô như sợ cọp, lỡ gặp chào xong là tìm cách chạy ngay. Mỗi khi bị mẹ sai mang món gì sang cho cô, hay phải đi ăn giỗ ở nhà cô thì bọn bên này gọi đó là “đi quân dịch”. Mì nói ngồi bàn văn thơ với cô, lại còn dám đòi cả cái lông nhím cài búi tóc của cô nữa?”

Vì sao tôi không thấy khía cạnh “cọp” của cô? Ngay cả trước những biểu hiện vụng về, ấu tả thuở đó của tôi... Sao tôi không cùng cảm nghĩ như mọi người? Tôi thấy cô mặt ngoài thì sắc sảo, hiểu biết, riêng tư lại có chiều sâu, cũng có tâm hồn thơ mộng. Chứng cứ: người con độc nhất của cô, qui tụ cả những tinh anh của mẹ: anh là một nhà giáo xuất sắc, được học trò và đồng nghiệp

kính nể, đồng thời cũng là một nhạc sĩ tài hoa, lại thêm có hoa tay: vẽ rất đẹp.

Vẫn không quên cái lông nhím, tôi tìm hỏi một anh bạn, là người đã từng đi nhiều, từng trải nghiệm nhiều cảnh đời, thịt nhím ăn được không, có ai ăn nó không?

- Sao không? Thịt nhím ăn rất ngon.

- Đó là tại lúc đang thiếu ăn, hiếm thịt, gặp con gì cũng ăn, vì thiếu, nên thấy ngon, có lẽ vì lý do tâm cảnh, chứ chưa chắc ngon thật.

- Có thể, nhưng là thịt rừng, xào lăn, hay nướng, ướp gia vị đúng mức, thêm một chút dưa cay, ở một chốn hoang vu, gặp khi đang xa nhớ gia đình, bù lại, có vài người bạn đồng cảnh ngộ, tư tưởng tâm đắc... phải ngon thôi.

Nghĩ bụng, mình thua thiệt quá, không có được một người bạn có thể gọi là tâm đắc, lại cũng không biết uống rượu, phòng khi may mắn gặp được món nhím xào lăn, hay nướng, như thường thấy tả: *rừng khuya tối đen, ánh lửa bập bùng, gác ngang bên trên là một cây xuyên con thú rừng mới săn được, quay quay, vàng lươm, thơm phưng phức*. ... những phiêu lưu kỳ thú, thơ mộng.. đều chỉ là “hàm thụ”, được ‘*hưởng nhờ*’ khi đọc tiểu thuyết hay xem phim...

Lại tiếp tục mơ thôi: *mơ giấc mơ không bao giờ đạt đến, tưởng tượng đến món thịt nhím ngon chắc sẽ chẳng có cơ hội ăn... và .. sẽ tiếp tục chờ gặp kiếm được một cái lông nhím trắng đen, mượt, bóng...*

TRANG LUÂN

Bến Bờ Đợi Mong

Bao giờ thì anh mới về lại thăm Huế! Nhìn lại giòng sông Hương lặng lẽ cùng cây cầu Trường Tiền soi bóng. Cây cầu sáu vài mười hai nhịp đó anh! Cây cầu trắng xóa càng tô điểm cho Huế có màu sắc rực rỡ và trong sáng hơn. Cây cầu mà anh thường đi dõm, cho đó là biểu tượng của màu trắng trinh nguyên, của nữ sinh, của tuổi hồn nhiên học trò. Cho đến bao giờ nữa? Hay là anh đã quên. Quên đi như mẹ cùng mấy o vẫn thường nói. Theo em, thì chẳng khi nào anh có thể quên được. Từ Gia Hội, Hàng Bè, Thương Bạc, Bao Vinh, Thành Nội, Cầu Kho, Lương Y cho đến Tây Lộc cũng đều có dấu chân anh in hằn ở trên đây. Tất cả đều gắn bó, gói ghém với anh cả hăng bao nhiêu năm trời. Bao nhiêu năm tích tụ thành khoảng trời êm ả, tươi mát. Bao nhiêu năm vun sỏi, chăm bón thành cánh đồng mượt mà, bát ngát của kỷ niệm.

Anh vẫn thường nói với em: Anh yêu cái không khí trầm mặc, cổ kính của cố đô. Yêu cột cờ Phú vãn Lâu đứng hùng dũng, ngạo nghễ với thời gian, chứng kiến từng bước đi thăng trầm, nghiêng ngả của lịch sử đất nước. Yêu thành quách, lâu đài uy nghi, tráng lệ trong đại nội. Yêu các chuyến đò ngang chở đầy ắp những cô nữ sinh Đồng Khánh hồn nhiên, mượt mà dưới nắng ấm. Em nhớ mãi những buổi chiều thứ bảy ngoài Thương Bạc. Những buổi chiều sau xuất chiếu bóng tại rạp Hưng Đạo. Những buổi chiều mà chúng mình thường thơ thẩn nhìn sương chiều dật dờ, lãng đãng ở trên sông. Huế đã buồn mà mùa thu lại càng buồn hơn bao giờ hết. Vắng vắng ở trên không, có tiếng chuông Thiên Mụ trầm âm, ngân

vang, khiến cho người ta tạm thời quên đi được phần nào nỗi đắng cay, ray rứt của trần tục. Cứ mỗi lần nghe tiếng chuông ngân, lại khiến cho anh chạnh lòng liên tưởng đến “*Hồn bướm mơ tiên*,” đến chùa Long Giác, đến chú tiểu Lan và anh chàng Ngọc. Cuốn tiểu thuyết mà chúng mình say sưa đọc đi, đọc lại nhiều lần. Cuốn tiểu thuyết ấy chính tay anh đưa cho em. Càng xem, em lại càng thấy mê mẩn, bùi ngùi làm sao ấy! Mỗi tình ấy tuyệt đẹp anh nhỉ? Dưới ngòi bút tuyệt vời, sắc sảo của nhà văn Khải Hưng đã thấm sâu vào tâm tư người đọc bằng những cảm giác nhẹ nhàng, lãng mạn rồi đi tới bàng hoàng, sững sờ. Lá rụng! Hai chữ lá rụng khiến cho người đọc sững sờ, ngẩn ngơ ở trong đấy. Em đọc mãi mà vẫn chẳng thấy chán, thậm chí em còn gần như muốn thuộc lòng nữa là đằng khác. Cứ mỗi lần đọc xong, em lại cảm thấy toàn thân mình rã rời, kéo theo nỗi buồn man mác đang gợn nhẩn, nhen nhúm ở trong em. Đầu óc em lúc bấy giờ tự nhiên nảy sinh ra những luồng suy nghĩ vẩn vơ, cho hôm nay, cho quá khứ vừa đi qua cùng những gì đang tới ở trước mặt. Cuộc sống chẳng khác nào như bốn bức tường, vây chặt, chôn kín em vào với thành phố này, kể từ khi em lọt lòng mẹ cho đến bây giờ. Em chưa hề đặt chân đến Đà Nẵng. Chưa hề biết đến thành phố Quảng Trị, cũng như chưa bao giờ được nhìn thấy tận mắt ngọn đồi Hải Vân. Em chẳng khác nào loài ốc sên, sống thu mình trong cái vỏ cứng hạn hẹp, cố định. Chuỗi ngày tháng hờ hững, lạnh nhạt đi qua, đã để lại ở trong em cả cõi trống vắng, rút triển miên, cũng giống như những toa tàu lẻ loi, thăm lặng chạy bất tận vào năm tháng.

Mới đây, em tình cờ gặp lại đám bạn bè hồi còn đi học. Chúng nó đều trở mặt nhìn em khá lâu rồi đồng thanh kêu lên:

“Răng mà mi ốm rứa!”

Chúng nó xuýt xoa hỏi em đủ điều. Anh cũng biết tính con gái mà! Lâu ngày gặp lại thì thiếu gì chuyện để

nói. Chúng nó kéo em xuống tiệm kem đường Hàng Bè. Đứa nào cũng lú lo hỏi thăm về anh:

“Dạo này anh ở mô! Có thường về thăm mi không!”

Chúng nó nói yên thuyên:

“Chùng nào thì tụi mi lấy nhau!”

Em ngượng ngùng, chẳng biết trả lời chúng nó thế nào. Chúng nó tíu tít, chẳng khác nào như hồi còn đi học. Anh còn nhớ con Diệu, con My không? Hai đứa nó đều ở xóm mình trước kia đấy anh! Bây giờ thì chúng nó đều lấy chồng xa, đồng thời đi theo chồng vào sống tận trong Nha Trang và Phú Yên. Đứa nào cũng đều tay bế, tay bồng hết cả rồi. Chúng nó vẫn gọi anh là anh chàng Bắc Kỳ. Vẫn cái bản tính khô hời, diều cọt cổ hữu như ngày xưa. Trước khi chia tay, chúng nó còn nói với em:

“Khi nào tụi mi cưới nhau thì nhớ báo cho bọn tau biết hi?”

Em nói với chúng nó:

“Ngày đó còn lâu lắm.”

Chúng nó trở mặt ngạc nhiên:

“Răng rứa!”

Em nhún vai, gắng gượng điềm nụ cười khóa lấp. Chúng nó nhìn nhau tỏ vẻ ái ngại, rồi vỗ vai em như biểu lộ sự an ủi, vỗ về:

“Khó khăn nào rồi cũng có thể vượt qua. Hãy ráng giữ gìn sức khỏe, nghe Nhan.”

Anh vẫn từng nói với em: Huế đã thấm dần, ăn sâu vào huyết quản, vào tim não rồi trở thành quê hương thứ hai ở trong anh. Từ đó, tuổi thơ anh cựa mình rồi nhịp nhàng tăng trưởng theo thời gian. Anh cũng giống như loài chim biển, lớn lên, lia tổ rồi tung cánh bay biệt vào khoảng trời bất tận. Em hình dung ra ngày đầu tiên mà gia đình anh mới dọn đến cái xóm canh nông nghèo khó này. Cái xóm tối tăm, lụp xụp, nhầy nhụa, nhớp nhúa, trơn trượt vào mùa mưa. Ban đêm chỉ có tiếng muỗi vo ve cùng những ánh đom đóm lập lờ chẳng khác nào

nhà quê. Đạo ấy chúng mình đều còn nhỏ dại, ngây thơ anh nhỉ? Bây giờ, thỉnh thoảng chợt nhớ lại, em mới thấy nuối tiếc và ước ao muốn được sống lại những đêm trăng sáng thuở nào. Những đêm trăng đi vào lầu son, gác tía của kỷ niệm. Em nhớ mãi các trò chơi đập mạng, ú tim cùng nhiều trò chơi náo nhiệt khác khiến cho chúng ta cảm thấy thích thú và quên đi cả giờ giấc. Làm sao mà chúng mình có thể quên được những giây phút hồn nhiên đó, hờ anh?

Anh còn nhớ hồ Tịnh Tâm không, anh! Hồ Tịnh Tâm mà chúng mình thường hẹn hò vào những đêm tối trời, thanh vắng. Nơi đây vắng vắng vẻ, yên tĩnh như ngày nào. Vẫn ngôi nhà vọng nguyệt đứng sừng sững, uy nghi cùng cây cầu xi măng bắc thẳng ra đây. Nhớ lại cái tuổi ấy, tự nhiên em thấy sao mà mình ngây ngô quá anh nhỉ? Cái tuổi đang bước vào thời kỳ mơ mộng, biết thẹn thùng, biết ngẩn dăng mình trong gương và bắt đầu gõ cửa đi vào các cuốn tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, của Nửa Chừng Xuân, của Đôi Bạn, của Đoạn Tuyệt, của Bướm Trắng, của Tiêu Sơn Tráng Sĩ, của Lạnh Lùng, của Anh Phái Sống....Kể ra, đạo ấy chúng mình cũng gan thật. Chung quanh ta, không gian tối đen như mực tàu. Chỉ có mùi hương sen tỏa lên ngạt ngào cùng tiếng gió thì thầm, chạy đuổi nhau trong lá cây. Anh hỏi em có ước vọng gì cho tương lai! Em nói với anh, em muốn trở thành một cô giáo. Em yêu nghề giáo chức, bởi vì em nhận thấy rằng: Cái nghề ấy rất cao quý đối với em. Còn anh?

Anh nhún vai thần nhiên:

“Anh thích đi vào quân đội. Anh thích hào hùng. Thích đời sống nay đây mai đó. Anh không thích chôn dí cuộc đời vào một chỗ.”

Em hỏi gặng lại:

“Sao anh không chọn con đường nào khác?”

Anh dăm dăm nhìn vào bóng đêm:
“Anh không thích. Chỉ có binh nghiệp mới là lý tưởng của đời anh. Nhất định anh phải theo đuổi và thực hiện cho bằng được.”

Sao dạo này em lại thường nằm mơ thấy anh! Em mơ thấy anh chở em trên chiếc xe đạp chạy rong chơi, êm ả vào các con đường tối đen trong Thành Nội. Hai bên, mùi hoa sứ tỏa ra nồng nàn, gây liên cảm giác ngầy ngật, dậy lên ở trong em. Anh dẫn em đi ăn cơm hến ở quán Âm Phủ. Ăn bánh bèo ở Ngự Bình và bánh khoai ở bên ngoài cổng Thượng Tứ. Bao nhiêu kỷ niệm êm đềm lần lượt hiện về. Em còn thấy mình đi cắm trại ở bãi biển Thuận An. Dạo ấy chúng mình còn học chung với nhau ở Việt Hương, phải không anh! Đêm hôm ấy, các lớp tổ chức đốt lửa trại, rồi tất cả đều nắm tay nhau và đồng thanh hát bài “*Lửa rừng khuya*” thật vui anh nhỉ? Trong khi đó, tiếng sóng biển cứ gào thét, ồ ạt, hung hãn tạo thành chuỗi âm thanh chát chúa, bất tận. Lần đầu tiên em thấy biển. Biển bao la, mông mênh lạ. Tan lửa trại, chúng mình đi lang thang trên bãi đêm. Anh dơ tay chỉ cho em xem từng ngôi sao trên trời, từng giải ngân hà chập chùng, lấp lánh. Em ngây thơ hỏi anh:

“Răng mà anh biết được?”

Anh điềm đạm trả lời:

“Ngày xưa mẹ thường chỉ cho anh xem vào những đêm tối trời, oi bức ở quê anh. Quê anh ở xa lắm, tận bên kia bờ của vĩ tuyến 17, cách gần bởi giòng sông hiền hòa Bến Hải. Cây cày oan nghiệt Hiền Lương bỗng nhiên trở thành đường ranh giới hận thù, phân định thành hai lãnh thổ riêng biệt cùng hai thể chế chính trị rõ rệt, đồng thời chia cắt tình người của cả hai miền Nam Bắc. Anh nói: Miền Nam có tự do, có sức sống, có tình người. Trong khi đó, tại miền Bắc, hai chữ tự do bị người ta khóa chặt,

và con người chẳng khác nào như những tên nô lệ lam lũ, cơ cực, không hơn không kém. Theo lời chú anh vượt tuyến sau cùng vào kể lại, thì chế độ hiện nay tại miền Bắc là một chế độ bạo tàn, khát máu, đi ngược lại với những nguyện vọng thiết tha của nhân dân. Chú anh nói, ở ngoài đó, người ta đương khởi xướng phong trào cải cách ruộng đất. Người ta gay gắt kết tội giai cấp địa chủ, lên án cường hào, ác bá. Người ta phát động chiến dịch đấu tố dã man. Bao nhiêu thầy người ngã xuống trong túi nhục, oán hờn. Tang tóc phủ đầy lên miền Bắc quê anh. Chú anh thuật lại về trường hợp của bố vợ ông bị đưa ra đấu tố. Năm ấy ông cụ đã ngoài bảy mươi mà bọn chúng vẫn không chịu buông tha, cũng chỉ vì ông cụ đã từng ngồi ở chức lý trưởng khá lâu trong thời gian trước kia. Chúng gán ghép cho ông cụ cái tội ác ôn, làm tay sai cho thực dân Pháp, ý thể, lộng quyền, hà hiếp, bóc lột, đàn áp và hút máu mủ của nhân dân. Hai tay cụ bị trói chặt ra sau lưng và được dẫn ra quì ngay giữa sân đình. Giữa lúc đó, những tiếng hò hét, la ó dậy lên ở chung quanh. Theo lời chú anh, thì lúc ấy ông cụ chẳng khác nào tên tử tội dẫn ra pháp trường để hành quyết. Ông cụ là mẫu người hiền lành, khiêm tốn và có đức tính thương người. “Điển hình, qua nạn đói năm Ất Dậu. Nếu không có ông cụ mở kho lúa, đứng ra phát chẩn, bố thí thì trong làng còn chết vô số kẻ”. Đây là lời của một vị bô lão có uy tín ở trong làng đã ghé sát vào tai chú anh nói nhỏ như thế.

Không khí lúc ấy thật căng thẳng vô cùng. Sau khi tên chủ tịch đồng đặc tuyên bố vài câu hằn học, đánh thép, tiếp đến là gã cán bộ lưỡng, đánh ác bước ra đọc bản cáo trạng. Chấm dứt bản cáo trạng là tới màn đả đảo. Mọi người đều phải dơ tay, hô lớn theo lệnh của mấy tên cán bộ nằm trong đội cải cách. Cuối cùng, lần lượt từng người ở cho tới tá điền thay phiên nhau bước ra xĩa xối, nhiech mắng, tố khổ ông cụ rất thậm tệ. Họ bịa ra đủ điều. Họ nói ông cụ là kẻ dã man, khát máu, thường hay hành

hạ, đánh đập họ một cách thật tàn nhẫn trước đây. Thậm chí có người còn nhổ cả nước bọt vào đầu ông. Họ bị hăm dọa, bị bắt buộc bởi những tên cán bộ cò mồi, hung hãn. Đuổi sức, ông cụ đã gục xuống chết trong sự tủi hờn, căm phẫn, trước những trận mưa đá tới tấp ném thẳng vào người ông. Đây chính là nguyên nhân, động lực đã thúc đẩy chú anh bỏ cả vợ con cùng mọi người thân thuộc, liều lĩnh vượt qua sông Bến Hải để đi tìm bến bờ cho hai chữ tự do.

Anh kể cho em nghe về Hà Nội, về hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hồ Trúc Bạch cùng nỗi nhớ nhung, ray rứt triền miên ở trong anh. Anh nói với em về Ngọc Hà là nơi mà gia đình anh từng sinh sống ở nơi đây, cho đến những chuyến xe điện về chiều ồn ào, huyền ảo. Về ngôi chợ Đồng Xuân, về phố hàng Đào, về con đường Cổ Ngư, về khu vườn Bách Thảo trầm lặng cùng những ly lịch tàu xá còn nóng hổi tỏa ra mùi thơm phức. Anh nhắc đến hương cốm làng Vòng trong “Hà Nội ba mươi sáu phố phường” của Thạch Lam còn thoang thoảng mùi lúa mới. Hà Nội đi vào tuổi thơ ngà ngọc ở trong anh. Nó chẳng khác nào cái nôi hồng êm ả, mịn màng, ru anh thiếp lịm ở quá khứ. Anh mơ có một ngày về lại Thăng Long, nhìn lại căn nhà cũ mà anh đã ở. Chiêm nghiệm đèn Ngọc Sơn và được đi lại trên cây cầu Thê Húc duyên dáng. Anh muốn được ngồi lại trên các toa tàu điện, chạy xuyên qua ba mươi sáu phố phường về đêm. Ba mươi sáu phố mỹ miều đi vào văn chương, đi vào huyền thoại. Anh còn kể cho em nghe về những ngày hấp hối năm năm mươi tư, cùng những nỗi hoang mang, giao động trùn kín xuống lòng người Hà Nội. Anh thấy từng chiếc xe ô tô hàng chạy hoảng hốt về xuôi cùng các khuôn mặt thờ thẫn, ngơ ngác ở trên đây. Hà Nội đang nằm trong tình trạng căng thẳng tột cùng của căn bệnh ngặt nghèo bất trị. Người ta bàn tán xôn xao về tình hình chia cắt sắp tới của đất nước, về hiệp định oan nghiệt Genève, về cái tin bộ đội Việt Minh sắp vào thành

để tiếp quản, về hai chữ di cư, về Nam Bộ nghe xa xôi, điệu vợ, cùng giòng người lũ lượt gồng gánh ra đi. Anh còn nói với em về quê anh, về ngôi làng bé nhỏ, xác xơ nằm ngay bên trục lộ đổ xuôi về Nam Định. Quê anh có lũy tre xanh êm đềm bao bọc ở chung quanh cùng những mái rạ nghèo nàn, hiu hắt. Có con sông đào ngoằn ngoèo, uốn khúc. Quê anh là tiếng gọi thiêng liêng và chân tình, là nơi mà anh sinh ra, cất tiếng khóc đầu đời ở tại nơi đây. Quê anh có tiếng võng kẽo kẹt về trưa cùng những tiếng gà gáy xao xác buồn náo nê. Quê anh lam lũ với những khuôn mặt hiền lành, chất phác cùng những tấm áo nâu ngả màu, vá víu theo thời gian. Quê anh nghèo đồng chiêm. Đồng chiêm loãng nước, lênh láng vào những đêm trăng thág tám thuở nào. Những đêm trăng vắng vặc, yên tĩnh và bên tai, thoang thoảng có tiếng sáo diều vi vu, lơ lửng, dật dờ ở trên không khiến cho người ta tạm thời quên đi được phần nào nỗi xót xa, buồn phiền nơi cuộc sống.

Anh nói với em rằng, anh sẽ trở về. Về để hâm lại mọi kỷ niệm và đồng thời tô thêm cho tình yêu mình bóng bảy, đậm đà, chau chuốt nhiều hơn nữa. Huế đã xây ở trong anh cả tháp ngà lộng lẫy của tình yêu. Tình yêu ấy sẽ tồn tại và hiện diện mãi mãi ở nội tâm anh. Anh viết rất nhiều ở trong đây. Đọc thư anh, em bồi hồi, xúc động vô biên. Bồi hồi, bởi vì cảm giác sung sướng chột bùng lên. Em sung sướng thật sự. Em muốn la lên một tiếng thật to để bày tỏ niềm sung sướng tốt cùng đến với tất cả mọi người ở chung quanh. Nói như thể mong anh đừng có cười em. Em đem lá thư ra khoe với mẹ cùng với mấy o. Mọi người đều vui mừng, hỏi han về anh. Mẹ đặt tay lên vai em, cất giọng rung rung: “Bây chừ thì nó ở mô?”

Em dơ tay chỉ vào xa xăm:

“Anh ấy ở xa lắm. Ở tận vùng cao nguyên, nơi mà mẹ vẫn thường nghe nói đến các trận đánh kinh hoàng, nẩy lửa được diễn ra thường xuyên vào những mùa mưa.”

Mẹ trầm ngâm, dòm dóm nước mắt:

“Tội nghiệp nó hỉ.”

Mẹ vẫn thường hay nhắc đến anh, đến mọi kỷ niệm về anh hồi còn nhỏ. Cứ mỗi lần anh chạy sang nhà em, mẹ thường chọc:

“Mi đi mô rứa!”

Anh khựng lại, nói lí nhí chẳng ra tiếng. Mẹ cười xòa. Mấy o cũng cười theo. Anh đứng chết trân như trời trồng, sững sờ nhìn xuống đất. Lúc ấy thấy anh thật tội nghiệp vô cùng. Mẹ vẫn còn nhớ từng cử chỉ, cho đến từng lời nói ngây thơ, ngộ nghĩnh của anh. Nhất là o Huệ. Anh còn nhớ o Huệ không? O mà ngày xưa thường hay nhái giọng Bắc để chọc anh. O vẫn vậy, không chịu lấy chồng và khép kín, đóng khung cuộc đời giống như một nhà tu. À! Em quên! Sau khi đưa lá thư cho mẹ cùng mấy o. Mẹ thờ thẩn:

“Tau cứ tưởng nó quên đi tất cả rồi chứ.”

Ngẫm nghĩ giây lát, người mới hạ thấp giọng thật cảm động:

“Nói rứa, chứ làm răng mà quên được hỉ.”

Năm nay mẹ cũng già lắm rồi. Tám mươi mấy tuổi đầu rồi còn gì nữa? Ở tuổi này thì cũng gọi là thọ lắm rồi. “Bây giờ người còn ở với chúng ta được ngày nào thì biết ngày đó.” O Huệ vẫn thường nói với tất cả mọi người như thế.

Em lớn lên trong vòng tay cùng hơi ấm của mẹ và mấy o. Năm em ba tuổi thì ba má em đột ngột ra đi trong một tai nạn xe cộ rừng rợn gần Lăng Cô. Từ đó, mẹ nuôi em lớn lên và dạy cho em nên người. Mẹ dạy em, làm người phải lấy chữ “nhân” đi trước. Phải từ bi, hỷ, xả và luôn luôn nhớ rằng, hai chữ “nhân quả” bao giờ cũng ứng dụng ngay trong đời sống. Đạo Phật dạy cho người ta quay về

với chữ “Thiện”, từ bỏ mọi tham, sân, si, đề từ đây giữ cho lòng mình được thanh thản, yên tĩnh. Người dạy em nhiều lắm. Cuối đời người chỉ mong cho em sớm được yên bề gia thất. Được như thế, dù có phải nhắm mắt từ già khỏi đời sống này, mẹ cũng lấy làm mãn nguyện lắm rồi.

Huế vẫn vậy! Vẫn đời sống trầm mặc, cổ kính, của thành quách, của lăng tẩm, của những chuyến xe đò đi về Dạ Lê, An Cựu, Kim Long trong cơn mưa mịt mù, tầm tã. Vẫn quán cà phê Phấn nằm trên đường Trần Hưng Đạo mà anh thường la cà với bạn bè trước đây. Quán bánh bèo quen thuộc trên Ngự Bình mà chúng mình thường ngồi. Mấy gánh bánh khoai nằm bên ngoài cửa Thượng Tứ cùng những tô bún bò của mẹ Rớt còn nóng hổi, đỏ chót màu ớt bột. Huế vẫn bằng đấy, không thay đổi. Vẫn vẻ mặt kín đáo, trầm tư, buồn muộn thuở. Nhịp sống vẫn lặng lẽ, âm thầm chảy liên tục vào năm tháng. Lắm khi em tự hỏi với chính mình: Nếu biết cuộc đời là biển khổ thì tại sao thượng đế lại sinh ra con người? Con người từ khi sinh ra rồi lớn lên vật lộn với cuộc sống và cuối cùng thì đi về an nghỉ với lòng đất. Tất cả đều được đóng khung, khoanh tròn vào trong cái vòng luân quần của hai chữ định mệnh. Càng nghĩ, em lại càng thấy nhức đầu, hoa mắt trước những từ ngữ mà mẹ vẫn thường hay nói với em.

Huế đang bước vào mùa mưa. Những cơn mưa trút xuống ào ào như thác đổ. Mưa lênh láng, ngập đầy cả lối đi. Cứ mỗi lần mưa xuống thì y như em lại chợt nhớ đến anh, đến hình ảnh anh đứng chờ em ngoài cổng trường Đồng Khánh năm nào. Trong khi đó, cơn mưa vẫn thờ ơ, lạnh lùng trút xuống, khiến cho em cảm thấy xúc động vô ngần và không cầm được nước mắt. Hình ảnh đó sẽ sống mãi theo thời gian, và em tin chắc rằng, nó sẽ chẳng bao giờ nhạt phai ở trong em.

Bây giờ thì anh đương làm gì! Ngồi, ngủ hay đi, đứng hờ anh! Hay anh đương giằng dụa hình để chuẩn bị tấn công lên ngọn đồi hực lửa nào đó, hoặc đang làm lữ truy

kích địch trong khoảnh rừng già heo hút Tây Nguyên. Em ước gì mình có đôi cánh, để bay thẳng đến tận chỗ anh ở, hầu san sẻ với anh được phần nào nỗi gian truân, cực khổ mà anh cùng đồng đội đương âm thầm chịu đựng. Em mơ đến một ngày thật đẹp trời. Một ngày có nắng lụa trải dài lên Thành Nội, anh đột ngột trở về, và chúng mình sẽ đi thăm lại mọi người thân thuộc cùng bạn bè xưa cũ. Chắc ngày ấy vui lắm anh nhỉ! Tự nhiên em chợt nhớ tới bản nhạc trữ tình của Tô Vũ, mà trước đây cứ mỗi lần thoáng trông thấy anh, thì y như con nhỏ Diệu lại ngân nga, cất cao lên giọng hát để chọc em:

“Ta ước mơ một chiều thêu nắng, anh đến chơi quên niềm cay đắng và quên đường về.”

THẢO TRƯỜNG

Những cánh hoa trắng trên cây khô (Tặng LTD)

(Những Cánh Hoa Trắng Trên Cây Khô của nhà văn Thảo Trường gợi đến TQBT là bản đầy đủ và hoàn chỉnh nhất; dù trước đó anh có gợi cho một vài nơi. – Lời Tòa Soạn)

Từ hàng ghế dành cho giáo dân nhìn lên bàn thờ, ông lão quan sát nơi thờ phụng Chúa của bà lão. Gọi là Chúa của bà lão là vì vợ ông khi chưa ngã bệnh thường hay giành lấy hết tất cả phúc đức, khôn ngoan về cho mình, cho nên đã có lần ông lão nói: “Tất cả là của em, nước Mỹ này là của em, thế gian này và nước Chúa kia cũng đều là của em”. Bây giờ bà bị bệnh nặng không đi đứng được,

nằm một chỗ, đàn con bèn giao cho bố cái sứ mệnh cao cả là thường trực ở nhà săn sóc và coi chừng má chúng nó. Ông than “thoát khỏi nhà tù xã hội chủ nghĩa, lưu vong sang Mỹ lại sa vào một nhà tù khác tinh vi hơn”. Hai ngày cuối tuần ông được nghỉ “xả hơi” vì đàn con đông đảo của ông chúng thay phiên nhau đến săn sóc mẹ.

- Bố đi chơi đâu cho khuây khỏa thì đi đi.

- Đi đâu bây giờ?

- Thì bố ra quán cà phê ngồi nhâm nhi tán gẫu đỡ buồn.

Ông nói:

- Lúc chín giờ thi sĩ điện thoại rủ ra “quán cháo lú” của kịch tác gia, bố nói chờ lát nữa có đưa nào đến coi bệnh nhân tôi sẽ tới. Chờ mãi đến trưa mới có cậu út đem fast food tới, lúc đó bố chỉ còn cách xách laptop ra vườn sau ngồi gặm hamburger ở bãi cỏ, chứ còn làm gì được nữa, họ về hết rồi còn đâu.

Từ đó ông tính kế cho riêng ông.

Sáng chủ nhật thức dậy sớm, uống cà phê xong, vào ngõ bà lão thấy vẫn còn nằm ngủ ngáy khò khò, ông bèn mặc quần áo đẹp trốn ra khỏi nhà.

oOo

“Tôi trốn ra khỏi nhà đi chơi với em. Mà đi đâu bây giờ? Chúng ta không có một nơi ẩn náu. Cả thế gian này không có một chỗ nào cho chúng ta ẩn náu đâu em.

Thôi, đành lại đến nhà thờ. Nước Chúa ở khắp mọi nơi, cho khắp mọi người. Xung quanh phần đông là những ông bà Mỹ già. Tôi thì một mình nên bèn nhìn lên bàn thờ Chúa mà nghĩ tới em. Hôm nay là mùa chay nên bàn thờ được trang trí theo phong cách năm sự thương khó. Những tấm màn màu tím than rất lớn từ trên cao rủ xuống chỉ mang hình vẽ vồn vện một cọng gai, loại gai thường nhìn

thấy trên đầu Jesus Christ trên đường thánh giá tới đỉnh đồi đóng đinh. Không rõ nhà vẽ kiểu nào, có phải là linh mục chánh xứ không, đã trưng bày hai cây khô với bốn cây nến. Em có để ý không, tôi thì tôi thấy ở búp những cọng cây khô có loáng thoáng một vài bông hoa trắng rất nhỏ, hoa trắng rất ít và rất nhỏ, em phải chú ý tinh mắt mới nhận ra, chứ nếu em chỉ mê mẩn vì tình, chỉ nghĩ tới hình ảnh khác, chỉ nghĩ tới *đôi mắt của cái lão ngậm tẩu nhìn như không nhìn ai...* thì em sẽ chẳng thể nhìn thấy mấy đốm hoa trắng bé tí tẹo trên búp cây khô. Hai cây khô rất đẹp nhưng tôi lại lấy làm tiếc nếu như designer chỉ chọn đặt một cây khô nở hoa với một ngọn nến lung linh ánh lửa ở bàn thờ Chúa cho ngày hôm nay và cho cả ngày mai thì sẽ trọn vẹn hơn cho tất cả. Đó chỉ là ý nghĩ và mong muốn của riêng tôi. Nhà thiết kế có ý tưởng và lý do riêng của họ. Người nữ không có cơm ăn không có áo mặc hay nhân vật nữ có cuộc sống đầy đủ phè phỡn trưởng giả, ai thương tâm hơn ai? Phải là thế nào đây mới là tội nghiệp ?

Trốn nhà đi tư tình với em, rủ em đến nhà thờ quì trước bàn thờ Chúa. Rủ là rủ tưởng tượng sung mãn thôi chứ giờ này em đang làm việc bên cạnh cái *lão ngậm tẩu* ở không gian miền đông nước Mỹ. Tôi một mình nhưng tôi vẫn cứ bắt em phải quì gối bên cạnh tôi trước mặt Chúa và nói “I do”. Đến cái tuổi “khom” sắp “tối” tôi mới dám trốn bà lão ra khỏi nhà, mới dám bày đặt yêu thầm nhớ trộm, mới bắt đầu tập tành ngoại tình, mới thêm muốn cầm tay em, thêm muốn được em chạy đến ôm hôn ở sân bay, muốn được đưa em đi thăm Huế, thăm Nam định...

oOo

Bà phước ngồi cạnh thấy ông lão chỉ ngồi nhìn mà không ca hát, dì bèn đưa cho ông quyển thánh ca của nhà

thờ, đã mở sẵn trang có bài hát cả nhà thờ đang hát, dì chỉ ngón tay vào câu ca cho ông khỏi mất công lần mò tìm tòi. Ông thank you sister, dì không nói gì mà chỉ hát theo mọi người. Ông lẩm bẩm hát theo dòng người. Dì phước đã lớn tuổi, dì trông coi trường học của giáo xứ, dì biết ông là người sáng sủa đi theo bà lão đến nhà thờ. Bà lão đi lễ, ông chỉ là người đi theo, phải đi theo bà để coi chừng mấy đứa cháu yêu của bà, nhưng dù sao thì ông cũng được lây cái tiếng siêng năng đi lễ nhà thờ hàng ngày. Cả hơn chục năm rồi chứ ít sao, đến thánh cả Giu-se còn biết mặt ông chứ đừng nói sister hiệu trưởng.

Ethan và Nick đi đâu cũng mang theo xe tăng tàu bò súng ống đạn dược, có khi cả mặt nạ chống hơi độc trong chiến tranh vi trùng. Ở nhà thờ hai đứa thường chui xuống dưới gầm ghế mai phục, bố trí súng ống, khi nghe giáo dân đọc “Our father...” là tự động chúng buông vũ khí, vút bỏ hết, chui ra khỏi hầm, đứng lên, cầm lấy tay ông hoặc tay ông bà Mỹ nào đó ở bên cạnh. Hai Mỹ con không biết đọc: “*Lạy cha chúng tôi ở trên trời...*” nhưng chúng biết bài kinh “*Our father...*” Chúng còn biết bắt tay và chúc: “*peace to you...*” nữa. Ông nhìn và thích thú vô cùng. Cả mấy ông bà Mỹ già bên cạnh cũng nhìn lũ trẻ cháu ông và cười thích thú như ông.

Ông lão nghĩ, nếu như trời thương, hai thằng cháu ông, mai này lớn lên chẳng may được mời “hồi loan”, hoặc “tìm đường cứu nước” trở về, nhảy lên làm tổng bí thư, chủ tịch nước, chúng sẽ áp dụng chính sách quốc phòng toàn dân, bắt người ta khi đi lao động, con trâu đi trước cái cày theo sau, phải luôn đeo khẩu súng trường dài thòng trên lưng còng, sẵn sàng chiến đấu. Hoặc là thằng nào được làm tổng thống ở nước Mỹ, sẽ vận động quốc hội ra đạo luật buộc nhân dân Mỹ phải đem theo người cái mặt nạ chống hơi độc, khi làm việc, khi đi chơi, khi ngủ, cũng như khi yêu...

Nhưng mà này ông lão, nếu sau khi chúc bình an của Chúa cho nhau xong, chúng có cầm lại vũ khí thì ông cũng cảm thông cho chúng chứ ?

oOo

Qua hình ảnh bà phước Mỹ, tôi nhớ lại hình ảnh soeur Josephine ở trường Thánh Tâm phố Hàng thao thành phố Nam định thuở xưa. Không biết ngày ấy do đâu mà tôi lại lọt vào học trường con gái do các bà sơ dạy. Năm đó tôi còn nhỏ học Cours E'le'mentair. Năm sáu nhóc học chung với cả lớp con gái mà tôi lại to đầu hơn cả. Cũng may suốt năm học tôi đều đứng nhất lớp, cuối đầu cả con trai ông tỉnh trưởng sở tại. Có lần quan năm tây commandant secteur đến thăm trường, quan tây xí xô hỏi chuyên, sơ Josephine chỉ tôi gọi đứng lên, quan tây bước đến xoa đầu ông lão, rút trong túi ra một nắm tiền đồng dương thưởng cho nhét vào tay. Cả lớp con gái sầm xì bàn tán. Sơ Josephine cũng cười tươi hãnh diện. Tôi thì ngẩn người ra như một thằng ngố. Cũng trong lần đến thăm trường ấy mà đồn hiến binh tây đóng ở căn nhà cổng tu viện phải dọn đi nơi khác. Hồi mới chiếm lại thành phố, tây đóng đồn hiến binh ở đó để lính lê dương không giám đến phá phách dòng tu, nay tình thế đã có phần ổn định, rút đi chỗ khác cho nhà dòng được yên tĩnh. Và học trò chúng tôi mới được đi ra đi vào cổng chính phố Hàng thao thay vì phải chui qua cổng phụ ở phố Hàng sũ. Nhưng niên học sau bọn con trai chúng tôi cũng không còn được học ở trường Thánh Tâm nữa mà phải qua học bên trường con trai E'cole Servir. Và cũng từ đó tôi không bao giờ còn được trông thấy sơ Josephine kính yêu của tôi nữa.

Tôi mang món tiền “tây quăng” về đưa cho bố, hình như đó là khoản tiền “thu nhập” đầu tiên tôi kiếm được

trong đời. Nhưng có một điều lạ, trong số học trò con gái có hai cô em chơi thân với nhau đều tỏ vẻ thán phục tôi, khoe mẽ: nhiều lần trò chuyện hai người con gái ấy đã nói là họ rất muốn học giỏi được như tôi. Hai cô đều có tên tây và tên Việt, nhưng tôi chỉ nhớ tên Việt của họ. Nhớ đến nỗi sau này, mấy chục năm sau này, khi cần chọn cho mình một bút hiệu, chợt nhớ, tôi đã dùng hai chữ tên của hai cô bạn học thời xa xưa ấy. Tên hai cô bạn nhỏ dính chặt vào trong trí não tôi. Cũng như tên của sơ Josephine mãi mãi cho đến già tôi vẫn nhớ mồn một. Lại thế, bao nhiêu bạn học khác không nhớ, bao nhiêu các bà sơ khác cũng không hề nhớ một mảy may nào, nhưng sơ Josephine, thì hiển hiện trong trí nhớ tôi. Bây giờ đã lão, dĩ nhiên sơ Josephine còn lão bà nhiều hơn nữa, nhưng nghĩ tới, hình ảnh sơ vẫn là tươi trẻ phúc hậu đẹp dễ lừa xòa trong bộ y phục nữ tu với chiếc mũ cánh trắng trên đầu. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng sơ Josephine đã qua đời, tôi nhớ tới sơ là nghĩ ngay đến hình ảnh sơ thuở ấy. Và bây giờ ngồi dự lễ nhà thờ bên cạnh bà phước sister Mỹ, nhớ lại, cũng vẫn là hình ảnh sơ Josephine tươi trẻ ngày nào mặc dù tuổi tác thì sơ Josephine hơn bà phước hiệu trưởng trường học nhà thờ nhiều lắm.

oOo

Grandparents Day ông lão đến trường tham dự buổi học với hai đứa cháu, còn đang lớ ngớ tìm lớp, sister đến vỗ vai ông chào hỏi và giúp ông tìm ra ngay lớp học. Hôm đó hai đứa cháu thay phiên nhau vẽ bàn tay ông úp vào bàn tay của nó xong tô màu, hai bàn tay hai màu khác nhau. Rồi nó vẽ ông, *“thân thể người ta chia ra làm ba phần: đầu, mình và tay chân”* đầy đủ, lại còn có cả mắt, mũi, mồm, tai, và râu ria không thiếu thứ gì, chỉ trông không giống ông mà thôi. Đám cháu sẽ chẳng có đứa nào biết một ông trẻ đã “vẽ” bộ râu ông như sau:

Tối qua quyết chí sẽ để râu
Sáng nay quanh mép đã lởm chồm
Tóc tai xù lên đầy một đầu
Tương lai dung nhan chắc ghê gớm

Thân phận đổi thay coi bộ khó
Thì nuôi râu mọc cho nó ngầu
Râu lâu lâu cạo, lâu lâu để
Cho tháng năm hèn tí biển dâu

Hồi cuối năm Thân gặp ông lão
Chòm râu tuyệt đẹp phát phơ bay
Râu bạc thân quen như chút gió
Thổi từ thiên cổ đến hôm nay

Ông lão đứng lặng thình giữa chợ
Quanh ông riu rít tiếng quê người
Chút hồn non nước trong hơi thở
Rồi sẽ theo già xuống mộ thôi?

Thôi thì ta để râu cho quen
Mai một tìm về nơi tịch mịch
Ngồi nhâm nhi dăm sợi thần tiên
Ngậm ngùi thấy mình thành cổ tích()*

Chưa hết, nói đến râu ria thì phải nói tới tóc tai, một ông trẻ khác còn “vẽ” thêm tí chân:

Nói Dài Thơ Cao Tần

Quê người thoát bấy nhiêu năm
Bạn xưa chiến trận còn dăm anh già
Gặp nhau đám cưới đám ma
Chụp chung tấm ảnh nhạt nhòa tóc tai

Ảnh này để đó nay mai
Điểm danh bạn cũ xem ai mất còn(**)

Những đứa cháu ngây thơ hồn nhiên, chúng chẳng biết ông nghĩ gì, chúng phỏng vấn ông những câu theo bài học của cô giáo, trong đó có câu “ông yêu ai hơn trong hai người bố nó và mẹ nó” ông trả lời nước đôi “Ông yêu cả hai bằng nhau”. Rồi câu tiếp “Bố của ông và mẹ của ông ai là người nghiêm khắc hơn”, ông cũng vẫn khôn lỏi “Cả hai đều nghiêm khắc như nhau”. Nhà trường chụp hình ông cháu, cô giáo nói hãy cười lên, cả ông cả cháu đều cười.

Mấy ngày sau nhận được hình, mẹ chúng nó mua một cái khung rất đẹp cài hình vào rồi để trên bàn của ông. Ngày nào ông cũng nhìn thấy ông, thấy Ethan, thấy Casey cười. Casey cười mỉm, Ethan cười ngoác miệng nghịch ngợm, không hiểu anh ta còn nhớ môn võ liềm đất cổ truyền? Riêng ông, nụ cười trên môi ông sao thấy như xa xôi hoang vắng. Chẳng lẽ lúc đó, lúc vui với những đứa cháu thương yêu, ông chợt nhớ tới một người nào, ông chợt nhớ tới một nhân vật hư cấu nào. Ông nói lảng:

- Trẻ con chúng đẹp để xinh xắn, chụp hình chung với ông đen đui xấu xí, già yếu bệnh tật, làm hỏng cả tấm hình, hỏng cả nghệ thuật.

- Thưa bố, con thấy bố trẻ cũng đẹp mà già cũng đẹp, khỏe mạnh đẹp mà ốm đau bệnh tật cũng đẹp, đen đui cũng đẹp, xấu xí cũng đẹp, mập mạp hay gầy yếu gì cũng đẹp, quần áo luộm thuộm cũng đẹp, đầu bù tóc rối cũng đẹp. Bố nói rất hay, bố có nói sai cũng vẫn hay...

Ông lão nghĩ thầm, nếu ông hát nó cũng sẽ khen hay cho mà coi, ông hỏi con gái:

- Thật không?

- Thật chứ. Chín mươi chín phần trăm. Bằng có là má mê bố suốt cả đời, mê lúc bố trẻ mà mê cả lúc bố không còn trẻ. Bố ở nhà cũng mê mà bố đi làm tù binh

cũng mê, bố ở gần cũng mê mà bố đi xa cũng mê. Thậm chí lúc “nàng” còn thanh xuân mê bố đã đành, bây giờ già cả nằm liệt một chỗ mà cũng vẫn còn gọi với ra “bố bố em em” thì quả là “bà lão” si tình bố quá thể còn gì.

Ông lão thở dài:

- Mẹ ghê gớm mà con cũng ghê gớm. Nhưng mà sao chỉ có chín mươi chín phần trăm?

- Cũng phải chừa lại một phần trăm để yêu bản thân mình chứ.

oOo

Ông lão lái xe ra khỏi nhà thờ, phải về thôi, không chừng giờ này bà lão đã thức dậy, đang chờ phục vụ, “đồng chí thủ trưởng đang đợi đồng chí cần vụ” ở nhà, cứ ở đây mà vung vít.

Ba con vịt con đứng chơi giữa đường, ung dung, đủng đỉnh... Ba nàng mới lớn, bộ lông còn vàng vàng và lú nhú. Hình như ba nàng mới từ công viên thoát ra đây, có vẻ nhõn nhõ, coi đường sá là của mình, coi xe cộ chạy vùn vụt trên đường không ra gì, coi thiên hạ như “ne pas”... Ông lão phải dừng xe lại thôi, bấm còi nhè nhẹ không ăn thua có lẽ vì ba nàng không thích cái lồi mắng mỏ bằng máy kiêu mỹ. Ở Mỹ nghe nói: thứ nhất là đàn bà trẻ em, thứ hai là chó mèo, thứ ba là cây cỏ, thứ tư là chim muông cá kiểng... Chắc vịt gà ngan ngỗng thả rông ở công viên cũng thuộc giai cấp quý tộc thư tư, cũng thuộc loại chim muông cá kiểng cần được tôn trọng bảo vệ vì cũng là tài sản quốc gia, tài sản xã hội chủ nghĩa thiêng liêng. Dừng xe một lát chờ quý cô nương tránh lên lề đường cho bản thân tôi nhờ, nhưng các nàng không vội... “đi đâu mà vội mà vàng, mà vấp phải đá mà quàng phải dây, đủng đỉnh như chúng chị đây...”

Trong khi ông cố nhẫn nại nhường nhịn ba cô, thì cái bà lái xe đằng sau, có lẽ không thấy việc làm tôn trọng luật lệ và tôn trọng văn minh của ông nên bấm còi xe thúc giục! Trước tình thế ấy, ông phải làm sao đây. Ông mới đi lễ nhà thờ về, mới đi gặp người tình của ông về, ông đang cần phải về nhà gấp vì chủ của ông đang đợi...Ba nàng phía trước, một bà phía sau, có hiểu cho lòng ông không ?

Cuối cùng thì ba cô (ông cũng chỉ đoán mò, vì thấy cả ba đều xinh đẹp, chứ đâu đã phân biệt được đực cái) cũng lên via hè đứng nhìn xuống đường xem ông tháo chạy. Về tới nhà quả nhiên bà lão đã... bò ra tới bếp. Ông hết hồn vì rằng nàng đã nhiều lần ngã lăn đùng ra bếp không ngồi dậy được đến khi được cứu. Những lần xảy ra sự cố như thế nhân dân nó biết nó phê phán bố chúng nó thiếu quan tâm nhiệm vụ.

oOo

Sau nhiều tháng ốm đau liệt giường liệt chiếu, bà bỏ cả đạo, chủ nhật phục sinh là lễ buộc, ông đưa bà đến nhà thờ. Ông dẫn bà vào chỗ của người tàn tật, lúc đầu bà không chịu có lẽ vì xấu hổ không muốn người khác thấy mình tàn tật, nhưng rồi ông dỗ dành: “nước Mỹ họ đã chuẩn bị cho bà đủ thứ , từ chỗ đậu xe đặc biệt dành riêng, đến chỗ ngồi rộng rãi tiện nghi ở nhà thờ, rạp hát, xe bus, tàu điện... chỗ nào bà cũng được ưu tiên, sao bà không hưởng ? Không biết nước Mỹ họ đã làm gì ác đức mà đến nông nổi phải trả nợ đời đến thế, lo cho người Mỹ già đã đành, nay phải cung phụng cho di dân như bà đủ thứ tiện nghi. Chắc tại vì bà là đồng minh trong chính sách quốc tế toàn cầu!”

“Này em, hôm nay em có thấy cây khô đã có nhiều, rất nhiều hoa trắng nở ra ở đầu cành. Không chỉ một hai cánh trắng nhỏ xíu khó thấy như bữa trước, mà là xum

xuê. Rất dễ thấy. Ai cũng thấy. Cả nhà thờ đều sẽ nhìn thấy. Không chỉ riêng anh. Nhưng anh vẫn sẽ chỉ cho em. Để anh và em cùng nhìn thấy hoa trắng đã nở rộ trên cành cây khô...”

Những tấm màn màu tím vẽ gai góc cũng đã được thay thế bằng những tấm màn trời xanh, biển xanh, với làn sóng bạc mát mắt.

Bà lão ngồi ghế dành riêng cho người què, nhưng ông lão chưa què nên ông ngồi ở hàng ghế sau để lo săn sóc cho bà phía trước. Ngồi ở hàng ghế dành cho người què linh mục sẽ phải mang mình thánh Chúa đến tận nơi mời bà xoi, mang rượu nho tức là máu thánh Chúa đến tận miệng mời bà uống. Bà không đến với Chúa được thì Chúa đến với bà vì Chúa lòng lành vô cùng.

Thực phẩm của trời thì như thế, còn thực phẩm trần gian ở nhà bây giờ bà lão hoàn toàn phải ăn theo tiêu chuẩn ông lão định mức. Bà không được lựa chọn, kén cá chọn canh, ông lão cho gì bà hân hoan mà hưởng. Nhưng trình độ bếp núc của ông rất giới hạn, có khi “food to go” cho tiện. Đàn con cũng rất hay giúp bố, mỗi khi có dịp tạt qua nhà thăm bố mẹ, anh chị nào cũng ghé tiệm ăn mua một hai món gì đó đem tới, bà lão ốm đau ăn uống qua loa, còn bao nhiêu ông lão thanh toán. Do đó bà lão càng ngày càng gầy đi, xuống một trăm pounds rồi xuống chín chục. Ông gọi bà là tóp mỡ, tên Mỹ là bacon, mấy người con dâu nghe bố gọi mẹ như thế họ bùm miệng cười, rúc vào nách chồng mà cười. Ông lão phải ăn cổ cho hết đồ ăn, bao nhiêu cơm thừa canh cạn không để dư, không bỏ phí, tội ngập đầu, của trời mười đời không có, ở ngoài bắc đói rã họng... trọng lượng cơ thể ông tăng dần lên tới hai trăm pounds, mập ú, đi đứng dềnh dàng, mang chứng bệnh mập phì dễ chết! Nhưng có lần ông lão nói với bà

- Em đừng có chết. Em sẽ chỉ chết sau bố. Mà bố thì thọ tới 94 tuổi, cô thầy bói riêng của bố nói bố sẽ sống khỏe tới chín mươi tư tuổi lận.

Bà lão nói:

- Ý bố muốn em chôn bố chứ gì, bài cũ hát hoài.

- Đúng vậy. Bố thích khi mình “tối” có đủ ba người nhào vào ôm hôn gối khóc lóc thảm thiết...

- Bố đào đâu ra những ba người quờ đời rồi hơi như thế?

- Thì chỉ là bố thích được như thế thôi mà. Còn thực tế thì... một người có lẽ cũng đừng hòng, chẳng thấy em què giò đó sao, què làm sao mà “diễn” nổi cái vai sâu bi như thế. Người số một đã thấy khó thực hiện rồi...

- Đây, yêu cầu đừng dùng chữ què nghe ghê quá, không nhớ lũ con nó dặn dò bố đừng bao giờ dùng lời nói nặng với má sao?

- Ồ, không thích thì thôi, nhưng què thì nói là què, có làm sao đâu, để gì tự nhiên được mang cái tước hiệu handicap.

- Thế còn người thứ hai, thứ ba... là ai vậy ?

- Đến ngày đó ai có lòng tới khóc lóc thì em sẽ biết, sẽ thấy, chứ bố làm sao mà thấy được nữa!

Rồi ông lão nói sang chuyện khác:

- Nếu em chết trước lũ con nó sẽ không mua đồ ăn đem tới nữa đâu, chúng mua là mua cho mẹ, vắng mẹ rồi chỉ còn bố thì bố lái xe ra quán ăn mấy hồi... Vắng em là bố bị “thất thu” ngay...

Bà lão xịu mặt:

- Bạc ! Chi ăn !

Đến khi bỏ tiền vào rổ, ông cũng lấy trong bóp ra một đồng đưa vào tay bà vì ông biết bây giờ bà không có tiền rủng rỉnh như hồi còn khỏe mạnh. Hồi bà còn khỏe mạnh bà nắm giữ việc chi tiêu trong nhà, ông khỏi phải bận tâm lo lắng, ông đóng vai người vô sản chuyên chính

một xu teng không có trong túi vì mọi việc đã có nhà nước lo. Bây giờ bà nằm đó, ông phải lãnh trách nhiệm trước lịch sử, từ việc đi chợ nấu nướng rửa chén bát nồi niêu ly tách đĩa thìa dao thớt... phát seo cả hai bàn tay, đến việc lau nhà, giặt đồ, cắt cỏ, lái xe, ký check trả tiền bill, làm bác sĩ khám bệnh kiêm y tá chích thuốc... Lantus, 30 units, chích bụng dưới lỗ rốn, mỗi buổi sáng lúc chín giờ. Vạch áo ra cho bố xoa alcohol. Già rồi có gì mà mắc cỡ. Cũng đừng kéo áo xuống thấp quá vì già rồi. Già rồi không mắc cỡ nhưng cũng phải giữ gìn không để lộ liễu quá trước mặt bố, nghe không. Thầy Mạnh tử đã biểu thế. Kim tiêm Mỹ chích ngọt không, đâu có đau. Bố là một y tá cừ khôi. Ông “đốc” Côn cũng phải công nhận, chứ cô Teneese khen là đương nhiên.

Ông làm tất cả mọi việc trong nhà. Hồi trước ông gọi bà là cai ngục và ông tự nhận mình là tù khổ sai, bây giờ ông làm cai ngục bà làm tù, bà phải chờ ông ban phát thứ gì thì được thứ ấy, tù không được phép đòi hỏi, kể cả việc chi cho bà một đồng dollar mỹ bỏ vào quỹ chi tiêu nhà thờ. Ông lão kể của:

- Bố cho em tiền bỏ vào quỹ nhà thờ.

Bà lão cầm đồng tiền nhưng có vẻ ngơ ngơ, ông lão phải giảng giải vào tai bà:

- Nhà thờ phải chi tiêu nhiều thứ, nhà thờ cũng phải trả tiền điện, nước, gas, cắt cỏ, hoa lá, máy lạnh máy sưởi, hút bụi... thì mỗi người phải góp vào chứ. Nhà Chúa cũng cần có những nhu cầu tiện nghi thông thường, ở nước chậm tiến kém phát triển nhu cầu thấp nhưng ở nước công nghiệp phát triển cao thì nhu cầu cũng cao hơn, nhà Chúa ở đây cũng cần chi tiêu nhiều hơn. Nếu ở quê nhà, với thị trường hối đoái bây giờ, một tờ này bố có thể đổi ra cho em được những ba tờ năm ngàn còn dư tiền lẻ (ông trưởng ty ở Quảng Ngãi đọc là “ba tờ nem”), em cúng vào nhà Chúa được những ba lần mà vẫn sang trọng, như thế cũng

tắm vé vào cửa nước thiên đàng mua ở trong nước rẻ hơn mua ở Mỹ, em thấy không.

Ông lão chợt nghĩ chuyện lang bang: Cái đậu ở Mỹ lớn hơn nhiều cái đậu ở ta. Ngày xưa còn bé thỉnh thoảng bị sai vặt, đóng gạo ở trong vại bằng cái đậu, cái đậu ở ta hình tròn được tiện ra từ khúc cây, có làm gân viền bao quanh, dung chứa ước chừng cũng bằng một bát chiết yêu, gọi là chiết yêu vì bát thất đáy lưng ong. Cái đậu ở Mỹ có in hình một ông tổng thống. Chị Huyền bảo hai đậu bằng nhưng ông thường vun gạo lên chứ không chịu cào bằng như lời chị dặn. Khi bung rá gạo ra cầu ao cho chị cứ phải cãi phứa là đã đóng chính xác. Có lẽ ông là kẻ tham lam sợ đói bầm sinh. Hồi đi tù, cộng sản họ đã “cân đo đóng đếm” sẵn dui, bo bo... rất khắt khe với ông. Bây giờ mỗi sáng pha cà phê ông cũng vẫn lại cái tật cũ xúc cà phê instant, đường, sữa bột, muống nào cũng cố ý “dun” chứ ít khi “sét”. Bề gì thì đậu to cũng để đóng cho mình, đậu nhỏ dành để đóng cho người, nếu cứ đóng cho người đâu nào sẽ nhận được đậu đó thì e rằng nguyên tắc quá. Ông xin thánh Giu se cho được kể lể chút đỉnh chuyện cái đậu: đậu là để đóng, đậu to đậu nhỏ cũng chỉ là dùng để đóng, đóng đầy đóng vơi, “dun” hay “sét” là tùy ở mỗi người...

Ông lão rù rì bên tai bà lão:

- Tờ tiền này bố cho em để em góp mua ticket vào cửa nước thiên đàng ở thị trường Mỹ. Bố lo cho em đủ thứ, lo cho em đời này và lo cho em cả đời sau nữa.

Khi chúc bình an cho nhau, bắt chước mấy ông mấy bà Mỹ già họ hôn môi nhau thăm thiết, ông lão cũng sang trọng như tây, lật mặt bà ngửa lên rồi hôn ngược như trời giáng trên trán bà, hai tay ông vuốt nhẹ nhẹ hai bên tai bà, rồi ông thì thầm lời nói yêu đương muôn thuở cổ hữu của ông: “*cục nợ*”. Hình như bà lão cảm động vì được gọi là cục nợ, hai tai bà run run. Ông lão nhìn thấy rõ những sợi lông tơ trên làn da trắng muốt xanh xao nơi tai nơi cổ của

bà một thoáng gọn sóng cánh đồng cỏ may dưới chân núi
Mây tào.

Mấy thằng cháu yêu của ông lão khi tới giây phút chúc bình an cho nhau, chúng còn biết quẳng vũ khí, còn ông, ông chỉ biết bắt chước người ta hôn nhau, ông chỉ biết bắt chước người khác thôi à? Thế có khi nào ông biết bắt chước con cháu ông không? Ông thật đáng ở tù. Ông thật đáng giam vào ngục thất cấm cố, khổ sai, chung thân. Ông thật đáng bị bà nội chúng nó quản lý. Rồi ông còn đáng cho “bà trẻ” của chúng nó nhốt ông mãi đời! Một gông cùm ông đã chịu không thấu, chui đầu vô một gông cùm nữa, thử hỏi ông chịu được bao lăm dưới hai cái ách thống trị đó?

Những người yêu ông đều phải chịu cực nhọc vất vả vì ông nhưng ông cứ lơ mơ không biết tới. Bà lão nhà ông có hai nốt ruồi trên hai vai nhưng ông đâu có biết. Ở với nhau mấy chục năm, con đầy nhà, cháu đầy đàn, ông vẫn vô tình không biết bà vợ ông có hai nốt ruồi trên hai vai. Mãi đến khi người tình của ông chỉ cho ông thấy hai nốt ruồi trên hai vai cô và kể ông nghe về chuyện tương số vận mạng.

Từ thời thơ ấu, má bảo cái nốt ruồi trên vai con sẽ làm con khổ suốt đời. Rồi con sẽ phải gánh vác bao nhiêu việc nặng nhọc cho chồng, cho đời. Nay cái nốt ruồi vẫn còn đó. Y khoa ngày nay có thể giúp “tẩy” cái chấm đen đó khỏi làn da một cách dễ dàng, nhưng bác sĩ sau khi làm xét nghiệm đã nói “nó không lan rộng, không chảy máu, không độc hại... thì việc gì mà đụng tới nó”. Em nói đùa chê bác sĩ này dở nhưng ông lại khen ông bác sĩ này giỏi. “Đúng, nó không gây thù gây oán gì với cô, nó tự nhiên mà có ở chỗ đó, nó vô tội, thì tại sao lại tẩy nó đi, tại sao lại cắt nó đi, tại sao cô lại muốn tiêu diệt nó”. Rồi ông

tiếp: “Cô muốn thay đổi số mạng bằng cách đó sao? Xóa đi một nốt ruồi là sẽ thay đổi được thân phận ư ? Không cần phải làm như thế. Gánh nặng là do cô “ôm” vào, đâu phải tại nó đem đến, mà gánh nặng có khi lại rất dễ chịu, rất thú vị thì sao...”

Thế rồi khi về nhà săn sóc cho bà lão, nhớ tới hai cái nốt ruồi trên hai vai người tình, ông lão mới chú ý đến vai của bà. Và ông giật mình thấy trên vai bà cũng có nốt ruồi, hai chấm hồng ở hai bên vai. Ông ngớ ngẩn hỏi bệnh nhân:

- Em... cũng có nốt ruồi trên vai à?

Rồi ông sờ tay trên những chấm hồng ấy, ông ngớ ngẩn thêm một lần nữa:

- Sao em không nói, sao em không khoe với bố từ ngày ấy, từ ngày cưới ấy?

Bà lão bực mình, đang đau ốm què quặt, tự nhiên lại hỏi bà những chuyện vớ vẩn không đâu vào đâu, nghe ngứa cả tai, bà lão lậu bậu:

- Việc đó là việc của ông. Ông phải biết tới nó. Sao tôi lại phải nói, sao tôi lại phải khoe cái đã làm tôi khổ suốt một đời.

Tình hình gay cấn, khi nào “bố bố em em” là hòa bình, khi nào “ông ông tôi tôi” là căng thẳng rồi đó. Ông lão lặng thinh rút lui. Mỗi khi cảm thấy tình hình căng thẳng là ông tìm đường rút lui. Ông luôn luôn là kẻ bỏ chạy. Ông luôn luôn là kẻ thua ngay từ khi cảm thấy bắt đầu gay go. Ông rất sợ gay go. Ông rất sợ phải đối kháng. Thậm chí ông còn rất sợ to tiếng. Ông là kẻ sợ đàn bà, ông là kẻ sợ vợ. Ông luôn luôn áy náy sợ làm họ buồn lòng và ông cũng luôn luôn là kẻ làm họ buồn lòng.

Về phòng riêng, ông nhớ tới bà nuôi tù, ông lão nhấc điện thoại gọi ra nước ngoài. Lát sau có tiếng trả lời, ông

hỏi ngay:

- Chú muốn hỏi em một việc, em có nốt ruồi trên vai không, nốt ruồi mà người ta cho là số phận gánh vác ấy. Có không?

Đầu dây có tiếng trả lời:

- Có. Có từ hồi nhỏ. Hai chứ không phải một. Hai chấm hai bên vai. Mà sao tự nhiên chú lại hỏi chuyện đó. Bộ hồi đó chú không để ý nhìn thấy nó sao?

Ông lão ngẩn ngơ lòng. Thì ra không phải một mà là nhiều người lo gánh vác cho ông, nhiều người vất vả khó nhọc vì ông. Vậy mà từ trước tới nay ông cứ như một kẻ dửng dưng thờ ơ lãnh đạm. Ông hưởng thụ mà chẳng nghĩ gì tới nỗi vất vả của người săn sóc mình. Ông là một kẻ vô tâm, bất nghĩa. Ông chính cống là một kẻ bạc tình!

oOo

“Em cũng là cai ngục.”

“Em áp giải tôi từ tây sang đông, từ đông sang tây, từ nam ra bắc, từ bắc xuống nam, từ nơi này tới chỗ khác, suốt mười bảy năm ròng qua mười tám trại tù. Em áp giải tôi theo chu kỳ ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ. Em áp giải tôi đi vòng quanh nước mỹ, đi vòng quanh thế giới. Em dắt tay tôi đến tận điện Hòn chén, về tận đền Trần. Em đánh đu trên vai tôi qua những cánh đồng sinh lầy và những vườn hoa sắc sỡ thơm tho. Em đòi tôi tập bơi cho em từ địa ngục sang thiên đàng rồi bơi lại từ thiên đàng sang địa ngục. Em cột chặt tôi trong vòng tay em êm ái và những bận rộn không ngơi.

Em cho tôi cái gì thì tôi được thứ ấy. Em hẹn tôi đến sân bay và khi gặp nhau em cũng chủ động chạy nhanh đến hôn môi tôi tự nhiên trước mặt mọi người. Cả đời tôi chưa có ai hôn tôi ở nơi công cộng và tôi cũng chưa bao

giờ hôn ai ở nơi công cộng như thế. Khi ở Việt nam thì không giám làm vậy vì không ai làm vậy, chạy sang tới Mỹ tôi chưa có người tình kiểu Mỹ nào, cho nên tôi vẫn là một kẻ nhà quê.

Đừng nói đến kiều Mỹ, ngay kiều ta, tôi cũng vẫn chỉ là một kẻ ngố, hai mươi tuổi viết quyền truyện tình đầu tay cũng chưa có lấy một người tình thật sự, chưa có một mối tình thật sự mà chỉ là những sao chép, cóp qua cóp lại, nghe hơi bắc nôi chỗ, lấy chuyện tình của người ta, của bạn bè xung quanh, có khi họ cũng chỉ phịa ra cho lãng mạn cuộc đời... làm nên cho tác phẩm của mình! Bất chợt em hôn tôi, em hôn tôi đắm thắm dịu dàng, lưỡi em mềm mại và mát lạnh, tôi thấy như thế suốt cuộc không vận năm giờ đồng hồ qua năm ngàn dặm bay từ miền tây sang miền đông nước Mỹ.

Em đúng là *cai ngục* thứ thiệt của tôi đó.

Em chủ động gọi thức ăn và rượu vang cho tôi, vang đỏ. Thì đã bảo cai tù cho gì tù nhân được nấy. Không đòi hỏi. Không phản đối. Chấp hành thôi. Thậm chí, khi tôi cần di chuyển em gọi tắc xi, nói cho tài xế biết nơi tôi đến, trả tiền trước, rồi ôm hôn tôi, xong mới nhét tôi ngồi vào xe. Dặn dò không được đi lang thang mẹ mìn nó bắt đem sang Cu ba bán cho ông Fidel, em không chuộc được. Lại dặn thêm xong việc nhớ về sớm. Về thẳng nhà. Tắc xi tới cửa em sẽ trả tiền. Đừng lo. Không lo. Xe chạy rồi em còn đứng nhìn theo.

Đi làm việc ở đâu em cũng mang tôi theo. Khi em dự hội họp, tôi ở lại phòng khách sạn với cái laptop mà tưởng tượng. Nhớ là sự thật và hư cấu, mỗi thứ đều chín mười chín phần trăm. Khi nào chán tưởng tượng hoặc tưởng tượng không nổi nữa thì lấy game boy ra bấm chơi chờ

em. Trưa có thời giờ em sẽ mua fast food đem về, hôn anh, nhìn đôi mắt giết người, luồn năm ngón tay vào mái tóc bạc, bầu vú tằm lưng cánh phàn, ăn với anh, rồi đi làm tiếp; nếu bạn em sẽ gọi người ta mang tới phòng cho anh ăn một mình, em đề sẵn tiền tips trên bàn anh đừng quên chỉ cho người ta thấy, đúng với lối sống ở nước Mỹ. Chiều chúng ta sẽ ăn tối ở tiệm. Anh yêu.

Đang chơi game mà chợt óc tưởng tượng nảy sinh ra một ý tưởng nào đó thì lập tức ngưng và ghi chép ngay ý tưởng đó vào laptop kéo không sẽ quên, sẽ mất hút vào hư vô không chừng. Ngồi bấm game boy cũng chỉ như là ngồi câu cá, suy nghĩ và chờ đợi. Ngồi câu cá cũng chỉ như là yêu, không được phép vượt qua cái đồng hồ cát. Những game Head on, Alley way... anh phải thật nhanh mắt nhanh tay bấm, dĩ nhiên chơi game boy là phải cần nhanh trí rồi, nhưng khi chơi Puzzle boy, Tetris... anh còn phải tính toán hợp lý nữa mới được.

Con trai em hồi nhỏ nó đạt được trên trăm ngàn điểm ở Tetris là chuyện thường, anh cũng cố được một trăm ngàn điểm sẽ có thưởng, nếu đạt mức đó anh đừng vội tắt máy và hãy đợi Nintendo biểu diễn cho anh xem trên màn hình một pha phóng hỏa tiễn ngoạn mục. Hỏa tiễn của game dễ xem chơi đỡ buồn, không phải những thứ hỏa tiễn chống hỏa tiễn, của em, đề, bảo vệ lãnh thổ.

Mọi việc đều đã được sắp xếp, lập trình. Em yêu anh vô cùng. Anh yêu em vô cùng. Yêu không biết thế nào mà nói.”

oOo

“Anh không được làm gì cả. Anh không được có cái ý nghĩ kinh doanh trong đầu. Anh không cần phải làm xuất bản. Anh “chế” ra cái gì đó rồi mặc kệ trời đất trắng sao muốn mưa nắng dãi dầu thế nào cũng được. Có người làm cho anh. Có người lo cho anh. Nếu mà anh phải bận

tâm đến những việc khác sẽ không tốt cho việc của anh. Anh chỉ phải làm mỗi một công việc mà anh phải làm, và cũng chỉ có anh làm được việc đó mà thôi, người khác làm việc đó sẽ khác. Anh có hiểu không ? Anh có hiểu em nói gì không ? Vậy thì anh phải nghe em. Vậy thì anh phải ở không, kể cả trong lúc yêu. Vậy thì anh phải không được làm gì khác cả, ngoài cái việc của chính anh. Anh có sứ mệnh ở không. Ở không để làm việc đó.

Các con anh họ đã nói anh chỉ được làm mỗi một việc là không làm gì cả. Đúng không ? Anh đã chiều chuộng vợ anh. Anh đã chiều chuộng các con anh. Anh đã làm họ vui lòng. Đúng không ? Và em cũng được anh chiều chuộng. Em cũng được anh cho em hạnh phúc. Vậy hãy nghe em đừng làm việc gì khác ngoài công việc chính của anh. Những người thân yêu xung quanh anh luôn luôn làm cho anh vui và luôn luôn làm cho anh khổ. Em cũng thế, em cũng là người thân yêu của anh và em cũng muốn làm cho anh vui, em cũng muốn làm khổ anh.

Em là thân yêu của anh, vì chính anh, đã liều mạng làm một việc sai nguyên tắc, đã giữ gia đình em, mẹ em, chị em em ở lại bên này thay vì bị lôi kéo, bị đẩy sang phía bên kia. Việc này ít người biết và có lẽ chính anh cũng không nhớ, nhưng em và gia đình em đều ghi nhớ. Bởi vì từ đó chúng em đã được sống theo cách sống của mình. Cả gia đình em đều coi anh là người trong nhà. Riêng em, đến nay, vì những chuyện tưởng tượng, em còn bắt anh phải là người trong nhà *của em*. Vì thế em sẵn sàng anh. Vì thế em yêu anh. Vì thế em làm khổ anh”.

oOo

“Tôi trốn ra khỏi nhà đi chơi với em. Mà đi đâu bây

giờ? Chúng ta không có một nơi ẩn náu. Cả thế gian này không có một chỗ nào cho chúng ta ẩn náu đâu em.”

Trong mỗi người đều có một khoảng trống. Trong tôi cũng có một khoảng trống. Năm hai mươi tuổi tôi gọi nó là cái hố, mỗi người đều bị một cái hố trong lòng. Tôi nghĩ là trong em cũng có khoảng trống. Từ bao năm nay khoảng trống đó vẫn tiềm tàng trong em, nó không rõ rệt, nhưng nó là như thế. Em đã từng tìm cách lấp khoảng trống đó trong em, và có lúc em đã tưởng em lấp đầy được, nhưng em ạ, lấp một cái hố trên đường đi có thể được, nhưng khoảng trống trong lòng con người ta thật khó biết ra sao.

Em càng làm vườn, trồng cây, tưới hoa, em càng xúc tuyết, càng xây tường, càng quần quật vất vả bao nhiêu thì khoảng trống đó càng lúc càng hoang vu thêm ra. Em càng khổ công bồi đắp cho ngôi nhà sàn trên đồi của em bao nhiêu thì ngôi nhà đó sẽ càng hoang vu hơn nữa. Tôi biết như vậy vì rằng khoảng trống trong tôi cũng càng lúc càng hoang vu như thế.

Có lúc tôi cũng đã tưởng em sẽ là người lấp đầy khoảng trống trong tôi, nhưng thời gian đi qua tôi đã nhận ra rằng em cũng đã làm cho khoảng trống trong lòng tôi rộng thêm mà em không biết! Bởi vì ai yêu tôi cũng đều làm cho lòng tôi tan nát cả. Càng yêu tôi nhiều càng làm cho lòng tôi lún sâu thêm.

Cái hố cuộc đời tôi mỗi lúc mỗi sâu thêm, càng ngày càng sâu thêm. Để có thể tỉnh táo mà làm ra được những thứ mình muốn làm ra, và để tồn tại, tôi luôn luôn phải chống lại tình yêu. Có lẽ cái hố sẽ chỉ không còn nữa khi nào tôi không tìm cách lấp đi.

Em cũng vậy, sẽ có một lúc nào đó khoảng trống trong lòng em được lấp đầy, cái lúc nào đó em không tưởng tượng được, và em sẽ lấp đầy không phải bằng những cách em vẫn làm, mà bằng những thứ em đã tự đề xuất khỏi tay em.

Lòng em sẽ không còn khoảng trống, em yêu.

Tiết trời sẽ làm nẩy nở ra những bông trắng tinh khôi trên những cành cây có lúc tưởng đã khô. Mà tiết trời thật sự thì không đoán mò được, không cái qua cái lại được, lại càng không nên khắc nghiệt. Mọi thứ đều đã có tiên tri từ khi khởi đầu, tiên tri từ lúc mới *thử lửa*...

oOo

Một buổi sáng, lễ xong, sister đến bảo ông ở lại mười lăm phút volunteer giúp bà dọn dẹp nhà thờ. Ông lão OK ngay. Bà phước chỉ cho ông hai cây hoa trắng bảo đem bỏ ra thùng rác, lát nữa có người sẽ trưng bày bàn thờ bằng những cành vật khác. Ông lão băng khuâng bước những bước chân nặng nề về phía hai cây hoa. Ông đến thật gần, đeo kính lão lên, nhìn sát vào cây hoa, ông sờ tay vào cành cây, ông sờ tay vào một bông hoa trắng, và ông lão thấy đúng thật là cây khô, nhưng hoa trắng là giấy dán vào cành cây bằng băng keo, ông nhìn thật kỹ, chúng giống như thật vậy.

Ông lão chậm rãi nhấc cây hoa lên, không khó khăn vì rất nhẹ, ông vác cây hoa trắng trên vai đem ra bãi đậu xe nơi có hai thùng rác, ông vừa đi vừa nghĩ tới ông Simon vác thánh giá đỡ Chúa Giê-su trên đường đi Núi Sọ chịu đóng đinh. Ông lão bẻ gãy những cành nhỏ rồi liệng vào thùng rác. Xong ông vào làm chuyển thứ hai. Hai cây

hoa trắng được ông dọn dẹp nhanh gọn chưa quá mười phút, vượt chỉ tiêu trước thời hạn sister giao. Mấy người Mỹ trẻ đang tháo những tấm màn phòng treo từ trên cao rủ xuống và dùng xe đẩy những chậu hoa cũ ra ngoài.

Ông lão chợt nhớ tới thánh Giu-se, mỗi khi trong lòng ngồn ngàng ông liền nhớ ngay tới vị thầy hiền lành. Thánh làm thợ mộc ông cũng theo nghề thợ mộc. Ông còn cố gắng trở thành một thợ mộc “xịn” có tay nghề chuyên môn độc đáo. Chỉ mấy vật dụng thô sơ: cưa lá liễu, cái khoan tay, cái chày, đục, vum, cái dùi đục... là ông có thể đục đẽo gọt dũa những khúc gỗ thành những tấm hoa văn, long phụng để gắn vào cánh tủ, đầu giường, hoặc cái chân quỳ lắp vào những sập gụ tủ chè theo kiểu xưa. Việc làm thủ công mất nhiều thời giờ, thu nhập thấp, không thích hợp với lối sản xuất dây chuyền hàng loạt bằng máy móc, nhưng ông rất thích vì thầy của ông ngày xưa làm thợ mộc kiếm tiền nuôi đức mẹ và chúa Giê-su cũng đâu có dùng tới máy móc. Thầy làm bằng tay ông cũng làm bằng tay. Ông cũng nuôi vợ con bằng sức lao động tay chân. Ông lão cùng chung giai cấp thợ thuyền với thầy, là đồng chí. Thánh đi đâu ông sẽ theo đấy. Theo tới cùng. Ông kể công: “Simon chỉ vác thánh giá giúp Chúa có một lần, chứ thằng em này hôm nay vác những hai phà nghe thầy”.

Ông nhìn cái thùng rác to đùng, hai cây khô hoa trắng đã nằm trong đó. *Tác phẩm mỹ thuật đã xong nhiệm vụ, nó đã hoàn thành sứ mệnh, và đã phải trở về một nơi chốn.*

Ông nghĩ tới những tác giả đã làm ra vẻ đẹp, làm ra nghệ thuật, làm ra những ý nghĩa, những niềm tin, những hy vọng..., những tác giả đặt chuyện như thật, làm cho người thưởng ngoạn tưởng là thật. Cho nên tác phẩm thật

mà cũng giả, tường thuật mà cũng tưởng tượng, sự thật mà cũng hư cấu, chân thành mà cũng dối trá, đẹp đẽ mà cũng xấu xí, vui vẻ mà cũng buồn phiền, thiện tâm mà cũng độc ác, tốt lành mà cũng xấu xa, hòa hợp lẫn lộn...

Ông lão già từ thùng rác, lái xe ra về, nhìn lòng đường, ông băng khuang nghĩ tới ba con vịt nhỏ bé xinh đẹp dễ thương, có lẽ và may ra, giờ này đang lang thang lạc lõng ở một nơi nào đó./.

(*) Bài thơ “Gửi Thảo Trường” của Cao Tần.

(**) Thơ Trần Dạ Từ

(Palm Springs 07.07.07)

TRẦN YÊN HÒA

U y ê n Ư ơ n g

Ta gầy nhẹ khúc nguyệt cầm thệ thủy
Mảnh trắng non là nhụy của đêm khuya
Ta cúi xuống bên giang đầu nước chảy
Dừng bên em hồn động cõi mơ sầu

Em đến bên ta áo tà lụa bạch
Vành môi thơm hương động sơ nguyên
Làn môi mỏng thơm tho ngân diễm tuyệt
Em hoá thân là thanh sắc thiên tiên

Đã đến lúc bóng tà huy lụn tắt
Mạch sầu khơi hồn ẩn ức vô lường
Trắng tỳ hải làm hồn xiêu lạc phách
Ta tan cùng điệp khúc giữa mù sương

Em bóng sắc trở về ta ánh sáng
Mùa xuân qua, mùa hạ đỏ, theo về
Mơ một lúc giữa vô cùng hoảng loạn
Trong vô cùng chìm đắm nỗi điên mê

Em hương nhụy hồng hoa ta hãy hái
Chùm môi thơm từng cánh rã trên tay
Lòng hoang tưởng mùa thu em thức dậy
Bàn tay mềm cho tình ái mê say

Ta hát khúc uyên ương trên đồi cọ
Giữa mùa thu trùng điệp ánh sao rừng
Lòng đã mở tan hoang bài ca cũ
Khúc tình tang trùng khuất giữa mùa xuân

Là như thể, như mây, miền lưu dấu

Em muôn trùng ta vầy gọi trăm năm
Em phượng đỏ ngát màu mùa hạ ấy
Còn bao năm, mơ giữa cội trắng rằm?

Phù trăm ơi! giòng sông chong mắt đợi
Biển dâu ơi! sợ tán bụi đời ta
Trong chớp mắt em là thiên cổ sử
Vọng mỹ nhân hề lưu dấu ngày qua

Ta chớp sáng giữa mạch đời tuông chảy
Máu từ tim động vết tích lao đao
Ơi hương sắc em qua dòng mường rẫy
Ta mờ cảm mắt lệ thuở trưa nào

Mắt lệ đó ta một thời nông nổi
Chê đôi bờ nhật nguyệt mộng trăm năm
Trăng chưa khuất giữa mùa thu vàng úa
Mà trong ta thấm đượm ngực phù trầm

Mưa cổ tích về thăm em nguyệt tận
Ta đang tâm ruồng rẫy một cảnh khô
Những dự phóng, những tư duy, hiền triết
Tận cùng ta phong nhụy đã phai mờ

Thôi thì thôi, ta về đây, mỹ nữ
Giữa trần ai đầu đội đá tro vơ
Ta gục vào em ngực trần sẵn cứng
Để trăm năm giờ, phút, đợi, trông, chờ.

Ta gục vào em chế thành trăm mảnh
Ta phân thân hồn phách sắp thành tro
Ta đâm chém, ta quơ quàng, rị mọ
Đời điên mê tình ái dỡ muôn trò

Lời âm vọng là thiên đàng đã mở

Không cần xin thiên sứ cũng quay về

UYÊN HÀ

K ế t c ổ n g â m v à n h

Tặng Vợ tôi

Em cô bé mười chín năm về trước
Đã thâm vui khi ta hồng tú tài
Chỉ vì sợ khi ta vào đại học
Cổng trường em thiếu bóng một chàng trai

Em Hoàng hậu mười sáu năm về trước
Đã đầu lòng sinh hạ một Hoàng nam
Trẫm đón tin vui trên đường chinh phạt
Quán biên thủy nâng cốc rượu mừng con

Em thiếu phụ năm con giờ lặn đận
Lặn lội thăm chồng tận cổng nhà giam
Vắt cơm nóng nuôi tù chan nước mắt
Lòng ta đau như có kẻ đang dần

Em là Mẹ, là Tiên hay là Chị
Ta gọi gì cho xứng với tình em !
Ngày trước mặt có khi còn thăm thăm
Ăm con thơ đêm chập những ưu phiền

Hy đọi đấy, ta về em khắc biết
Mảnh thân này dù thịt nát xương tan
Khi khanh tướng công hầu đều vứt hết
Ta yêu em, thề kết cỏ ngậm vành.

1983

Ý YÊN

Hương Men

PLK, 1961

Em dặn: Đừng cho anh Ý...say,
Tôi đi xa quán tạm đôi ngày,
Khuyên anh về sớm hơn thường lệ
Đừng có trao nhiều quá...một chai.

Anh cảm ơn nhiều chẳng cứ ai,
Là Hồng là Huệ là Ngọc Mai...
Những nàng chủ nhỏ quên lời lái
Dành sức cho anh vượt dặm dài

Và cảm ơn nhiều lúc nửa đêm
Lên đèn gác trọ cánh tay mềm
Trời sao vắng vặc, trong đêm tối
Giường sẵn buồng màn, gối nệm êm

Ngủ ngon trong mộng, thức trong mê
Men chở sầu đi tỏa bốn bề
Thăm hỏi qua mùi len áo ấm:
Hôm qua ai khoác buổi đêm về ?

Những lúc xoa tay... chẳng một đồng
Là khi chuyện nở tới hừng đông
Đem cầm chiếc nhẫn ngày mình cưới:
Câu chẳng đi mà túi sạch không !

Liêu-trai-chí-dị có từ lâu
Trong đáy ly này, phải kiếm đâu?
Gạt bỏ ngai vàng, ngôi báu xuống,
Trao về triều đại kẻ thương nhau.

*Cho Vương Vĩnh Đạt, hy sinh
sau cuộc di tản Cao nguyên, 1975*

PHƯƠNG TẤN

N ắ n g H ạ n

Lên rừng, rừng trơ xương
xuống sông, sông cạn nước
nắng tha lửa lên nương
mây tha sương về núi

Một con chim cùi cũi
giữa cơn mơ cháy rừng
một con thuyền lằm lũi
lụi bụi giữa lòng sông

Đứng trong trời mệnh mông
tôi nhỏ nhoi chiếc bóng
thênh thang đôi cánh mộng
vướng trên ngọn hư không

Ai ngóng bên kia sông
ai ngóng bên này sông
một con thuyền mắc cạn
một nỗi đau bênh bồng...

(Sàgòn 1975)

HẠ ĐÌNH THAO

B a M u ơ i N ă m Ấ y...

Gửi Phạm Ngọc Lư

Cũng rồi mấy chặng lưu vong
Ta thân biển mặn nằm trong nắng chiều
Đoạn trường vẫn cứ còn đeo
Ba mươi năm hiểu ít nhiều lòng ai
Người: Rào miệng với chông gai
Còn ta: Cầm họng dài dài đó thôi
Mây râu thêm thẹn với đời
“Cái tâm đã môi, cái tôi đã mòn”(*)
Hẹn gì với núi cùng sông?
Nửa đêm thức giấc, trăng lỏng lộng soi

(*) Ý thơ Lê Văn Trung
2007

VÕ CÔNG LIÊM

M ộ t c h ú t x á m c ủ a t h ờ i h ồ n g

Cho bạn tri kỷ : S.T. và Tôi

Thử đứng lại
Nghe lời xưa ân ái
Gây miên man lòng gợi nhớ
Bao điều
Sóng có dấy đưa hồn về
Cuối bãi
Bến sông chờ ngày tháng vẫn
Trôi xuôi
Vàng lên rêu ngày ủ dột

Thương hoài
Cho kỷ niệm xoáy ngang
Bờ ảo vọng

Xám xanh màu một thuở
Hồn hoang dại
Mây có đục đôi lần
Em vẫn đợi ...
Trăng lên đầy giữa bến nước
Chiều hôm
Ta quá khứ một thời
Yêu rất mực
Lặng bên này nghe nhỏ giọt
Từng cơn
Thôi cứ để cho lòng yên
Giấc ngủ
Giữa thời gian có đợi
Chúng ta về ?

về sáng 9/07

NGUYỄN ĐỨC NHƠN

B ế n c h i ề u

tàn thu con nước lờ đờ
tôi mê muội bước qua bờ tử sinh
con đường vàng úa sau lưng
còn năm bảy đũa lưng chừng theo sau

chiếc cầu duyên gãy từ lâu
bến sông này vốn có đầu không đuôi
con thuyền bát nhã ngược xuôi
rước thêm đôi đũa và tôi lên bờ

ngoảnh nhìn lại phía bên kia
thấy còn ba tỷ người chờ qua sông
tôi đi về cõi phiêu bồng
sau lưng bỏ lại một vòng hư vô...

NGUYỄN VĂN NGỌC

Ở Miami, nhớ Vũng Tàu

Miami, biển, nắng, hè
tôi đi giữa tiếng nhạc ve ru đời
giao canh, phượng đỏ son môi
như gái Nam Mỹ nằm phơi ngực trần
quán trưa, âm vọng miên man
ly bìa lạnh, sủi bọt tràn trên tay
lẩn trong khói thuốc vờn bay
chập chờn cổ quận, lắt lay môi sầu
ngồi đây, tôi nhớ Vũng Tàu.

(6/06)

TRẦN BANG THẠCH

Tóc trắng

Em về tóc nhuộm màu trắng
Tôi mơn con mắt giữa hăng hà sao
Áo hoa hay má em đào
Nghe trong sắc lụa có hào quang em
Ngọt câu tình tự lời chim
Hay lời tôi ghen giữa im lặng chờ

Bước em. Bước khẽ. Bước hờ
Em mong lung để vật vờ bước tôi
Cuối đường tóc chầy trắng trôi
Em vào. Cửa khép. Tôi chơi vơi ngoài

Trắng về ngủ muộn trong mây
Tóc em ngủ muộn trên ngày tháng tôi

VƯƠNG THỦY TÙNG

M à u T í m B ô n g
L ụ c B ì n h

*Tặng nhà văn Trần Bang Thạch tác giả
tập truyện “quần quanh chuyện đời”*

Có một dạo tôi về qua xứ lạ,
Từng hàng bần tóc xoả tận mù khơi.
Tôi trôi dạt dưới vòm cây kẻ lá,
Chút điểm trang cho quê Mẹ tuyệt vời.

Tôi đến, tôi đi theo từng con nước,
Vừa thân quen rồi cũng phải chia tay.
Tôi bập bênh theo sóng triều xuôi ngược,
Dầu dải nắng mưa hết tháng lại ngày...

Những lúc vui tôi ước mong bám rễ,
Rũ phong sương mang sắc tím cho đời.
Một chiều buồn trôi qua sông Cái Khế,
Dòng nước đen ngòm ...cùng cực tả tôi.
Tôi bỗng giật mình nghĩ mình thơ dại,
Có sá gì - một bến đậu quê hương?
Đâu cũng thế, dù bơ vơ xứ lạ,

Được sống thênh thang trên vạt nẻo đường .

Những bạn tôi, trôi xa miền viễn xứ,
Đã quá lâu chưa có dịp quay về.
Mong bạn giữ, màu hoa đời lữ thứ,
Sẽ có ngày họp mặt bên sông quê!

Mưa Xuân. Còn gió heo may lát phất,
Bông lục bình sắc tím khắp dòng sông.
Tôi ngửa mặt thấy tâm hồn ngậy ngát,
Sông nước còn. Trời đất cũng mênh mông.

cuối năm 2007
Cái Răng - Cần Thơ

KHÊ KINH KHA

Ngủ đi em

ngủ đi em, đêm thôi mịt mù
ngủ đi em, yêu thương đợi chờ
ngủ đi em, cho tim nồng ấm
ngủ đi em, cho lòng đam mê

ngủ đi em
cho hồn lắng dịu
cho hơi thở bình thản lại nhé em
để mình còn mơ tưởng bắt đầu yêu
thêm lần nữa trước khi mặt trời thức giấc
để anh sống trọn niềm lênh đênh bão tố

ngủ đi em
tim thôi muộn phiền
cho đam mê bùng nổ mình vào miền lãng quên

cho da thịt thơm thơm hương trần thế
cho anh nếm trọn mật ngọt môi em

ngủ đi em
cho đời thôi lệ ướt
cho tháng ngày chỉ còn lại tình say
và vũ trụ cùng vạn ngàn tinh tú
sẽ rơi vào giữa vòng ôm đêm nay

ngủ đi em, ta ru em bằng lời suối ngọt
ngủ đi em, đêm vắng đầy môi thơm
ngủ đi em, tình lên cơn sóng vỗ
ngủ đi em, cho hết trăm nghìn năm

CAO VỊ KHANH

M á y b à i t h o c h o b à n , c u ố i n ă m

.với người bên kia

đọc thơ Mây nổi

người xa gọi nổi đoạn trường
cầm trong tay thấy bóng gương chập chùng
này Kiều một bước thất tung
này Huyền Trân một dặm trùng thất thân
này tài tử với giai nhân
này Hiu Quạnh Lớn nổi phần mộ chung
.....

cầm trong tay thấy ngại ngừng
hàng hàng lớp lớp cô bông... bay bay

tiếng dội

vẫn là từng giọt lệ khô
đọng trong hố mắt dưới mồ đàn tâm
vẫn nguyên cái giọng kêu thầm
dội trong lồng ngực tiếng bầm thiên tai

nghe tin anh làm ruộng

từ anh vỡ đất trồng hương
thoảng trong tám hướng mùi trường hận ca
từng nhát cuốc, tét vỡ da
búng ra giọt máu ngở lòਾ thanh tâm
thôi thì còn chút hạt mầm
gieo cho kịp nắng kéo trầm luân phai

.với người bên này...

tan hàng, cố gắng!

ở đây, riêng một góc trời
sống lây lất đợi chào giờ chung thân
chào anh đã lặn mộ phần
mười năm chưa xóa vết hằn bại vong
chào chị chìm nổi biển đông
xác quanh bãi lạ hồn vòng bến quê
chào người quên mất câu thề
chào đất khách lạnh bốn bề quanh hiu
chào non chào nước tiêu điều
chào tôi bỏ lại thân kiêu xót xa

Trần Hoài Thu

Từ NewYork nhớ Saigon

Khu phố Tàu có nhiều gái xinh
Ta nhớ Saigon nên về nhìn đờ
Qua đường Canal nhìn cô xăm nhỏ
Em gái Tàu, thì cũng vậy. Việt Nam

Em cũng là một cánh bướm, cánh bông
Tóc em cũng đen tuyền, vai trần chảy xuống
Đôi ngực em vẫn là một liều thuốc hiếm
Để ta biết rằng đời quá đẹp, quá vui
Để con tim ta còn đập trống liên hồi
Để ta biết, dù già, nhưng trẻ đại

Ta nhớ Saigon, khi nhìn người qua lại
Xe cộ dập diu, gái Á gái Âu
Gái nơi nào thì cũng thế, bông hoa
Làm mát nhựa mát đường mát lầu mát phố

Vâng em ạ, dù nơi này New York
Dù em gái Tàu, hờ rún, lộ vai
Nhưng Saigon, vẫn ở góc đầu đây
Cho ta đỡ phần nào nỗi buồn viễn xứ

Lục bát

1.
ra đi có nhớ nhưng gì
Cửa tàu đã mở, người thì đã vô

Ghế ngồi mấy tiếng đồng hồ
Tôi ôm cái nhớ bỏ vào không gian

2.

Hành lý này, nhớ thương này
Làm sao mang hết trong ngày biệt ly
Hỡi người kiểm soát đường bay
Có bỏ xin chừa hành lý nhớ thương

3.

Bạn bè mấy đứa gặp nhau
Thằng thì tóc bạc, kẻ đầu tựa sừng
Nhìn nhau, lệ ứa trong hồn
Cám ơn trời đất vẫn còn hỏi thăm

ĐỖ HỒNG NGỌC

(Đỗ Nghệ)

Về xứ hoa đà o...

Gần mười năm tôi mới có dịp đi lại máy bay đường dài. Sau đợt bệnh nặng năm đó, bác sĩ điều trị khuyên tôi nên tránh những căng thẳng không cần thiết. Năm kia, đi một chuyến trong nước có vài giờ mà tôi đã thấy rất mệt mỏi. Lúc nào tôi cũng thao láo, nín thở, căng thẳng. Cất cánh. Hạ cánh. Vào vùng trung. Thắt dây an toàn... Tôi còn dỗi theo cao độ, vận tốc, nhiệt độ bên ngoài bên trong ... các thứ. Làm như tôi chỉ cần sơ sẩy chút xíu, lơ đãng chút xíu là có chuyện không hay! Tôi đã từng coi nhiều bộ phim mô tả chuyện máy bay rớt giữa vùng tuyết giá, giữa biển khơi. Cho nên phải nghe kỹ người ta hướng dẫn cách thở oxy qua mặt nạ, cách mặc áo phao, thối còi... Người bạn ngồi bên còn hỏi nếu lỡ máy bay rớt ngoài biển thì phải làm sao hả anh, càng làm cho tôi yên chí máy bay sắp rớt. Ấy vậy mà trong chuyến bay đi Nhật tháng tư lần này tôi hoàn toàn sống trong một trạng thái “vô sở trụ”. Tôi thấy ra hình như chuyện máy bay có rơi hay không không phải là nhờ tôi... lo lắng cho nó, căng thẳng vì nó. Tự dưng tôi thấy nhẹ nhõm, thanh thản. Tôi nhìn qua cửa sổ. Ánh trăng thượng tuần nửa vành lơ lửng, sáng hơn thường lệ vì không bị che khuất bởi những đám mây.

Máy bay êm như ru, hay tôi êm như ru, không biết. Kệ nó. Nhìn đồng hồ. Sắp đến rồi ư? Trăng đã nhạt tự bao giờ. Chân trời bỗng hiện ra một vùng sáng tăm tắp, mờ mờ, lúc đầu còn phơn phớt rồi ửng hồng lên. Mới gần 4 giờ sáng. Hãy còn quá sớm mà sao ánh hồng đã rực rỡ? Thì ra tôi đang bay về phía mặt trời. Thời gian ngừng lại. Tôi vận đồng hồ thêm hai tiếng theo thông báo. Không cảm thấy mình mất đi hay được thêm. Bởi, làm gì có thời

gian? Thời gian chỉ được làm bởi không gian đó thôi. Tôi xuống phi trường Kansai, Osaka lúc 6g30, giờ địa phương. Nhiệt độ bên ngoài hơi lạnh. Sài Gòn lúc tôi đi nóng hầm hập, còn ở đây 11 độ C! Trong túi tôi có mấy lá bùa: mấy dòng chữ Nhật hỏi đường ra bến xe bus về Sannomiya, Kobe, và ít tiền Yen để mua vé, gọi điện thoại khi cần. Mọi thứ lạ hoắc, đặc biệt khi mà ở một nơi ta như...mù, câm và điếc. Ta không đọc được chữ, không nghe được tiếng và nói thì chả ai hiểu cái gì cả! Cái cảm giác trong phút chốc mình thành một người vừa mù, vừa câm vừa điếc ở một xứ sở văn minh nhất Châu Á cũng hết sức thú vị! Lại một lần nữa mình được sống “vô sở trụ”! Người làm thủ tục nhập cảnh hỏi cái gì đó, tôi đoán họ hỏi giấy mời mà tôi đã quên không mang theo, tôi đành lục trong túi lấy cái name card của ông Katsuno (mà tôi quen gọi là ông Ca-si-nô), hiệu phó trường Đại học sư phạm Hyogo đưa ra. Cho qua. Ra đến sân ga xe bus, tôi đến dãy số 6 theo lời dặn. Tôi đọc thần chú: Sannomiya, Sannomiya. Mọi thứ rầm rập, người ném hành lý của tôi vào thùng xe, phát thẻ, người giúp tôi mua vé ở một máy tự động rồi đẩy tôi lên xe! Tôi chập chờn nhìn một nước Nhật văn minh, hiện đại, vừa ngủ gà ngủ gật, thấy mình đi trong những cái hộp, cái thùng, cái hang, cái cầu. Thì ra đường cao tốc ở đây đều có vách ngăn với dân cư chung quanh cho đỡ tiếng ồn. Nhà cửa, đường xá tầng tầng lớp lớp, trên dưới, phải trái, chen chúc, ngột ngạt. Ô kìa, biển! Biển vậy mà biển sao? Có thấy bãi bờ, thùy dương cát trắng gì đâu! Mỗi lần ra Nha Trang, đường xa mệt mỏi mà đến Cà Ná đã nghe thênh thang cái mùi biển mặn, đã thấy tí tấp bao la về phía chân trời một màu xanh thẳm. Không khí biển như đượm chất muối iod làm cho tâm hồn ta sáng khoái, thông minh ra thì phải! Ở đây thì không. Không thấy bờ, không thấy bãi. Chỉ có nhà là nhà, san sát. Biển bị lấn đến đau nhức vì bê tông. Thôi, chộp mắt một chút cái đã. Và rồi đến Sannomiya lúc nào không hay!

Hình như ai đó khẽ vỗ vai tôi, kêu dậy, đến bến rồi. Tôi lục tục theo mọi người xuống. Và ở kia, ông Miyazaki, người bạn Nhật tôi đã có dịp quen biết ở TP.HCM, đang đứng đợi tôi với nụ cười hiền hòa dễ mến. Mọi thứ răm rắp như lịch trình đã xếp đặt. Làm việc với người Nhật, hình như cứ việc phó mặc cho cái...chương trình nó chạy. Chỉ cần chệch một chút là hỏng bét. Người bạn đến trước tôi đã từng bị lạc vì chệch một chút gì đó. Chỉ cần mê nói chuyện một chút đủ chệch. Chuyến bus đã chạy qua vài giây trước đó và anh cứ ráng gân cổ lên mà chờ chuyến sau có khi cả giờ nữa, để rồi lỡ thêm một lô công việc khác. Tôi tùm tùm cười, quan sát, dòm ngó. Mọi người đi lại răm rắp, răm rắp. Mạnh ai nấy đi, không ai nói với ai, không ai cười với ai. Ai cũng có việc mình. Tôi có cảm giác hình như ai cũng cô đơn trong cái sự chen chúc, răm rắp này. Ông Miyazaki nhanh nhẹn đẩy túi hành lý giúp tôi và đẩy tôi băng qua đường khi đèn xanh vừa cho phép. Ông nói được tiếng Anh nên tôi bắt đầu thấy cửa... he hé. Ông dẫn tôi qua đường vào một nhà hàng để làm một ly cà phê sáng. Tốt quá! Tôi đang ghiền. Ông gọi cà phê rồi bảo nhanh lên, năm phút nữa có xe đến đón! Đây là trung tâm Kobe. Nhà hàng sang trọng. Những người ngồi ăn sáng ai coi cũng có vẻ nghiêm nghị lạ lùng! Tôi đặc biệt chú ý các loại giấy lau trên bàn. Phong cách Nhật, xếp dọc, trang trọng, nền nã, có in tên nhà hàng bằng một thứ chữ như thư pháp tuyệt đẹp. Tự dưng tôi thấy thèm viết vài câu thơ hay vẽ vờn tí chút gì đó vào những mảnh giấy mời mọc này. Tôi nhón lấy mấy tờ. Để vẽ, tôi nói. Ông ngạc nhiên, đưa thêm cho tôi vài tờ nữa. Đúng 5 phút, ông nghe điện thoại rồi kéo tôi dậy, chạy nhanh ra một góc phố. Xe đã chờ ở đó. Ô hay! Những người bạn Việt Nam của tôi. Anh NTD đưa MC, cô sinh viên cao học vào trụ trường và sẵn dịp ghé đón tôi. Anh cười: “Một sự may mắn có xếp đặt!”. Với người Nhật hình như sự may mắn nào cũng có xếp đặt. Họ tin vào sự xếp đặt. Dĩ nhiên thỉnh thoảng cũng có

sự nhắc nhở của thiên nhiên. Xe chạy qua những đường hầm dài tít tắp, hằng chục cây số, ngọt ngào, tối thui. Nghĩ lúc này mà động đất, núi sập một cái thì chắc hẳn là chuyện ngoài xếp đặt. Xe được hướng dẫn bởi navigator, màn hình hiện ra vị trí của xe đang ở đâu, đường nào trước mắt, điểm nào phải tới. Chương trình đã lên khuôn nên chỉ cần chạy lạc qua hướng khác lập tức máy móc sẽ si và ta ngay. Ta phải quành xe lại theo chỉ dẫn của navigator. Tôi nghĩ đến một lúc nào đó rồi cũng chẳng cần phải có người lái nữa. Lên xe, nhắm mắt, bấm nút, mở mắt, đến nơi. Thế là xong. Cách đây khá lâu, đọc báo thấy hình như cũng ở Nhật người ta đã có thể fax một bức tượng Phật bằng gỗ từ nơi này sang nơi khác. Có lẽ nay mai người ta có thể fax một con người! Và lúc đó, thật là hạnh phúc khi ta vừa ngồi đây làm việc lại có một ta khác ở một nơi khác... Cứ y như Tôn Ngộ Không nhổ sợi lông thổi cái phù. Ta cũng có thể thổi cái phù lắm chứ, tại sao không?

Xe qua mấy đoạn đường hầm tối thui, đèn mù mờ, rồi mấy đoạn đường đèo quanh co khúc khuỷu thì bỗng rơi vào một không gian khác, tĩnh lặng, thừa thốt, hoang sơ. Và ơ kia! Hoa anh đào! Ở một góc đường và, à... rồi... ở cả một đoạn đường dài hun hút rực rỡ cơ man nào là hoa và hoa! Hoa choáng ngợp! Hoa lạ lùng. Hoa buốt lạnh. Nhật nhòa mà rung rúc. Hồng hồng mà tuyết tuyết. Tôi kêu dừng xe, dừng xe lại...

Lần này thì navigator chịu nghe lời. Nó cho phép xe nép vào góc đường để tôi vội vàng nhảy ra khỏi xe. Tôi đứng nhìn trân trân hoa anh đào nhật nhòa mà rung rúc trước mặt như nhìn một cổ nhân. Có chút nghẹn ngào. Như đã từng ước hẹn! Tôi bấm liền mấy tấm ảnh. Làm như sợ nó tan biến. Ông bạn Miyazaki bỗng chiêm một tràng tiếng Nhật sáng khoái. Này giờ chúng tôi nói với nhau bằng một thứ tiếng Anh khá mới, bây giờ ông mới được chiêm một tràng tiếng Nhật hả hê bởi đã có MC. Cô

du học sinh Việt dễ mẩn đã nhanh nhẩu dịch: Ông nói bác may mắn đến giữa mùa hoa anh đào đang nở rộ! Chùng một tuần nữa hoa sẽ rụng hết! Nghe mà rụng rời! Suốt đoạn đường còn lại tôi chỉ lo ngắm. Một loài hoa lạ. Rực rỡ, choáng ngợp mà lạnh lùng. Chen chúc mà riêng tư. Rộn ràng mà kín đáo. Mong manh. Thanh thoát. Bỗng dưng tôi nhận ra tất cả cái đẹp của vô thường! Hoa có vẻ như không có mùi hương, hay không cần có mùi hương, hay hương rất thoảng vì đã pha trong màu mây, màu nắng, màu gió để rải đều khắp các rặng núi xa kia? Nó không quyến rũ bằng mùi hương mà quyến rũ bằng sự e ấp, dịu dàng. E ấp dịu dàng mà rộn rã ngây ngất. Thật lạ! Chỉ có thể tìm thấy trong tác phẩm của Kawabata. Trong hồn Nhật. Đẹp và buồn. Người ta thấy ở nơi này nơi kia cũng có hoa anh đào. Ở Washington DC chẳng hạn. Hoa đào ở đó cũng được chiết từ Nhật sang. Nhưng hình như nó rực rỡ, hào nhoáng, mà có phần hờn hĩnh, thiếu một chút gì đó, một chút hồn hoa! Ở Nhật người ta đồng hóa anh đào với mỹ nhân. Mỹ nhân tự cổ như danh tướng. Cái đẹp tức tuổi của những dặm hồng, của mong manh mà vĩnh hằng. Rồi cái màu tuyết bên lên tinh khiết điểm chút hồng thơ dại kia chợt gợi tôi nhớ đến Uy viễn tướng công! Hồng hồng tuyết tuyết. Mới ngày nào! A, đúng rồi! Phải gọi hoa anh đào là hoa “mới ngày nào” mới đúng. Mới ngày nào, những cành đào khẳng khiu kia như còn áp ứng với mùa đông thì nay đã nghiêm nhiên náo nức, báo hiệu xuân về. Hoa rủ nhau òa lên một lượt, xòe ra một lượt, làm choáng ngợp cả không gian, rồi trong lúc mọi người chưa kịp hết ngẩn ngơ thì hoa rủ nhau òa lên một lượt, rụng bởi bởi một lượt cho người ta luyến tiếc, ngậm ngùi.

Trường Đại học Sư phạm Hyogo xa Kobe đến hơn một giờ xe bus. Ở đây, đoạn đường không đo bằng cây số mà đo bằng thời gian. Hỏi đây đến Nagoya bao nhiêu cây số, người ta nói một giờ xe đầu đạn. Từ trường ra Kobe bao nhiêu cây số? Một giờ mười lăm phút xe bus. Vậy

thôi. Núi non trùng điệp, đường xá quanh co, khi xẻ núi khi lấp biển, ai biết gần xa? Đường chim bay hay đường đèo dốc, đường có ánh trắng trong lòng đá hay đường có nắng hoa đào? Ngồi trường ở trên một ngọn đồi tuyệt đẹp. Nhấp nhô từng khối nhà. Có cái vẻ hoang vu. Xa xa là núi rừng trùng điệp, lồ nhố hoa là hoa. Trên bãi nắng sân trường, cỏ xanh mượt, những cô sinh viên Nhật nhỏ nhắn xinh đẹp ngồi nép từng cụm dưới hoa, vừa sưởi nắng vừa ăn trưa. Có tiếng chim ríu rít rụt rè đầu đó. Cảm lòng không đậu, tôi cũng ngả lưng vào một cội đào để nghe cho hết tiếng thì thầm. *Rằng xưa có gã từ quan. Lên non tìm động hoa vàng ngủ say (PTT)*. Tôi không phải là gã từ quan, cũng không tìm động để ngủ. Tôi thức, thao láo thức. Tôi thử nâng một chùm hoa đào trên lòng bàn tay. Hoa tíu tíu bám vào từng kẽ ngón. Hoa bám rất chặt, như nịu lấy khiến tôi cũng giựt mình. Bỗng dưng từng cánh hoa run rẩy. Càng lúc run càng mạnh. Ô hay, chẳng lẽ? À, mà không, gió! Xin chứng giám, gió!

Chỉ mấy ngày nữa thôi, hoa sẽ rụng hết! Và, đúng vậy, chỉ mới mấy ngày bận bịu mà hoa đã lìa cành. Rụng cũng lạ! Rụng la đà, rụng lênh đênh. Rụng mà không khô, không héo, không tàn. Rụng là để rụng vậy thôi như nở là để nở vậy thôi. Rủ rê nhau nở đồng loạt, rồi cũng rủ rê nhau rụng đồng loạt, lóp lóp mênh mang. Nó lảng đãng rụng. Nó lơ dềnh rụng. Chập chờn lả tả. Như những cánh bướm. *Thôi thì thôi chỉ là phù vân. Thôi thì thôi nhé có ngàn ấy thôi (PTT)*.

Buổi tối, những rặng núi xa mờ, thăm tím từng từng lớp lớp đang xa kia. Ánh trắng thượng tuần huyền hoặc. Những cảnh đào khắng khiu nhô lên, vươn qua rặng núi, vút lên trời cao. Sớm mai, tiếng chim én ríu rít. Những con đường nhỏ lát từng cánh hoa đêm trước đã ngậm đầy sương.

Anh bạn trẻ Tanibayashi, hiền lành, nhũn nhặn, dễ thương, trường nhóm hỗ trợ nghiên cứu, lồm bồm tiếng

Anh, là người quản lý khu nhà quốc tế (international house) dành cho các chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh ngoại quốc đưa tôi nhận phòng. Khi bước vào phòng, sàn gỗ lát trơn bóng, tôi phạm một sai lầm nghiêm trọng: quên cời giày! Anh bạn cũng không tiện nhắc. Đến khi tôi nhận ra anh chỉ mang vớ, tôi mới giật mình, bước xuống bục tháo giày và anh nhìn tôi mỉm cười, tỏ ý biết ơn. Mới đến Nhật lần đầu, tôi đã dại dột mang giày có dây buộc! Ở Nhật, cứ phải thay giày dép xanh xao. Vào nhà, cời giày, đổi dép. Vào toilet, bỏ dép này đổi dép kia. Bước ra lại thay dép khác. Đi ra đi vào đi tới đi lui thay dép liên tục. Cho nên có lẽ khi cần phải nói đến cụm từ “thay như thay áo”, ở Nhật, ta có thể nói “thay như thay dép” cho chắc ăn! Tôi cũng tự chế đôi giày có dây buộc của mình ...toang hoác thành giày không dây cho tiện.

Phòng tôi ở tận lầu 4. Chiều tối, mở cửa ra ngoài. Đèn hành lang bật sáng. Lạ lùng, cứ mỗi lần tôi vừa bước đến hành lang của một tầng nào thì đèn hành lang đó lại bật sáng! Vừa qua khỏi thì nó tắt ngấm! Chắc có ai đó đang quan sát mình, nhìn ngấm mình, một người khách lạ phương xa lơ ngơ hay có ai đó đã quá tử tế, sợ mình trượt chân chẳng? Nhưng, cái quái quỷ gì thế! Ai mà theo dõi mình kỹ thế! Vừa chạm hành lang, đèn sáng, qua khỏi hành lang, đèn tắt! Thử đi thử lại mấy lần đều thế! Thì ra... nó tự động! Chẳng cần biết mình có muốn hay không, có cần hay không! Nó cảm ứng. Nó lập trình. Nó cóc cần mình! Tôi thấy hơi giận, hơi phiền. Mình ăn mặc luộm thuộm, nhếch nhác, muốn âm thầm đi xuống tầng dưới tắm rửa, giặt giũ ké ở phòng anh bạn đồng nghiệp đến trước, vì hệ thống gaz của phòng tôi trục trặc. Nhưng nó làm mình quê quá! Phía đối diện kia còn có cả dãy nhà cao tầng cho nữ sinh viên các nước, họ sẽ nghĩ thế nào khi thấy một ông “chuyên gia”... luộm thuộm đi giữa các hành lang sáng trưng!

Nhưng thực ra cái buồn phiền của tôi còn có gốc rễ

sâu xa hơn! Trời ơi, trăng nhàn nhạt, mây lang thang, những ngọn núi xa tít tắp sẫm màu, những cành cây chơi vơi nhô cao, rừng âm u, hoang lạnh. Những rặng anh đào buổi tối nghe có cái gì rờn rợn, lung linh. Trong khung cảnh hư hư thực thực đây cái vẻ lãng mạn nào nùng nịu như vậy mà đèn cứ bật sáng trưng rồi tắt ngấm từng cơn từng cơn như vậy có đáng trách không! Nó có cái gì đó máy móc, vô cảm, không hòa điệu với thiên nhiên. Bỗng dưng tôi tiếc ngẩn ngơ những giậu mồng tơi quê nhà! *Nhà nàng ở cạnh nhà tôi. Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn!*(NB). Nhờ trời, cái giậu mồng tơi xanh rờn đó tối om, không có đèn bật lên bật xuống kiểu này nên trai gái quê tôi mới có dịp hẹn hò những đêm trăng sáng, những tối trăng lu, mới có dịp rủ rỉ rù rì, rúc ra rúc rích. Chớ kiểu này thì còn làm ăn cái nỗi gì! Tôi chợt hiểu ra tại sao thanh niên Nhật không thèm lấy vợ lấy chồng! Hò hẹn ở đâu? Rúc rích ở đâu? Cho nên không lạ khi biết vấn đề đau đầu của Nhật hiện nay là trẻ thì không chịu lập gia đình, không chịu đẻ con, còn già thì cứ già hoài...!

Hình như con người càng chế tạo ra nhiều máy móc tinh xảo có tính người gọi là *humanoid* để phục vụ mình thì máy móc cũng “chế tạo” ra những con người có tính máy móc gọi là *robotoid* để hợp tác với nó chẳng?

Khi có dịp đặt chân lên đất Phù tang - một xứ sở thần tiên đầy phép lạ - tôi nhanh chóng nhận ra cái cảm giác cô đơn, lạc lõng, bơ vơ giữa chốn đông người, giữa một môi trường đầy máy móc bao quanh khiến mình phát hoảng.

Đâu cũng máy. Đã vậy, toàn chữ Nhật không mới chết chớ! Có người nói tại người Nhật sống trên đảo nên vậy! Không thích nghi thì ráng chịu! Lên taxi, vừa với tay định đóng cửa xe giúp bác tài thì bác đã gắt! Để nó tự động đóng. Việc gì phải mó tay! Việc gì phải... từ tẻ! Vừa đứng vào toilet, nước xả cái ào, chưa kịp trở tay nó lại xả cái ào, chẳng khác gì... chê mình là đồ làm biếng! Lại lung nhắt có lẽ là cái cầu tiêu tự động... xịt nước rửa ráy

các thứ cho mình. Nước nóng, nước lạnh, sấy khô, quạt mát.... Nhột chịu không nổi. Lạnh teo luôn. Nóng muốn rụi. Cứ bấm bấm, miễn là đừng bấm lộn! Toàn chữ Nhật! Bình nước sôi rồi mà rót hoài không ra. Phải bấm nút thứ nhất rồi bấm tiếp nút thứ hai, máy bơm mới chịu hoạt động. Đèn bàn rờ cái thì sáng, rờ cái thì tắt! May mà không có thần lằn, rần mỗi, dán, kiến các thứ... bò qua bò lại, chớ không đèn cứ tắt sáng hoài! Một miếng plastic xanh xanh đỏ đỏ ngoằn ngoèo như lá bùa dán trên tường. Đụng vào chỗ này thì nước nóng. Đụng vào chỗ kia thì nước lạnh. Không cần thận, nhảy dựng lên như chơi! Đâu cũng máy. Không có con người. Không có nụ cười. Cứ bỏ tiền vào máy, giấy cũng được, xu cũng được, ấn nút một cái là có thứ mình muốn. Thối tiền không thiếu một xu! Muốn đổi ý cũng được. Máy nhả ra trả lại đàng hoàng! Như có linh hồn vậy. Chỉ có điều một linh hồn giá lạnh. Không nói năng, không cảm xúc. Mua vé tàu điện ư? Cứ đến góc đường, bỏ tiền vô máy, ấn nhẹ, vé rút ra, lượm tiền thối! Lạ lùng là khi phải mua vé đi nhiều chặng, đổi nhiều ga, xuôi ngược nhiều bến, chỉ cần ấn nhẹ thì... một chiếc phong bì dày cộm lòi ra. Có đủ các vé cần thiết. Cứ y như có ai đang giấu mặt ở bên trong đó vậy! Chỉ thiếu nụ cười, vài lời trao đổi, vài câu dặn dò! Ở nhà ga thì máy soát vé lạnh lùng nuốt cái ọt đầu này, phun cái ọt đầu kia, có lúc lại nuốt chửng luôn, chả biết nó giở trò gì! Chỉ có con người mới tắt tả ngược xuôi. Rầm rập rầm rập. Nhấn nhấn nhó nhó. Chỉ có con người mới luôn luôn căng thẳng như sợi dây đàn. Người trẻ một chút, nhảm một chút là hồng hét. Máy thần nhiên như không, hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc! Đời sống con người vì thế như co cụm lại, co rúm lại, nhất nhất tuân thủ theo máy. Riết rồi cũng quen, thấy máy dễ thương! Không có không được. Trục trục thì chẳng biết xoay sở ra sao. Máy nó rầm rập. Không lơ đãng. Không nản nỉ. Không cảm thông. Và dĩ nhiên cũng không... tham nhũng. Con người tạo ra máy

rồi thích nghi với nó, chịu đựng nó, chịu chuộc nó. Nó mà không nghe thì chỉ có chết!

Một anh bạn Việt kiều sống lâu năm ở Nhật đưa tôi về thăm nhà. Cửa vừa mở đã nghe rú còi báo động làm tôi tưởng anh mở nhầm... nhà hàng xóm! Máy còi rú càng lúc càng dữ cho đến khi chủ nhà mò tìm được đúng chiếc chìa khóa nhét vào miệng nó! Nếu lỡ mất chìa khóa thì nó cứ rú cho đến khi cảnh sát tới! Một lần khác về đến nhà, bấm hoài cái remote mà cổng không chịu mở! Đành phải bấm cô sinh viên cao học ngồi bên cạnh nhờ xuống mở giùm. Cái remote này không những biết mở cổng mà còn biết cười rất dễ thương! Từ đó, mỗi khi xe về đến nhà chỉ cần bấm nhẹ remote lập tức nhảy xuống, chạy lại mở cổng, cười tươi. Chỉ khi nào remote ngủ gục như hôm đi thăm làng Atsuke về trễ thì mới phải bấm hai ba cái liên thôi!

Khi phải sống mãi ở một nơi “cực lạc”, một xứ sở thần tiên, có lẽ con người sẽ chán ngấy, sẽ mệt mỏi và có khuynh hướng tìm về cõi ta bà - cõi người ta - đây ô trước như Từ Thức trở về trần ngày xưa. Con người phải khổ đau mới biết thế nào là hạnh phúc, phải mới mòn để nuôi niềm hy vọng, phải gian truân mới cảm nhận vinh quang. Tuổi trẻ Nhật có lẽ đang gặp nhiều vấn đề từ đó. Và nền giáo dục Nhật đang nỗ lực phục hồi lại hồn Nhật, một tâm hồn đầy yêu thương, lãng mạn và phiêu lưu của những ngày xưa cũ, nên đã đưa vào chương trình những trà đạo, vũ điệu dân gian... cùng những Rashomon, những Ngàn cánh hạc...

Tháng 5/2007

DOC SÁCH

Lê Văn Thiện đọc *Mưa trên sông ĐăkBlá* (1)

KHÔNG GIAN TRUYỆN NGUYỄN LỆ UYÊN

Nguyễn Lệ Uyên quê ở Phú Yên, học ĐH Sư Phạm Cần Thơ, ra dạy tại Gò Công (1971), và lập gia đình với một “nhạn trắng” Gò Công (1973). Giai đoạn dạy học cũng là thời anh viết mạnh. Truyện ngắn của anh xuất hiện thường xuyên trên các tạp chí văn chương Sài Gòn lúc đó. Sau giải phóng, anh chuyển qua viết báo, viết biên khảo khá lâu... Năm năm gần đây, anh đã xuất bản 4 tác phẩm, gồm 2 tập biên khảo, 2 tập truyện ngắn. *Mưa trên sông ĐăkBlá* là cuốn mới nhất.

Tập sách không dày, 10 truyện, in kiểu chữ đẹp, trình bày trang nhã, bìa đẹp. 10 truyện ấy là nỗi nhớ trải rộng: từ một ông già lưu lạc, bầy chim, một người con gái và người bạn không hình dạng trong mối tình vô vọng, đến một người vợ là dân tộc thiểu số luôn nhớ rừng... Rồi hai người, một nam một nữ lại nhớ nhau qua *quả cầu rục rủa* vừa xa, vừa gần, thấp thoáng đan chéo nhau...

Chúng ta thử điem qua vài truyện tiêu biểu.

MỘT ÔNG GIÀ sống lâu năm trong Nam, lúc nào cũng nhớ về miền quê Phú Yên của mình, càng già càng nhớ còn cào. “*Ông có một nỗi nhớ khôn nguôi: nhớ quê, nhất là khi ngọn gió chướng thổi, lúc hiu hiu, lúc mãnh liệt như bàn tay vô hình bóp thắt tim ông từng cơn.*”. Gặp người bạn cũ, ông ngủ với bạn một đêm, hàn huyên, ôn chuyện xưa, để đỡ nhớ. Gặp đứa bé cùng quê vào bán vé số, ông mừng, hỏi nó đủ thứ, và cho nó tiền. Ông say sưa

nhắc đến những địa danh Đông Phước, Bầu Sầu, cầu Chùa, Phú Ân. Cái vùng quê xa xôi ấy có gì làm ông nhớ? *“Mùa gió nam non hắt tung những bông mướp vàng lay bay chấp chới, khi gió nam cõ cát cuộn bốc tận trời cao, cát bay mịn mờ suốt dải sông trong vắt. Ngọn gió hung bạo thổi tóc mái tranh, lật chống những ổ chim đồng dộc.”*). Đây là hình ảnh, hoài niệm về cổ hương của dân quê... Nhớ về Phú Yên là nhớ cầu Đà Rằng, tháp Nhạn, núi Chóp Chài, và Tuy Hòa, cái thành phố nhỏ “đi 5 phút đã về chốn cũ.” Cũng là nhớ về con sông cần cù mang phù sa bồi đắp cho vựa lúa lớn, sông Ba.

Mai đành xa sông Ba tóc dài

Tuy Hòa tình yêu anh gởi lại.

(Hoàng Nhuận Cầm)

Những trang dày đặc tình cảm mật ngọt, những dòng gan ruột dành cho quê mẹ. Và hình như, “nhớ” là chủ đề xuyên suốt chiều dài tập truyện này. **(Nhớ)**.

Chuyện về người phụ nữ vương phải cuộc hôn nhân như một cú lở lẫm tai hại. Đời sống vợ chồng quá ngắn, 29 tháng. Người chồng mau chóng lộ rõ chân tướng, là kẻ bê tha, độc đoán. *“Buổi tối, hắn trở về nhà với mùi rượu thối, mùi dãi thối trộn lại thành một thứ mùi lộn mửa. Hắn đổ vật lên nệm cùng với những gì từ trong bụng hắn trào ra. Nàng chết đứng giữa căn phòng tanh tưởi.”*. Người phụ nữ thấy mình bị phỉnh phờ, lừa dối. Chị lún sâu trong sự dày ải, khổ đau. Bao lo sợ, thất vọng, dằn vặt kéo dài, triền miên. Cuộc kết hợp mới 29 tháng, mỏng manh. Sau cùng, không còn chịu đựng được, chị bỏ đi, tìm cách giải thoát, cời trôi cho thân phận mình. *“Chị không biết mình sẽ đi đến đâu, trôi về xứ nào. Và cứ thế, chị bước trên con đường đất ngập đầy nước, bên tai nghe ù ù tiếng gió, tiếng mưa đổ, và cả tiếng lòng tan hoang của chị nữa.”*. Sau nhiều ngày đi, mệt mỏi, kiệt sức, chị lạc vào khu rừng ma quái, gặp những tượng đá hình người, chị sợ

hải, muốn quay về, nhưng đã muộn... Rồi chị cũng thành đá... Như vớ bị kịch ngắn, giá băng, xám ngoét. Chị là Tô Thị kiêu mới, hoá đá nhưng không trông chồng! Truyện kết thúc đột ngột khiến người đọc sững sờ với chút nhói đau kiếp nhân sinh bừa bộn, vung vãi cái xấu và cái tốt trộn lẫn. *(Người đàn bà chết trôi)*.

Sau trận đau nặng, anh Hậu lui về ở ẩn trong một căn nhà cuối hẻm. Anh đọc sách báo, làm vườn, trồng rau, và nuôi chim... Anh không mua chim quý, nuôi toàn những loại xoàng, tầm tầm, cốt để có việc làm, giết thì giờ. Bạn bè thấy lạ, có người chê anh không có mắt thẩm mỹ, chẳng biết thưởng thức cái đẹp. Anh bỏ ngoài tai. Đây chỉ là thú chơi phụ. Anh có cách nghĩ của anh. *“Vào rừng sâu, leo lên tận núi cao nằm gối đầu lên rễ cây mà lắng nghe chim hót. Giữa mệnh mông đại ngàn của rừng, tiếng xào xạc của gió núi, âm thanh róc rách của suối sâu, tiếng chim hót nghe phiêu phiêu ngọt ngào. Những âm thanh ấy cứ lan tỏa khắp đất trời, thấm sâu vào tận những vi ti huyết quản, lan xuống thấu đầu ngón tay, ngón chân, làm rung rinh những chân tóc.”*

Bầy chim anh Hậu nuôi cũng lạ. Chúng ở lâu với người, được cho ăn uống, đâm ra dạn dĩ, lười nhác, quen với thói hưởng thụ. Anh không đóng cửa lồng, chúng vẫn ở, không bỏ đi. Có điều, no nê quá, mập mạp quá, chúng không hót được. Không hót thì còn gì chim? *“Anh lại chun môi huyết sáo, con chóc mào đậu lên vai anh cất giọng khàn khàn. Đến cái bập bập môi, con chào mào thôi điệu bộ đến lượt chú cu cườm gật gù nhưng không ra tiếng. Quái lạ hơn nữa khi anh vỗ tay bồm bộp, tất cả các chủ chim của anh kêu khào khào trong cổ họng, nghe thâm thương.”* Một cách tiêu khiển hơi kỳ quặc và thậm đã man. Bạn anh nhận xét: đây là hai mảng của cuộc đời, hai mặt của con người. Đáng yêu và đáng giận. Nó như bức tranh cũ bợt bặt, lam nham, như một nghịch lý buồn

thăm. Và trong câu chuyện ấy, hìh như anh muốn bày tỏ nỗi buồn chán của người cầm bút bị trói buộc trong cảnh “chim lồng cá chậu?”. (*Bầy chim trước hiên nhà*).

Ba cô gái trẻ lên dạy ở một ngôi trường miền núi, tình nguyện giam cầm tuổi thanh xuân nơi thâm sơn đìu hiu. Bốn năm sống xa ánh sáng văn minh, ăn uống kham khổ, thiếu thốn mọi bề; cuộc sống diễn ra giống những hoạt cảnh về một nhóm người ở trên hoang đảo, bị phủ trùm trong sương mù.

“Mâm cơm chiều trở nên lạnh ngắt. Con mèo mướp ngồi chồm hổm liếc nhìn các bà chủ không hiểu có sự, kêu mấy tiếng meo meo rồi bỏ đi nơi khác. Thời gian cứ lách thếch bay qua đầu ba cô giáo bằng những chuyện không đâu như vậy, nó như chiếc kềm nhéo nhẹ vào da thịt, không thấy xước nhưng cũng gợn nhói lên chút đau tê.”

Truyện đề cập những chuyện có vẻ bình thường nhưng xảy ra trong hoàn cảnh đặc biệt, nên nó nổi lên đậm nét. Những chi tiết về sinh hoạt của các cô giáo viết nhẹ nhàng, không bị thăm hóa vấn đề, nhưng vẫn nói lên được nhiều điều. Các cô bị dồn vào chân tường. Họ không sợ khổ, không muốn rời trường, bỏ học trò. Họ sợ tuổi già, và sự vô tâm. Họ cũng khao khát tình yêu, cũng muốn có chút hơi hóm đàn ông trong những đêm lạnh ngắt khỏi núi: *“...những hôm trời lạnh dữ, nửa khuya Diệp cong người rúc vào ngực Trục, tiện tay mở cúc áo vắn về đầu vú, kích động cho nó căng cứng lên. Lúc đầu Trục cảm thấy nhột nhột, giận, nhưng rồi những cảm giác mới lạ, khó tả làm Trục tê rúm cả người và một nhòai trong giấc ngủ chập chờn với những giấc mơ về sự đụng chạm da thịt căng phồng niềm phấn khích bóng nhẫy”*. Đoạn văn thăm đắm những nỗi niềm. Một chút tàn nhẫn, khá nhiều xót xa.

Trong tận cùng ý nghĩ, ba cô giáo mong sớm về thành phố. Nhưng cách đi đường hoàng thì không đến. Lại

không thể bỏ các em học trò chân đất, bỏ cha mẹ chúng những người đang rất cần chút “chữ nghĩa” của ba cô... Và chuyện về xuôi gần như là chuyện hoang tưởng hay là giấc mơ lạ: *“Trước mắt họ là dãy núi xanh đậm nhô lên phía sau những ruộng bắp, những cánh đồng mía ngút ngàn kéo theo con sông nhỏ lượn quanh. Nhánh sông nhìn thấy từ bên nước sẽ hòa vào dòng sông lớn, dòng Krông Pa trôi xuôi ra biển, mang theo mùi hương núi rừng, mang theo giấc mơ khắc khoải.”*. Đoạn kết khiến người đọc xúc động. Không ai muốn sự việc diễn ra như vậy. Nó không có hậu, nhưng hợp lý, chẳng thể làm khác – Đời người cầm bút, nếu viết được ba truyện như thế này thì khỏe, khỏe quá. ***(Nơi không chỉ có khói núi)***.

Cô gái kể chuyện Tuy Hòa cho bạn trai (người Nam bộ) nghe. Cô kể dài, tỉ mỉ. Chuyện về những thắng cảnh, sông Ba, cầu Đà Rằng, làng hoa Ngọc Lăng. Chuyện về ăn uống, các đặc sản: bánh tráng, sứa, cá thòi bai. *“Anh ở đồng bằng thì làm gì biết con sứa? Nó là sinh vật sống ở biển... Mẹ mua toàn sứa chân, mang về chần nước sôi, trộn với rau thơm, chuối chát xanh, đậu phộng rang, da heo xức nhỏ, thêm chanh ớt, xúc vào chén ăn với bánh tráng nướng bóp nát. Nó ngon không thể chê vào đâu được.”*. Rồi lan man đến chuyện gió Tuy Hòa, thứ gió vừa dữ dội vừa lành mạn, chuyện mùa lụt, và những kỷ niệm tuổi thơ.

Tình yêu quê hương hiện qua những lời kể miên man, không đầu đuôi, trên từng dòng chữ. Dường như cô gái yêu mọi thứ của Tuy Hòa. Đây là những trang thư, nhưng viết chầm chậm như nhật ký, đầy ắp nhớ nhung, thương mến. Cô tự hào, tô hồng tí chút cho xứ sở mình. *“Thành phố của em đẹp mê hồn, rực rỡ trong nắng sáng trong vắt. Bên này là chân núi dựng đứng, bên kia thì xuôi ra gần đường quốc lộ... Con sông Chùa ngắn, nước ửng xanh màu ngọc bích, vắt ngang qua nửa ngực thành*

phổ in hết nét chì tô xanh quảng mắt, như tấm khăn của người thiếu nữ vắt qua vai thả rơi lưng lưng xuống ngực.”

Người bạn trai muốn cùng về để biết quê bạn, nhưng cô gái thấy chưa phải lúc. Dù vậy, chắc thế nào sắp tới anh cũng được về. Nên cô gái chuẩn bị sẵn cho bạn mớ hành trang, cung cấp cho anh cuốn “cẩm nang” Phú Yên, phong phú những đặc điểm về địa lý, thời tiết, lịch sử, tập tục, thật chí tình, dễ thương, hồn nhiên.

Truyện viết dưới hình thức những bức thư, nên đem đọc trong chương trình “Đọc truyện đêm khuya”, bằng giọng thủ thi, tôi nghĩ, sẽ gây được nhiều xúc cảm.
(Về Tuy Hòa).

Đọc hết tập truyện *Mưa Trên Sông ĐăkBlá*, ta mới thấy “vòm không gian truyện” của anh thật rộng, như lời bạt của nhà văn Cao Duy Thảo ở cuối sách.

Có gì cần góp ý ở đây? Cũng có! Nhà giáo quen sống ngăn nắp, mực thước. Nhà văn gốc giáo viên thường mang đặc tính ấy vào trang viết. Có những chỗ, những tình huống nếu tác giả tăng thêm một ít “nhiệt lượng”, ít nét đột biến, thì có lẽ truyện sẽ mới hơn, đậm đà hơn.

Nguyễn Lệ Uyên không lớn tuổi hơn tôi, nhưng tôi luôn coi anh là anh, vì Uyên điềm đạm, chín chắn; văn anh cũng thế, kiệm lời, cô đúc. Cầm cuốn truyện mới của anh trên tay, tôi mừng. Hơn 40 năm có mặt trên văn đàn (lúc dày, lúc thưa) là may mắn, hạnh phúc. Tôi mừng cho anh, cũng như đã mừng cho mình. Còn các việc khác, như sức lan tỏa của truyện tới đâu, tuổi thọ của sách thế nào, là chuyện về lâu về dài, chẳng có gì phải lo nghĩ ./

(Vạn Ninh, tháng 6/07)

(1) Tập truyện *Mưa trên sông ĐăkBlá*, Thư ấn quán, Hoa Kỳ 2007

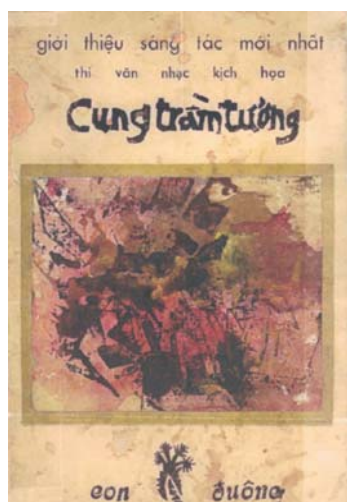
Sưu tập

Con Đuông và lục bát Cung Trầm Tưởng

Trước năm 1975, ở miền Nam có một hiện tượng sinh hoạt văn học nghệ thuật đầy ý nghĩa là sự xuất hiện của văn nghệ địa phương mà chúng ta quen gọi là "văn nghệ tỉnh lẻ". Tuy là "tỉnh lẻ", nhưng không phải vì vậy, mà nội dung lại không dồi dào phong phú. Có một vài lý do để cắt nghĩa. Hầu hết, những cây bút tỉnh lẻ thường là những cây bút rất quen thuộc với các tạp chí thủ đô. Thứ hai, tình văn nghệ tỉnh lẻ thật ảm áp, thân tình. Họ sinh hoạt thơ văn đều đặn. Họ ra đặc san, hay tạp chí. Họ xem văn chương như niềm vui, không đặt nặng vào lợi nhuận. Có khi họ lập nhà xuất bản, in ấn bằng phương tiện roneo, bìa vẽ bằng tay, chỉ dành tặng thân hữu. Điển hình là nhà xuất bản Con Đuông ở Cần Thơ.

Con Đuông đã xuất bản những tập thơ của một vài tác giả rất quen thuộc như Bùi Đức Long, Cung Trầm Tưởng v.v... Chúng tôi may mắn có phó bản tập thơ Lục Bát Cung Trầm Tưởng do nhà thơ Thành Tôn gửi tặng. Anh đã mua từ vỉa hè chợ bán sách báo cũ ở SG sau 1975. Trên trang trong, có lời đề tặng của một người tên Dũng tặng cô chủ quán cà phê

Tập thơ in bằng roneo, bìa được vẽ tay bởi họa sĩ Lê Triều Điền (100 tập). Có một số bài thơ lục bát chúng tôi tìm không thấy trong các trang nhà trên Mạng hay trong các sách tham khảo mà chúng tôi hiện có.



Trên tạp chí Thời Tập chủ đề Tường Niệm Phan Khôi ngày 15-1-1974, nhà thơ Viên Linh đã viết về không khí sinh hoạt văn học nghệ thuật tỉnh lẻ này qua buổi ra mắt tập thơ Cung Trầm Tường tại Cần Thơ.

Xin được sao lại 4 trang có liên quan đến buổi sinh hoạt để giúp bạn đọc có cái nhìn rõ hơn về không khí sinh hoạt văn học nghệ thuật miền Nam trước 1975.

Mặt khác, chúng tôi cũng sưu tập được một số bài thơ lục bát rất hiếm của Hoàng Hương Trang. Những bài thơ này đã một thời gây sôi nổi vì lẽ lần đầu tiên có một người thơ nữ đã cho ra mắt một thi phẩm chuyên về say (Túy ca).

VIÊN LINH

NHẬT KÝ

17-2

Chuyến đi được báo trước không hơn nửa ngày. Anh Ngự Cao Uyên muốn có một vài anh em ở Saigon vào đêm ra mắt những tác phẩm do Con Đường dẫn hành tại Cần Thơ. Anh Cung Trầm Tưởng cũng muốn có thêm một bạn đồng hành trong chuyến đi đúng 9 giờ sáng hôm sau. Bàn lại công việc tờ tập san và nhà in với anh Lê Tài Điền và Nguyễn Mai, tôi nhận. Và chẳng cái tiếng cười của Cung Trầm Tưởng nghe nhột quá: tiếng cười hăng hắc khi nghe tôi nói hình như tôi chưa tới Cần Thơ bao giờ. Không, đã một lần, tôi nói lại. Bao giờ? Nếu không làm thì cách đây khoảng... mười sáu năm (Có phải cuộc đua xe đạp vòng quanh 6 tỉnh miền Tây Nam Việt trong một chiến dịch gì đó như là chiến dịch Phương Hoàng do ông Trung Tá Dương Văn Minh làm Tư Lệnh đã diễn ra vào năm 1956?) Tôi đã đi theo cuộc đua ấy, và đã qua Cần Thơ. Trong trí nhớ tôi, đó là một cái tỉnh nhỏ nằm bên một con sông lớn, rất xanh bóng dừa... Cung Trầm Tưởng vẫn cười, vẫn không thay đổi tiếng cười, và còn thêm: Anh càng nên đi để xem Cần Thơ bây giờ khác Cần Thơ hồi đó những gì. Từ mờ sáng ngó ra đường. Mưa. Có điểm gì chẳng mà suốt mấy tháng không mưa, hôm nay đột nhiên lại mưa, một thứ mưa ướt mặt đường? Với chiếc sắc tay, hai bộ quần áo, tôi tới Tân Sơn Nhất. Có ông Trung Tá Hoà của tờ Cảnh Thép cùng đi. Đây là lần thứ hai tôi trèo lên một chiếc Cessna 4 chỗ ngồi. Lần trước là chuyến đi chơi Miền Trung 8 ngày, tới Nha Trang với Nguyễn Văn Định, đi Quý Nhơn thăm Lê Quỳnh, vào Bình Định với Nguyễn Kim Phụng. Lần này, tôi ngờ rằng mình sẽ phải lên trước ánh đèn, với cái micro.

Dưới 1000 thước là Cai Lậy. Mỹ Tho. Ông Hoà chỉ cho chúng tôi xem những hố bom B 52 trên một vùng cây cối, hai bên bờ một con sông. Trông như những miệng

núi lửa trên mặt trăng trong những tấm hình chụp từ Apollo, chỉ khác là có nước. Kia là Vĩnh Long (Vĩnh Long, nơi tôi thế nào cũng trở lại. Mưa. Châu Thành vòng vòng. Nước trắng xóa).

Bốn mươi lăm phút sau khi cất cánh chúng tôi tới phi trường Bình Thủy. Người họa sĩ tốt bụng đưa xe Jeep tới mang cả bốn về văn phòng. Cần Thơ cũng mưa hôm đó. Vào phòng tôi có nói với Ngự Cao Uyên: Anh em ở Saigon rất ngạc nhiên, rất thích việc làm của anh qua Con Đường: đó là những tác phẩm thật công phu bằng sức người. (1)

13-2

Khoảng 8 giờ tối, chúng tôi tới quán Thăng Cuội nơi ra mắt những tác phẩm của Con Đường. Tám poster pheta ngoài, dưới ánh đèn mờ, đọc thấy: Cung Trầm Tưởng. Viễn Linh. Thanh Nam. Bùi Đức Long. Trần Hoài Thư. Ngự Cao Uyên. Trong số những người này không có Thanh Nam, và Trần Hoài Thư chỉ có mặt nửa tiếng sau đó. Anh vừa từ xe đồ bước xuống, sau một lộ trình đất Huế-Saigon, Saigon-Cần Thơ. Anh lên đường từ sáng sớm, và may mắn về tới Cần Thơ chỉ trước nửa tiếng đồng hồ khi phải bước lên bục gỗ.

Ngự Cao Uyên khai mạc đêm Con Đường. Vững chắc, khỏe mạnh, trẻ trung trong chiếc sơ mi họa màu xanh tím, chặn lại bởi chiếc giầy lưng da to bản, xuống đến chiếc quần ống rộng, anh là chàng trẻ tuổi của thủ đô lạc xuống Miền Tây. Và phát triển văn nghệ giữa đồng bằng. Anh nói với thính giả: Tại sao Cần Thơ chưa là một thành phố văn hóa? Tại sao không đặt tượng giữa công viên? Trang sân trường? Nhóm Con Đường hoạt động là có một phần hy vọng góp mặt và thúc đẩy những cái tại sao ấy. Rồi Cung Trầm Tưởng được giới thiệu, thơ.

(1) Sách Con Đường chỉ in có chữ bla, còn tranh vẽ tay từng cái một của Lê Triều Diên, ruột quay conóc trên giấy trắng dày, mỹ thuật và đồng đều, nghiêm cẩn. Mỗi tác phẩm chỉ in hình từ 60 tới 100 bản không bán. Có bài giới thiệu của Ngự Cao Uyên, có tiêu đề và chân dung tác giả thỉnh chụp đến vớ tít; do chính tác giả viết lấy.

Tưởng được đọc, được ngâm, bởi những người yêu thơ anh. Thơ thuần túy hoặc thơ do Phạm Duy phổ nhạc. Giọng Nguyễn Hiền Lương rất khoẻ. Lúc Tưởng được mời lên bục gỗ, chàng dốc ngay, bởi vì lâu lắm mới lại thấy một không khí văn nghệ bất vụ lợi như thế. Rồi chàng đọc thơ mình, những bài lục bát dần dần việc làm mới lục bát ở Miền Nam cách đây trên mười năm. Sau tới tôi. Cũng được giới thiệu, được đọc, được ngâm. Trần Kiều Bạt yêu lục bát lắm mới đọc lục bát được như thế. Lúc lên bục gỗ, tôi nói: những câu hỏi tại sao của Ngý Cao Uyên đang được trả lời, bởi vì Cần Thơ bây giờ khác Cần Thơ những năm trước. Miền Tây bây giờ khác Miền Tây thuở xưa: Bây giờ các tỉnh đã có Đại Học, sinh viên viên đã về học ở tỉnh nhà, ở miền nhà, không còn đồ tới Sài Gòn, không còn phải «du học» Huế hay Đà Lạt nữa. (Như 30 năm trước, Sinh Viên Miền Nam phải du học Hà nội). Bây giờ Đại Học đã có ở gần khắp, bây giờ văn hóa ở tỉnh phải lên. Sau đó là thơ Thanh Nam, thơ Bùi Đức Long, Trần Hoài Thu và Ngý Cao Uyên lên bục gỗ. Xen lẫn giọng ca rất vững và đậm ấm của Dũng, màn đọc tấu Tây Ban Cầm của một chàng Chuần Úy trung niên rất mê văn Thanh Tâm Tuyền (những nhân vật gì lạ quá.) Cũng có nữ ca sĩ. Cũng có tiếng sáo tiếng tiêu, và sau hết, có một màn phụ lục của ông Trung Tá Dương Diên Nghi, cầm vịnh Cần Thơ phong phú và Quốc Lộ 4 nhện nhíp xe pháo.

Đêm đó, chúng tôi thức thật khuya trong ngôi nhà thanh vắng của Ngý Cao Uyên — cách Cần Thơ 10 cây số. Lúc về thấy trăng trong và trời đêm xanh. Ông Hôe nói chuyện hội họa thật hăng. Từ hội họa Đức với Klee tới hội họa Huế Kỳ với Pollock. Từ hội họa Nga với Kandinsky tới hội họa Hòa Lan với Mondrian. Từ hội họa có hình đến hội họa trừu tượng. Rồi ngừng lại ở Leonard de Vinci với danh tác La Joconde vẽ nàng Mona Lisa. Ngý Cao Uyên hỏi chúng tôi: phải giải thích thế nào với tấm tranh được cả thế giới nói đến đó? Mỗi người một giải thích. (Về Sài Gòn tôi hỏi lại Lê Tài Điền, người cũng như Uyên đã được thấy tận mắt tác phẩm trên tại

Viện Bảo Tàng Louvre ; Điện nói tại cặp mắt Mona Lisa, cặp mắt nhìn theo ta mãi dù ta xoay trở thế nào mặc lòng.) Cuối cùng Con Đường bự bàn tới Thi Ca, ehê Bà Huyện Thanh Quan không biết màu sắc là gì : cả bài thơ tả cảnh Đèo Ngang không tìm thấy một tí màu nào hết trời.

23-2

Tại Thời Tập, chúng tôi bàn với nhau : sẽ thay phiên về các tỉnh tham dự những buổi họp mặt văn nghệ, những đêm đọc thơ được tổ chức tại các địa phương • Gần nhất : rất mong được anh em Đà Lạt, Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn hay Nha Trang nhân gọi. Thế nào cũng có mặt.

Thơ Suu Tập

Cung Trầm Tường

Nghìn xưa (1)

hôm nay trời quá đìu hiu
ngày đi sớm để tiêu điều quán không
vang núi dội sông
chiêng khua rừng rú
vọng buồn lính thú
trọng hồn mệnh mong
hồn se như sóng đầu sông
cuối heo mây lạnh mùa đông xám về
vội vàng thôi áp đăm mê
đốt lên cho bớt nỗi nề nghìn xưa

Chiều (1)

Ngày lẫn bóng quá lưng đeo
cây hoen lá thắm, xóm nghèo quán không
cồn tro biếc núi ngời trông
sương giăng xóm ngủ, mù buông lũng chiều
thuyền nằm, bến cũng xiêu xiêu
con sông tới giấc mắc triều lên nhanh
hồn tôi cái đĩa trâu thanh
tròn nguyên nét nhạc, trung thành ý ca
đồ re mi pha xon la...
ngấm từng âm điệu nghe ra chiều buồn.

(1) trích từ Lục Bát Cung Trầm Tường – Con Đường xuất bản

Thơ Suu Tập

Hoàng Hương Trang

trăm ca 5

Có quên nhưng vẫn nhớ hoài
Cổ say để đuổi bóng người khỏi tim
Rượu càng say, người khó quên
Ô hay, tình đã khắc lên cuộc đời
Dấu nào Lạc-Án trên tôi
Dấu nào ghi đậm, dấu hoài chẳng phai
Tình tang ! ta cất chén mời
Nghêu ngao gõ nhịp, quên người quên ta

Soi Gương Uống Rượu

Cho ta thêm chén tình đau
Cho ta thêm khói thuốc màu nhớ nhưng
Đắng cay đầy chén âm thầm
Khói cao mờ mắt một lần gọi tên
Rượu vào những tưởng vui quên
Ai ngờ men ngấm tình thêm nhớ tình
Soi gương uống rượu một mình
Ngắm ta ảo ảnh lung linh chợt cười
Cất cao tiếng gọi "hỡi người!"
Khói bay mờ tỏ vầy đời ta sao !
Trong gương ai đó mời chào
Chén cao, chén thấp, chén nào cho nhau ?
Ô hay ! rượu đắng tình đau
Người trong ảo ảnh cũng sầu như ta

Rượu hay nước mắt chan hoà
Ai say, ai khóc là ta hay người ?
Môi nào tan vỡ nụ cười
Môi nào chết lịm một đời bơ vơ
Dung nhan ngày tháng phai mờ
Rượu say, thơ chết hững hờ cổ nhân
Bước cao, bước thấp cuồn chân
Tay đưa, tay rút, tay nâng chén mời
Say đi, say để quên đời
Uống cho biển cạn sông rơi bỏ sầu
Uống cho lịm chết ngày sau
Cho quên ngày trước, cho nhàu thời gian
Tình ta đã lỡ trái ngang
Soi gương nguyên rửa dở dang chén thề
Người trong ảo ảnh si mê
Cũng say sưa đấy, đừng chê ta cuồng
Đập tan chén, rượu tràn tuôn
Chén tan, gương vỡ, nỗi buồn chưa vơi
.....
Người trong ảo ảnh mất rồi
Ta say, ta hát quên đời có ta

Uống rượu trong mưa

Tay nâng hứng giọt trời cao
Chén đầy thương nhớ, xin trao tới người
Uống say chén lệ đầy vơi
Rượu hay mưa ướt tình người tình ta
Mưa từ năm cũ mưa sa
Rượu từ ngày cũ chưa là cổ nhân
Mưa cho ướt chiếu chăn nằm
Say cho quên hết đừng cầm hận gì
Trong mưa lầm lũi bước đi

Trong men chếch choáng ta vì nhau say
Mong cho mưa ngập lối này
Cho ta ngã xuống liệm đầy nước mưa
Rượu pha nước mắt tình xưa
Ta say đã mọi, người chưa thấy về
Uống cho mắt lạnh môi tê
Uống cho thân xác ê chề đón đau
Con mưa đã rượu vơi sầu
Lại đông chén nữa say nhầu trong mưa.

Giữa TQBT

và

Bạn Đọc

1/ Nhà văn TRẦN YÊN HÒA: rất vui khi nhận được những sáng tác của anh gửi đến. TQBT đi một bài của anh trong số này. Những bài còn lại sẽ đi lần lượt đi vào những số sau. Chúc khỏe.

2/ Nhà thơ LÊ PHƯƠNG NAM (VN): Truyện ngắn của cậu đọc thích lắm. TQBT sẽ có thư riêng cho cậu sau số 30 này

3/ Nhà văn THU HƯƠNG, nhà thơ VƯƠNG HỒNG NGỌC (Seattle): bài sẽ đi vào số sau (31) . Chúc khỏe.

4/ Nhà thơ: HUỲNH HỮU VÕ, NGUYỄN NHỎ CHÂU, ĐOÀN NGỌC KIỀU ANH, ĐOÀN CHINH NAM. ĐOÀN XUÂN THU, HỒ THANH NGÂN, LÂM THÚY, TRẦN MẶC HOA HUYỀN. Rất vui khi nhận được những sáng tác của các bạn. Sẽ sắp xếp đi vào những số sau. Cho gửi lời thăm và chúc khỏe.

5/ Nhà thơ PHƯƠNG TẤN: Đạo này có khỏe không? Sao thấy ít gửi mail cho nhau. Những bài thơ của anh TQBT sẽ lần lượt đi. Trong số này đi bài “Nắng Hẹn”. Chúc vui.

6/ Nhà thơ KHÊ KINH KHA: Sức khỏe bạn thế nào, cho biết với. Mùa đông đến rồi đó. Có dự định “di nam” về Houston không? Khi nào đi cho hay . Đi bài: Ngủ Đi Em trong số này.

7/ Nhà thơ ĐỖ HỒNG NGỌC: Nghe nói sức khỏe của anh bình phục, anh em rất vui. Lâu không nhận được tin tức gì của anh. Nay nhận được bài viết: Về Xứ Hoa Đào...khi anh đi Nhật. Đọc rất thích và đi ngay trong số này. Nhà văn Trần Hoài Thư gửi lời thăm anh và nhớ những kỉ niệm xưa khi còn ở quê nhà. Thân.

8/ Nhà thơ Trạch Gầm:

Đã nhận được thi phẩm Vụn Vặt do anh Phan Bá Thụy Dương chuyển. Rất vui khi được biết anh cũng đã từng ở bộ phận Thám Kịch như tôi. Đọc lại mấy câu anh viết:
thằng thám kích nào hoạt động chẳng cô đơn
...sau cái bắt tay...

cũng có thể thay lời từ biệt.

bỗng nhiên muốn lạnh mình. Chúng ta còn sống sót đến ngày hôm nay kể là phép lạ. (THT)

9/Nhà văn Đình Lâm Thanh: Đã nhận tác phẩm mới nhất của anh: *Đôi Đồi*. Xin chia vui cùng người bạn học cũ.

10/ Nhà văn Thảo Trường: Cảm ơn anh đã tặng sách. Tôi đã chuyển lời chúc đến anh em trong nhóm chủ trương.

11/Anh Phạm Trọng Sách,: Chúng tôi rất cảm kích trước những tình cảm mà anh đã dành cho TQBT và anh em chủ trương. (THT)

Nhắn tin:

- NGUYỄN MINH (VN): Dạo này sức khỏe như thế nào? Ít thấy bạn liên lạc. Lữ Quỳnh về chắc là vui lắm . Có gì nhắn qua Lữ Quỳnh khi LQ về lại bên này. Cho gởi lời thăm bạn bè bên nhà.

- Các bạn bè thân hữu xa gần:

Hiện tại tôi và nhà thơ Thành Tôn đang xúc tiến việc Suu Tập cho Bộ sách Di Sản Văn chương miền Nam: *Một Thời Lục Bát Miền Nam* (1960-1975). Chúng tôi đã suu tập được 180 tác giả. Sách dự trù ra trước Tết Âm Lịch. Mong sự hợp tác của quý bạn. Đặc biệt quý bạn nào còn giữ hay biết những bài thơ lục bát trước 1975 của Nguyễn Tất Nhiên xin vui lòng sao chép và gởi về chúng tôi. Xin đa tạ. (THT)

* Thư từ bài vở gửi cho TQBT xin đừng gửi cho báo nào khác. Dù trên mạng hay dưới đất.

* TQBT chỉ nhận qua email hay cd. Không nhận bài viết tay gửi qua bưu điện.

* Xin gửi về địa chỉ:

1/ tranhoaitu@verizon.net

2/ phamvannhan1942@yahoo.com

Địa chỉ liên lạc để nhận TQBT

Trần Hoài Thư

P.O.Box 58

South Bound Brook

NJ 08880

